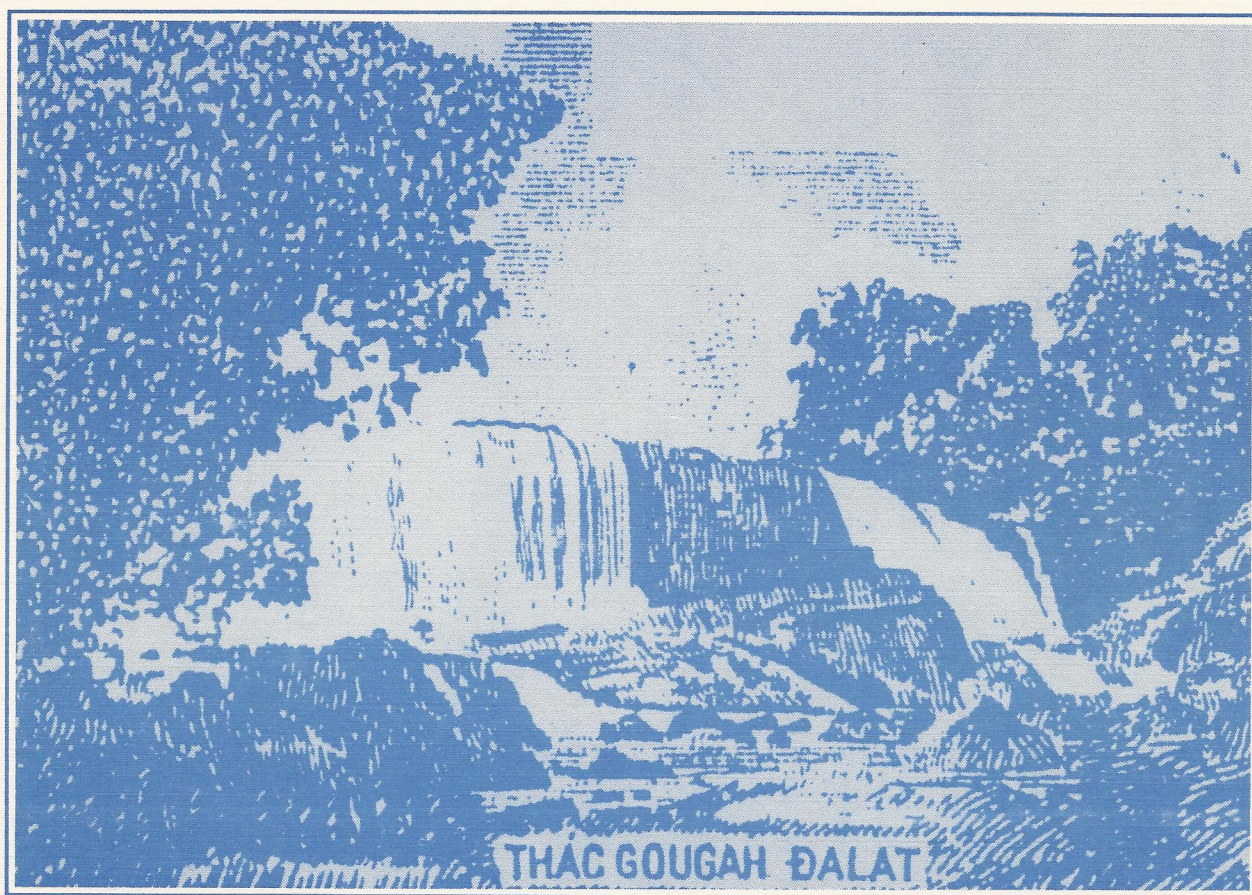


Là Thư

EX

ÁI HỮU CÔNG CHÁNH



Xuân Nhâm Thân

Năm Thứ 17

Số 54 • 01/92

Lá Thư Ái Hữu Công Chánh

BAN PHỤ TRÁCH LTAHCC, NĂM 1991

Một số Ái Hữu Liên Khóa Công Chánh 1957, 1958 Bắc Cali

ĐẠI DIỆN CÁC ĐỊA PHƯƠNG

- Louisiana AH Phan Đình Tăng
- Hoa Thịnh Đốn AH Đồng Sĩ Tùng
- Nam Cali AH Lê Khắc Thí - Lý Đái
- Bắc Cali AH Tạ Huyền, Trần Sĩ Huân, Bửu Hiệp
- Texas AH Vũ Quý Hảo
- Washington AH Hà Quốc Bảo
- Oregon AH Trần Mộng Châu
- New York AH Trương Minh Viễn
- Massachusetts AH Nguyễn Hữu Tuấn
- Florida AH Lê Thanh Tòng
- Indiana AH Nguyễn Khoa Long
- Oklahoma AH Ngô Anh Tề, Nguyễn Đình Viễn
- Colorado AH Nguyễn Tâm Trí, Mai Văn Ký
- Missouri AH Nguyễn Thành Thiệt
- South Carolina AH Hồ Đắc Cáo
- Toronto (Can) AH Lê Sáu
- Canada AH Phạm Hữu Vĩnh, Đào Trọng Cương
..... AH Nguyễn Bách, Nguyễn Văn Khoa
- Pháp AH Khúc Đản, Phan Văn Lâm
- Úc Đại Lợi AH Lê Cảnh Túc, Trần Văn Anh
- Norway AH Nguyễn Hương Hữu, Lê Văn Ký
- Phi Châu AH Nguyễn Sĩ Tín

BAN BIÊN TẬP

Tất cả bài vở đều do Ái Hữu khắp năm châu gửi về.

Ban Phụ Trách sẽ chọn lọc và sắp xếp, để đăng cùng với những mục: Trả lời thư tín, thay đổi địa chỉ, cập nhật danh sách, hỷ tin, ai tin, cùng những tin tức sinh hoạt của AH khắp thế giới.
đồng thời cố gắng làm cho Lá Thư được khởi sắc, phong phú.

Thư từ, bài vở và chi phiếu ủng hộ Lá Thư, xin gửi về:

LÊ KHẮC THÍ

25572 Nottingham Court

Laguna Hills, CA 92653

Tel: (714) 582-3075

Thư Chúc Tết



Nhân dịp đầu Xuân, Lá Thư xin gửi đến tất cả Ái Hữu và bữu quyến lời cầu chúc khang an thịnh vượng cho năm Nhâm Thân và lời chúc hướng về Việt Nam sớm trở lại Tự Do, Thanh Bình và An Lạc. Sau đây Lá Thư xin đăng hai câu đối và một bài thơ của Ái Hữu Tôn Thất Thiệu để thân tặng tất cả các Ái Hữu Công Chánh và cũng để nói lên một phần nào những tủi hận của những năm xa xứ và những ưu tư và ước vọng một "Chút Gì Cho Quê Hương" của chúng ta.

CÂU ĐỐI:

Nửa mối giang sơn loang tủi hận
Trọn niềm dân tộc sánh tình thương

Tết đến xôn xao mơ hậu chiến
Xuân về thao thức nhớ tiền nhân

THƠ:

CHÚT GÌ CHO QUÊ HƯƠNG

Lũ chúng ta ôm một bờ chí khí
Giữa tao loạn, đầu thai lắm thế kỷ,
Súng đạn bay gầm thét khắp kinh thành,
Sóng đại dương tràn ngập bóng binh minh,
Thuyền tử xú trôi dạt dào trốn tránh

Bạn cùng tôi lạc về nơi tiên cảnh,
Mỗi gia đình cư ngụ một niềm tin,
Bao quân hưng vong thế giới nổi chìm,
Phút kiêu bặt vẩn vương tình dân tộc

Không màng chi những lợi danh siêu thực,
Những công hầu chưa kịp ghép lên tranh,
Thời gian trôi phút chốc lại tan tành
Thân bèo bọt mơ chi về khanh tướng.

Phát triển quê hương giấc mơ hậu chiến
Giữa kho tàng sao mộng ước mơ xa,
Tương lai đây vùn xối khỏi còn ngờ,
Un chí khí những tâm hồn son trẻ,

Con bạn, con tôi mầm non thế hệ,
Lật từng tờ trang sử của quê hương,
Đừng quên đi đạo lý với luân thường,
Với chiến thắng Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ

Với Quốc hận xóa nhòa Tôn Sĩ Nghị,
Bóng cờ lau phát phối giữa Đình Triều,
Nguyễn Trãi công thần không chút tự kiêu.
Bạn là gái, mơ là Bà Trưng, Bà Triệu,
Xã tắc còn đây vẩn còn tôn miếu,
Sẽ có ngày Con trở lại quê hương.

Thay mặt Lá Thư Công Chánh

LÊ MỘNG HÙNG

Số Táo Quân Ái Hữu Công Chánh Miền Bắc California

BỮU HIỆP



Kính tâu Ngọc Hoàng,
Thần đây là Táo,
Ái Hữu Công Chánh
Khắp bốn phương trời
Quy tâu dưới bệ,
Cầu chúc Thánh Hoàng,
Năm cũ sắp qua

Năm mới gần đến,
Phước lộc muôn vàn,
Tuổi trời muôn thuở.

Thần xin dâng sớ,
Kể rõ sự tình,
Ái hữu khắp nơi,
Từ Mỹ đến Phi,

Từ Âu sang Á,
Từ Gia Nã Đại,
Sương mù tuyết phủ,
Đến Úc Đại Lợi,
Đất rộng người thưa,

Trước hết lá thư,
Do ban phụ trách,
Thuộc khóa năm tám,
Cùng khóa năm bảy,
Mộng Hùng đại diện,
Gồm có Đăng Thịnh,
Nguyễn Thiệp, Thất Thiệu,
Ngọc Diệp, Hữu Tất,
Văn Định, Thành Trang,
Thúc Giảng, Xuân Hoàn,
Bá Quyên, Huỳnh Quế,
Còn thêm chưa kể,
Các bạn gần xa,
Đem hết tài ba,
Dồn công, dồn sức,
Không ngại giờ giấc,
Ra số năm hai,
Rồi số năm ba,
Lá thư trở sắc,
Lá thư thêm hoa,
Ái hữu gần xa,
Hết lời ca ngợi,
Tất niên đã tới,
Mộng Hùng lại lo,
Điện thoại nhỏ to.
Cho thêm bài nhé,
Ngân khoản cạn dần,
Đóng góp thêm đi,
Chỉ còn số ni,
Lá thư tạm biệt,
Đưa con ra cửa,
Mẹ nghĩ mông lung,
Con là con mẹ,
Dâu là dâu người,
Trước gió chơi vơi,
Như tấm lụa đào,
Con đi giữa chợ,
Biết vào tay ai.

Thần tấu lại rai,

Tấu qua chuyện khác,
 Ái hữu miền Bắc,
 Ca-li Huê Kỳ,
 Hội họp đôi khi,
 Hàn huyền câu chuyện,
 Ái hữu Tạ Huyền,
 Cùng bác Mạnh Hoàn,
 Lương Ngôn, Bá Đình,
 Bốn vị trưởng tràng,
 Rất tình ái hữu,
 Hợp luôn có mặt,
 Không thiếu hôm nào,
 Phiên họp lao xao,
 Các chị, các bà,
 Các cô các cậu,
 Ái hữu cao niên,
 Ái hữu trung niên,
 Ái hữu tráng niên,
 Ái hữu tay bằng,
 Ái hữu tay dất,
 Từ các ngã đường,
 Sacramento,
 San Francisco,
 Monterey,
 El Cerrito,
 Stockton,
 Oakland,
 Ở đâu cũng đến,
 Trông thật là vui,
 Trông thật là nhộn,
 Ai nấy bận rộn,
 Việc này việc kia,
 Đầy đủ khuôn mặt,
 Không thiếu một ai,
 Hữu Minh, Như Tường,
 Sĩ Huân, Đình Duật,
 Văn Ngân, Xuân Mộng,
 Bất Nhượng, Đình Phùng,
 Trọng Anh, Xuân Hùng,
 Chí Dục, Mạnh Diễm,
 Đình San, Trần Quốc,
 Bửu Hiệp, Nhựt Tân,
 Quang Bê, Hữu Dục,
 Văn Phương, Kim Thắng,
 Phú Cường, Văn Chi,

Thất Ngộ, Văn Vinh,
 Quách Anh, Huy Tuấn,
 Sĩ Đưa, Hải Bằng,
 Phong Quan, Anh Tuấn,
 Ngọc Thu, Hữu Dũng,
 Việt Hân, Thủy Tiên,
 Phương Thành, Bích Liên,
 Tăng Chương, Thanh Phương,
 Đại Tiêu, Văn Cuối,
 Đặng Quế, Đức Phương,
 Anh Tuấn, Thanh Hải,
 Mỹ Chi, Mỹ Hằng,
 Mỹ Trang, An Lê,
 Đủ cả vấn đề,
 Đem ra bàn cãi,
 Tái thiết kiều lộ,
 Việt Nam sau này,
 Thời hậu Cộng Sản,
 Sĩ Huân, Thất Ngộ,
 Cha sinh dự án,
 Dày công nghiên cứu,
 Xin một chấm son,
 Đình Bon tiến sĩ,
 Lại chọn thủy năng,
 Lấy nước làm lực,
 Thấp sáng thôn quê,
 Lấy lực chạy máy,
 Máy giã, máy xay,
 Lúa ơi, lúa ơi,
 Vui quá là vui,
 Lúa sẽ thành gạo,
 Nuôi sống nhân dân,
 Hạnh phúc toàn năng,
 Quê hương xứ sở,
 Chính trang lãnh thổ,
 Tổ chức quy mô,
 Ái hữu Văn Thu,
 Đề ra tổ chức,
 Tổ chức khoa học,
 Tổ chức nhân sự,
 Tổ chức công sở,
 Tổ chức tư sở,
 Tầm gần, tầm xa,
 Lại nói thêm ra,
 Vấn đề dầu hỏa,

Ái hữu Nguyễn Phùng,
 Lập bản thống kê
 Khả năng dầu hỏa,
 Bạch Hổ, Đại Hưng,
 Rồng Bàng, Côn Sơn,
 Và nhiều nơi nữa,
 Số lượng lơ mờ,
 Chưa gì chính xác,
 Tàu qua chuyện khác,
 Thần tấu miền Nam,
 Ca-li đông đảo,
 Los Angeles,
 Sài Gòn nhỏ nhỏ,
 Khu phố Bôn-xa,
 Ái hữu rất nhiều,
 Cố thủ nơi đây,
 Thần kể không xiết,
 Xin thông cảm giùm,
 Chỉ nhắc số người,
 Mà thần được biết,
 Khắc Thí, Đình Huân,
 Kim Chương, Văn Phổ,
 Nguyễn Hùng, Nhị Khanh,
 Bửu Hạp, Lý Đãi,
 Quang Cách, Kim Ngân,
 Thanh Nam, Xuân Đốc,
 Ngọc Rạng, Thanh Nguyên,
 Thúc Tầm, Minh Trì,
 Quang Tiên, Đăng Lễ,
 Tự Nam, Trinh Giác,
 Minh Trí, Ngọc Ân,
 Thất Toại, Duy Miên,
 Hoàng Thao, Văn Tiến,
 Lê Tiềm, Văn Ngôn,
 Phú Quyền, Minh Chánh,
 Hồng Quỳ, Lương An,
 Đại Tử, Đình Kỳ,
 Tấn Thọ, Xuân Hiếu,
 Hữu Phùng, Văn Cừ,
 Bốn ái hữu sau,
 Là nhóm sáng lập,
 HỘI KHOA HỌC và
 Kỹ thuật Việt Nam,
 Đường hướng, mục tiêu,
 Điều kiện nhập hội,

Hoạt động tổ chức,
 Đầu đã nêu rõ,
 Lá thư năm hai,
 Đoàn tụ gia đình,
 Từ Việt Nam qua,
 Minh Trí, Ngọc Du,
 Ngọc Ân, Võ Tân,
 Minh Trí được Job,
 Đỗ E-I-T
 Thành Trinh dời đô,
 Đi qua Texas,
 Làm cùng một sở,
 Với bạn Ái Văn,
 Nói đến Ngọc Răng,
 Làm tận Ku-Wét,
 Khỏi lửa ngập trời,
 May sao thoát kịp,
 Về đến phi trường,
 Khắc Thi đón tiếp,
 Có chị Ngọc Răng,
 Mừng sao kể xiết,
 Đến miệt xa xa,
 San Diego,
 Có bạn Tấn Thọ,
 Thơ hay đáo để,
 "Bác với tôi,
 Hai mươi tám,
 Tuổi đời xa cách...
 Tôi tiếp tay bác,
 Nối dài tình Ái hữu,
 Thêm lửa hồng,
 Chờ pháo lệnh Quang Trung."
 Và đây Văn Cừ,
 "Dáng dấp Chân Nhân,
 Khéo cười khéo nói,
 Cho cân ván bài"
 Máy vùn lục bát.
 Thơm ngát cõi lòng:
 "Mấy năm học tập đi về,
 Cái môn Công Chánh,
 Cái nghề bánh bao"
 Xong cáo Ca-li,
 Xin đi nơi khác,
 Washington, DC.
 Ái hữu Bưu Đôn,

Có mời họp mặt,
 Số người tham dự,
 Khoảng năm mươi người,
 Bác Phạm Huy Giang,
 Tuổi đời tám tám,
 Bác Lê Sĩ Ngạc,
 Tuổi đời tám mươi,
 Cũng đều có mặt,
 Cộng thêm vào đấy,
 Ái hữu Văn Kiêu,
 Tranh Diệp, Sĩ Khiêm,
 Văn Bảnh, Bá Tường,
 Ngô Năm, Đức Chí,
 Văn Mạo, Ngọc Tào,
 Công Thiện, Long Tiết,
 Sĩ Tụng, Bá Bàng,
 Thanh Tùng, Du Thích,
 Và nhiều nhiều nữa,
 Số tiền đóng góp,
 Lên được sáu trăm,
 Nghe chừng Sĩ Tụng,
 Cũng sung năm này,
 Hoạt động hăng say,
 Cho tình ái hữu.
 Như vậy tạm đủ,
 Nói đến Hữu Tuân,
 Massachussetts,
 Đông Bắc, Huế Kỳ,
 Ái hữu Đức Súly,
 Mới về Ca-li,
 Ái hữu Sĩ Tuất,
 Ái hữu Văn Sến,
 Võ Tiềm, Tấn Đức,
 Minh Lý, Trần Khương,
 Họp hành lai rai,
 Khi chơi picnic,
 Ái hữu Thái Gia,
 Hội đồng Đô Thành,
 Nay thì viết sử,
 Nghiệp tổ Hồng Bàng,
 Cờ lau Hoa Lư,
 Vui thú an nhàn,
 Tuổi già vẫn khỏe,
 Chị Tuân thỉnh thoảng,
 Cho ra món ăn,

Ngọt ngào thơm ngát,
 Đầy cơm lá sen,
 Vị quay xá xiu,
 Cua thịt nấm hương,
 Bột ngọt dầu hào,
 Trứng gà hạt sen,
 Khéo ơi là khéo.
 Xin kéo về Nam,
 Louisiana,
 Thủ đô New Orleans,
 Ái hữu Phan Tăng,
 Bùi Hợp, Thành Trang,
 Ngọc Ân, Văn Ngà,
 Văn Quý, Trọng Bưu
 Văn Bảnh dời đô,
 Về Hoa Thịnh Đốn,
 Văn Quý lên chức,
 Công tác toàn vùng,
 Đất này thịnh phát,
 Người Mỹ gốc Việt,
 Hai chức giám đốc,
 Trong số bốn người,
 Tiến sĩ Thành Trang,
 Từ bỏ thành phố,
 Lập hăng đầu thầu,
 Làm ăn nghe khá.
 Giờ qua Texas,
 Rồi đến Houston,
 Ở đây Ái Hữu,
 Cũng chiếm phần đông,
 Một lần hội họp,
 Có ăn, có nhậu,
 Có lập báo cáo,
 Nêu rõ thực đơn,
 Xúp măng nấu cua,
 Cua bọc tôm chiên,
 Bánh ít tôm thịt,
 Xôi gấc thịt quay,
 Thật là hấp dẫn,
 Ái hữu Kỳ Tường,
 Về nhà dưỡng sức,
 Nhường chức Quý Hào,
 Lại thêm Quốc Đống,
 Trấn nhậm Austin,
 Lão thành Cửu Toại,

Mã Minh, Kim Chu,
 Phan Điện, Văn Độ,
 Tất Đạt, Ngọc Huyền,
 Văn Lộc, Quang Nam,
 Quốc Thống, Quý Hợi,
 Thanh Toàn, Văn Xá,
 Trung Trực, Văn Ba.
 Quang Nam, Ngọc Huyền,
 Ái hữu Huệ Lai,
 Cùng với Đôn Xuân,
 Vừa từ Việt Nam,
 Định cư Houston,
 Được tặng bài thơ:
 "Đón mừng chiến hữu,
 Hôm nay các bạn,
 Đã sang bờ,
 Khốn khổ nhục nhằn,
 Hóa chuyện xưa,
 Hết sợ công an
 Rày kiểm thảo,
 Chẳng lo con cháu
 Phải lao nô
 South Carolina,
 Lão tướng Đắc Cáo,
 Một mình một cõi,
 Tuy tuổi đã cao,
 Vẫn còn hoạt động,
 Chơi hoa chơi cảnh,
 Khi hoa khi thơ,
 Trở về Tây Bắc,
 Washington State,
 Oregon,
 Ái hữu Như Nguyên,
 Mộng Châu, Quốc Bảo,
 Ái hữu lưa thưa,
 Dời đô đi hết,
 Một mình Quốc Bảo,
 Làm chủ doanh thương,
 Trấn nhậm Richland,
 Quốc Bảo than rằng:
 "Từng người tình,
 Bỏ ta đi như
 Những giòng sông nhỏ"
 Missouri,
 Tiến sĩ Thành Thiệt,

Giáo sư đại học,
 Một mình ở đây.
 Riêng tại Đông Nam,
 Florida,
 Ái hữu Thanh Tòng,
 Ít khi lên tiếng,
 Mobile, Alabama,
 Ái hữu Văn Thường,
 Cũng thấy im hơi,
 Colorado,
 Ái hữu Văn Ký,
 Cùng với Tâm Trí,
 Không gì báo cáo,
 Oklahoma,
 Ái hữu Anh Tề,
 Đình Viên, Xuân Quang,
 Báo cáo không gì.

Hoa Kỳ tạm đủ,
 Còn nhiều ái hữu,
 Thần chữa ghi vô,
 Xin hoan hỉ giùm,
 Vì giấy có hạn,
 Thời gian cấp bách,
 Có dịp trình sau.
 Giờ qua nơi khác,
 Canada,
 Montreal, Quebec,
 Toronto,
 Ái hữu bên này,
 Cũng khá đông đông,
 Riêng tại Toronto,
 Ái hữu Lâm Tháo,
 Cùng với Lê Sáu,
 Thường họp anh em,
 Có mặt Bửu Cơ,
 Như Giao, Chí Trung,
 Văn Đề, Văn Châu,
 Khắc Cần, Dương Minh,
 Thân ái đậm đà,
 Anh em ngành khác,
 Điện khí, cơ khí,
 Hành chánh, xây dựng,
 Cũng mong gia nhập,
 Montreal, Quebec,
 Ái hữu khá đông,

Hữu Vinh, Nam Trường,
 Quang Di, Ngọc Diệp,
 Chí Hổ, An Chính,
 Minh Đức, Bửu Long,
 Đình Thắng, Ánh Đăng,
 Mai Hương, Nguyễn Bách,
 Hồn Minh, Tấn Tâm,
 Thêm bác Trọng Cường,
 Với tình ái hữu,
 "Rượu mừng nhau,
 Cùng cạn một đôi ly,
 Nghĩa kim bằng,
 Tình đồng nghiệp tương tri".
 Xin trình Châu Phi,
 Có Nguyễn Sĩ Tín,
 Xây cất nhà thương,
 Xây trường dạy học,
 Bao năm mệt nhọc,
 Nhiệm vụ giờ xong,
 Trở lại Huệ Kỳ,
 Vui thú điền viên.
 Và đây xin thêm,
 Tại Y Pha Nho,
 Có Trần Như Diệu,
 Thương nước, thương nhà,
 Thương về xứ Huế:
 "Lâu ngày nhớ tới
 Kinh đô,
 Nhớ trăng Thiên Mục,
 Nhớ đò Hương Giang...
 Khùng khằng nhớ rượu
 Phủ Cam,
 Với nem An Cựu,
 Cùng làm bạn thân.
 Tháng mười nhớ quít
 Hương Cần
 Tháng tư nhớ cá
 Túy Văn ngon lành.
 Mần chi cũng nhớ
 Quê mình".
 Xin trình Ba Lê,
 Kinh đô ánh sáng,
 Ái hữu Khúc Dần,
 Cùng số anh em,
 Văn Lâm, Văn Lắm,

Ngọc Thạch, Văn Thu,
 Phan Anh, Như Bích,
 Hữu Công, Trường Xuân,
 Ngọc Xuyên, Hữu Hứa,
 Văn Luông, Khắc Kính,
 Văn Trường, Minh Cảnh,
 Thành Khán, Thiện Đản,
 Dương Đen, Nguyễn Phước,
 Cùng chị Tấn Tài,
 Tất cả hằng say,
 Cho tình ái hữu,
 Nhất là bác Đản,
 Tuổi hạc càng cao,
 Hoạt động càng lắm,
 Đã lần phụ trách,
 Lá thư bốn kỳ,
 Nhiều công khuyến khích,
 Mầm non nhân tài,
 Thế hệ thứ hai,
 Tham gia đoàn kết,
 Xây dựng non sông,
 Xây tình yêu nước.
 Ái hữu Văn Thu,
 Có viết nhiều bài,
 Kỹ thuật nghiên cứu,
 Rất đáng lưu tâm.
 Ái hữu Nguyễn Phước,
 Thỉnh thoảng làm thơ,
 Nhớ nước nhớ non,
 Nhớ về quê mẹ,
 Và đây xứ Úc,
 Australia,
 Đất rộng người thưa,
 Sydney, Melbourne,
 Cảnh Túc, Văn Anh,
 Hợp hành chăm chỉ,
 Ái hữu càng tăng,
 Tại vùng Melbourne,
 Công Thiện, Văn Anh,
 Đăng Khoa, Ngọc Thịnh,
 Khắc Thành, Nguyễn Cư,
 Vĩnh Phương, Đình Ngủ,
 Kim Bảng, Thu Nguyễn,
 Nguyễn Thông, Nguyễn
 Tùng,

Tại vùng Sydney,
 Cảnh Túc, Văn Anh,
 Công Cẩm, Quốc Dũng,
 Thanh Đóm, Tự Giác,
 Văn Khay, Lê Mẫn,
 Nguyệt Oánh, Thanh Quan,
 Dục Tú, Thất Tú,
 Nói chung tất cả,
 Ái hữu nước Úc,
 Ai nấy có job,
 Ai nấy thành công,
 Vừa làm vừa học,
 Tiến sĩ vài người,
 Rất mực đoàn kết,
 Rất đậm thân tình,
 Mới đây Chính Hoa,
 Làm lễ thành hôn,
 Rất nhiều ái hữu,
 Tham gia tiệc cưới,
 Hân hoan vui vẻ,
 Như đại gia đình.
 Kính bái Ngọc Hoàng,
 Thần đã trình xong,
 Đầy đủ ngọn ngành,
 Ái hữu Công Chánh,
 Khắp bốn phương trời,
 Chắc còn thiếu sót,
 Không ít thì nhiều,
 Thần xin Ngọc Hoàng,
 Công việc đa đoan,
 Trăm sự trăm xá,
 Vạn sự vạn xá,
 Thần đội ơn vàng.
 Giờ thần trình qua,
 Tình hình quốc tế,
 Năm nay Tân Mùi,
 Biến chuyển khắp nơi,
 Trận chiến Irak,
 Khói lửa ngập trời,
 Các nước Cộng Sản,
 Đông Âu Nga Sô,
 Kinh tế nguy ngập,
 Cộng Sản suy sụp,
 Giải tán khắp nơi,
 Riêng về Việt Nam,

Cấm vận vẫn còn,
 Dân tình cơ cực,
 Thiếu thốn mọi bề,
 Có ông thầy bói,
 Xứ New Orleans,
 Đọc sấm trạng trình,
 Mà chưa bình luận.
 "Mã đề đường cước,
 Anh hùng tận,
 Thân Dậu niên lai,
 Kiến thái bình."

Kính bái Ngọc Hoàng,
 Thần đã trần tình,
 Những gì thần biết,
 Tuy không đầy đủ,
 Song cũng chi tiết.
 Nay lúc Xuân về,
 Trăm hoa đua nở,
 Cảnh vật vui tươi,
 Tình người hơn hởi,
 Thần xin kính chúc,
 Ngọc Hoàng cao cả,
 Trên chín tầng mây,
 Vững trị ngôi trời.
 Thần xin Ngọc Hoàng,
 Ban phúc toàn dân,
 Cho dân Việt Nam,
 Cơm no áo ấm,
 Cho nước Việt Nam,
 Thanh bình, thịnh vượng,
 Cho người Việt Nam,
 Thương giống thương giòng.

Nay kính cáo,
 Thần tấu
 Sacto

Bà Con Công Chánh Tại Khu 4 Công Chánh California



Khu 4 Công Chánh Cali bao gồm địa hạt quanh vùng Vịnh San Francisco. Anh em Việt Nam làm cho khu 4 này có 54 người tất cả. Trong đó, họa viên và chuyên viên kỹ thuật 3 người, kỹ sư điện 4 người, kỹ sư Công Chánh 38 người thì có 16 người là Project Engineer, 3 Senior Engineer. Trong số 54 người, có 24 người trẻ, mới vào nghề Công Chánh trên dưới 5 năm, 7 người không già không trẻ, học ở Việt Nam một phần và tiếp tục tại Mỹ, 23 người vốn là Công Chánh cựu trào từ VN qua. Tuổi tác từ trên 20 đến 60. Đa số thuộc về Project Development, chuyên lập hồ sơ về thiết kế đường mới, mở rộng đường cũ và tu bổ sửa chữa xa lộ. Một số ít khác làm cho Right of Way, Construction, Traffic, Maintenance v.v.

Ngoại trừ vài ba anh làm cho Construction lưu lạc quanh các công trường.

Còn đa số thì tụ tập tại 3 trụ sở chính, hai tòa nhà tại San Francisco và 1 tại San Jose. Anh em thỉnh thoảng gặp nhau trao đổi trau dồi tiếng Việt ào ào. Đôi khi cãi nhau chuyện chính trị huyên náo, làm các ông bạn xứ khác không hiểu sao mấy ông này nói gì mà nhí nhắng ồn ào đến thế.

Mấy năm trước, mỗi trưa thứ tư, anh em Việt Nam hẹn gặp nhau, đi ăn trưa chung tại một quán gần trụ sở. Chẳng phải là hội họp bàn tán chi cả. Chỉ để gặp nhau cho vui mà thôi. Có khi anh em đi ăn chung đông đảo, cười nói ồn ào, nhưng cũng có tuần, chỉ năm ba mạng. Thế cũng đã vui rồi.

Một lệ mới được anh em áp dụng trong vài ba năm qua: đó là tục lệ “ma cũ đón mừng ma mới”. Không phải là ma cũ ăn hiếp ma mới. Mỗi khi có một Việt Nam đến làm việc, thì

anh em mời ma mới đi ăn một bữa, để ra mắt và giới thiệu anh em cũ. Để ma mới khi có gì bờ ngõ thì có thể hỏi han đường đi nước bước, cho đỡ lo lắng. Điều quan trọng nhất là làm cho người mới đến thấy ấm áp tình quê hương. Một điểm khác nữa, biết có bà con Việt Nam, có thể mạnh dạn hỏi han và hướng dẫn bước đầu trong thành phố lạ, trong cơ sở lạ. Tuy nhiên cũng có vài thiếu sót, đôi khi các “ma-mới” lặng lẽ đến, anh em không biết là đồng hương, tưởng là Tàu, Đại Hàn, Phi v.v. Khi vỡ lẽ ra thì “À ra VN hả! Thế mà lâu nay tưởng Nhật bản chứ!” Bởi mới đến, thì lạ lùng, nghe đồng hương nói tiếng Việt, không biết mình đến nhập bọn họ có chịu hay không. Phải chờ khi khám phá ra thì mới biết người Việt trong cơ sở này rất thân tình, rất vui vẻ và ai ai cũng sẵn sàng giúp đỡ hướng dẫn đồng

hương, khi họ cần đến. Ngoài việc đãi người mới đến, anh em nào ra đi cũng được mời một bữa nhậu tiễn chân, dù đi từ văn phòng ra công trường, chứ không cần nói đến đi tới một khu Công Chánh khác. Anh em Việt Nam đông đảo, nên những buổi họp Ái hữu kiểu “bỏ túi” cũng không hiếm. Một “đại ca Công Chánh” có món phở nổi tiếng nhất vùng Vịnh, thỉnh thoảng kêu năm bảy anh em lại húp phở, ăn bánh bèo, cay, tha hồ mà hít hà. Đồng thời, hàn huyên, kể chuyện quê nhà quê người. Một vài anh khác, thỉnh thoảng tổ chức buổi văn nghệ nhỏ, mời anh em lại cùng nghe nhạc, đánh đàn, ca cho nhau nghe, ngâm thơ, kể chuyện, cho đời sống thêm một chút sắc hương. Cũng không hiếm những buổi nhậu, bia chảy đầy tràn cả áo quần, thức nhậu ngổn ngang và tiếng cười còn kéo dài đến nửa đêm.

Mỗi cuối năm, anh em Công Chánh VN tại khu 4, đều có tổ chức một bữa tiệc tất niên. Ăn tết tượng trưng. Những buổi tất niên này thì quy tụ được đông đảo anh em nhất. Có đến 80%, 90% anh em tham dự. Ngoại trừ một số anh em không thể bỏ các chương trình khác được, thì vắng mặt bất đắc dĩ.

Không biết những nơi khác thì sao, chứ tại khu 4 Công Chánh, anh em VN rất thân thiện, cởi mở và giúp đỡ lẫn nhau. Có lẽ sự thân thiện này được nảy nở dễ dàng vì anh em không phải cạnh tranh. Làm công chức, từ cổ cho chí kim, từ xứ tư bản tân tiến

nhất cho đến xứ Cộng sản cổ lỗ nhất, thì công chức là loại “ăn cơm chùa mùa tối ngày”. Câu đó ám chỉ sự thanh thản và nhàn nhã của các bậc “đầy tớ nhân dân”. Phải công nhận làm công chức, thanh thản nhẹ nhàng hơn làm cho các hãng tư nhiều. Khi làm việc, không bị thúc hối, áp lực, công việc hôm nay chưa xong thì ngày mai làm tiếp, không việc gì mà nóng ruột, lo lắng. Phải công nhận đa số anh em VN đều chăm chỉ, làm việc không có ý câu giờ, việc nào ra việc đó đàng hoàng, mau hiểu, làm việc có năng suất khá cao. Bởi các lẽ đó, trong các hãng tư, thì mình năng suất gấp hai gấp ba các bạn đồng nghiệp, đồng hương, mà vẫn bị thúc hối như thường. Không mấy là vừa lòng tham của các ông chủ hãng chủ sở. Do đó, khi vào làm công chức, một vài anh quen cái thói chăm chỉ, bị xếp đưa việc, phải bao đàn, ôm đồm hết, thế mà vẫn cho rằng “từ ngày vào làm công chức, thì thấy khỏe như đã về hưu rồi”. Khỏe nhất là làm kỹ sư thường, đừng giữ một chức vụ gì cả. Ra khỏi sở là để lại tất cả công việc tại sở, không mang tí ti bận rộn việc sở về đến nhà. Khỏe khoản, yên thân. Do đó, nhiều người khôn ngoan, nhất định không làm Project Engineer, tội gì lãnh thêm trách nhiệm mà lương bổng thì chẳng hơn được bao nhiêu. Làm Project Engineer thì cũng như làm trung sĩ trong quân đội, phải chăm nom năm ba mạng mà trăm đầu thì đổ đầu tằm. Có trách nhiệm nhiều hơn mà quyền lợi thì chẳng đáng bao nhiêu.

Làm công chức, ngoài cái nhàn nhã ra, còn có cái “bền”. Mất đi cái thú lo thất nghiệp. Làm hãng tư thì thấp thỏm lo bị mất việc, bất cứ lúc nào, cũng có thể mất việc. Nhất là khi công tác sắp hoàn tất mà công ty chưa tìm được kế ước mới, thì phải quay cổ, xem trước xem sau, tìm đường nhảy trước, chứ chờ đến lúc nó cho mình tấm giấy “rất tiếc và cảm ơn” thì đã muộn màng. Làm công chức, nếu thiếu ngân sách thì cũng có thể giảm nhân viên và mất việc. Những người thâm niên, đã trên 10 năm thì chẳng bao giờ nghĩ đến bị mất việc. Nhưng công chức bị mất việc cũng là hãn hữu. Có, chứ không phải không. Nhưng khi mất việc từ cơ quan này, thì họ có quyền nhảy qua cơ quan nhà nước khác. Cơ quan này phải nhận nếu họ có chỗ trống, không có quyền tuyển dụng người ngoài. Phải tuyển cái ông mất việc nhà nước trước. Cái an tâm trong công ăn việc làm cũng là một điều đáng quý trong cuộc mưu sinh khi sống trong một xã hội mà sự sinh động đổi thay quá nhiều. Hy vọng làm việc cho đến ngày về hưu cũng là một an ủi. Mà cần chi về hưu, nhiều cụ già trên 70 tuổi vẫn nhất định đi làm, vì đi làm cho nhà nước khỏe hơn về hưu ở nhà, theo các cụ, thì ở nhà vợ nó sai làm vườn, sửa nhà còn mệt hơn nhiều. Vả lại ở nhà mà nghe các cụ bà lão nhải than vãn thì khổ cái con ráy hơn. Dù các cụ kỹ sư già khi về hưu, thì tiền lương hưu xấp xỉ hoặc cao hơn tiền lương hàng tháng, vì đã nhiều chục năm thâm niên.

Làm công chức cho khu 4 Công Chánh, thì ăn mặc không cần phải quá tươm tất, đại khái như đi làm lao động các hãng xưởng. Cái ngành công chánh, cái vốn của nó là đường sá, đất đá, bụi bặm. Không ai bắt buộc kỹ sư phải mang “khô mực tà-vết”, lỡ khi cần đi công trường, đi ra với gió bụi đâu có tiện lợi. Ngồi văn phòng mãi, nhiều khi cũng mệt mỏi với các bản đồ, với các con số, thì muốn đi một vòng tham quan khảo sát bên ngoài là một chuyện thường tình. Một vài anh chị, làm cái việc liên quan đến khảo sát lưu thông, đôi khi xách xe đi rong, cả tuần về văn phòng một đôi lần. Đi ngoài thì có tự do, nhưng cũng có cái mệt riêng của nó. Nhân nhả nhất là các kỹ sư công trường về mùa đông vì khí hậu lạnh, mưa dầm, công tác ít hoặc ngưng trệ. Tha hồ mà ngáp vì buồn ngủ, bởi không có việc chi mà làm. Còn về mùa nắng, thì các công tác thường làm đêm, không thể làm ban ngày vì xe cộ đông đảo, cản trở lưu thông. Thế là overtime có thể bằng 75% tiền lương hàng tháng. Làm việc tại văn phòng, nếu muốn có thêm chút cháo, thì cũng có thể xin làm phụ trội cho các đơn vị khác, hoặc làm cho chính đơn vị mình. Nhưng ở văn phòng thì giới hạn, chỉ được tối đa 50 giờ mỗi tháng, trả theo 1.5 thì cũng xem như 75 giờ, xấp xỉ 50 tiền lương. Đa số đều có thể kiếm thêm giờ phụ trội dễ dàng, cũng có nhiều đơn vị không có phụ trội, phải xin làm cho các đơn vị khác. Nhưng không phải ai

cũng ưa làm phụ trội, một số không ít, xem giờ phụ trội là khó chịu, thà ở nhà gác cẳng nằm xem TV còn hơn, hoặc xách xe chạy rong rong đây đó cho hồn lảng lảng.

Tại khu Công Chánh 4, anh em Việt Nam, có gia đình cả cha lẫn mẹ con đều làm chung, vợ chồng đều làm chung, có thể chung ngành, chứ không phải chung trong một đơn vị. Có vài gia đình Mỹ, chồng, vợ, con cái, dâu rể, đều làm chung trong khu 4 Công Chánh. Cũng tiện mà cũng bất tiện. Nhiều ông Mỹ có vợ làm chung, tự gọi mình là POW (Prisoner of Wife chứ không phải Prisoner of War) bị canh gác 100%, sáng cùng nhau đi làm, trưa cùng nhau ăn, chiều cùng nhau về. Thế là đủ 100%. Một anh bạn nói đùa rằng, mỗi ngày anh chỉ có 2 lần tự do 15 phút không bị kiểm kẹp, đó là hai lần 15 phút xả hơi sáng và chiều. Ngán quá, bà xã không kịp tìm gấp để kẹm kẹp. Một anh bạn có vợ làm chung sở, cũng đi cặp kè 100% thời gian, thế mà nhiều lần vợ ngạc nhiên, vì anh biết nhiều nơi, nhiều shopping center trong các thành phố kế cận mà bà vợ chưa bao giờ đến. Đó cũng là một bí mật mà anh không tiết lộ cho ai. Nói thế chứ vợ chồng làm chung sở cũng rất tiện lợi, đi chung 1 xe, ăn trưa một lần, khi bệnh hoạn hay cần thiết cũng có nhau không cần phải điện thoại xa xôi.

Nói là nhân nhả, nhưng cũng có khi bận rộn, phải làm giờ phụ trội, phải lo cho xong công việc. Các anh làm việc liên hệ đến lưu thông, có khi phải thức dậy đi làm từ 3 giờ

sáng, hoặc một hai giờ đêm mới về. Thỉnh thoảng chứ không phải quanh năm đều đều mỗi tuần.

Khu 4 Công Chánh, trụ sở đặt tại San Francisco, là “trung ương cục” của những người đồng tình luyến ái. Họ là một lực lượng chính trị rất mạnh tại thành phố này. Họ là những người có tỷ lệ bệnh AIDS bất trị cao nhất. San Francisco là thành phố cổ, đường phố chật hẹp. Du khách khắp nơi ghé lại thăm viếng tấp nập, là thành phố được chấm giải nhất về du lịch trong năm 1991. Thành phố đẹp, có nhiều cảnh trí, nhiều nơi văn nghệ, nhưng là nơi dễ du lịch, ghé chơi, chứ không phải để ở. Bởi vậy đa số anh em đều ở bên kia Vịnh, những vùng từ San Jose, Fremont, Hayward, Concord, Berkeley v.v. Mỗi ngày đi xe chung do sở cung cấp hoặc đi hệ thống xe điện ngầm.

Thức ăn tại San Francisco ngon tuyệt, đủ cả các thức ăn quốc tế, giá cả cạnh tranh nên tương đối rẻ hơn các nơi khác.

Đời sống công chức, thì mất đi cái sôi nổi, thử thách và di chuyển. Nhưng được bù lại bằng cái “an cư”, bình thân như vại, không thể giàu có được, nhưng cũng không thiếu thốn vất vả. Đại khái xem như đủ. Đủ là xem như sướng rồi. Ai không biết cái nghĩa của chữ “tạm đủ” thì cực khổ vất vả rần mà chịu. ●

ÁO VẢI

Giáo Dục Kỹ Thuật Và Chuyên Nghiệp Nào Cho Việt Nam Sau Cộng Sản?

Trần Văn Thu



Một trong các lý do thất bại hiện tại của Cộng sản Việt Nam là nền Giáo Dục không hợp lý.

Sau đây là mục tiêu bài này của tôi:

a) Đề ra những câu hỏi trước khi tìm giải đáp, các câu hỏi đề nghị trong phần kết luận chưa gọn ghẽ và đầy đủ, nhờ các bạn sửa chữa và bổ túc.

b) Trình bày một đường lối lý luận, theo kinh tế thị trường, và phỏng theo "lý thuyết hệ thống" (théorie des

systemes, còn gọi là approche systémique).

I. NGUYÊN DO CHỌN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU NÀY.

1. Trước ngày 30-4-1975, ngoài việc làm ở cơ quan, tôi còn dạy học về kỹ thuật, tôi vẫn thích dạy học.

2. Hiện nay, tôi hành nghề kế toán kỹ nghệ trong ngành kỹ thuật. Kế toán nói chung xử dụng lý thuyết hệ thống (xem Michel GERVAIS. Contrôle de Gestion et Planification d'Entreprise. -

Economica, trang đầu, hàng đầu). Ngoài ra, tôi làm việc ở một cơ quan nhà nước mà công dụng chánh là phục vụ cho "Chinh Trang Lãnh Thổ"; và một trong các điều kiện để chinh trang lãnh thổ được tốt là giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp (KT&CN) (xem sơ đồ của phần III sau): tôi đã trình bày sự việc này trong bài "Chinh Trang Lãnh Thổ" của "Lá Thư Công Chánh" số 52 năm 1991.

3. Vả lại, các tài liệu quốc tế vẫn nhắc nhở khí hậu ẩm áp, đất trồng trọt phì nhiêu, hầm mỏ đủ loại, dầu hỏa tràn ngập là chưa đủ cho nhu cầu tối thiểu của dân. Điều kiện tiên quyết là:

DÂN BIẾT LÀM VIỆC

Nghĩa là nền giáo dục phải thích hợp (xem báo Pháp "Le Monde" ngày 15-10-1991, bài "Le PNB ou l'Individu").

II. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghiệp Đoàn CFTC Pháp.

Nghiệp Đoàn CFTC (Confédération Française des Travailleurs Chrétiens) giải thích:

Con người (homme = H) chia ra hai phần, trên là tinh thần (esprit, theo định nghĩa của Hegel), dưới là thể chất (matière, theo định nghĩa của Karl Marx).

esprit
matière

Trong nhân loại (humanité = H), con người thường áp dụng theo quá khích, hoặc cộng sản (communisme) với

độc tài, tù lao, xử giết, hoặc là tự do (libéralisme) theo mẫu “con chồn tự do trong chuồng gà tự do”.

libéralisme	esprit	com-munisme
	matière	

Nhân loại như thế thiếu yếu-tố hòa hợp (harmonisation = H = nhạc).

2. Văn minh cổ truyền Việt Nam.

Cổ truyền Việt Nam dạy trong văn minh có bốn yếu tố: tôn, chỉ, lễ, nhạc. Nếu tôi không lầm, nôm na:

- * tôn là hệ cấp (hiérarchie - là có hệ thống)
- * chỉ là điều lệ (règles)
- * lễ là cách thức (rites)
- * nhạc là hòa hợp (harmonisation).

Nhưng - theo thiên ý của tôi - nhìn lại thì thấy có lẽ vua chúa của ta, các vị cầm quyền của ta ngày xưa chỉ áp dụng có ba chữ tôn, chỉ, lễ mà thôi và không lưu ý đến chữ NHẠC. Thế cho nên có những cuộc xáo trộn về chính trị.

3. Các sách vở hiện tại.

a. Sách toán cao cấp.

Tôi nghĩ các sách về cybernétique và các bài giảng dạy lớp kỹ sư kinh-tế (ingénieurs économistes) của các trường lớn đều liên hệ đến lý thuyết hệ thống.

b. Sách thông dụng.

* Quyển thông dụng nhất ở Pháp và dễ đọc cho tất cả mọi ngành - theo thiên ý của tôi - là quyển “Le Macroscopie”, éditions “Point”, của giáo sư Joel de ROSNAY, cựu giám đốc ở

Institut Pasteur, cựu giảng viên “biologie et informatique” ở MIT Mỹ.

* Các quyển về tổ chức xí nghiệp của các trường IUT (instituts universitaires de technologie) và lớp BTS (brevets de techniciens supérieurs) chuyên về hành chánh, kế toán và quản trị ở Pháp.

4. Tài liệu chính yếu.

Quyển “chỉ đạo” “Prospective et Territoires” của Cơ Quan Trung Ương Chính Trang Lãnh Thổ Pháp DATAR (Délégation à l’Aménagement du Territoire et à l’Action Régionale), bài “Sept Idées-Clés Pour Faire de la Prospective”, trang 28, “idée” đầu tiên là ... chấp nhận phương pháp LÝ LUẬN HỆ THỐNG.

Nhiều nhà trí thức chống đối phương pháp này, song nhiều nhà trí thức khác lại bênh vực và cho rằng sở dĩ phương pháp có khi sai là vì các yếu tố nhập (inputs) sai, tất nhiên yếu tố xuất (outputs) phải sai. Quyển Prospective et Territoires giải thích yếu tố nhập mà sai là vì con người chưa có thể đo lường được “phản ứng” của con người (thí dụ Mỹ đánh giá sai sức chịu đựng bom của Việt cộng ...)

Các cơ quan lớn Mỹ, Pháp ... đang sử dụng phương pháp này. Tôi thiết nghĩ Việt Nam cũng phải thế - dù chưa có thống kê trung thành từ nội địa Việt Nam - để suy luận tương lai.

Danh từ HỆ THỐNG có thể cũng nên xét lại, để phân biệt hệ thống “cơ học” (như hệ thống mặt trời) với hệ thống “sống” sinh vật học có phản

ứng.

III. SƠ ĐỒ ÁP DỤNG LÝ THUYẾT HỆ THỐNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM.

Thế kỷ XVI, văn hào Montaigne viết:

“Science sans conscience n’est que ruine de l’âme”.

Ngày nay, thế kỷ của xí nghiệp, câu đó phải hiểu lại:

“Science sans conscience n’est que ruine de société”.

Người Việt Nam hải ngoại, đủ cơm áo, nếu có thể về nước phục vụ, là để tìm cái gì? Theo thiên ý của tôi “sao bắc đẩu” mà ai cũng tìm là “hạnh phúc vững bền của người công dân”.

Nhiều yếu tố hướng dẫn đến sao bắc đẩu, tôi xin kể một số:

- * sức khỏe (nhà thương, bảo hiểm, xã hội ...)
- * an ninh (ngoại xâm, cướp bóc, công lý ...)
- * giáo dục (...)
- * môi trường (environnement; tiếng động, không khí, nước, thẩm mỹ ...)
- * nhà ở (...)
- * kinh tế (...)
- * giao thông (điện thoại, đường sá, chuyên chở công cộng ...)
- * chánh trị (...)
- * ... vân vân ...

Mỗi yếu tố là một hệ thống và gồm nhiều hệ thống phụ. Như yếu tố giáo dục có thể, hoặc bao gồm hệ thống phụ giáo dục đức tính và giáo dục chuyên nghiệp.

Mỗi hệ thống có nhiều “yếu tố nhập” (inputs) và nhiều “yếu tố xuất” (outputs). Thí

dụ, hệ thống “Chỉnh Trang Lãnh Thổ” có:

— yếu tố nhập từ: * giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp (KT&CN).

- * chính trị
- * văn văn ...

— yếu tố xuất đến:

- * môi trường
- * nhà ở
- * khu kỹ-nghệ
- * kinh tế
- * văn văn ...

Vì thế, mỗi hệ thống không phải là một “cân bằng tĩnh” (équilibre statique), mà là một “cân bằng động” (équilibre dynamique) vì có yếu tố nhập và yếu tố xuất (như trong kế toán). (xem sơ đồ 1)

IV. XÍ NGHIỆP “GIÁO DỤC KỸ THUẬT VÀ CHUYÊN NGHIỆP” (KT&CN)

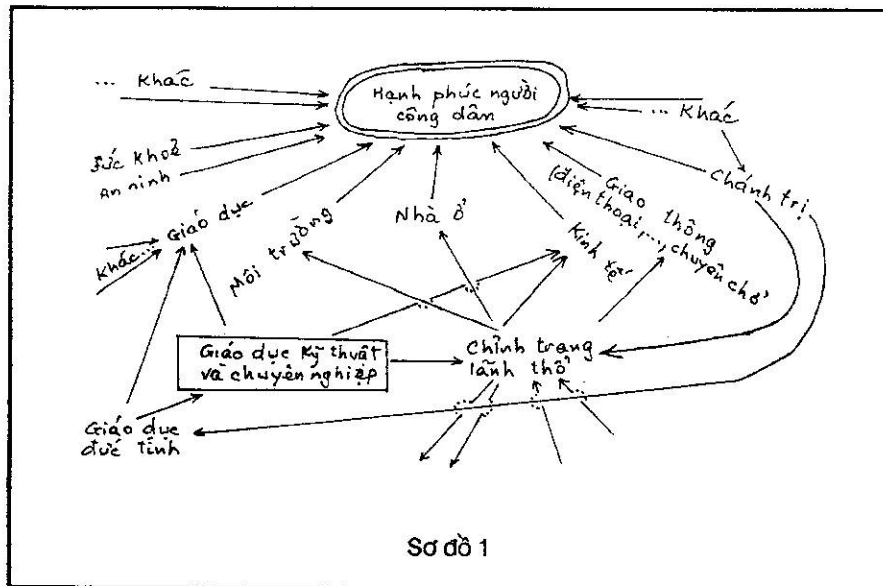
1. Định nghĩa “xí nghiệp”.

Mỗi người, trên cương vị riêng, luật gia, kế toán viên, quản trị nhân viên, thợ kỹ ... đều có một định nghĩa riêng cho xí nghiệp. Song định nghĩa tổng hợp chỉ có thể tìm trong lý thuyết hệ thống: “Xí nghiệp là một hệ thống ... gồm nhiều hệ thống phụ ... và liên hệ qua lại (nhạc, harmonisation) với môi trường ...”

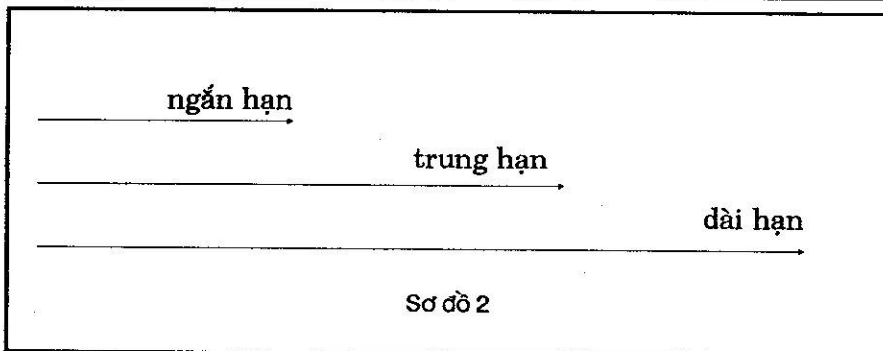
Đó là định nghĩa giảng dạy trong các trường “technicians” IUT và BTS (2 năm sau tú tài ở Pháp).

Bắt đầu từ đây, tôi hiệp nhất hai danh từ HỆ THỐNG và XÍ NGHIỆP.

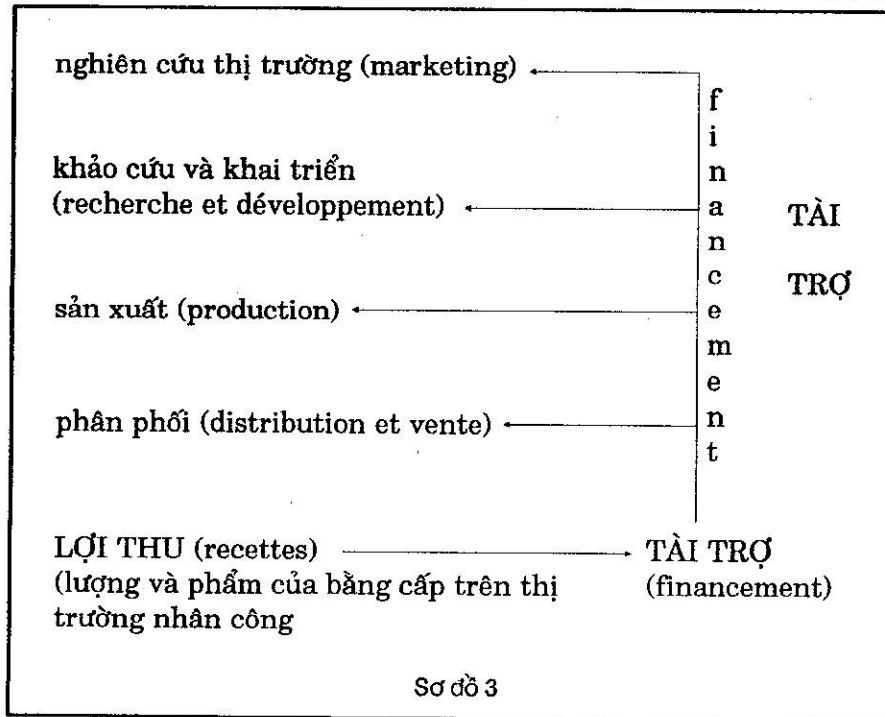
2. Chiến lược của xí nghiệp



Sơ đồ 1



Sơ đồ 2



ngành

Xí nghiệp nào cũng có chiến

lược riêng:

* ngắn hạn (không được ra

ngoài phạm vi trung hạn)

* trung hạn (không ra ngoài phạm vi dài hạn)

* dài hạn, có thể thay đổi môi trường, thí dụ sự sụp đổ của cộng sản Đông Âu làm cho tất cả xí nghiệp lớn Tây Âu phải đổi chiến lược dài hạn.

(xem sơ đồ 2)

Chiến lược phải làm cho xí nghiệp đạt được:

- * chỉ tiêu (objectif) để đạt:
- * mục tiêu (but) để đạt:
- * mục đích tối hậu (finalité)

3. Sản phẩm của giáo dục KT&CN.

“Sản phẩm” phải đi theo diễn trình thông thường của xí nghiệp:

(xem sơ đồ 3)

Bài nghiên cứu này còn đứng trong phần khởi thủy của “nghiên cứu thị trường”. Trước khi tổ chức giáo dục, người ta phải tìm nhu cầu (thị trường) của xã hội về giáo dục v.v...

4. Diễn tiến của xí nghiệp.

“Đường thẳng không phải là đường ngắn nhất giữa hai điểm”.

Khi môi trường thay đổi (thí dụ cộng sản sụp đổ ở Đông Âu, sự thành lập Tổ Chức các Quốc Gia Dầu Hỏa ...), tầm nhìn xa của các xí nghiệp lớn cũng phải thay đổi, và từ đó cả tầm nhìn trung và cả tầm nhìn gần cũng phải đổi “tầm bắn”. Vì thế, diễn tiến của xí nghiệp không phải là một đường thẳng. Một số sản phẩm không bán được (dùng không được nữa) phải được thay thế đúng lúc vân vân ... như cái xe

DS/Citroen khi được gắn đèn chuyển hướng theo tay lái không phải là sản phẩm mới mà chỉ tạm thời giữ thế đứng Citroen trên thị trường trong khi chờ đợi cả loại DS được xe kiểu khác thay thế.

V. VÒNG VÀ ĐƯỜNG XOẮN ỐC LẮN QUẤN (Le cercle et la spirale vicieux).

Một nhà hóa học có nói:

“Rien ne se crée, rien ne se perd, tout se transforme”.

Diễn trình của xí-nghiệp chẳng những cũng như thế mà còn để ý thêm hai hiện tượng “catalyseur” và “enzyme” (lực độc tài, lực phẩm ...)

1. Vòng lẫn quẩn của cái “Nghèo”.

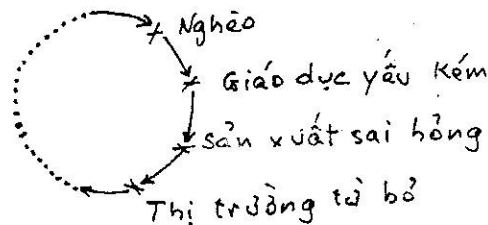
Cái “Nghèo” làm cho giáo dục yếu kém

Giáo dục yếu kém làm cho sản xuất sai hỏng

Sản xuất sai hỏng làm cho thị trường từ bỏ

... vân vân ...

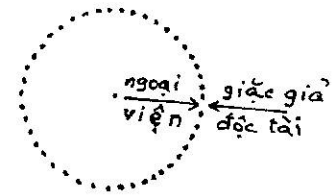
Và như thế, tình trạng luân hồi trở lại cái “Nghèo” ...



Nguy hơn nữa, khi mà cái nghèo bị cái lực “giặc giả” hay cái lực “độc tài” đánh bồi thêm, nghĩa là làm cho cái nghèo tăng thêm.

Cái lực giặc giả hay độc tài

có thể bị cái phản lực “ngoại viện” đỡ lại, nghĩa là tình trạng không nghèo thêm.



Khi mỗi ngày Việt-Nam mỗi nghèo thêm, ông Võ Văn Kiệt tuyên bố xử dụng nhân tài hơn đảng viên. Nếu thực thế mà đảng vẫn còn độc tài thì Việt-Nam chỉ hết nghèo thêm chớ chưa giàu trở lại, vì tìm đâu ra nhân tài chịu hợp tác?

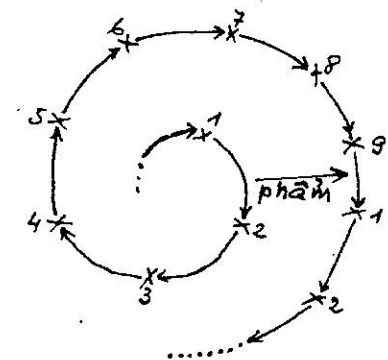
2. Đường xoắn “PHẨM” của tiến sĩ Mỹ JURAN.

Tướng Mc ARTHUR biết trọng dụng chuyên viên “Recherche Opérationnelle” để đánh giặc, đem đến cho Nhật:

* gạo và dân chủ, dân Nhật mang ơn.

* tiến sĩ JURAN mà xí nghiệp Nhật mang ơn.

Tiến sĩ JURAN, dùng lực PHẨM (qualité) để đánh đều vào vòng lẫn quẩn Nghèo và biến nó thành đường xoắn (Giàu) gồm 9 điểm luân hồi:



1. nghiên cứu thị trường
2. tạo thêm nhu cầu mới
3. nghiên cứu và đặc tính
4. chương trình sản xuất và tiếp liệu

5. sản xuất
6. kiểm soát cuối cùng sản phẩm

7. phân phối đến thị trường
8. thỏa mãn khách hàng
9. trợ giúp khách hàng sau khi bán

1. nghiên cứu thị trường
2. tạo thêm nhu cầu mới

....

Và, ta nên lưu ý dân Nhật xem Giáo Dục như Xí-Nghiệp.

VI. HÀNH ĐỘNG CẤP BÁCH ĐỂ ĐÁNH VÒNG LẤN QUẦN NGHÈO VN.

Nhật đã dùng lực “Phẩm” để đánh đều vòng lấn quần nghèo và rục rở thành công, Việt Nam phải chọn lực nào và đánh ở đâu?

1. “Rắc muối” hay “cú đấm” ở điểm “sinh lực”? (Saupoudrage ou coups de poing aux bons postes générateurs?)

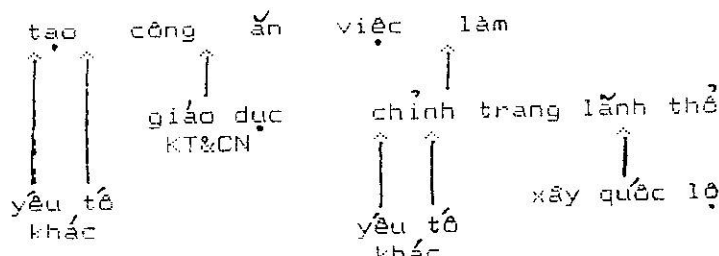
Năm 1989-1990, tôi theo học lớp buổi tối về thiết-kế đô-thị, một giáo sư của một Đại-học danh tiếng Mỹ đồng thời là chuyên-viên Ngân Hàng Thế Giới trách nhiệm Vùng được mời đến dạy một số giờ. Bà không dạy kỹ-thuật nào hết, mà tất cả sinh viên đều say mê nghe Bà giảng bằng ngoại-ngữ thứ ba trôi chảy của Bà (Pháp văn) về “20 năm thất bại của Ngân Hàng Thế Giới ở Phi Châu Nhiệt Đới”. Tiền đổ vào thùng không đáy

để xây nhà cửa đường phố. Bây giờ, Ngân Hàng Thế Giới mới rút kinh nghiệm: “cấp-bách nhất cho các nước đang phát triển là tạo công ăn việc làm, tiện nghĩ sẽ tự nhiên có sau”.

Và từ đó, với những gì tôi đã có dịp nghe thấy khi còn ở Việt-Nam, tôi nghĩ rằng cái cấp bách nhất - để khiến tạo công ăn việc làm là:

* giáo dục kỹ-thuật và chuyên nghiệp

* xây quốc lộ nối liền các tỉnh lỵ cho chính trang lãnh



thổ

Tuy nhiên, về chính trang lãnh thổ, tầm nhìn xa của Việt Nam phải là thủy lộ nhờ bờ biển dài, sông ngòi kinh rạch chằng chịt. Chúng ta không thể theo nước Mỹ với xa lộ vì phải tiết kiệm nhiên liệu và vấn đề bảo vệ môi trường, chúng ta sẽ phải chú trọng đến chuyên chở khối lượng và công cộng nhiều hơn, nhất là trên đường dài.

Trong khi thực hiện hai việc cấp bách nhất đó, ta sẽ thực hiện thống-kê kinh tế để tìm các việc kế tiếp phải làm.

2. “Rắc muối” hay “vườn

ương cây”?

(Saupoudrage ou pépinière?)

Khi Đức thua đệ nhị thế chiến, chính Pháp sợ Cộng Hòa Liên Bang Đức trở nên mạnh như xưa, nên bắt buộc Đức phải phân tán quyền Chánh Phủ xuống các vùng (décentralisation) land. Nhờ thế mà kinh tế Đức ngày nay phồn thịnh hơn kinh tế Pháp!

Còn Pháp, từ thời quân chủ, và nhất là thời Nã-Phá-Luân, quyền hành tập trung về Paris, các quốc lộ 1, 2, ... , 10 tỏa ra từ Paris, cho nên ai

thích đọc địa dư Pháp thường thấy câu “Paris et le désert français” (Paris và sa mạc Pháp) rất là thích đáng. Ngày nay, Pháp muốn phân quyền xuống vùng, song khối lực thu hút Newton của thành phố Paris vẫn mạnh; và về phần tâm lý “boule de neige” (hòn tuyết quay tròn) của Paris vẫn còn hiệu lực không ai phá nổi!

Trở lại Việt Nam, tài liệu “Problèmes Politiques et Sociaux” của “La Documentation Française” số 647 ngày 4-1-1991 cho biết Sài Gòn đang tập trung từ 30% đến 40% tổng sản lượng quốc gia ... Như thế, Sài Gòn đối với Việt

Nam còn nặng hơn Paris đối với Pháp.

Nếu tìm liều thuốc cho Việt Nam, thì phải tập trung phương tiện và dùng Sài Gòn làm “vườn ương cây” hay rải rất vô hiệu trên toàn quốc? Câu trả lời nào cũng có phần “đau đớn” của nó.

VII. HỆ THỐNG GIÁO DỤC KỸ THUẬT VÀ CHUYÊN NGHIỆP.

Nền Giáo dục KT&CN Việt Nam không thể rời rạc, phải có tinh thần xí-nghiệp, phải theo hệ thống: tổ chức tương tự trong mọi ngành, mọi cấp, hệ thống giai cấp các bằng cấp, hệ thống số niên học, ... trừ vài trường hợp rất đặc biệt.

Giáo Dục KT&CN phải có những yếu tố nhập và yếu tố xuất rõ ràng.

Yếu tố nhập quan trọng nhất - theo thiên ý của tôi - phải xuất phát từ “Giáo Dục Đức Tín” (éducation morale).

VIII. GIÁO DỤC ĐỨC TÍN.

Giáo dục KT&CN phải đòi hỏi yếu tố nhập nào từ Giáo Dục Đức Tín? từ mẫu giáo, tiểu học, trung học và đại học?

Trong các nước tân tiến Mỹ ..., và nhất là các xứ vừa thoát khỏi giai đoạn nghèo như Triều Tiên, Tân Gia Ba ..., người ta rất lưu ý đến các việc đó, vì là sự sống của cả dân tộc. Người ta đặc biệt lưu ý đến:

* luân lý cổ truyền ở mẫu giáo và tiểu học

* sử ký và công dân giáo dục ở tiểu học và trung học

* đạo đức (éthique) cho cán bộ tương lai

* ... vân vân ...

IX. DỰ ÁN BÀI NGHIÊN CỨU CỦA TÔI.

Tôi đang cố viết một bài nghiên cứu, và lần hồi tôi gửi đến các bạn nào quan tâm đến giáo dục XHCN Việt Nam sau Cộng Sản. Tôi chưa có đề nghị nào cả, tôi chỉ trình bày các nước ngoại quốc giải quyết thế nào vấn đề này, nhất là Pháp, Đức, Mỹ.

Dự án bài này gồm 12 phần (xem bản đính kèm).

Lẽ dĩ nhiên, bài của tôi có rất nhiều khuyết điểm, và tôi mong các bạn cho biết các điểm cần sửa chữa và bổ túc.

X. MƯỜI BẢY CÂU HỎI (thứ nhất?)

Từ lý luận hệ thống mà tôi đang viết bài này và kinh nghiệm ngoại quốc mà tôi đã đọc trong báo chí, tôi đặt ra các câu hỏi. Nhiều bạn đã góp phần thảo ra 17 câu hỏi đầu tiên. Khi chúng ta đặt được câu hỏi rõ ràng, tất nhiên nhà cầm quyền tương lai sẽ có phương tiện và giải đáp vấn đề dễ dàng hơn là phải tốn công tìm tòi.

Và tốt hơn nữa, nếu chúng ta có thể, chúng ta sẽ cùng nhau tìm câu trả lời cho các câu hỏi của chúng ta.

GIÁO DỤC KỸ THUẬT TƯƠNG LAI NÀO CHO VIỆT NAM?

1. Lý do nghiên cứu.

2. Sơ đồ tổ chức đại-học kỹ-thuật của Pháp (écoles, universités)

3. Giải thích các điểm đang lưu ý của sơ đồ trên

4. Kỹ sư “tổng hợp” và kỹ sư “sản xuất” Pháp 1715/1991

5. Commission des titres và Bộ Giáo Dục của Pháp

6. Các cơ quan (Ministères, Chambre de Commerce et d’Industrie ...) đỡ đầu và tài trợ các trường taxe d’apprentissage.

7. Taille optimum des écoles regroupement (điển hình agro+veto_horti d’Orsay trong tương lai, Polytechniques de Lorraine, de Grenoble, de Toulouse ...)

alliance (HEC ...), Collège d’Ingénieurs (Normale Sup + Ponts et Chaussées + Génie Rural et des Eaux et Forêts ...)

tổ chức trường Ponts et Chaussées, ESTP, universités Lille I, Lille II, Lille III ...

8. Phê bình tổ chức giáo-dục kỹ-thuật Pháp do các giới xử dụng nhu cầu, sản xuất, giá thành một chuyên viên mines, universités

không tiến thấn do ngã sản xuất, mà chỉ do ngã quản trị

thiếu ingénieurs de production

“protection des aînés”

kỹ sư hệ-thống Decomp, IUP

ingénieurs DPE và IPF

formation continue des entreprises, congé de formation

Conservatoire National des Arts et Métiers.

9. Hệ thống đại học kỹ thuật Mỹ, Anh, Đức.

10. Hệ thống đại học kỹ thuật Việt Nam sau 1955 và 1965.

11. Trung học kỹ-thuật
12. Giáo dục kỹ thuật tương lai nào cho Việt Nam?

Tổ chức, Bộ đỡ đầu, tài trợ trường và sinh viên
các môn căn bản chung cho tất cả các trường

DỰ THẢO PHẦN 12

Câu hỏi sẽ được đề ra:

1. Nên có trường kỹ sư riêng biệt (Grandes Ecoles d'Ingénieurs) như ở Pháp hay chỉ cần "départements kỹ sư" ở các Đại học như ở Mỹ-Nhật?

2. Nếu tách rời Cao Đẳng Kỹ Thuật với Đại Học thì Cao Đẳng Kỹ Thuật do Bộ Giáo Dục hay các Bộ chuyên môn khác phụ trách? Còn các trường Trung Học Kỹ Thuật (Canh Nông, Công Nghệ ...) thì sao?

3. Học trình tổ chức theo niên học hay theo số chứng chỉ "capitalisables"?

4. Chọn sinh viên kỹ sư theo thi tuyển như ở Pháp hay tuyển theo "hồ sơ" như ở Mỹ?

5. Đại học Kỹ Thuật của Nhà Nước, hay tư nhân tự do mở trường, và trên căn bản giá trị nào?

6. Có nên có "taxe d'apprentissage" và công thương gia tự do đóng vào trường học nào cũng được như ở Pháp (và Mỹ)?

7. Hệ thống giai cấp các bằng cấp kỹ thuật từ "Doctorat" đến "CAP" (Certificat d'Aptitude Professionnelle). "Apprentissage", "Compagnonnage" như Đức Nhật? Số niên-học cho mỗi bằng cấp.

8. Thế nào là "Formation

Continue" cho công nhân muốn tiến thân? Đại Học buổi tối cho công nhân.

9. Làm sao "tái huấn luyện" về tư tưởng (kinh tế, nhân quyền, tổ chức, xí nghiệp ...) cho các cán bộ kỹ thuật do chế độ cộng sản Việt Nam để lại?

10. Học trình kỹ sư phải có phần chính nào? (kinh tế, nhân văn, nhân quyền, éthique, tổ chức xí nghiệp, écologie ...)

11. Trong trung học kỹ thuật, có nên theo chế độ của Pháp cho "BEP" (Brevet d'Enseignement Professionnel) với các môn thi "capitalisables", tương tự như Đại học Kỹ Thuật Mỹ?

12. Có nên theo Anh Mỹ không cần bằng cấp tú tài, hay theo Pháp với 52 tú tài khác nhau (năm 1991).

13. Học trình đặc biệt cho trẻ "surdoués".

14. Học trình đặc biệt cho trẻ xuất ngoại tiếp tục học.

15. Học trình đào tạo công chức tương lai các cấp.

16. Trường kỹ thuật theo nhu cầu kinh tế địa phương.

17. Tham gia của giới công-thương-kỹ-nghệ trong đào tạo chuyên viên các cấp từ kỹ sư đến thợ chuyên-môn ●



PHÂN ƯU

Được tin:

AH LÊ MINH HUY

Cựu Đại Tá Công Binh

Cựu Đồng Lý Văn Phòng Bộ Công Chánh

đã tạ thế ngày 24-7-1991

tại Gia Định, hưởng thọ 85 tuổi

Ái Hữu Công Chánh xin thành thật chia buồn
cùng Bà Lê Minh Huy và gia đình.

Kính cầu chúc hương hồn

AH sớm tiêu diêu cõi Phật.

Nhận Định

Viễn tượng bang giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam: Một số khía cạnh nhìn từ Hoa Thịnh Đốn



Vấn đề liên lạc thương mại và ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Vietnam trở nên sôi nổi hơn trong vòng hai năm qua vì hai lý do thúc đẩy chính: 1) áp lực của dân Mỹ đòi hỏi chánh phủ Mỹ phải tích cực hơn để giải

tỏa vấn đề Cam Bốt vì những lý do nhân đạo và lương tâm; 2) vận động của giới thương mại Hoa Kỳ đòi hỏi chánh phủ Hoa Kỳ phải bãi bỏ cấm vận để họ khỏi bị thiệt thòi, khi phải đứng bên lề nhìn thị

trường Việt Nam rơi vào tay các cường quốc kinh tế Á-Âu.

Cũng như các vấn đề ngoại giao khác, vấn đề Việt Nam đang được bàn cãi, tranh chấp, dẫn co bởi nhiều nhóm khác nhau, ở trong và ngoài chính phủ, tùy vị trí mà áp lực và thúc đẩy. Nhưng tựu trung lại các ảnh hưởng này đại khái có thể phân làm hai nhóm: nhóm thứ nhất có cái nhìn nặng về mặt chính trị thế giới và chiến lược; nhóm thứ hai do quyền lợi riêng tư cá nhân hoặc đoàn thể, và ảnh hưởng bởi những nhu cầu chính trị trong nước.

Đối với các chiến lược gia Hoa Kỳ thì Việt Nam từ nhiều năm qua không còn là một mối quan tâm như trong những thập niên 60 hoặc 70. Tình trạng chung của vùng Đông Nam Á và Đông Dương tuy chưa được như ý muốn nhưng cũng chẳng đến nỗi không chấp nhận được. Ngay cả chuyện khủng hoảng ở Cam Bốt thật ra cũng không là một mối quan tâm đặc biệt cho Hoa Kỳ vì quan tâm chiến lược chính của Hoa Kỳ là sự ổn định chính trị (political stability) của các nước đồng minh ở vùng Đông Á để được phát triển, phú cường trên căn bản kinh tế tư bản; mà về phương diện này thì Hoa Kỳ đã thành công hơn cả mức họ dự đoán từ cả hai mươi năm trước. Hầu hết các nước trong vùng Đông Nam Á trong nhiều năm qua có mức gia tăng sản xuất cao nhất thế giới, kể cả Thái Lan là nước nằm ngay cạnh Cam Bốt bao nhiêu năm bị Việt Nam đe dọa.

Để đối phó với hiểm họa chung là cộng sản Việt Nam

trong những năm sau 1975 (đặc biệt sau 1979 khi Việt Nam xưa quân qua chiếm đóng Cam Bốt, và sự gia tăng các người tị nạn bằng đường biển) các nước láng giềng của Việt Nam ở Đông Nam Á đã đoàn kết chặt chẽ hơn và tạo nên một hậu thuẫn chính trị đáng kể. Và cũng nhờ hậu thuẫn chính trị đó mà các quốc gia này đạt được mức độ phát triển kinh tế như ngày hôm nay. Cũng vì vậy, và oái ăm thay cho cộng sản Vietnam, trên phương diện chiến lược, Việt Nam nói riêng đã trở thành vô thưởng vô phạt trên bàn cờ chiến lược quốc tế, ở một thế mà Hoa Kỳ nhận thấy không cần phải bỏ nhiều tài nguyên và nhân lực để giải quyết. Tuy nhiên trên phương diện ảnh hưởng chiến lược chung thì Hoa Kỳ khi nói đến vấn đề Việt Nam là phải để ý đến quyền lợi của Trung Cộng (ngoài ASEAN ra) mà Hoa Kỳ phải cân nhắc.

Trung Cộng có một vị thế chiến lược rất đặc biệt không những chỉ ở vùng Đông Nam Á mà còn có ảnh hưởng rộng đến cả những điều kiện chính trị và chiến lược hoàn cầu đối với Hoa Kỳ. Nếu sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Á là mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ thì Trung Cộng nắm một phần chủ chốt trong việc thực hiện mục tiêu này - không những vì tầm vóc kinh tế chính trị to lớn của Trung Cộng mà cũng vì Trung Cộng có đủ tài nguyên và cơ sở để lũng đoạn chính trị nội bộ của các nước trong vùng đó, cũng như qua sự liên tục tiếp tế cho nhóm

Khmer đỏ. Hơn nữa ai cũng còn ngán cái bàn tay lông lá của Trung Cộng qua những nhóm Hoa Kiều thân thiện với chính phủ Bắc Kinh nằm vùng ở các nước Đông Nam Á. Nam Dương làm sao quên được năm 1965 khi suýt bị đảng cộng sản của họ (do Trung Cộng giật dây) nắm chính quyền. Cũng vì mối lo sợ ảnh hưởng của Trung Cộng này mà Nam Dương phải luôn luôn sẵn đón giữ liên lạc với Vietnam để kèm Trung Cộng và cũng để giúp giải tỏa sự xung đột ở Cam Bốt hầu giảm thiểu ảnh hưởng chính trị của Trung Cộng trong vùng. (Nam Dương là đồng chủ tịch với Pháp trong nhóm vận động đem lại hòa bình cho Cam Bốt).

Thái Lan cũng vậy. Họ bị áp lực của Thái cộng do Trung cộng che chở đến đầu thập niên 80 thì Trung Cộng mới cắt đứt viện trợ cho Thái cộng vì Trung Cộng có nhu cầu phải thân thiện với chính phủ Thái Lan để nhờ chính phủ và quân đội Thái Lan dung túng với nhóm Khmer Đỏ và cho mượn đường tiếp tế vũ khí chống Việt Nam. Thái Lan dựa theo chiều hướng này đã phát động một chiến dịch chiêu hồi rất hữu hiệu, và kết quả là lực lượng của Thái cộng không còn đáng kể nữa. Tuy vậy Thái Lan cũng như các nước láng giềng khác thừa hiểu chính sách của Trung Cộng luôn luôn duy trì các khả năng lũng đoạn để nếu cần trao đổi quyền lợi chính trị (politics of negative incentives).

Trong nội bộ chính phủ Hoa Kỳ, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (National Security Coun-

cil/NSC) ở tòa Bạch Ốc có lẽ là cơ quan có tiếng nói mạnh nhất theo đường lối đặt quyền lợi chiến lược trên hết. Trong việc hoạch định chánh sách, ông Karl Jackson là người đã ở lâu nhất trong cơ quan này, có trách nhiệm và ảnh hưởng lớn về chánh sách đối ngoại với Việt Nam. Ông Jackson trước kia là giáo sư chánh trị học ở đại học Berkeley trước khi qua Hoa Thịnh Đốn làm phụ tá thứ trưởng Quốc Phòng về Á Châu sự vụ. Lúc còn ở Berkeley trong những năm cuối thập niên 70, ông Jackson là người đã theo dõi và đúc kết các vi phạm nhân quyền của chính quyền cộng sản Hà Nội. Sau này khi đổi qua NSC giữ chức vụ trưởng văn phòng Á Châu ở NSC thì ông là người đã thừa hiểu thực tế cộng sản Việt Nam nên ông chủ trương một chính sách cứng rắn, không nhượng bộ với Hanoi. Có thể nói ông này là một thành phần nghiêng về phía bảo thủ (conservative), gần gũi với nhóm bảo thủ bên phía lập pháp mà lâu nay vẫn chống chuyện sẵn đón cộng sản và theo đuổi những viễn tượng hão huyền. Ông Jackson hiện nay là Cố Vấn An Ninh Quốc Gia cho phó tổng thống Dan Quayle, nhưng ông vẫn còn duy trì thế đứng của ông trong vấn đề Việt Nam vì kinh nghiệm của ông và sự hỗ trợ của phe bảo thủ cũng như của cấp lãnh đạo ở tòa Bạch Ốc và Hội đồng an ninh quốc gia như là tướng Brent Scowcroft, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia cho Tổng thống Bush. Ông Scowcroft đã giữ chức vụ này dưới thời Tổng thống Ford

trong thời gian cuối cùng của cuộc chiến Việt Nam. Ông này quá quen thuộc với những thủ đoạn lật lọng của Hà Nội nên cũng chủ trương là đối với cộng sản cứ “tiền trao cháo múc”, quan niệm rằng Hoa Kỳ trên mặt chính trị và chiến lược không cần tha thiết với Việt Nam thì không chuyện gì phải đáp ứng trước. Các ông ở Hội Đồng An Ninh Quốc Gia/NSC (như Jackson, Scowcroft, Richard Childress, và sau này người thay thế ông Childress trong trách nhiệm về vùng Đông Nam Á là ông Peter Watson) càng trở nên cứng rắn hơn trong việc liên lạc với Hà Nội trong vòng mười năm qua, khi họ thấy Hà Nội không có thiện chí giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân đạo, nhân quyền, và nhất là vấn đề những người Mỹ mất tích (POW/MIA) chưa giải quyết được.

Về phía bộ ngoại giao Hoa Kỳ thì người chủ chốt về Việt Nam là ông thứ trưởng Richard Solomon. Ông này tuy tương đối ít có kinh nghiệm trực tiếp về Việt Nam nhưng rất rành rẽ những vấn đề có tầm vóc chiến lược thế giới. Ông ta là một chuyên viên về lịch sử chính trị của Trung Hoa, tác giả của một cuốn sách nghiên cứu rất công phu là cuốn “Văn Hóa Chính Trị Trung Hoa và Chính Sách Ngoại Giao của Mao Trạch Đông” (China's Political Culture and Mao's Foreign Policy). Ông Solomon là một cựu giáo sư chính trị học ở đại học Michigan, và nguyên giám đốc ban nghiên cứu ở Rand Corporation trước khi nhậm chức

thứ trưởng ngoại giao. Ông này rất thông hiểu tầm quan trọng của Trung Cộng trong sách lược chính trị của Mỹ và từ khi nhậm chức vẫn duy trì chánh sách lâu nay là để các nước đồng minh trong vùng (ASEAN) đi trước, Hoa Kỳ theo sau. Trên thực tế như vậy có nghĩa là Hoa Kỳ không muốn đơn độc sa lầy vào nơi mà quyền lợi họ không có nhiều, và cũng muốn cho hiểu rằng Hoa Kỳ thông cảm vị thế ảnh hưởng và quyền lợi tương quan của Trung Cộng trong vùng Đông Nam Á. Nên để ý rằng ông Solomon đã tể nhị đới đến sau khi qua Bắc Kinh hội ý với giới lãnh đạo Trung Cộng rồi mới chính thức công bố lịch trình tiến tới bang giao với Việt Nam (“road map”) trên đường về nước.

Tình trạng bang giao giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng hiện nay đòi hỏi Hoa Kỳ phải dè dặt lưu ý đến những vấn đề thuộc phạm vi ảnh hưởng của Trung Cộng, đặc biệt là trong lúc này Hoa Kỳ đang phát họa một trật tự mới cho thế giới (“new world order”) trong đó Hoa Kỳ cần có sự hợp tác chặt chẽ của Trung Cộng cũng như của các cường quốc khác trong việc quản trị sự cân bằng ảnh hưởng trên thế giới, và trong việc giải quyết các xáo trộn chính trị và quân sự trong tương lai. Vụ Iraq là một thí dụ cụ thể mà Hoa Kỳ đã rất cần sự hợp tác của Trung Cộng (là một trong năm đoàn viên chính thức) trong Hội Đồng An Ninh Liên Hiệp Quốc — mặc dù chỉ dưới một hình thức rất giới hạn là “không chống”.

Thật ra, việc Trung Cộng có ảnh hưởng mạnh với Hoa Kỳ trong vấn đề Việt Nam không hoàn toàn có nghĩa mỗi giao dịch phải ở trong một chiều hướng nhất định là “nếu có người được là phải có người thua” (zero-sum game) như trong một canh bài bạc thông thường. Vấn đề là Hoa Kỳ muốn tìm kiếm một con đường không những ít tổn kém, có lợi cho Hoa Kỳ trong việc liên hệ với Việt Nam mà cũng có thể chấp nhận được cho Trung Cộng, có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ không qua mặt Trung Cộng trước khi Bắc Kinh và Hà Nội đi đến một liên hệ mà Bắc Kinh thỏa mãn.

Trên mặt bang giao giữa Hoa Kỳ và Vietnam, chính phủ Hoa Kỳ đang theo một câu châm ngôn thông thường của Mỹ là “If it ain't broke, don't fix it.” (Nếu không hư thì đừng sửa). Hà Nội bây giờ ở trong thế phải quy lụy thì tội gì phải hấp tấp. Cứ đợi “bất chiến tự nhiên thành”. Nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền Hoa Kỳ bây giờ đã trải qua thời chiến tranh Việt Nam và nhiều người có cả kinh nghiệm điều đình trực tiếp với Cộng sản Việt Nam.

Còn trong vấn đề Cam Bốt, nơi mà người Mỹ có một mặc cảm tội lỗi trong lương tâm qua sự dính líu của họ ở Cam Bốt mà hậu quả đã dẫn đến những thảm cảnh lịch sử cho dân tộc này trong hai chục năm qua, thì Hoa Kỳ muốn bắt chẹt Việt Nam để lo vụ Cam Bốt cho xong vì mặc dù họ hiểu rằng sự hợp tác của Việt Nam nếu không là “điều kiện đủ” thì cũng là “điều kiện

cần" trong sự giải quyết vấn đề này. Nhờ vậy tình hình Cam Bốt đã tiến triển từ một chỗ cực kỳ nan giải trong sáu tháng trước đây đến một tình trạng sáng sủa ngày hôm nay mà không cần Hoa Kỳ phải nhượng bộ gì nhiều cho Hanoi. Cả bốn phe Khmer giao chiến sau nhiều lần họp đã giải tỏa những điểm bất đồng và vào ngày 23 tháng mười, 1991, đã chính thức ký kết hiệp định ngưng bắn và bầu cử tự do.

Chính sách của chính phủ đối với Vietnam cũng đã được sự hỗ trợ của một nhóm rất quan trọng là nhóm "Gia đình của những người mất tích ở Việt Nam". Đại diện của nhóm này là bà Ann Griffiths là người đã tích cực hăng say hoạt động trong hơn mười năm qua. Bà ta đã tham dự hầu hết các cuộc họp mặt cao cấp giữa viên chức Hoa Kỳ và Việt Nam sau khi Tổng thống Reagan nhậm chức năm 1981 đã hứa đưa vấn đề người mất tích lên hàng đầu trong tất cả các cuộc thảo luận với Hà Nội. Bà Griffiths đã rất chán nản về sự giao dịch với Hà Nội và việc thiếu kết quả cụ thể trong nhiều năm cố gắng. Bà ta cũng như những nhà cầm quyền ở Hoa Thịnh Đốn tin rằng nếu Hanoi thực tình muốn giải quyết thì đã giải quyết lâu rồi. Vấn đề là sự thiếu thiện chí của Hà Nội. Vì vậy cho nên nhóm này và bà Griffiths đã không muốn vấn đề bang giao với Việt Nam đi quá mau sợ rằng Hoa Kỳ sẽ mất cái thế (leverage) để áp lực với Hanoi trong việc giải quyết dứt khoát vấn đề những người Mỹ mất tích.

Nhóm thứ nhì ngoài vòng hành pháp có ảnh hưởng mạnh trên chính sách đối ngoại là nhóm vận động cho độc lập và hòa bình ở Cam Bốt. Ông dân biểu Steve Solarz (Dân Chủ - Brooklyn, Mỹ) là người quan trọng trong phong trào này. Ông Solarz rất có thiện cảm với dân Cam Bốt. Là một người gốc Do Thái, ông thông cảm cho vận mệnh của dân Cam Bốt như dân Do Thái hồi xưa. Ông ta thường so sánh những chuyện thảm sát ở Cam Bốt (killing fields) với chuyện holocaust của người Do Thái. Ông là một người dân biểu có uy tín nhất với giới hành pháp và các bằng hữu ở Quốc Hội trong vấn đề ngoại giao (thường được ví như là một ngoại trưởng thứ hai của Mỹ và có triển vọng trở thành ngoại trưởng nếu phe Dân Chủ nắm tòa bạch ốc). Ông là chủ tịch ủy ban Á Châu sự vụ ở Hạ Viện và ông thường cho thấy lập trường rõ ràng trong những buổi điều trần trước ủy ban của ông, như buổi điều trần đầu tháng bảy vừa qua, ông bắt buộc phải có sự hợp tác của Hanoi trong vấn đề Cam Bốt, đặt nặng về kết quả chứ không nghe lời hứa nữa, cũng như không muốn có một chính sách nhân nhượng gì với Hà Nội trước khi những mục đích chính của Hoa Kỳ được thành đạt trong đó có vấn đề Cam Bốt.

Chiều hướng rõ ràng và cứng rắn này cũng đã được sự ủng hộ tích cực của các vị dân cử ở phe cộng hòa bảo thủ, thí dụ như thượng nghị sĩ Bob Smith (đảng Cộng Hòa - New

Hampshire), và các dân biểu Bob Dornan (Cộng Hòa - Orange County, CA), và Bill McCollum (Cộng Hòa - Orlando, FL). Các nhân vật này đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chống lại những chiều hướng nhượng bộ với Hà Nội. Họ cũng là những người có thế lực mạnh với Tòa Bạch Ốc. Ngoài ra, ông TNS Smith lại có mối nối trực tiếp với một người bạn đồng hương khác ở Tòa Bạch Ốc là ông Bộ trưởng Phủ Tổng Thống John Sununu. Ông dân biểu Dornan là người Tổng thống Bush nhớ ơn vì ông ta là người đầu tiên đáng kể thuộc nhóm Bảo Thủ đứng ra ủng hộ Tổng thống Bush trong kỳ bầu cử năm 1988. Ông McCollum là một trong năm nhà lãnh đạo cao cấp nhất của đảng Cộng Hòa ở Hạ Viện và có liên hệ thân cận với Tổng thống Bush. Ông McCollum cũng là chủ tịch của ủy ban đặc biệt ở Hạ Viện chuyên điều tra và nghiên cứu về chiến tranh tâm lý và bất quy ước (psychological and unconventional warfare), và về các tổ chức khủng bố quốc tế. Văn phòng của ông McCollum trong tháng năm vừa qua đã công bố lịch trình huấn luyện và dung túng của chính quyền Hà Nội cho các tổ chức khủng bố quốc tế như nhóm P.L.O. ở Trung Đông, và chính phủ Cộng sản ở Nicaragua trong những năm trước.

Trên bình diện chính trị nội bộ Hoa Kỳ, hai vấn đề Cam Bốt và POW/MIA cũng được lưu ý nhờ vào áp lực của quân chúng và báo chí Mỹ. Thí dụ đài truyền hình ABC với ông Peter Jennings năm ngoái đã

có nguyên một tường trình về vấn đề Cam Bốt mà sau đó đã gây nên một hậu thuẫn đáng kể cho nhóm vận động hòa bình cho Cam Bốt. Các nhà cầm quyền Mỹ lại càng áy náy hơn về việc POW/MIA vì sợ bị mang tiếng là thờ ơ, bỏ rơi các binh sĩ mất tích. Nhờ vào những hậu thuẫn đáng kể này mà hai vấn đề trên đã được sự chú ý đặc biệt của giới lãnh đạo Hoa Kỳ và từ đó trở thành những chánh sách ưu tiên. Đây là một thực tế chính trị trong nước đã làm cho nhiều quan sát viên đứng từ ngoài thấy rất khó hiểu. Khó hiểu là tại sao Hoa Kỳ lại đặt ưu tiên quá cao cho mấy xác chết, cũng như cho vấn đề Cam Bốt mà theo họ phải nên được tách rời (decoupled) với sự liên hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Hà Nội cũng như những quan sát viên này lâu nay đã làm đánh giá thấp những ưu tiên của Hoa Kỳ và đánh giá quá cao giá trị của Việt Nam trong bản đồ chiến lược quốc tế của Mỹ. Từ những nhận định sai lầm này (misperceptions) nhiều người, kể cả Hà Nội, đã kết tội Hoa Kỳ là không thành thực với Việt Nam mà chắc là có ý làm khó dễ vì còn "hận" thua cuộc chiến ở Việt Nam. Hoặc đi xa hơn nữa, họ cho đây là một kế hoạch trả thù Hà Nội một cách có hệ thống của nhóm ông Kissinger, qua các "đàn em" cũ của ông ta như ông Scowcroft và ông Lawrence Eagleburger (phụ tá ngoại trưởng Hoa Kỳ).

Những điều kiện chính trị và chiến lược kể trên đã nắm phần chính trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ với Việt

Nam. Tuy nhiên chiều hướng định đoạt chính sách này cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng khác có tính cách chính trị nội bộ và tư lợi. Những ảnh hưởng này, có cái cùng chiều hướng với đường lối của chính phủ, có cái lại cho rằng chính sách của chính phủ là lỗi thời.

Các nhóm thương mại chủ trương rằng quyền lợi kinh tế là chính yếu. Hơn nữa chiến tranh Việt Nam đã kết thúc hơn 16 năm rồi. Tình trạng bang giao hiện nay giữa hai nước theo họ là một tình trạng bất bình thường và không có lợi cho Hoa Kỳ. Các nhóm tự nguyện làm việc xã hội nhân đạo thì cho chánh sách Hoa Kỳ là bất nhân và chỉ có làm khổ thêm dân Việt Nam mà thôi chứ không giúp gì được cả. Các nhóm hoạt động xã hội và nhân đạo này đã không có ảnh hưởng gì cụ thể trên chính sách chung của Hoa Kỳ ngoài việc họ đang được cả hai chính phủ dùng làm những phương tiện để chuẩn bị cho chương trình tái lập bang giao khi cần.

Nhóm thương gia là nhóm có nhiều phương tiện hơn hết và rất có tổ chức trong việc vận động bỏ cấm vận. Các nhóm này có tiền của, nhân lực và kinh nghiệm vận động chánh trị cho nên đã thành công trong việc tạo được một tiếng vang về sự đòi hỏi của họ. Ngân hàng lớn nhất của Mỹ, Citibank, là nhóm chủ chốt trong việc vận động Hoa Thịnh Đốn bãi bỏ lệnh cấm vận. Citibank đã thuê ông Leonard Woodcock (cựu Đại sứ Hoa Kỳ ở Bắc Kinh và là người đại diện Tổng thống

Carter qua Hà Nội thương thuyết về việc POW/MIA và những triển vọng bang giao năm 1977), và một công ty giao tế (public relations) có tiếng ở Washington, D.C. là nhóm Cassidy and Associates để giúp họ vận động. Tuy nhiên những biện luận và bằng chứng của họ nêu lên không có giá trị cho nên họ chưa tạo được uy tín lớn lao trong giới chính quyền. Thí dụ họ hô hào rằng:

1. Những công ty ngoại quốc khác trong năm 1990 đã đầu tư gần một tỷ rưỡi đô la vào Việt Nam — Đây là một con số rất quá đáng do cơ quan hợp tác và đầu tư của Hà Nội loan ra và các ông thương gia này cùng báo chí quốc tế sử dụng mà không kiểm chứng vì đây là con số các thương gia ngoại quốc đến Việt Nam tỏ ý **dự tính** đầu tư chứ không phải là con số **đã ký kết nhất định** đầu tư hoặc số tiền **đã** đầu tư (planned investments thay vì committed hay là funded). Thêm vào đó con số này còn kể cả những chi phí ăn ở di chuyển (incidental expenses) của người ngoại quốc đến Việt Nam. Số tiền ngoại quốc đầu tư thật sự trong năm qua chỉ khoảng một phần mười của con số mà Hanoi đã phổ biến. Ông Shepard Lowman (một nhà ngoại giao kinh nghiệm về Việt Nam và là cựu Giám đốc văn phòng Đông Dương ở Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ) trong buổi điều trần tháng bảy trước ủy ban Á Châu sự vụ của Hạ Viện Hoa Kỳ do ông dân biểu Solarz chủ tọa đã trình bày vấn đề này và bác bỏ luận điệu của nhóm thương

mãi về việc các nước ngoại quốc khác đang hồ hởi đầu tư ở Việt Nam.

2. Việt Nam đang có nhiều cơ hội đầu tư tốt mà thương gia Mỹ phải vô gập kéo mất thị trường — Các nhân vật chính quyền biết nhiều về Việt Nam đã không dễ tin điều này. Họ thừa biết là thị trường Việt Nam chưa phải là nơi mà Mỹ có thể làm ăn được theo lối của họ vì những điều kiện kinh tế, luật pháp, đầu tư, hạ tầng cơ sở tiên quyết chưa có. Hơn nữa so sánh với các thị trường ở Phi Luật Tân, Mã Lai, Indonesia là những nơi có nhiều điều kiện thuận lợi hơn mà Mỹ còn chưa khai thác hết thì thị trường Việt Nam tương đối không có gì đặc biệt quyến rũ. Thật ra những hình ảnh quyến rũ về các cơ hội đầu tư ở Việt Nam chỉ là sản phẩm tưởng tượng của những thúc đẩy chính trị (để áp lực chính phủ sớm bỏ cấm vận) hoặc của những người muốn tạo nên một cơn sốt về thị trường Việt Nam để họ có cơ hội vụ lợi. Điển hình là những nhóm tổ chức các buổi thuyết trình, thảo luận đặc tiền như lần ở Hongkong năm ngoái và một lần khác ở New York tháng tám vừa qua. Hiện tượng này cũng tương tự như hiện tượng Trung Hoa lục địa được thổi phồng trong những năm thập niên 70.

3. Cần vô gập để móc nối tổ chức cơ sở — Lập luận này cũng không thuyết phục được nhiều người hiểu chuyện vì tình hình đang tranh sáng tranh tối ở trong nội bộ chính quyền Hà Nội nói riêng và tương lai của đảng Cộng sản

Việt Nam nói chung.

Một số lý luận của các nhóm thương mại tuy vậy cũng có sự ủng hộ âm thầm của một số nhân vật chính quyền khác có liên quan đến Việt Nam. Các vị này phần đông là các viên chức chuyên môn. Đối với nhóm chuyên môn này thì chính sách cấm vận và không bang giao của Hoa Kỳ là một điều bất thường và đã đi ngược lại các nguyên tắc căn bản thuần túy của ngành ngoại giao. Theo họ thì thứ nhất, liên hệ ngoại giao là vấn đề cần thiết giữa bất cứ hai quốc gia nào, không kể thể chế chính trị, vì càng có bất đồng ý kiến càng nên có liên hệ ngoại giao; thứ đến, trong chế độ kinh tế tư bản tự do như của Hoa Kỳ thì người dân phải được quyền tự do đầu tư bất cứ ở đâu họ muốn, nên hay không nên là tùy các mậu dịch kinh tế (market forces), chứ không phải để nhà cầm quyền của họ quyết định; và thứ ba, có liên lạc kinh tế thì mới có dịp ảnh hưởng thay đổi đường lối của nhà cầm quyền cộng sản với hy vọng là họ sẽ trở nên cởi mở hơn vì nhu cầu kinh tế. Những người có lập trường trên trong giới chính phủ đang âm thầm hoạt động trong lãnh vực của họ nhưng chưa có tiếng nói chính thức. Vì là công chức, họ không muốn đi ngược lại chính sách của những người lãnh đạo chính trị sợ rằng việc đó sẽ ảnh hưởng không tốt cho sự nghiệp tương lai của họ.

Tổng thống Bush tuần qua (14-9-91) đã gia hạn cấm vận như đã được tiên đoán. Quyết định này theo sát lịch trình

bang giao ("road map") mà Hoa Kỳ đã công bố và cũng để cho Hà Nội thấy một dấu hiệu là chính sách của Mỹ rất rõ ràng như đã được đề ra và Hoa Kỳ nhất tâm theo đuổi chính sách này. Như vậy có nghĩa là tương lai của việc bỏ cấm vận và bang giao với Việt Nam đòi hỏi Việt Nam phải thực tâm đóng góp trong việc đem lại một giải pháp chính trị ở Cam Bốt, và giải quyết thỏa đáng vấn đề tù binh mất tích của Hoa Kỳ. Về mặt nội bộ chính trị của Hoa Kỳ, hai vấn đề này đòi hỏi sự thỏa thuận và hợp tác của hai thành phần ảnh hưởng trong nước là nhóm quan tâm về việc Cam Bốt, và nhóm Gia Đình của những người mất tích. Về phương diện đối ngoại khác, Hoa Kỳ phải để ý đến thái độ của Trung Cộng và chiều hướng Trung Cộng và Việt Nam đang tiến gần lại nhau. Thái độ dè dặt và nguyên tắc của Hoa Kỳ đang đi song song với thái độ cởi mở có giới hạn, chừng mực của Trung Cộng với Việt Nam mặc dù cả hai đang được Hà Nội tích cực vượt ve.

Tuy nhiên, những tiến triển mới đây ở Cam Bốt và thái độ hợp tác tích cực mới của Hà Nội về việc POW/MIA có thể sẽ làm cho Hoa Kỳ xúc tiến liên hệ với Việt Nam nhanh hơn thời gian dự tính trong chương trình ("road map") mà họ đã đặt ra. Phụ tá thứ trưởng ngoại giao Kenneth Quinn và nhóm gia đình tù nhân đã có thái độ phấn khởi sau các buổi gặp mặt mới đây với chính quyền Hà Nội cũng như những điều kiện hợp tác mà Hà Nội đã hứa với thượng

ngệ sĩ John Kerry. Văn phòng POW/MIA của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ ở Hanoi cũng đã rất hài lòng về sự hợp tác của Hà Nội. Chính phủ Hoa Kỳ đã đáp lại những bước tiến này bằng cách lắng lẽ nới rộng những liên hệ khác với Hà Nội. Bộ ngoại giao mới cho phép viện nghiên cứu Đông Á của đại học Berkeley trao đổi vài chương trình văn hóa và giáo dục với Việt Nam. Nhiều chương trình trao đổi văn hóa, văn nghệ, giáo dục, thể thao ... khác có lẽ sẽ được cho phép thêm trong những ngày sắp tới. Đội bóng tròn thiếu niên Việt Nam đã được phép đến Hoa Kỳ đấu giao hữu với các đội Hoa Kỳ ở Virginia và Connecticut. Đoàn cầu này được dàn xếp cho vào khuôn viên của tòa Bạch Ốc dự lễ Tổng thống Bush đón tiếp ông hoàng Monaco. Tuy là phái đoàn này không có tư cách chính thức gì hết trong buổi lễ và Tổng thống Bush có lẽ cũng không biết đến sự hiện diện của phái đoàn này trong đám mấy trăm người khác trên khuôn cỏ rộng lớn của tòa Bạch Ốc, nhưng cái mẹo nhỏ này của bộ ngoại giao Hoa Kỳ — cho Hanoi cái tiếng “qua Mỹ được tiếp đón ở tòa Bạch Ốc” — là để cho Hanoi thấy Hoa Kỳ có ghi nhận những tiến bộ mới trong liên hệ chung và cũng để khuyến khích Hà Nội kiên nhẫn mặc dù lệnh cấm vận được gia hạn.

Mặc khác, Hà Nội và Bắc Kinh đang đi lại gần nhau vì cả hai đang có nhu cầu tương tự. Hà Nội ý thức Bắc Kinh đang nắm một chìa khóa chính yếu trong việc cải thiện liên

hệ với Hoa Thịnh Đốn và các nước khác trong thế giới tự do, cũng như cơ hội vay mượn ở các quỹ phát triển quốc tế. Hà Nội cũng cần dựa vào Bắc Kinh trên phương diện ý thức hệ sau những biến chuyển ở Đông Âu và Nga Sô. Trên phương diện này Bắc Kinh muốn duy trì thể chế chính trị hiện tại ở Việt Nam và đồng ý với Việt Nam duy trì một thể chế ý thức hệ “thích hợp” cho cả vùng Đông Dương. Đây là cái “giải pháp Đổ” mà các nước ASEAN đang e ngại là Việt Nam và Trung Cộng đang mưu đồ trong việc hợp tác. Cho nên nếu sự tiến triển ở Cam Bốt cho Trung Cộng thấy là Hà Nội không còn ảnh hưởng trực tiếp với chính quyền ở Phnom Penh nữa, và Hà Nội đã ở vào một cái thế chẳng đặng đừng phải hợp tác với Bắc Kinh để bảo vệ quyền lợi chung thì Bắc Kinh mới sẵn sàng đi thêm một bước nữa với Việt Nam, thỏa thuận ngầm với Hoa Kỳ tiến tới việc bãi bỏ cấm vận và bang giao với Việt Nam.

Ngoài ra, nên hiểu rằng luật cấm vận cũng cho phép Tổng thống bãi bỏ lệnh này khi nào thấy cần thiết miễn là thích hợp với các điều kiện an ninh quốc gia. Do đó theo đà tiến triển của mấy tháng vừa qua trong những vấn đề chính yếu của liên hệ Việt Mỹ thì có thể trong một thời gian gần đây, luật cấm vận với Việt Nam sẽ được bãi bỏ và bộ ngoại giao Hoa Kỳ sẽ thành lập một văn phòng liên lạc ngoại giao (interest section) mở đầu cho sự bang giao toàn diện với Vietnam. Trong một khung cảnh chính trị như vậy, tương lai Việt Nam sẽ đi về đâu? Việt Nam sẽ trở thành một Trung Cộng thứ hai? Hay là sẽ lợi dụng cơ hội cuối cùng để vươn lên trong tự do dân chủ? •

28-10-1991

TRẦN SĨ CHƯƠNG

Nguyên Cố vấn
Ủy ban Ngân hàng
Hạ Viện Hoa Kỳ

Tin Đoàn Tụ

• AH Ứng Sơ, nguyên Chánh Sở Vệ Sinh Đô Thành mới được thả tự do tháng 10-1991 vừa qua và đã trở về đoàn tụ với gia đình. Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với AH Bửu Hiệp.

• AH Trần Chấn Giang đã đón hiền thê và 4 cháu đoàn tụ gia đình vào tháng 12-1991.

• AH Nguyễn Tư Tùng, nguyên Trưởng Ty Công Tác NCCHK và Cấp Thủy Đà Lạt đã qua đoàn tụ với gia đình tại Fremont, California. Tel: (510) 797-9163.

Cười Chút Chơi



PDH

CHUYỆN CƯỜI NGÀY XƯA

Cái chuyện nhân cư vi bất thiện là đã có từ ngày xưa. Cụ Nguyễn Công Trứ nhà ta ngồi nhà buồn, nên đêm khuya cũng kệ, cất bước tới nhà chị ả đào quen thuộc (Tướng Quân to gan lớn mật hơn nhiều vị AHCC). Ai ngờ đâu tới nhà chị ta lại ngừng nga ngừng ngảy không muốn tiếp (có lẽ đã tiếp nhiều khách quá nên mệt mỏi chẳng?). Cụ tức quá mới mắng rằng:

Ông ở nhà ông, ông nhớ mi
Nhớ mi ông mới bước chân đi

Không đi mi bảo rằng không đến

Đến thì mi hỏi đến màn chi
Màn chi ông đã màn chi đặng

Màn đặng ông màn đã chán khi.

Sau đó ra sao thì không ai được biết.

DIỄN TÍCH CỦA TỬ KHOÁI

Trong lúc trà dư tửu hậu, có

người bàn về tứ khoái như sau:

cửu hạn phùng cam vũ: tạm dịch là hạn hán mà lại gặp mưa rào.

tha hương ngộ cố tri: xa nhà mà lại gặp người quen.

động phòng hoa chúc dạ: đêm tân hôn.

kim băng quải danh đề: có tên trên bảng vàng.

Một vị ngồi trong bàn tiệc bàn rằng nếu thêm vào mỗi câu 2 chữ thì cái tứ khoái đó khoái hơn nhiều:

Thập niên cửu hạn phùng cam vũ: mười năm hạn hán gặp mưa rào thì thật là cái khoái của nhà nông.

Thiên lý tha hương ngộ cố tri: đi xa hàng vạn dặm mà gặp người quen thì khoái biết chừng nào.

Hòa thượng động phòng hoa chúc dạ: kẻ thường tục tân hôn là chuyện thường nhưng nếu đi tu mà lại động phòng thì khoái lắm ư.

Nột nho kim băng quải danh đề: học dốt mà đậu thì

mới sướng biết chừng nào.

Ai cũng gật gù khen hay không chê được. Một vị ngựa miệng nói nếu tôi đổi hai chữ vừa thêm vào thì không biết là khoái hay là họa. Mọi người xin cho nghe và vị đó đổi bài tứ khoái ra như sau:

Tang điền cửu hạn phùng cam vũ: ruộng muối mà gặp mưa rào thì thật là cái họa.

Đào trái tha hương ngộ cố tri: đi xa trốn nợ mà gặp người quen thì chẳng vui chút nào.

Yểm hoạn động phòng hoa chúc dạ: Bất ông quan hoạn lấy vợ thì thật là tội nghiệp cho cả hai bên.

Cửu nhân kim băng quải danh đề: Kẻ thù mình mà có tên trên bảng vàng thì tức lắm chứ.

NỤ CƯỜI NGÀY NAY

Trong toa xe lửa, trong một chuyến du lịch có hai vợ chồng và đứa con bốn tuổi ngồi nói chuyện rất vui vẻ. Khi xe lửa đi qua một nơi quen thuộc vợ mới thủ thỉ với chồng là:

— Mình có nhớ cách đây 4 năm em ngồi bên này.

Người chồng ngắt lời vợ: Còn anh ngồi bên kia.

Đứa nhỏ tò mò hỏi thế con ngồi đâu. Câu hỏi chưa dứt thì toa tàu chui vào đường hầm tối đen như mực. Khi tàu ra khỏi đường hầm bố mới trả lời con như sau:

— Trước khi tàu chui vào hầm thì con ở bên bố khi tàu chui vào hầm thì con sang bên mẹ.

NỤ CƯỜI THIÊN ĐƯỜNG

Ba chàng tạm gọi là A, B và C cùng rủ nhau lên thiên đường một lúc. Thánh Pierre hỏi chàng A: “Ở dưới trần con lừa dối vợ con mấy lần?” A đáp rằng độ 5 hay 7 lần. Thánh Pierre nói vậy cũng được và cho chàng ta 1 chiếc xe 2 chevaux chạy chơi ở trên thiên đường. Hỏi chàng B, chàng B trả lời là một đôi lần và thánh Pierre cho chàng B một chiếc xe Mid size 6 máy đi chơi. Hỏi tới chàng C. C đáp rằng chưa từng 1 lần lừa dối bà đầm cả. Thánh Pierre rất lấy làm ưng ý bèn cadeau chàng C một chiếc limousine để đi du lịch trên thiên đường chơi.

Một hôm 3 chàng A, B và C gặp nhau hỏi han nhau rồi rít. Chàng C đơm về âu sầu. A và B hỏi rằng: “Anh là người được nhiều may mắn nhất xe Limousine chạy phây phây không sợ bị panne giữa đường mà sao lại có vẻ ưu tư như vậy?” C đáp rằng là tuần vừa rồi chàng mới gặp bà đầm. A và B nói rằng: “Vậy là nhất rồi anh và chị lại trùng phùng rồi anh phải mừng chứ.” C nói rằng: “Nhưng “moi” gặp bà xà “moi” đang đi Skate Board.”

CHƠI CHỮ

Ta những tưởng chỉ có Ta và mấy người Trung Hoa mới hay chơi chữ mà thôi vậy chứ mấy ông Hoa Kỳ cũng rành mấy vụ đó lắm.

Một hôm Ông nhà xuống dùng điểm tâm trước khi đi làm. Bà vợ hỏi nhẹ: “Nếu anh có rảnh được ít phút thì xem dùm hộ cái máy giặt không chạy được”. Ông chồng nghiêm khắc hỏi vặn lại: “Bộ

bà tưởng tôi là Mr. MAYTAG hả”? Sau khi điểm tâm xong ra garage đánh xe đi làm thì vợ hỏi với vào: “Anh rảnh thì xem dùm xe em đề không nổ?” Chàng trả lời xằng giọng: “Bộ bà nghĩ tôi là Mr. GOOD WRENCH hả?”.

Chiều về, Ông thấy bà đang đánh xe vào garage sau khi đón mấy đứa nhỏ đi học về và thấy cái máy giặt ở góc garage chạy rào rào. Ông ngạc nhiên hỏi bà: “Kêu thợ sửa hồi nào vậy”. Bà đáp: “Ấy cái anh hàng xóm sang sửa hộ”. Ông hỏi: “Hết bao nhiêu?” Bà nói: “Anh ấy ra điều kiện hoặc ngủ với anh ta hoặc phải nướng cho anh ta một cái bánh?” Ông thắc mắc: “Thế bà nướng bánh chưa?” Bà đáp tỉnh bơ: “Bộ ông tưởng tôi là Mrs. Betty Crocker hả?”

VỊNH THÚY VÂN

Trong Kiều, nhân vật nào cũng được mang ra ngâm vịnh nào là Kiều thì đã dành rồi

còn Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải, Tú Bà vân vân ... nhưng mấy ai mà vịnh Thuý Vân đâu.

Nhân khi “Lẽ là tảo mộ hội là đập thanh”

thì đâu phải chỉ có một mình Kiều nép mình dưới hoa ngưỡng mộ Kim Trọng mà có cả cô em là Thuý Vân nữa đấy chứ. Vậy ai cũng chê Kiều là thời buổi đó mà gớm thế thấy trai là mê ngay. Vậy chứ cô em thì lại không tai tiếng gì. Cho tới khi Chị phải bán mình chuộc cha và năn nỉ em: “Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” và xin Thuý Vân thay mình mà kết nghĩa với Kim Trọng không sợ tội nghiệp cho chàng và Thuý Vân lập tức vâng lời.

Do đó có bài vịnh Thuý Vân như sau:

*Tình Chị thì em đã hiểu rồi
Can gì mà khóc nín đi thôi
Tổ duyên nếu chấp người*

hôm ấy

*Chẳng lạy thì em đã chịu
lời. •*

PHÂN ƯU

Được tin Thân phụ AH ĐỖ HỮU HỨA

CỤ ÔNG ĐỖ HỮU BÌNH

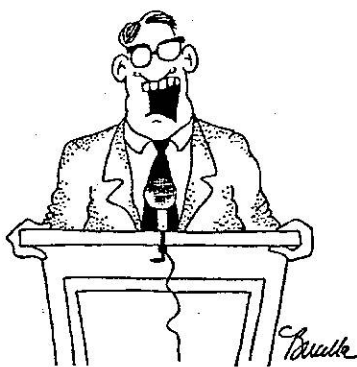
vừa tạ thế ngày 05-09-1991

tại Sài Gòn hưởng thọ 91 tuổi

Ái Hữu Công Chánh xin thành thật chia buồn
cùng anh chị Hứa và gia đình

Kính cầu chúc hương hồn Cụ Ông
sớm tiêu điều cõi Phật.

Quanh Vấn Đề Tái Thiết Hạ Tầng Cơ Sở Cho Một Nước Việt Nam Tự Do



Sau những biến cố chính trị đột ngột xảy ra tại Liên Bang Sô Viết vào tháng Tám vừa qua, người ta thấy rằng việc Liên Xô và đứng đầu là Cộng hòa Nga dứt khoát ra khỏi chủ nghĩa cộng sản là việc tất nhiên. Các nước Tây phương cùng đồng ý như vậy, và bắt đầu thực tế tính xem họ sẽ tốn bao nhiêu tiền (viện trợ, cho vay, đầu tư, v.v. ...) để “chuộc” để quốc này ra khỏi hệ thống kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa. Đây là những đề mục thảo luận của Ngân Hàng Thế Giới, Ngân Hàng Tái Thiết và Phát Triển Đông Âu, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế ... trong thời gian vừa qua.

Khi nhìn thấy thế giới có những chuẩn bị như vậy, Việt Nam ta không thể không tính trước. Nhưng, nếu phải tái thiết một nước Việt Nam dân chủ trong thời kỳ hậu cộng sản, người ta sẽ bắt đầu từ đâu?

Trong giới hạn của một bài tiểu luận, chúng ta thu hẹp vấn đề vào phạm vi gọi là “hạ tầng cơ sở”.

1. Phạm Vi Tìm Hiểu:

Khi nói đến “hạ tầng cơ sở”, người ta có thể hiểu theo nhiều ý nghĩa, từ rộng đến hẹp, và tùy theo đó mà nêu vấn đề nghiên cứu.

Theo ý rộng, hạ tầng cơ sở của một nền kinh tế là tất cả những điều kiện từ vật chất đến tinh thần có ảnh hưởng đến tiến trình phát triển kinh tế. Đây là ý thường dùng, chẳng hạn khi người ta nói “hiện nay Việt Nam không có những điều kiện về hạ tầng cơ

sở luật pháp hay tài chánh thương mại cho một nền kinh tế thị trường”. Trong ý nghĩa này, người ta hiểu hạ tầng cơ sở bao gồm hệ thống giáo dục, hệ thống luật lệ kinh tế thương mại tài chánh, các định chế kinh tế tài chánh, cho tới những hạ tầng cơ sở vật chất như giao thông, vận tải, viễn thông, v.v. v.v.

Trong một ý hẹp, hạ tầng cơ sở gồm có những kiến trúc vật chất thuộc lãnh vực giao thông công chánh gồm có đường sá cầu cống, thương hải cảng, hỏa xa, hàng không, phi đạo, phi trường ...

Ở giữa hai giới hạn trên, hạ tầng cơ sở bao gồm tất cả những lãnh vực giao thông, xây dựng và sản xuất nguyên vật liệu cần thiết cho các ngành sản xuất trong nước. Trong phạm vi này, người ta có thể nói đến hệ thống giao thông chuyển vận gồm có đường sá cầu cống, thủy lộ, thiết lộ, phi hải cảng; hệ thống thủy lợi; hệ thống cung cấp vật liệu như xi măng, sắt thép cho nhu cầu xây dựng, cung cấp năng lượng như điện nước cho nhà máy; hệ thống chuyển vận bốc dỡ hàng hóa hay hủy thải vật phế vật cho các cơ xưởng và cả hệ thống dịch vụ thông tin liên lạc bằng điện thoại, điện tín, điện toán hay điện thư (fax ...)

Trong phạm vi trình bày vấn đề để gợi ý thảo luận ở đây, hạ tầng cơ sở được hiểu theo ý thứ ba, không quá hạn hẹp trong lãnh vực giao thông công chánh, nhưng cũng không mở rộng sang những lãnh vực kinh tế tài chánh hay giáo dục, pháp lý khác.

Nếu mở rộng sang những lãnh vực trên, vấn đề trở thành quá bao quát và sẽ đòi hỏi nhiều công trình phối hợp và nhiều thời giờ hơn. Ngược lại, nếu chỉ thu hẹp trong phạm vi giao thông công chánh - lãnh vực chuyên biệt của quá nửa số hội viên **Hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam** - công trình khảo cứu có thể trở thành cục bộ và sẽ thiếu tính chất phối hợp đồng bộ với những lãnh vực phụ trợ sản xuất khác.

2. Cơ Sở Nghiên Cứu:

Nếu người ta nói đến “nhu cầu xây dựng một nền giáo dục kinh tế thuận lợi cho việc phát triển kinh tế tự do”, có lẽ vấn đề sẽ dễ giải quyết: người ta chỉ cần nêu lên những đường hướng xây dựng lý tưởng và lý thuyết, có thể đúng cho hầu hết mọi xã hội chậm phát triển vừa ra khỏi một nền kinh tế tập trung kiểu cộng sản. Trong trường hợp ở đây, nếu muốn nói về vấn đề tái thiết hạ tầng cơ sở của Việt Nam, người ta sẽ phải xác định những vấn đề đặc thù của Việt Nam, không giống với vấn đề Ba Lan, hay Madagascar hay Bangladesh chẳng hạn ...

Trong trường hợp trên, một vấn đề tiên quyết cần được nêu ra: làm sao lượng định được tình hình thực tế của Việt Nam hiện nay để nói đến những đường hướng tái thiết hay phát triển? Nói cách khác, tại nước ngoài, các chuyên viên đều gặp một khó khăn chung là thiếu những dữ kiện thực tế để cùng nhận định tình hình cho chính xác. Vì vậy, người ta cần theo dõi

rất sát những công trình nghiên cứu của quốc tế để có cơ sở nghiên cứu thực tế, có tạm đủ dữ kiện chính xác về tình hình hạ tầng cơ sở.

Trên thế giới hiện nay, có nhiều định chế quốc tế như Ngân Hàng Thế Giới, Ngân Hàng Phát Triển Á Châu, hoặc Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Cơ Quan Phát Triển Kỹ Nghệ (UNIDO) và Chương Trình Phát Triển (UNDP) của Liên Hiệp Quốc đã gửi những phái đoàn nghiên cứu qua Việt Nam lượng định tình hình. Kết quả của những chuyến khảo sát này là nhiều phúc trình nghiên cứu đã được hoàn thành, có bản được phổ biến, có bản chưa. Các chuyên viên Việt Nam ở bên ngoài rất cần những tài liệu này, nhưng không phải là ai cũng có, tổ chức nào cũng dễ dàng tìm ra.

Một ý kiến được nêu ngay ở đây là chúng ta nên phổ biến rộng rãi những tài liệu nghiên cứu này, nếu là những tài liệu đã được các tổ chức quốc tế cho phép công bố. Việc trao đổi và quảng bá những tài liệu là việc có ích lợi chung, người này không dùng người khác có thể cần. Chúng ta nên tránh tình trạng tạm gọi là “đầu cơ dữ kiện”, “đầu cơ kiến thức” ai ai cũng chỉ muốn giữ riêng cho mình mà có khi không tận dụng hết lợi ích của các phúc trình khảo cứu trên. Tình trạng đó là một hiện tượng chậm tiến và chỉ làm sự hiểu biết của người Việt ta thêm hạn hẹp, nghèo nàn.

Ý kiến thứ hai, cũng thuộc về cơ sở nghiên cứu, là chúng ta phải tìm cách thu nhập, lưu trữ và hệ thống hóa việc khai

thác những tài liệu này, cho nhu cầu khảo cứu trong phạm vi một hội, cho nhu cầu quảng bá và hướng dẫn chuyên môn trong các diễn đàn công cộng, và cho cả những nhu cầu nghiên cứu hay giáo dục của các sinh viên Việt Nam đang học tại các đại học ngoại quốc.

3. Tiến Trình Nghiên Cứu:

Sau xác định nội dung của đề tài nghiên cứu và nêu vấn đề về cơ sở nghiên cứu, người ta có thể nói tới tiến trình khảo cứu, và trước hết, về “khảo hướng thẩm xét vấn đề” (approach), về cách thức tìm hiểu và giải quyết vấn đề.

Trước tiên, người ta không thể nói tới việc tái thiết một hệ thống hạ tầng cơ sở cấp quốc gia mà không khảo sát và lượng định về tình hình thực tế. Thí dụ, về mặt hạ tầng cơ sở hiện nay, chúng ta có những gì, tình trạng khai thác ra sao, và chúng ta cần biết cho từng lãnh vực, ở từng vùng. Chẳng hạn như hệ thống hỏa xa ngày nay còn những gì, bao nhiêu cây số khai thác được, mức độ bảo trì ra sao, tại mỗi vùng, mỗi tỉnh. Chẳng hạn như các hải cảng ngày nay bị ứ đọng ra sao, gặp những vấn đề gì phải đón các thương thuyền lớn, phải bốc dỡ hàng hóa, tồn trữ và vận chuyển ... Hoặc tình trạng năng lượng nước ta ngày nay như thế nào, điện nước được cung cấp hay bị gián đoạn ra sao, vùng nào có vùng nào chưa ...

Sau khi kiểm điểm xong tình hình thực tế rồi và càng sát với thực tế càng hay, người ta mới nêu tiếp vấn đề: nhu

cầu của Việt Nam trong tương lai là những gì? Trả lời cho câu hỏi này là phải đặt Việt Nam vào thời điểm sau năm 2000 và trong vùng Đông Nam Á, trong vùng Châu Á Thái Bình Dương, với giả thuyết căn bản là có tự do kinh tế, tự do giao thương cùng các nước lân cận. Khi đã biết là mình có những gì, thiếu những gì cho nhu cầu tương lai, người ta mới tìm hiểu tiếp là Việt Nam ta phải làm những gì trong lãnh vực hạ tầng cơ sở. Đây là nền móng vật chất của công cuộc phát triển trong những thập niên tới.

Lúc đó, vấn đề "tái thiết" sẽ được nhìn theo nhãn quan tích cực là "tái thiết và phát triển". Không thể chỉ tái thiết để trở lại tình trạng "bình thường" là đủ, hoặc trở lại thời trước 1975 là hay. Phải tái thiết trong tinh thần làm mới, làm mạnh và làm nhiều hơn trước. Thí dụ cụ thể trước mắt là khi tái thiết hệ thống chuyển vận bằng hỏa xa, người ta phải nghĩ đến hệ thống thiết lộ tân tiến hiện nay, chứ không thể trùng tu lại các tuyến đường do Pháp xây dựng từ đầu thế kỷ, theo kỹ thuật của nửa thế kỷ trước, với quá nửa đã trở thành vô dụng.

Đã nói tới tái thiết và phát triển, người ta bắt đầu nói đến những chọn lựa chiến lược, cụ thể là làm gì trước làm gì sau, nếu không làm tất cả một lúc được. Chọn lựa ưu tiên trong tinh thần chiến lược là chọn lựa những lãnh vực nếu phát triển trước thì sẽ có lợi cho những lãnh vực khác nhiều hơn. Tác dụng dây chuyền

trong tiến trình động là một vấn đề chiến lược, và vượt khỏi phạm vi cục bộ của một lãnh vực. Nó là phạm vi của kế hoạch quốc gia.

Sở dĩ ta không thể làm tất cả cùng một lúc được vì không có đủ phương tiện: nhân công, nguyên liệu, kỹ thuật, tài chánh ... hiện không dư giả mà còn rất khan hiếm. Do vậy mới có thứ tự và việc sử dụng tài nguyên cho những lãnh vực ưu tiên nhất cũng là một chọn lựa chiến lược.

Sau khi xác định xong những phương hướng và ưu tiên rồi, người ta mới bắt đầu phải nghĩ tới nguồn tài trợ: tiền đâu ra để thuê người, mua vật liệu, nhập cảng kỹ thuật, thực hiện việc xây dựng. Tài nguyên này có thể là tiền Việt Nam, là ngoại tệ, là tiền được viện trợ (cho không hoặc cho vay nhẹ lãi), tín dụng (tiền vay trong nước dưới hình thức Công Khố Phiếu hay vay các định chế tài chánh quốc tế), hoặc đầu tư nội địa hay ngoại quốc. Việc tìm nguồn tài trợ cũng quan trọng không kém gì việc nghiên cứu và thực hiện.

Về lãnh vực nghiên cứu và thực hiện, người ta sẽ phải bắt đầu bằng những kế hoạch (kết quả của những ưu tiên chiến lược), tiếp nối bằng những chương trình. Trong khuôn khổ của các chương trình này, người ta mới bắt đầu nghiên cứu những dự án "tiền đầu tư" (pre-investment studies) cho từng khu vực. Những dự án này là khởi thủy của những dự án khả thi (feasibility studies) mà các tổ chức quốc tế lẫn các doanh nhân đều cần có khi phải quyết định xem có nên

đầu tư thực hiện hay không.

Sau cùng, và có lẽ đây mới là giai đoạn quan trọng nhất, chúng ta cần nghĩ tới việc thực hiện các công trình tái thiết và phát triển hạ tầng cơ sở kinh tế của Việt Nam tự do. Ai sẽ thực hiện và quản trị việc khai thác các công trình này?

Nước ta đang còn nằm trong hệ thống cộng sản, dù là một hệ thống cộng sản rửa nát. Muốn phát triển kinh tế tự do, phải cho người dân quyền tự do kinh tế, tự do kinh doanh, và tự do trở thành doanh nhân. Nghĩa là phải có thêm tư doanh. Nhân lực trong nước chưa có nhiều và chưa có điều kiện tự doanh tự do. Từ bên ngoài, chúng ta có nhân lực, và nguồn nhân lực này rất cần thiết cho lãnh vực tư doanh. Muốn thực hiện bất cứ một dự án hay công trình đầu tư nào cho nước Việt Nam Tự Do, người ta nên nghĩ ngay tới tư nhân, và tư nhân Việt Nam, hơn là lại rơi vào phản ứng ngày xưa là trồng cây chính phủ nhà nước thực hiện cho mình. Nhà nước làm hết thì nhà nước cũng sẽ lại nắm hết, cạnh tranh bị thu hẹp, tiến bộ sẽ không có ...

Để kết luận, việc nghiên cứu nhu cầu tái thiết hạ tầng cơ sở kinh tế Việt Nam sẽ phải trải qua nhiều giai đoạn, theo một trình tự hợp lý nào đó. Khởi đầu là việc thu thập và kiểm điểm tình hình. Trong phạm vi này, những chuyên gia ở vào lớp tuổi 50-70 là những người có nhiều kinh nghiệm Việt Nam và kiến thức quốc tế, họ nên ưu tiên đứng ra nhận lãnh phần vụ của

minh và vừa tìm hiểu lại tình hình thực tế của Việt Nam họ sẽ vừa là gạch nối cho các thế hệ trẻ hơn có được cái nhìn trung thực về đất nước.

Giai đoạn nghiên cứu những dự án tiền đầu tư và những dự án đầu tư sẽ đòi hỏi những kiến thức cập nhật hơn. Lớp tuổi 40-50 ở vào vị trí thuận lợi để có cụ thể hóa những ước mơ của kế hoạch thành những công trình đầu tư hợp lý nhất, khả năng thi nhất.

Sau cùng, nói tới việc thực hiện và khai thác, quản trị những công trình đầu tư này, chúng ta ước mơ là sẽ có một tầng lớp doanh nhân mới, có tinh thần tư nhân bén nhạy và biết yêu thương đất nước. Những chuyên viên trẻ hiện nay sẽ là nòng cốt của lớp doanh nhân mới này và tại hải ngoại, họ đã có thể bắt tay vào việc hợp tác cùng doanh nhân quốc tế, các tổ chức quốc tế để góp công góp vốn thực hiện những dự án đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng lâm than bế tắc ngày nay.

Những thế hệ nối tiếp nói trên đều có nhu cầu tìm gặp nhau, hợp tác cùng nhau và cùng dồn tâm trí công sức cho một nước Việt Nam tự do. **Hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam** là một môi trường thuận lợi cho sự gặp gỡ và hợp tác quý báu này. •

NGUYỄN XUÂN HIẾU



Bình Luận Phiếm

VK

Trong lá thư mùa thu vừa qua, AH PDH có nêu hai câu đối Tàu trong câu truyện vui. Hai câu đối là một kiệt tác trong văn chương Trung Hoa mà rất tiếc là AH PDH chỉ nói phớt qua nên tôi ghi chú thêm:

*Nhị nữ song hành tung hoành tứ khẩu
Tam nam đồng tọa thượng hạ lục đầu.*

Về phương diện đối thì từng chữ cũng như cả câu đều đối rất chặt chẽ, chưa kể cách dùng văn HÀNH/HOÀNH, TỌA/HẠ rất tài tình. Về chữ dùng thì chữ khẩu thoát mới nghe có vẻ không ổn vì chữ đầu hay chữ họ chắc bạn đã có từng nghe nhưng chưa thấy ai nói chữ khẩu trong trường hợp này bao giờ. Tuy nhiên chữ khẩu mới mô tả được sự linh hoạt mà văn chương Việt Nam đã thể hiện được trong một câu đối: “Cái gì đứng nghiêm, đi nói, ngồi cười”. Tưởng cũng nên bình thêm về một điểm mà các bạn trẻ nếu không có dịp tham khảo chữ nho có thể hiểu không sát hai chữ thượng hạ. Thượng hạ đây không phải chỉ định hai vị trí trên dưới mà là một động từ đối chọi với động từ tung hoành và mô tả động tác gật gù giữa 2 thời điểm 9:48 đến 11:52. Như thế mới hình dung được bức tranh sống động: một bên là 2 nàng lẳng lơ vừa đi vừa nói chuyện lú lo và một bên 3 chàng (tàu) ngồi ngẩn ngơ, gật gù chiêm ngưỡng như thế:

*Em như cục c... trôi sông
Anh như con chó ngồi trông trên bờ.*

Một đêm trước ngày Thanksgiving, nửa đêm thức giấc nhớ đến về đối bất hủ do HHB nhắc đến trong LTCC mới đọc hồi tối:

Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả

Tôi thao thức không ngủ được cho tới sáng và nghĩ ra về đối sau đây:

Ai không ai có, có ai chẳng nợ ai không?

Xin ghi lại để quý AH xa gần thử đối chơi trong dịp xuân về đem lại nhiều hứng cảm. •

Thử Bàn Về Việc Xưng Gọi Danh Tánh Người Việt Nước Ngoài



Vấn đề xưng hô danh tánh của người Việt nước ngoài tuy có vẻ không quan trọng nhưng có thể cho ta thấy được ít nhiều khó khăn về hòa đồng giữa Đông và Tây, cũng như quá trình “lép vế” của người phương Đông trong những thế kỷ trước. Đó là chưa kể các sự nhầm lẫn không tránh khỏi bởi việc xưng hô danh tánh theo lối Âu Mỹ sẽ làm mất đi hẳn các nét đặc thù về tên họ của từng cá nhân. Tên họ cũng giống như một sinh ngữ, là một cái gì biến đổi không ngừng. Tên người nước này hay miền này thường hấp thụ và biến đổi theo tên họ người nước khác miền khác, nhất là trong khoảng hậu bán thế kỷ 20 khi phong trào di dân và di cư xảy ra thường xuyên tại khắp nơi trên thế giới. Mỗi một vài năm có một số trên trở nên phổ cập và hiện đại. Nhớ có thời cách đây khoảng mười năm nhiều người có con gái đều ưa đặt tên Dianne (theo như vị công nương nước

Anh), và con trai thì William (thái tử William), rồi tại Úc vào những năm gần đây người ta thích đặt tên theo ca sĩ và tài tử như Kylie (Minogue), hay Micheal (Jackson). Họ thì thay đổi lâu hơn, và có thể kéo dài đến hàng thế kỷ. Nhiều họ đã biến mất, thí dụ như ở Việt Nam họ THI như họ của ông Thi Sách đã hoàn toàn biến mất, trong khi có nhiều họ mới trở ra thành nhiều và cũng trong hệ Việt Nam, họ Nguyễn, trong năm bảy thế kỷ qua đã được bổ sung thêm bằng nhiều họ khác đổi sang để tránh áp bức, và hiện đã chiếm tới khoảng 60% trong các họ Việt Nam.

Trong hệ Anh-Mỹ, tên họ có thể cho biết tổ tiên người ta đã từng làm nghề gì (thí dụ, John Blacksmith: blacksmith là thợ rèn, Richard Tanner: tanner là thợ làm da thuộc; Richard Farmer: farmer là nhà nông, John Erasmus: Erasmus là một thánh tổ của nghề thủy

thủ v.v.), hay là gốc gác về môi trường hay địa lý. Thí dụ như Stewart Granger mang tên riêng xuất phát từ stewart tức là người trông coi một gia sản lớn thời phong kiến bên Anh quốc, và cũng có nghĩa thuộc dòng hay tưởng niệm Stuart là dòng vua chúa lâu đời của Anh quốc và Tô Cách Lan; Peter Sinclair có họ mang gốc từ thành phố St. Clair ở Normandy; Peter Stanmore với Stanmore xuất phát từ tiếng Anh cổ: stan-mere, tức là khu hồ có nhiều đá; Linda Sherwood có thể có tổ tiên xuất thân từ vùng Sherwood, quê hương của Robin Hood; Sidney Poitier với tên riêng Sidney (có biến thể là Sydney) mang gốc cổ tiếng Pháp có nghĩa là xuất từ khu Saint-Denis; George Dallas: Dallas là tiếng cổ Gaelic (thuộc thượng du Tô Cách Lan) có nghĩa là từ miền có vực thác; Helen Darcy: Darcy xuất từ tên Pháp D'Arcy (một ông tổ của ngành công chánh phát minh định

luật về sự thẩm thấu của nước trong đất cát) có nghĩa là thuộc vùng đồn lính; Dane hay Dana có nghĩa là người xuất xứ Đan Mạch (Denmark). Một họ thông thường của người Do Thái là Meier thường được biến thể thành Meyer qua tiếng Anh hay Mỹ, và mang ý nghĩa nguyên thủy là Nhà Nông.

Một số HỌ trong hệ Tây Phương cũng thường mang nghĩa là “Con Cháu của ...” Thí dụ Davidson có nghĩa là con ông David, và người nào mang tên John Davidson lại mang chút ít nét chơi-chữ bởi theo thánh kinh John là con trai của David; O’Keefe: tên theo hệ Ái Nhĩ Lan bắt đầu bằng O’ có nghĩa là OF tức “thuộc dòng họ ...”, giống như chữ đầu De Gaulle trong tiếng Pháp, Von Konnigsmark trong tiếng Đức, Van Hessen trong tiếng Hòa Lan; MacMillan trong tiếng Anh và Tô Cách Lan. Thí dụ tiếp là Alison: con bà Alice; MacAdam: Con của ông Adam, và Adam lại có nghĩa là đất đỏ. Ở đây lại có tính cách “tên tức là người theo như Đông Phương” bởi một trong những ông tổ của ngành đường xá là kỹ sư John MacAdam, người sáng chế ra lối tráng đường bằng đá đập bể nhỏ trải ở lớp dưới. Tên riêng theo Tây Phương tương đối cũng không khác gì tên riêng theo lối Đông Phương, tức là người ta thường đặt tên theo những nét đẹp (Adele: noble, quý phái; Robert: lừng danh, Helen: cây đuốc sáng; Julia: thánh nữ, Hannah hay Anne: người trẻ trung, Linda: người đẹp) tương tự như Mỹ

Dung, Diệu Hiền, Thế Mỹ trong tên Việt; hay những cá tính hùng mạnh (Victor: kẻ thắng trận; Nicole: quân đội chiến thắng, Harvey: chiến sĩ trong đội quân; cũng giống các tên Việt như Đại Thắng, Bách Thắng, Thiện Hùng v.v.) cũng như những dạng thức thành đạt hiển vinh trong xã hội loài người (Derek, Dirk: người cai trị; Alexandra: người cứu an độ thế; Grant: vĩ nhân) v.v. Tên cũng có thể mang theo mô tả về hoa quả (Daisy, Violet, Daffodil, Linnea: cây chanh; Bạch Cúc, Bạch Mai, Anh Đào), hay về thú vật (Adolf: noble wolf, chó sói loại quý tộc, Leverett: con thỏ tơ; ông Tý, ông Ty, cô Sửu, anh Hợi), các vị thánh trong cổ tích và kinh thánh (Stephen, Peter, Michael, David v.v.) và cũng có thể hoàn toàn mang ý nghĩa trừu tượng (Gloria: vinh danh; Tammy: hoàn hảo).

Nếu chỉ đơn thuần trong lối suy nghĩ của con người trong việc đặt tên mà thôi thì chắc chắn không có gì rắc rối trong việc hòa hợp Đông và Tây. Dị biệt bắt nguồn từ ngôn ngữ, văn hóa và phương cách xưng hô.

Trước hết tiếng Việt, cũng như tiếng Hoa là thứ tiếng có dấu. Khi tên Việt viết sang kiểu tiếng Anh các dấu đều mất đi. Nhiều tên rất đẹp rất mỹ miều bị tước dấu trở thành xấu, lại cộng thêm lối phát âm không đúng của người ngoại quốc nhất là trong những âm lạ đối với người nói tiếng Anh - như âm bắt đầu bằng NG trong chữ “Ngươn” hay QU trong “Quốc”, hoặc “D” trong “Duyên” - nên ý nghĩa của tên

thường bị mất mát có thể nói là gần hết. Tên tiếng Hoa viết theo kiểu Anh Mỹ cũng bị khó khăn tương tự vì vấn đề dấu. Tên TONG có thể là “Đồng”, cũng có thể mang nghĩa là “Kẹo, ngọt ngào”, hay là “Canh (xúp)” v.v.

Nằm ngay ở chính giữa trong vấn đề dị biệt trong xưng hô danh tánh thật ra không phải chỉ là vấn đề thiếu dấu cho nguyên âm mà lại là chính ở lối phức tạp của xưng hô.

Việc xưng hô danh tánh của các dân tộc trên thế giới thật ra bắt nguồn chỉ từ một điểm. Đó là ngay ban đầu mỗi người chỉ có một tên và không có họ. Ông David có người con mang tên là Davidson, nhưng con ông Davidson lại thấy bất đầu phức tạp và lúng túng trong tên xưng nên phải đổi tên Davidson thành một cái họ. Ở Việt Nam, họ nổi tiếng đầu tiên phải là họ Lạc theo sau hệ tộc của Lạc Long Quân. Ở các xứ Á Rập, người ta có thể đặt tên theo kiểu hoán vị, bởi tên nào cũng thường mang theo tên của Giáo chủ Mohammed, hay các vị thánh tổ khác của đạo Hồi. Con trai nào cũng thường có tên riêng là Mohammed nên phải kẹp theo thêm hai ba tên nữa và trong đó phải có tên riêng của người cha. Chẳng hạn như trong tên Najdat Ibarhim Aziz, tên Aziz là tên của ông nội, tên Ibrahim là tên người cha, và tên Najdat là tên của người con. Trong tên Anh Mỹ người ta thường kẹp họ nội họ ngoại vào tên con, và một ngày đã vào tên Việt trong vòng mấy mươi năm nay, nhất là theo với

ngọn sóng của cao trào nam nữ bình quyền. Thí dụ như trong tên cố tổng thống Mỹ John F. Kennedy, tên tắt F. tức là Fitzgerald là họ bên ngoại của ông tổng thống này; Phạm Lê Việt có họ cha là Phạm và họ mẹ là Lê. Vấn đề nguyên thủy và gốc gác của HO ở đây tạm tránh việc phân chia mẫu hệ và phụ hệ. Theo một vài quyển sách nghiên cứu về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, trong đó có một quyển sách viết cho là không được đối xử xứng đáng với công phu và giá trị của nó là cuốn "Nguồn Gốc Mã Lai của Dân Tộc Việt Nam" của ông Bình Nguyên Lộc, thì thuở xưa dân Việt theo mẫu hệ chứ không phải phụ hệ như ngày nay, và như vậy họ có thể đặt theo họ mẹ. Thêm một điểm đáng để ý nữa là tên người vợ ở Việt Nam không nhất thiết phải mang theo y hệt họ chồng. Thí dụ như ta có thể gọi bà Lê Thị Hiền là vợ ông Nguyễn văn Hòa, hoặc gọi bà Nguyễn thị Hiền hoặc bà Nguyễn văn Hòa. Lối xưng hô kiểu này hiện đang bắt đầu được chấp nhận tại Âu Mỹ với lý do là phụ nữ càng lúc càng ra làm việc nhiều và len vào các nghề chuyên nghiệp thật đông. Thí dụ như Dr. Judy Foster chính là Mrs Michael J. Fox, mặc dù ông Fox là một kiến trúc sư tên tuổi tại Boston, nhưng bà vợ ông vẫn giữ tên riêng vì bà ta là tiến sĩ Kinh tế dạy ở Harvard.

Điểm mấu chốt trong sự dị biệt xưng hô là họ của người phương Tây đặt ở đằng sau, trong khi họ Á Châu nói chung và của người Việt nói

riêng đều đặt ở phía trước. Nói như vậy tức là đơn giản hóa rất nhiều, và chính người Tây Phương, nhất là giới ký giả hay nghiên cứu sử học đều biết rõ như vậy. Chúng ta sẽ đi vào chi tiết trong giây lát.

Họ trong tên Việt đưa ra đằng sau gây ra nhiều vấn đề. Trước tiên là rất nhiều dân ông Việt Nam mang tên VAN như người viết, và phụ nữ Việt sẽ dễ mang tên THI. Tên lót VÂN và THỊ ban đầu là vay mượn từ Trung Quốc nhưng ngày nay tên người Hoa đặt theo lối Việt dùng hai tên lót này rất ít, và trong vòng hai ba trăm năm qua tên lót Vãn và Thị trở nên phổ thông tại Việt Nam, nhất là ở miền Nam. Dùng lối viết ngược đưa tên lót vào giữa lại càng không ổn vì Trần Văn Bí sẽ là Bi Van Tran và Nguyễn Đăng Trình sẽ là Trinh Dang Nguyen. "Đăng Trình" và "Trình Đăng" thật sự không cùng một nghĩa với nhau. "Đăng Trình" là "lên đường" trong khi "trình đăng" không theo cấu trúc tiếng Hán Việt và không thể mang cùng nghĩa là "lên đường" được.

Có một số người sẽ thích thiết lập một số họ mới bằng cách ghép họ và tên lót thành lại một họ mới. Thí dụ như dòng vương tộc Nguyễn-Phước. Một người mang tên Nguyễn Phước Bảo Lộc có thể viết tên mình theo dạng Bao-Loc Nguyen-Phuoc. Tuy nhiên một số khó khăn nhỏ vẫn hây còn. Trước hết người Tây Phương quen thuộc với họ Nguyễn quá nhiều. Nếu không có mình ở kế bên cạnh, người Mỹ hay người Úc không biết

về văn hóa Việt Nam sẽ viết theo ý họ mà họ cho là đúng và mười lần có thể như một là họ sẽ viết lại là Nguyen. Đa số tên lót lại thường đi sát với tên riêng để mang nghĩa đúng của tên và hỗn hợp tên lót và tên riêng mang đúng nghĩa cũng không có bao nhiêu. Thí dụ như tên lót Minh có nghĩa là "sáng". Ta có thể kể đến các tên như Minh Đức, Minh Mẫn, Minh Trí v.v. Nếu viết kiểu họ ghép thì ta viết tên Dư Minh Mẫn thành Man Du-Minh, nghe cũng không vừa ý được, và ngược lại nếu viết Minh Man Du thì lại rơi vào việc biến tên lót thành tên riêng. Một gia đình mang tên lót là TRÍ có thể gồm người cha: Lê Trí Thiện, người mẹ Lê Thanh Thủy (nhũ danh Phạm Thanh Thủy), các con Lê Thanh Hà, Lê Trí Tính, Lê Trí Tuấn v.v. viết trong giấy tờ liên can đến pháp luật như đơn tử, bằng lái xe đều là "T.T. LE" cư ngụ tại cùng một địa chỉ. Chắc chắn là sẽ có một chút lộn xộn tại nơi nào phải xem qua hồ sơ liên hệ đến một người mang tên T.T.Le. Cũng trong họ ghép, một số họ nhà quan nhà tướng ngày xưa có thể mang họ ghép một cách chính thức nhờ ở sự quen thuộc và quen dùng. Với họ ghép loại này, tên riêng có thể bớt lệ thuộc vào tên lót rất nhiều. Thí dụ phải kể đến họ "Phan Đình" theo ông Phan Đình Phùng, "Phan Thanh" theo ông Phan Thanh Giản, "Trần Hưng" theo ông Trần Hưng Đạo v.v.

Đa số các nhà báo và nhà văn ngoại quốc đều biết các lối xưng hô tên họ Á Châu và

Việt Nam, nhưng rất tiếc là họ chỉ dành cho những vị nguyên thủ hay những khuôn mặt lớn Á Châu. Những tên như Đặng Tiểu Bình, Ngô Đình Diệm, Lý Quang Diệu, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Hồ Chí Minh, Nguyễn văn Thiệu v.v. họ đều gọi thật đúng theo thứ tự tên họ. Thậm chí cho đến lúc gọi tên riêng hay gọi họ, các ký giả xưng hô rất đúng. Thí dụ họ nói Air Vice-Marshal Ky, hay President Chiang, President Diem, Chairman Dang, Prime Minister Lee, Madame Nhu v.v. đều đúng phong phóc. Người ta có thể hỏi ngay, và hỏi tức là trả lời, rằng tại sao giới truyền thông lại kỷ lưỡng với tên họ của các ông lớn bà lớn như vậy. Điểm nên để ý trong việc xưng hô này là người Việt xưng hô trịnh trọng khác với người Hoa, hay đúng hơn, nói rộng hơn người Hoa. Thí dụ trong tiếng Việt, Mr Van Loi Ly thường được gọi là ông Lợi chứ không phải là ông Lý, trong khi tiếng Hoa, tiếng Nhật gọi là ông Lý (Ly Xian Sheng - Lý tiên sinh & LY Sama). Đặc biệt trong tiếng Nhật người ta có thể xưng hô theo tên riêng là "Lợi SAN" như ta gọi "anh Lợi". Tiếng Việt thường chỉ nhắc đến tên Lý khi ông Lợi đó là một người có chức phận trong xã hội, nhất là thuộc về ngành khoa bảng (Thí dụ: Sau khi đỗ đạt tam trường, họ Lý trở lại ...), hay thuộc địa hạt chính trị và quyền bính (Thí dụ: Ngô Tổng Thống). Khi mời cặp vợ chồng nào đó đến nhà chơi, người Việt ta nói là: "mời anh chị tới chơi, bữa đó tụi này

cũng có mời ông bà Thuận". Nói khác đi và cũng là tóm tắt, ngay trong lối chuyển họ Việt Nam ra đằng sau, lối xưng hô cũng không hoàn toàn ổn thỏa dù rằng tên người nào đó không có tên lót, thí dụ như Mr & Mrs Thuan Nguyen, bởi người Việt thông thường không có xưng hô nhau bằng họ. Nói như vậy thì giải đáp cho vấn đề thường tình nhưng cũng là trọng đại này sẽ ra thế nào. Câu hỏi này hàm chứa một vấn đề phức tạp nên câu trả lời vắn tắt chắc chắn sẽ nằm trong thể phủ định, tức là "KHÔNG". Tuy nhiên người ta có thể theo phương cách khảo sát của khoa học để đưa đến một vài hướng dẫn tương đối tạm tạm để có thể tạo thành một số căn bản mà tìm ra giải pháp lâu dài. Trước hết ta nên nhớ rằng hiện nay tại một số các quốc gia, đa số ở Âu Châu, muốn vào quốc tịch ta phải đổi tên ra một "tên Tây" thường có phát âm tương đương. Thí dụ Nguyễn Hà Lan có thể sẽ phải đổi tên thành Hélène Guilhem hoặc Helen Nuyens, Lâm Văn Giác là Jacques Lamarr v.v. Đây là lối thông thường nhất trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài dù rằng các quốc gia theo hệ Anh-Mỹ không đòi hỏi phải "chuyển tên" khi vào quốc tịch. Người ta đổi tên để được thuận tiện hơn trong việc làm, hay xã giao. Thí dụ: Minh ra Mick, Michael, Thọ ra Thomas, Truyền ra Terence, Dũng ra Don, Denis, Lan ra Lana, Tuấn ra Tony, Thị Hạnh ra Tina, Kiệt ra Keath, Hữu ra Hugh, Tâm ra Tammy v.v. và danh sách này gần như kéo

dài bất tận. Tuy vậy khó khăn vẫn còn đó với một số âm không có trong tiếng Anh, như tên Dũng, tên Ý, tên Diên v.v. nhắc đến tên Diên người viết chợt nhớ đến một trường dạy Anh ngữ tại Saigon hồi xưa mang tên là Ziên Hồng. Nghĩ ra cũng phục ông Lê Bá Kông đã nghĩ tới vấn đề phức tạp này đã gần bốn mươi năm trước. Giải pháp Z thay cho D có vẻ thích hợp hơn là Dz thay cho D, mặc dù cả Z và Dz đều không phải là âm Việt Nam thuần túy.

Lý tưởng nhất cho giải pháp kể trên là khi mà "tên tây" có chữ cái đầu trùng hợp với chữ cái trong tên Việt. Thí dụ như tên Phạm Ngọc Hùng nếu chọn Henry thay cho Hùng, ta có thể viết nguyên vẹn tên Henry NgọcHung Pham hay viết tắt là H.N.Pham, Nguyễn Lê Đăng có thể viết thành Duncan Ledang Nguyen và viết tắt là D.L.Nguyen. Kiểu này chỉ vi phạm nhẹ hai quy luật là tiếng Việt là tiếng đơn âm, và tên Việt phải pha trộn với "tên Tây". Các vi phạm này có thể vượt qua dễ dàng nếu chúng ta tạm tin giải thuyết của ông Bình Nguyên Lộc là tiếng Việt ngày xưa có thể có nhị âm, như từ cù-lao viết trại từ Pulau của tiếng Mã Lai. "Cửa Sông" viết từ "Kuala Songa" và chỉ trở thành đơn âm sau khi bị ảnh hưởng nặng nề của tiếng Hán, và luôn nhớ rằng lối kèm tên Tây vào tên Ta chỉ áp dụng thực tiễn cho người nước ngoài mang quốc tịch nước ngoài và có gốc gác Việt Nam. Nhắc lại chuyện "tên Tây" chúng ta cũng nên lưu ý lại rằng trong các nước

Á Châu, người Nhật ít hăm mộ việc kệp thêm tên Tây nhất - và người Hoa ở Hongkong và nhất là người Phi Luật Tân là chuộng tên Tây nhất. Muốn nhớ việc này ta chỉ cần nhớ tên vài nhân vật xi-nê như Toshiro Mifune, Akira Kurosawa, Ruriko Asaoka, với Jimmy Wang Yu và Bruce Lee, hay tên của mấy vị tổng thống Phi. Một ứng dụng ngược hiểm có của việc mang thêm "tên Tây" là phiên âm ngược lại theo lối người Hoa. Hoa Thịnh Đốn là phiên âm của Washington, Tân Tây Lan là New Zealand, Mai Công là Michael. Một chuyên viên tư vấn có tên thật là Michael Lê, tức là mang họ Lê. Ông này phiên âm lại tên Michael và dùng tên mình trong giới thân chủ Việt trong công việc làm ăn là Mai Công Lê. Thành ra tên này dùng qua điện thoại được cho khách Việt và Úc. Nhưng vô hình chung, ông này mang tên họ mới là Mai và tên riêng mới là Lê. Hệ luận của xưng hô theo lối này tức là giữ nguyên tên họ Việt Nam và đồng thời sáng chế ra họ mới. Ông Trần văn Tuấn có thể viết tắt tên mình là T.V. Tuan, và yêu cầu người khác có thể gọi mình Mr. Tuan hay thân mật là Tuấn. Gọi như vậy thì thật sự "rất là Việt Nam" nhưng bắt đầu nảy ra họ mới là TUAN.

Một cách khác có công dụng hạn chế là viết tên theo lối để họ đứng trước tiếp liền bằng dấu Phết. Thí dụ như biên thư cho người bạn là Vũ Hữu Cầm, ta viết ngoài bao thư là Mr. VU, Huu Cam thì cũng là lối viết chính xác theo Úc Mỹ.

Cách này cũng thích hợp trong lúc điền tên vào đơn từ, ngân phiếu. Trên ngân phiếu gởi cho bà Lê Thị Tám ta có thể viết PAY Mrs Le, Thi Tam v.v

Thật ra không có cách nào ổn thỏa bằng cách bắt người Tây Phương xưng hô gọi ta theo kiểu họ gọi các ông lớn bà lớn. Ngoài việc cố gắng làm cho chính ta trở thành một ông lớn bà lớn như vậy để họ tự động gọi ta cho đúng ý nghĩa của tên mà cha mẹ ban cho ta, có rất ít các cách khác, hay thật ra không có cách nào khác để bắt họ gọi đúng tên ta như vậy. Đến đây vấn đề Pháp lý lại hiện ra. Bởi muốn bắt người Tây phương gọi tên ta theo kiểu ta, ta chỉ có thể bắt họ làm như vậy từ tư cách của người mang quốc tịch và sổ thông hành Việt Nam. Đã là công dân Úc công dân Mỹ thì phải xưng hô theo kiểu Úc

kiểu Mỹ, chứ không có cách nào khác. Ngoài ra trong thập niên cuối cùng của thế kỷ hai mươi này con người chuyển sang lối sống mang nhiều tính cách thiết thực, hơn là cung cách rườm rà. Cá tính và tên họ trở nên không quan trọng bằng các tiện nghi vật chất và khả năng đối phó với sinh kế và đời sống càng ngày càng trở nên vội vã. Tên họ người Nhật đã bị Tây phương hoá chuyển từ lâu cũng như tên họ các dân tộc Á Châu khác, nhưng có lẽ họ không mấy quan tâm đến vấn đề này, mà ngược lại họ chỉ để tâm đến việc lo biến hóa tên sản phẩm của họ cho có vẻ Tây phương và quốc tế (SONY, AKAI, HONDA v.v.) để có thể tiến lên chiếm thị trường phương Tây ngày nay. ●

**PHẠM VĂN TÂM
(SYDNEY)**

Dâu Hiền Rể Thảo

Các Ái Hữu sau đây có thêm dâu hiền rể thảo:

- AH Hồ Đăng Lễ có thêm rể thảo
- AH Nguyễn Tạ Hùng có thêm rể thảo
- AH Lê Minh Chánh có thêm dâu hiền
- AH Trần Văn Bớt có thêm rể thảo
- AH Võ Văn Ngôn có thêm dâu hiền
- AH Nguyễn Minh Trì có thêm rể thảo
- AH Lê Thành Trang (N.O.) sắp có rể thảo
- AH Nguyễn Đình Duật và AH Ngô Trọng Các sắp có dâu hiền và rể thảo. Lại có thêm hai gia đình sui gia Công chánh với nhau.

Xin chúc mừng các cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Những Đường Hướng Phát Triển Kinh Tế Việt Nam Tự Do



Trong hai năm vừa qua, tình hình chánh trị trên thế giới đã có những biến đổi quan trọng, xuất phát từ trung tâm của khối cộng sản là Liên Bang Sô Viết và các nước Cộng sản Đông Âu. Kết quả ngắn hạn của những biến đổi trên là các nước Đông Âu lần lượt từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, trong khi Liên Sô hết gặp khủng hoảng này tới khủng hoảng khác, và đang bị đe dọa bởi nguy cơ nội chiến.

Nguyên nhân sâu xa của những biến chuyển vừa qua là sau gần nửa thế kỷ trải nghiệm, người ta đã công nhận rằng đường lối kinh tế kế hoạch tập trung đi cùng chế độ công hữu nhà nước và sở hữu tập thể đã không giải quyết thỏa đáng nhu cầu dân sinh. Khủng hoảng kinh tế trong khối cộng sản trở thành nghiêm trọng và công khai bởi những bế tắc của cộng sản chủ nghĩa, chứ cũng chẳng vì

những kế hoạch tấn công hay phá hoại xuất phát từ "khối tư bản".

Trước những biến chuyển trên, người Việt chúng ta tin rằng chế độ cộng sản trong nước cũng khó thoát cơn khủng hoảng. Việc chuyển hướng kinh tế từ chế độ tập trung kế hoạch hóa sang chế độ tự do là một việc sớm muộn gì cũng xảy ra. Vì quyền lợi của đất nước, người ta mong muốn biến cố này xảy ra càng sớm càng hay, và việc chuẩn bị và suy nghĩ về kế hoạch chuyển hướng kinh tế càng ngày càng được đề cập tới ở khắp nơi.

Từ một năm nay, người ta thấy nhiều hiệp hội chính trị hay đoàn thể chuyên môn tổ chức các cuộc diễn thuyết, bàn tròn hay hội thảo để trình bày hay tham khảo ý kiến về tình hình kinh tế chính trị trong nước, về các vấn đề chính trị quốc tế, về tương lai Việt Nam

trong vùng Đông Nam Á ... Đây là những việc đáng mừng và có thể mở đầu cho nhiều công trình hợp tác giữa các tổ chức hay đoàn thể chuyên môn, cùng nhắm vào mục đích chung là tái thiết và phát triển một nước Việt Nam dân chủ, tự do.

Trong khuôn khổ hoạt động của một tổ chức chuyên nghiệp, như **hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam**, việc kêu gọi các chuyên viên mọi giới cùng thảo luận, nghiên cứu và hợp tác về **đường hướng phát triển kinh tế Việt Nam Tự Do** là một hoạt động nặng về chuyên môn. Nhưng nội dung tự do kinh tế của một nước Việt Nam dân chủ và tiến bộ cũng bao hàm tinh thần nhân bản và giá trị văn hóa của dân tộc, cho nên phải được xác định như một lập trường chính trị rõ rệt. Bài viết dưới đây là một số ý kiến đóng góp về đường hướng phát

triển theo tinh thần nhân bản và dân tộc đó.

BA ĐIỀU KIỆN CỦA TỰ DO KINH TẾ.

Cuộc khủng hoảng và sự phá sản của các nước theo Cộng sản chủ nghĩa có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng có ba nguyên nhân đáng kể là căn bản:

A. Hệ thống chính trị độc đảng làm suy mòn và thui chột sức sáng tạo của con người trong xã hội, và đưa vào ngôi vị lãnh đạo những người không thích hợp với mục tiêu phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

B. Chế độ công hữu nhà nước hay sở hữu tập thể, và chánh sách giới hạn quyền tư hữu của dân chúng, cản trở sự phát triển vì đi ngược với nguyên vọng người dân.

C. Chủ trương điều tiết sinh hoạt kinh tế quốc dân bằng kế hoạch nhà nước đưa đến việc vận động và sử dụng tài nguyên không đúng chỗ, vừa không giải quyết được vấn đề khan hiếm nhờ sản xuất và phân phối, vừa lãng phí tài nguyên quốc gia (người, của và kiến thức), lại vừa làm hư hại môi sinh.

Ra khỏi khuôn khổ kinh tế tập trung kiểu cộng sản, người ta cần có nhiều điều kiện mới có thể phát triển nền kinh tế tự do. Chẳng hạn như phải có tư doanh, tư bản, nhân công, kiến thức khoa học kỹ thuật, cơ chế yểm trợ phát triển, vân vân ... Nhưng, căn bản hơn cả người ta cần ba điều kiện tối thiểu sau đây:

I. Hệ thống chính trị phải

dân chủ để mọi người đều có quyền cạnh tranh bình đẳng và phát huy sáng kiến làm giàu cho mình và đất nước.

II. Chế độ tư hữu phải được tôn trọng, chế độ công hữu (qua trung gian nhà nước hay các xí nghiệp quốc doanh) phải được giới hạn - coi như ngoại lệ - và phải được giảm dần theo đà phát triển của kinh tế tư doanh.

III. Sinh hoạt kinh tế phải được tự do để quy luật thị trường điều động việc sung dụng tài nguyên và phát triển kinh tế.

Không có ba điều kiện căn bản trên, người ta chưa thể nói tới tự do kinh tế, đó là trường hợp của nước ta ngày hôm nay. Nhưng ba điều kiện trên không thể hôm trước hôm sau mà có ngay lập tức. Người ta phải qua một giai đoạn giao thời, sẽ phải giải quyết một số vấn đề cấp bách trong chiều hướng hoàn thiện ba điều kiện căn bản trên.

NHỮNG VẤN ĐỀ GIAO THỜI.

Khi chuyển hướng nền kinh tế từ tình trạng kém phát triển và bị kế hoạch hóa sang một nền kinh tế tự do, người ta phải đối phó với nhiều vấn đề. Những khó khăn của Tây Đức, một siêu cường kinh tế đứng hàng thứ ba trên thế giới, khi phải hội nhập và chuyển hóa kinh tế Đông Đức, cũng như những khó khăn của nhiều nước Đông Âu mà cộng sản Việt Nam coi là bậc thầy, là đàn anh, khiến người ta không thể lạc quan cho rằng chỉ cần chấm dứt chế độ cộng

sản là kinh tế lập tức ổn định và phát triển theo kịp các nước khác. Nước ta còn phải đối phó với nhiều vấn đề phức tạp và trầm trọng hơn các nước Đông Âu.

Trong giai đoạn chuyển tiếp đó, người ta phải nghĩ tới những dự án, chương trình và kế hoạch đi từ ngắn hạn tới dài hạn, từ cục bộ tới toàn quốc.

Thoạt khởi thủy, người ta cần có những chương trình ổn định tình hình kinh tế, ổn định những sinh hoạt thiết yếu của dân chúng. Những chương trình này bao gồm nhiều dự án cứu trợ về lương thực, y tế, năng lượng, những dự án bảo trì và gìn giữ các cơ sở sản xuất và hạ tầng chuyển vận hay viễn thông còn ít ỏi sơ sài và sẽ dễ dàng bị phá hoại, bị thất thoát hư hao, khi xã hội lâm vào tiến trình chuyển biến chính trị. Những dự án và chương trình này phải nằm trong kế hoạch lâu dài là chấn chỉnh những điều kiện cản trở phát triển, và tạo dựng điều kiện cho cơ chế kinh tế tự do. Chấn chỉnh những điều kiện cản trở phát triển có nghĩa là phải sửa sai lại nền móng hiện nay một cách ôn hòa và sáng suốt. Việc xây dựng điều kiện phát triển kinh tế tự do bao gồm nhiều công trình cần thiết về pháp chế dân chủ, về luật tự do kinh tế, về việc thiết lập những định chế cần thiết cho sinh hoạt kinh tế xã hội trong lâu dài.

Hiện nay, nếu người ta chưa có khả năng cụ thể góp ý hay thực hiện các dự án cấp thiết lúc giao thời thì vẫn có thể nghiên cứu, trao đổi ý kiến và

chuẩn bị những chương trình và kế hoạch trong chiều hướng chấn chỉnh và xây dựng nói trên.

Thí dụ: Muốn có nền móng phát triển vững chắc, ngay từ đầu, ta phải nghĩ tới việc xây dựng hạ tầng cơ sở theo kịp tiêu chuẩn tân tiến hiện nay; chẳng hạn như về hỏa xa thì nên xây dựng thiết lộ rộng 1,435 mét, thay vì chỉ sửa sang lại hệ thống cũ, không còn giá trị kinh tế cao và không thích hợp khi nối liền với các nước lân bang; chẳng hạn như về hệ thống chuyển vận hàng hải, phải nghĩ tới các kiện hàng (container) có kích thước tiêu chuẩn hóa, thay vì trở lại kỹ thuật bốc dỡ cổ điển, kém hiệu năng kinh tế; chẳng hạn như nên dứt khoát đầu tư vào những công trình mới theo kỹ thuật mới thay vì tu bổ lại những công trình cũ, nhập cảng máy móc cũ (loại "second hand") rẻ tiền mà kém giá trị cạnh tranh hoặc gây hư hại môi sinh, vân vân ...

Muốn như vậy, phải tìm ra tài nguyên đầu tư, khi tài nguyên ban đầu còn giới hạn, phải chọn lựa những khu vực có tác dụng dây chuyền cao nhất, tức là chọn lựa ưu tiên, thì ưu tiên nào, cho khu vực nào?

KẾ HOẠCH QUỐC GIA VÀ ĐỘNG LỰC CÁ NHÂN.

Khi nói tới kế hoạch, người ta nói tới một sự chọn lựa và phối hợp có chủ đích, căn cứ trên một số suy tính hơn thiệt nào đó. Vấn đề của kế hoạch là ai suy tính, phối hợp ai, hơn cho ai, thiệt cho ai? Một thí dụ cụ thể dưới đây có thể làm

rõ ra vấn đề vừa nêu:

Hiện nay, khu vực nông nghiệp quy tụ lối 70% của trên 30 triệu nhân lực hoạt động, và chỉ đóng góp khoảng 40% sản lượng quốc gia. Phần còn lại (gần 30% dân số hoạt động) sinh sống trong khu vực kỹ nghệ (sản xuất ra khoảng 25% sản lượng gộp), khu vực dịch vụ thương mại (12%), xây cất (trên 3%), vận tải và giao thông (dưới 5%) và linh tinh (trên 15%). Với cơ cấu dân số và sản xuất này, nước ta sẽ khó phát triển thành một nước kỹ nghệ giàu mạnh. Song song, mật độ dân chúng trong các vùng châu thổ, đặc biệt tại miền Bắc, là một vấn đề cần giải quyết. Một cách sơ sài máy móc và căn cứ trên cơ cấu của các nước tân kỹ nghệ, người ta có thể đề ra một mục tiêu sơ khởi, chẳng hạn như sử dụng 25% dân số cho nông nghiệp, 10% khai thác các cây kỹ nghệ, 25% cho các ngành ngư nghiệp, chăn nuôi hay biến chế thực phẩm cho nhu cầu nội địa và xuất cảng, 15% cho các ngành tiểu công nghiệp và kỹ nghệ nhẹ, 10% cho công kỹ nghệ nặng, và 15% cho các ngành du lịch ... Đó là đứng trên phương diện "quyền lợi quốc gia khách quan" mà nói.

Khi đi vào thực tế, người ta sẽ phải làm gì để tiến tới cơ cấu trên, người ta cần phối hợp những gì, ai phối hợp?

Câu trả lời có ngay trong tâm trí là người ta phải có nhiều nỗ lực phân bố lại nhân số lao động, trong đó, có kế hoạch di dân. Việc di dân thì người Pháp ngày xưa cũng đã làm ở nước ta. Thời kế tiếp,

các chính quyền Nam cũng đã làm. Đó là việc chính quyền cộng sản tại miền Bắc đã làm, trước 1975, và còn làm mạnh hơn sau 1975, "khu kinh tế mới" là vậy ... Việc phân bố lao động theo vùng hay theo ngành, căn cứ trên mục đích gọi là ích lợi nhất cho cả nước, có thể là nhu cầu tiên khởi của kế hoạch. Nhưng khi áp dụng có khi người ta mới thấy là người dân lại không nhìn vấn đề như vậy. Khi phải di chuyển từ vùng này qua vùng khác, bỏ lại phía sau mồ mả cha ông, người Việt mình ai cũng có thể thấy ngại ngùng. Nếu nhân danh quyền lợi chung (điều mà người bị thiên cư cho là chưa chứng minh được, vì còn trừu tượng lý thuyết) chính quyền tân lập bắt đầu dựng kế hoạch cưỡng bách di dân và có thể sẽ thất bại vì phản ứng của người dân muốn bảo vệ quyền lợi cục bộ. Nếu chủ quan và có một chút quyền hành để nhất quyết làm cho bằng được, dân chúng sẽ cho là chính quyền mới chẳng làm khác thực dân và cộng sản.

Một phương hướng đưa ra là chính quyền phải tạo điều kiện tiên khởi, tức là xây dựng hoàn cảnh sinh sống thuận lợi cho dân chúng ở những nơi cần sức dân, cho người dân quyền tự do lựa chọn. Theo đúng nguyên tắc tự do kinh tế mà người ta muốn thấy áp dụng tại Việt Nam, chính quyền phải khởi xướng bước đầu, tức là xây dựng hạ tầng cơ sở chuyển vận cho thuận tiện. Rồi theo đó, khi thấy sống nơi khác có lợi hơn sống nơi này, vì đất đai trù phú hơn

hoặc công ăn việc làm dễ kiếm hơn, lương cao hơn ... người ta sẽ tự động đi, nếu việc di chuyển không khó khăn, không bị phiền nhiễu, nếu cuộc sống nơi đất mới cũng bảo đảm cho họ những điều kiện gia cư, giáo dục con em tốt đẹp ...

Mối tương quan giữa kế hoạch cấp quốc gia với phản ứng tự do của dân chúng có thể được thấy trong thí dụ giản lược nói trên. Có nhiều chính quyền đã thất bại vì tưởng là nhân danh "quyền lợi chung" đòi dân chúng phải sống nơi này, làm nghề nọ và cho bộ máy hành chính áp dụng những biện pháp cưỡng chế. Thất bại nặng nề là chính quyền cộng sản trong các kế hoạch đầu tư vào công nghiệp nặng, khai hoang hay hợp tác hóa nông nghiệp. Chính quyền tự do và dân chủ sau này không thể lại lẩn theo vết xe đổ.

Nguyên tắc đặt ra là phải cho dân chúng quyền tự nguyện chọn lựa. Muốn dân chọn khu vực có lợi cho tập thể quốc gia thì phải làm sao cho bản thân người dân cũng có lợi ích. Chính quyền phải có những chuẩn bị và hoàn thành những điều kiện thuận lợi, trước khi nói tới chuyện khuyến khích dân đổ sức lao động trong những khu vực mới hay những vùng đất mới.

Khi xác định nguyên tắc này rồi, người ta mới có thể thảo luận tiếp về những khu vực nên ưu tiên phát triển theo lợi thế tương đối của nước ta. Thí dụ như đường hướng nên phát triển là khu vực nông nghiệp, lâm ngư hải

sản, chăn nuôi mục súc, cây kỹ nghệ, như ngành điện toán hay tin học (informatics), kỹ nghệ hóa chất gốc dầu hỏa ... khai thác lợi thế về tài nguyên đất đai, về sự cần cù tỉ mỉ khéo tay của dân ta.

Đường hướng phát triển kinh tế quốc gia theo khuynh hướng tự do phải nhắm vào quy luật cung cầu của thị trường, nhưng cũng căn cứ trên những ưu thế tương đối của nước ta. Thí dụ như trong điều kiện hiện nay, đất nước ta có nhiều ưu thế tương đối về nông nghiệp, ngư lâm hải sản, có nhiều khả năng về kỹ nghệ gốc nông phẩm, về hóa chất gốc dầu hỏa, dân ta khéo tay học lẹ cũng có nhiều triển vọng thành công trong lãnh vực ráp chế dụng cụ điện tử. Trong hoàn cảnh như thế, người ta nên tạo điều kiện thuận lợi cho dân đi vào những thị trường trên để phát huy khả năng tương đối của mình, hơn là chủ quan rập khuôn theo người mà ưu tiên phát triển kỹ nghệ nặng và bị thất bại.

Một kết luận tạm ở đây là động lực cá nhân giữ vai trò quyết định cho kế hoạch quốc gia, và vì động lực cá nhân trong kinh tế cũng tùy thuộc vào quy luật cung cầu của thị trường, nên kế hoạch phải nương vào thị trường mới có thể thành công, chứ kế hoạch không điều khiển thị trường. Chẳng hạn, khi nghe nói địa phương này có điều kiện thuận lợi để sản xuất một loại hàng nọ, bán ra được giá thì người dân tự động tìm đến, nếu không bị cản trở cấm đoán. Kế hoạch quốc gia phải

tạo điều kiện thuận lợi, lần lượt giải quyết những cản trở, được như vậy thì không cần ép buộc, dân chúng cũng tự động tìm ra nơi sinh sống hay chọn ngành nghề sinh nhai có lợi nhất cho họ, mà cũng là cho cả quốc gia.

Việc giải quyết những cản trở này có thể là xây dựng hạ tầng cơ sở vận chuyển, giao thông, thông tin, xây dựng gia cư, chợ búa, nhà thương trường học, đào tạo cán sự chuyên môn, mở ra các chương trình huấn nghệ, thiết lập hệ thống luật lệ thuế khóa phân minh, tiến bộ, giải tỏa những thủ tục hành chính rườm rà phức tạp, vân vân ... Nhiệm vụ của chính quyền là tạo điều kiện cho dân chúng làm giàu nhanh nhất, trong những lãnh vực chiến lược nhất cho quốc gia. Khi có điều kiện thuận lợi thì chẳng ai ép người ta cũng làm. Bằng không thì dù có bị bức khỏi làng xã vứt vào rừng, hoặc bị súng đạn canh chừng, thì người ta vẫn trốn về, hoặc lảng công, chẳng ai muốn sản xuất, kế hoạch nào cũng hỏng.

CÁC CHUYÊN GIA VÀ VIỆC PHÁT TRIỂN KHU VỰC TƯ.

Những nước kém mở mang thường thiếu nhân sự có khả năng chuyên môn và những người có một số kiến thức chuyên môn thường ưa đi vào khu vực nhà nước, là nơi có quyền hành, có ngân sách, có điều kiện thi thố khả năng. Vì vậy, hiện tượng chung trong các nước chưa phát triển là chính quyền thường tập trung chất xám, ban hành những

biện pháp có hình thức ích quốc lợi dân, thực chất có khi chỉ là kế hoạch trù tượng của khối nhân sự chuyên môn trong chính quyền. Nước Việt Nam không ra khỏi ngoại lệ và cũng sẽ khó tránh khỏi hiện tượng trên.

Việc nghiên cứu ra các kế hoạch phát triển kinh tế theo một đường hướng tiến bộ là một việc nên làm và cần làm. Nhưng trong tiến trình nghiên cứu, người ta nên tránh cái tệ nạn “chủ quan duy ý chí” đã từng gây bao khổ nạn cho dân chúng dưới chế độ cộng sản. Cứ nhất định làm cho bằng được một số việc - có thể vì nghĩ rằng có lợi cho dân chúng - và giữ chặt quyền bính bắt dân thi hành những việc đó, thì kế hoạch nào cũng sẽ thất bại. Ngược lại, nếu biết tin vào sự sáng suốt của những người khác, kể cả quần chúng bình dân có học vấn không cao siêu, người ta sẽ biết tận dụng tính tháo vát và tinh thần sáng tạo của dân chúng vào những việc quốc kế dân sinh.

Phản ứng tự nhiên của nhiều chuyên viên kỹ thuật gia là tự tin, thái quá, khi thấy trình độ kiến thức trong nước quá thấp so với sự hiểu biết chuyên môn của mình. Tự tin thái quá nên mới nghĩ là mình nắm được chìa khóa của sự phát triển. Cũng vì mình tự tin thái quá nên mới không dám tin là dân chúng sẽ biết đâu là lợi đâu là hại. Vì không dám tin nên mới nghĩ đến việc hoạch định tất cả, cho dân cứ theo đó mà thi hành là mọi việc đều tốt đẹp. Chính quyền lại trở thành “cha mẹ dân” là

vì vậy. Với thiện chí ban đầu, người ta vẫn có thể trở thành độc tài và nhân danh hạnh phúc quốc dân ép dân làm những việc họ thấy là không có lợi cho họ. Khi bắt đầu xây dựng tự do kinh tế và tìm tác động phát triển ở thị trường, người ta cần phải phát huy quyền tự do của người khác.

Trước nhất là phải tìm cách giản lược hóa nền hành chánh cho dân sinh sống, di chuyển và lao động thoải mái. Sau đó, phải biết giới hạn việc chính quyền can thiệp vào kinh tế, để cho dân chúng được tự do chọn lựa. Căn bản hơn cả, người ta cần phát triển khu vực tư trong cơ cấu kinh tế xã hội.

Thiết thực nhất trong mục đích này là các chuyên gia, chuyên viên, kỹ sư và kỹ thuật gia nên nghĩ tới việc tham gia vào đời sống kinh tế trong lãnh vực tư, đem kiến thức của mình mở mang cho khu vực tư doanh của nước nhà trở thành một khu vực mạnh, có khả năng cạnh tranh với doanh nhân nước ngoài, thay vì chỉ nghĩ tới khu vực tập trung nhiều quyền hạn và phương tiện, là chính quyền hay các xí nghiệp công. Sự tham dự đông đảo của những người có kiến thức chuyên môn vào lãnh vực tư là một sự tiến bộ cụ thể để giới hạn dần quyền lực quá lớn của khu vực chính quyền, từ bao năm nay vẫn phát triển rất mạnh ở nước ta vì những cơ cấu chính trị, giáo dục và kinh tế vẫn tập quyền và lạc hậu, thừa hưởng từ thời quân chủ phong kiến sang thời thực dân qua thời cộng sản.

Nguyên tắc có tính chất tiên quyết cho việc xây dựng và phát triển nền kinh tế tự do là người dân phải có quyền tự do kinh tế và biết hành xử những quyền này. Muốn vậy xã hội phải có được một khu vực tư nhân đông đảo và có khả năng, ít nhất cũng ngang ngửa với khu vực công trong lúc ban đầu.

Cho tới nay, đây là một vấn đề nóng bỏng nhất của nước ta.

Người ta nói nhiều tới việc “giải tư” các xí nghiệp quốc doanh hay trả lại cho tư nhân những cơ sở sản xuất tập thể, khi thấy là khu vực tư nhân hiện đóng góp chưa tới 30% tổng sản lượng, phần còn lại là do khu vực “xã hội chủ nghĩa” (quốc doanh và tập thể) sản xuất ra, với năng suất thấp và lãng phí cao. Muốn phát triển khu vực tư nhân, có người mua lại và khai thác những cơ sở được giải tư, được tư hữu hóa, người ta phải phát triển tư doanh, và phải có tư nhân kinh doanh. Tìm đâu ra nguồn nhân lực này nếu những người có tài sản và kiến thức chuyên môn ở bên ngoài không chuẩn bị xây dựng, và trước nhất không trực tiếp đảm nhận lấy? Việc đó không đơn giản có nghĩa là mọi người có kiến thức đều đổ xô vào doanh trường, trở thành doanh nhân, mà chỉ có nghĩa là nên dồn kiến thức chuyên môn vào việc phát triển khu vực tư, trong kinh doanh, trong giáo dục, trong huấn nghệ, trong những cơ chế tự lập có mục tiêu yểm trợ sản xuất chẳng hạn. Nếu có nhiều xí nghiệp tư, đại học tư, hiệp hội chuyên

ngiệp tư lập, người ta sẽ tạo nhiều cơ hội cho dân chúng chọn lựa, học hỏi và tìm nguồn yểm trợ kỹ thuật và tài chánh mà không bị lệ thuộc vào chính quyền, không bị chính trị chi phối.

Đấy cũng là cách góp phần tăng cường nền dân chủ và đem kiến thức đa năng đa diện từ nhiều quốc gia khác về cho dân chúng chọn lựa, làm nước nhà thêm phong phú cường thịnh. Việc chuẩn bị nguồn nhân lực tăng cường cho khu vực tư cũng là một kế hoạch cần đào sâu, suy nghĩ và mở rộng thảo luận.

*

Trên đây chỉ là một số ý kiến sơ khởi trong khuôn khổ một hiệp hội chuyên nghiệp nhằm tạo điều kiện thảo luận nghiên cứu. Chúng ta nên lấy mục tiêu xa òi sáng biện pháp gần, thấy tương lai dài mà quyết định về những việc gấp, và chuẩn bị những giải pháp khả thể khác nhau để cân nhắc chọn lựa.

Nền móng của việc tái thiết Việt Nam sẽ được quyết định trên đất nước Việt Nam, do những người hiện đang sinh sống trong nước tiến hành. Tuy nhiên, sự lạc hậu nhất thời của đất nước sẽ được khắc phục nhanh chóng nếu thành phần có chuyên môn ở bên ngoài biết đóng góp sự hiểu biết của mình cho cộng đồng dân tộc. Theo thiên ý của người viết, kiến thức sẽ dễ dàng được quảng bá nếu có tự do tiếp nhận, và được áp dụng nếu có dân chủ chọn lựa, trong sự cân nhắc lợi hại khách quan, trong tinh thần

xây dựng.

Nhưng, kiến thức chuyên môn không thể giải quyết được mọi bài toán. Những tệ hại của một nền kinh tế tự do quá trớn, không dựa trên nền tảng nhân bản và không bảo vệ được nền văn hóa dân tộc, có thể sẽ nảy sinh từ chính thiện chí phát triển tư doanh - thí dụ như kỹ nghệ du lịch và những tệ đoan xã hội đi cùng việc phục vụ thị hiếu của du khách ngoại quốc - và kiến thức chuyên môn có thể đem lại nhiều ngoại tệ, kỹ thuật, thì cũng có thể tạo ra nhiều

vấn đề khác. Người chuyên viên và kỹ thuật gia cần ý thức được hai yếu tố then chốt là tinh thần nhân bản và tinh thần dân tộc trong mọi quyết định chuyên môn của mình. Sự khác biệt giữa một chuyên gia Việt Nam và một chuyên gia ngoại quốc, trên cùng một bài toán là phát triển kinh tế Việt Nam tự do, chính là ở hai yếu tố then chốt nói trên. •

Tháng 5, 1991
NGUYỄN XUÂN HIẾU

Mừng AH Nguyễn Ngọc Lâm Bát Tuần Thượng Thọ

Vọng tộc danh gia chốn Tân Đà
Tuổi già vui cảnh CAnada
Thanh danh rạng rỡ đường khoa cử
Uỷ tín lấy lòng sở Hòa Xa
Cuộc sống đào viên sanh phúc quả
Gia đình lộc tuyết trở quỳnh hoa
Bát tuần vẫn vẹn tình phu phụ
Duyên lão càng thêm nét mặn mà

AH Phùng Duy Miên

Hợp mặt nay mừng thọ tám mươi
Gặp nhau ta lại nắm tay cười
Sông Đà cảnh cũ tha hồ gợi
Núi Tân tình xưa mặc sức khơi
Chuyện nở đôn tan hơn cá pháo
Rượu say túy lúy sợ chỉ đời
Ngày Trời tháng Phật an nhàn hưởng
Dẫu rằng thân tiên cũng tuyệt vời

KIM (một thân hữu)





ĐÔNG TÂY gặp nhau trong khoa học huyền bí

AH LÊ QUANG TIỀM *

Hôm nay chúng tôi xin bàn đến khoa Tử Vi Đông Phương.

Khoa Tử vi Đông Phương đã xuất hiện từ đời vua Phục Hy bên Tàu, 2800 B.C. (trước Thiên Chúa giáng sinh). Theo sử sách của Trung Quốc một con rùa lớn đã xuất hiện trên sông Lô, trên lưng con rùa có một hình vẽ mà các nhà chiêm tinh gia Trung Hoa gọi là Long Mã Hà đồ. Vua Phục Hy xem hình tượng trên Long Mã rồi chế ra Tiên Thiên Bát Quái (xin xem bản đồ).

Vua Phục Y cùng một số chiêm tinh gia nổi tiếng thời đó đi du ngoạn lên núi cao quan sát mặt trời, mặt trăng các tinh tú, các phương hướng và sự biến hóa của vạn vật và căn cứ theo Bát Quái (8 cung) như hình của quả địa cầu tức là trái đất rồi lập thành một bản đồ là 8x8 bằng 64 cung: theo sách Dịch gọi là 64 quẻ.

Hình Bát Quái chia ra 8 cung tượng trưng hình thể của quả đất:

Tám hình thể đó là:

- Cung Càn gọi là Trời thuộc hướng Tây Bắc
- Cung Khảm gọi là Nước thuộc hướng chánh Bắc
- Cung Cấn gọi là Núi

thuộc hướng Đông Bắc

— Cung Chấn gọi là Điện và Sấm Sét thuộc hướng Đông

— Cung Tốn là Gió thuộc hướng Đông Nam

— Cung Ly là Lửa thuộc hướng Nam

— Cung Khôn là Đất thuộc hướng Tây Nam

— Cung Đoài là Đàm (depression) thuộc hướng chánh Tây

Hình Bát Quái tức quả địa cầu lại chia thêm 12 địa chi: địa là đất; chi là nhánh, địa chi là nhánh mọc trên quả đất; 12 địa chi gọi là 12 tuổi (xin xem sơ đồ Bát Quái)

— Tuổi Tý (con chuột) thuộc cung Khảm

— Tuổi Sửu (con trâu) thuộc cung Cấn

— Tuổi Dần (con cọp) thuộc cung Cấn

— Tuổi Mão (con mèo) thuộc cung Chấn

— Tuổi Thìn (con rồng) thuộc cung Tốn

— Tuổi Tị (con rắn) thuộc cung Tốn

— Tuổi Ngọ (con ngựa) thuộc cung Ly

— Tuổi Mùi (con dê) thuộc cung Khôn

— Tuổi Thân (con khỉ) thuộc cung Khôn

— Tuổi Dậu (con gà) thuộc cung Đoài

— Tuổi Tuất (con chó) thuộc cung Càn

— Tuổi Hợi (con heo) thuộc cung Càn

Ngoài 12 địa chi, các chiêm tinh gia đời vua Phục Hy căn cứ theo khoa Thiên Văn, đặc biệt là mặt trăng và sao Bắc Đẩu (Great Bear) lập thêm 10 thiên can để phối hợp với 12 địa chi Can tức là gốc, Thiên là Trời; Thiên Can tức là gốc (Trời).

10 Thiên Can là:

— Giáp: thuộc phương Đông

— Ất: thuộc phương Đông

— Bính: thuộc phương Nam

— Đinh: thuộc phương Nam

— Mậu: thuộc luồng giữa trong sách Tàu gọi là Trung Ương

— Kỷ: thuộc luồng giữa trong sách Tàu gọi là Trung Ương

— Canh: thuộc phương Tây

— Tân: thuộc phương Tây

— Quý: thuộc phương Bắc

Ngoài ra theo luật sinh hóa của Âm Dương tức là mặt Trời và mặt Trăng cũng như khí

âm (negative) và khí dương (positive) thì trong cơ thể con người chúng ta cũng như vạn vật cũng phải có khí âm và khí dương mới tồn tại được cũng như giấy điện cần có giấy nóng và giấy nguội mới phát sinh ra điện. Vì vậy các chiêm tinh gia mới tìm ra thêm ngũ hành tức là 5 thể kết cấu với nhau để sinh sống là Kim (sắt, vàng), Mộc (gỗ), Thủy (nước), Hỏa (lửa), Thổ (đất).

Các chiêm tinh gia và lý thuyết gia Á Đông khi đã có sẵn các yếu tố và chi tiết của vòng bát quái tức quả địa cầu và căn cứ theo Ngũ Hành, Thiên Can, Địa Chi cũng như sự nghiên cứu tỉ mỉ về vận chuyển của mặt trăng, về không gian và thời gian; những hiện tượng trong Trời Đất và cảnh vật trên mặt địa cầu đã vận chuyển theo 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông cũng như sự luân chuyển của 12 vòng trăng tròn và hiện tượng thiên văn đã lập ra được Âm lịch, các lý số để tính năm sinh, tháng sinh, ngày sinh và giờ sinh cũng như Mệnh thuộc trong Ngũ Hành và Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Sau đây là lời giải đoán về 12 địa chi tức 12 tuổi.

TUỔI TÝ (là tuổi con chuột).



Sinh năm 1900, 1912, 1924, 1936, 1948, 1960, 1972, 1984, 1996.

Người Tuổi Tý là người duyên dáng, mỹ miều, quyến rũ, trầm tĩnh, khôn ngoan. Họ rất kiên trì và có nhiều may mắn để tiến bước trên đường danh lợi. Một số nhân vật tuổi Tý đã trở thành các nhà văn nổi tiếng như Shakespeare, Boileau, Racine, Saint Beuve, Tolstoi, George Sand, Jules Verne, Alphonse Daudet.

Một số tuổi Tý khác đã trở thành lãnh đạo quốc gia như cựu TT Hoa Kỳ George Washington (1732-1799) - TT thứ nhất và Franklin Pierce (1804-1869) - TT thứ 14 của Hoa Kỳ.

Và tại Việt Nam thì TT Nguyễn văn Thiệu.

TUỔI SỬU (con Trâu)



Sinh những năm 1901, 1913, 1925, 1937, 1949, 1961, 1973, 1985, 1997.

Người tuổi Sửu thường là người yên lặng, kiên trì, ưa trầm tư mặc tưởng (contemplative).

Những người tuổi này rất khoan ngoan lành lợi, tiên đoán giỏi, đa mưu túc trí. Họ có nhiều phương lược để khuyến khích kẻ khác tiến

đến mục đích cho thành đạt sở nguyện. Họ có đủ lý luận để thuyết phục bạn bè theo ý kiến và mục tiêu của mình. Nhờ sự thông minh và bản tính cố gắng những người tuổi Sửu thường đạt được sở nguyện của họ một cách dễ dàng. Khi gặp thời những người tuổi Sửu rất dễ trở nên độc tài.

Một số lãnh tụ quốc gia sau đây đã sinh vào năm Sửu.

Henri IV sinh năm 1553, vua nước Pháp. Marquis de la Fayette sinh 1757, một chính trị gia và lãnh đạo quân sự nổi danh đã chỉ huy các lực lượng quân sự dành Độc lập cho Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. George Clemenceau 1841, cựu Thủ tướng nước Pháp. Adolf Hitler 1889, nhà độc tài của Đức Quốc Xã. Nehru Jawaharlal 1889, cựu Thủ tướng Ấn Độ. Bảo Đại sinh 1913, cựu Hoàng đế Việt Nam (1925-1955). Richard Nixon cựu TT Hoa Kỳ thứ 37. Quốc trưởng Phan Khắc Sửu.

TUỔI DẦN (con Cọp)



Sinh những năm 1902, 1914, 1926, 1938, 1950, 1962, 1974, 1986, 1998.

Phần đông tuổi Dần rất can đảm và nhất quyết, họ rất tự

phụ và có óc chống đối với thượng cấp. Tuy nhiên họ lại thích kẻ khác phục tùng họ. Họ rất cực đoan. Họ có nhiều tình cảm nhưng cũng lại là một đối thủ có nhiều thế lực mạnh và nguy hiểm. Trong công việc hàng ngày họ là những người có tư tưởng sâu xa, thiết lập kế hoạch kỹ lưỡng và thường đạt được kết quả vẻ vang.

Một số nhân vật nổi tiếng sau đây thuộc tuổi Dần:

Thánh Saint Francis Xavier một nhà truyền giáo nổi danh người Tây Ban Nha.

Ông Molotov nguyên Tổng trưởng Ngoại giao Xô Viết.

Cựu Tổng thống Hoa Kỳ James Monroe, sinh năm 1758, TT thứ Năm Hoa Kỳ.

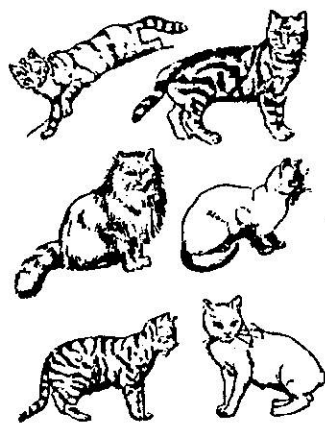
Đại tướng Charles de Gaulle TT Pháp.

Đại tướng Le Clerc một tướng lãnh trong chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam.

Các cựu TT Hoa Kỳ Martin Van Buren (1837-1841); Chester A. Arthur (1881-1885) và Dwight D. Eisenhower (1890-1969) đều thuộc tuổi Cọp.

Tướng Nguyễn Khánh cũng tuổi này.

TUỔI MÃO (con Mèo)



Sinh những năm 1903, 1915, 1927, 1939, 1951, 1975, 1987, 1999.

Người thuộc tuổi Mão thường vui tính, đạo đức, thông thái, có khoa ngôn ngữ, họ ít khi giận hờn. Họ là người bảo thủ, làm việc gì cũng thận trọng và đắn đo. Về phương diện tài chánh họ là người gặp được nhiều may mắn. Họ có nhiều cơ hội để tiến bộ về mặt chính trị, ngoại giao và khoa học.

Một số nhân vật nổi tiếng sau đây thuộc tuổi Mão:

Fidel Castro (1927) nhà độc tài và thủ tướng xứ Cuba.

Joseph Stalin (1879) cựu Tổng bí thư đảng Cộng Sản và Thủ tướng Xô Viết từ 1922-1953.

Habib Bourguiba, TT nước Tunisia.

Albert Einstein (1879-1995) sinh ở Đức, quốc tịch Mỹ, là một nhà vật lý học nổi tiếng trên thế giới, ông đã tìm ra thuyết tương đối (theory of relativity) và lý thuyết nguyên tử (theory of atomic spectra).

Và gần đây cựu phó TT Water Mondale cũng tuổi Mão.

Hồ Chí Minh cũng tuổi này, nhưng đã đem chủ nghĩa vong nô phản dân hại nước và ngày nay nhân dân lầm than.

TUỔI THÌN (con Rồng).

Sinh những năm 1904, 1916, 1928, 1940, 1952, 1964, 1976, 1988.

Người thuộc tuổi Thìn có nghị lực, sức khỏe dồi dào, có lý tưởng, can đảm, thông minh, kiên nhẫn, khoan dung, có khi rất cứng đầu.



Trong đời sống hàng ngày người tuổi Thìn rất hoạt động và mẫn cán. Tuổi Thìn có cơ hội tiến bộ trên mọi mặt về chính trị, tôn giáo, quân sự và lãnh đạo.

Một số nhân vật nổi tiếng sau đây thuộc tuổi Thìn:

Jean Jacques Rousseau sinh 1712-1778, một thi sĩ nổi danh Pháp đã sáng tác nhiều tác phẩm về triết lý, luân lý và giáo dục.

Thống chế Tito thủ tướng xứ Yugoslavia.

Napoleon II (1808-1954) vua nước Pháp.

Thống chế Pétain (1856-1951) cựu Thủ tướng (bù nhìn) Pháp (1940-1944)

Cựu TT Hoa Kỳ William H. Harrison (1773-1841) TT thứ 9 của Hoa Kỳ.

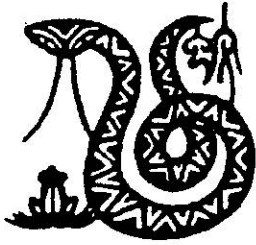
Cựu TT Zachary Taylor (1784-1850) TT thứ 12 của Hoa Kỳ.

Cựu TT Woodrow Wilson (1856-1924) TT thứ 28 của Hoa Kỳ. Các vị trên đều thuộc tuổi con Rồng.

TUỔI TỶ (là tuổi con Rắn - the Snake).

Sinh năm 1905, 1917, 1941, 1953, 1965, 1977, 1989.

Người tuổi Tị là người có



thiện ý, minh mẫn khôn ngoan, lanh lợi (sagacious) ăn mặc bảnh bao, phong lưu (dandy); ít nói, suy nghĩ sâu xa, thẳng thắn, hào phóng của thanh sắc, đôn hậu. Về vấn đề tài chánh vẫn được sung túc; về tuổi già hơi chật hẹp. Một số người tuổi Ty như Quý Ty, Kỷ Ty giàu sang không bao giờ thiếu hụt về tiền bạc. Còn các tuổi như Tân Ty, Đinh Ty, Ất Ty phần nhiều là người đa mưu túc trí, ưa hoạt động, can đảm, liêu lĩnh, họ ít nói chuyện tầm phào, ngồi lê đôi mách (idlegossip).

Một số nhân vật sau đây đã sinh vào năm Ty:

Wilhelm Rontgen (1845) vật lý gia nổi tiếng người Đức đã phát minh ra Quang tuyến X-Rays.

Calvin (1509) nhà thần học nổi danh người Pháp đã canh tân tôn giáo (Religious reformer).

Joham Wolfgang Goethe (1749) một kịch sĩ và thi sĩ nổi danh người Đức.

Mahatma Gandhi (1869) một lãnh tụ quốc gia Ấn Độ, nổi danh về thuyết tâm linh (Nationalist & Spiritual leader) đã bị ám sát.

Alfred Nobel (1833) một khoa học gia tầm tiếng Thụy

Điển đã phát minh chất dynamite và nhà sáng lập ra giải thưởng Nobel (Nobel price foundation).

Pablo Picasso (1881) một họa sĩ và điêu khắc gia trứ danh gốc Tây Ban Nha, sinh sống tại Pháp.

Mao Tse Tung (1893) nhà lãnh đạo Cách mạng vô sản và chủ tịch cộng sản Trung Hoa.

Montesquieu (1689) một đại văn hào của Pháp nổi danh về chính trị, văn học và luật pháp (political philosopher, writer and jurist).

Abraham Lincoln (1809) Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ.

William Harrison (1773) TT thứ 9 của Hoa Kỳ.

Benjamin Harrison (1833) TT thứ 23 của Hoa Kỳ.

William H. Taft (1907) TT thứ 27 của Hoa Kỳ.

và John F. Kennedy 1917, TT thứ 35 của Hoa Kỳ.

TUỔI NGỌ (tuổi con Ngựa - The Horse).



Người tuổi Ngọ có tính tình hiền hòa vui vẻ, có tính khởi xướng, khéo léo, ngoại giao giỏi, lanh lợi, tiên kiến tâm tánh lúc nào cũng muốn tiến bộ để thành sự nghiệp to. Họ

có thiên tài về trí óc và nghề nghiệp bằng tay chân. Họ rời khỏi gia đình và lập nghiệp sớm. Thời thiếu niên và trung niên hơi gian nan, lúc về già được sung sướng.

Một số nhân vật sau đây đã sinh vào năm Ngọ:

Pierre Corneille (1606) một văn sĩ Pháp đã soạn nhiều tác phẩm kịch nổi danh (dramatist).

Nikita Khrushchev (1894) Tổng bí thư đảng CS Nga (1953-1964) và Thủ tướng Nga Xô Viết (1958-1964).

Louis Pasteur (1822) nhà bác học Pháp đã tìm ra vi trùng học và phương thức trách nhiệm truyền nhiễm (microbiology and immunology).

Dela Croix một họa sĩ nổi danh gốc Pháp.

Lenin (1870) nhà lãnh đạo cách mạng Liên Xô và thủ tướng đầu tiên của Nga Xô (1918-24).

Newton (1642) bác học nổi danh của Anh Quốc đã phát minh ra định luật của trọng lực và tính vi tích (theories of universal gravitation and differential calculus).

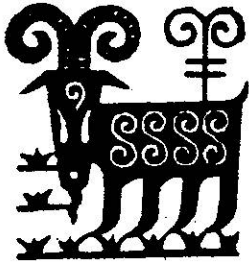
Ulysses S. Grant (1822) Tổng thống thứ 18 của Hoa Kỳ.

Rutherford B. Hayes (1822) TT thứ 19 của Hoa Kỳ.

Theodore Roosevelt (1858) Tổng thống thứ 26 của Hoa Kỳ.

Tuổi Mùi (con Dê, the Goat).

Sinh các năm 1907, 1919, 1931, 1943, 1955, 1967, 1979,



1991.

Người tuổi Mùi có lòng khoan dung, độ lượng, có nhiều tài sắc nên người ta thường gọi tuổi Mùi là tuổi của giới phụ nữ (Feminine Sign). Phần đông giới ca sĩ, nghệ sĩ đều là tuổi Mùi. Họ cũng có khi trở nên bồn chồn, lo lắng và bi quan (anxious, pessimist). Nhờ sự thông minh và cố gắng hiển nhiên nên họ đặc kỳ sở nguyện dễ dàng và dễ thành công trong nghề nghệ sĩ và khá giả về vật chất.

Một số nhân vật sau đây thuộc tuổi Mùi:

Pierre Mendes France (1907) nhà lãnh đạo đảng Xã Hội nước Pháp trở thành Thủ tướng Pháp (1954-55).

Benito Mussolini (1883) nhà độc tài Phát-xít Ý Đại Lợi (1922-43) đã bị hành quyết.

Theophile Gautier (1811) một nhà phê bình văn chương nghệ thuật và thi sĩ có tiếng của Pháp.

Thomas Edison (1847) quốc tịch Mỹ đã phát minh kỹ thuật về điện tín, điện ảnh, điện ánh sáng, tốc ký nên ông được cấp 1,100 patents (bằng sáng chế) về telegraphy, phonography, electric lighting và photography.

Và vị tổng thống sau đây cũng thuộc tuổi Mùi là:

James Madison (1751) Tổng thống thứ 4 của Hoa Kỳ. Gorbech.

TUỔI THÂN (con Khỉ, the Monkey)



Sinh các năm 1908, 1920, 1932, 1944, 1956, 1968, 1980, 1992.

Trong 12 tuổi của địa chi, thì người tuổi Thân hơi khác thường, có người thì phi thường (extraordinary nature), có người thì bất thường và tinh ranh (mischievous). Họ hay ưa dạy đời, tự tôn tự đại (egotistical) và tự xem họ là hơn cả người xung quanh. Tuổi Thân cũng rất thông minh có nhiều khả năng về vấn đề khuếch trương tài chánh trong ngành thương mại, rất giỏi xã giao, họ giải quyết công việc một cách dễ dàng và kỳ diệu. Nếu họ biết sửa đổi tư cách tính nết thì họ sẽ thành công lớn như lãnh đạo quốc gia, hoặc chiếm địa vị cao sang trong xã hội. Họ thành công trong nhiều ngành chuyên môn như Kỹ sư, Luật sư, Bác sĩ. Về tình cảm một số ít hay phụ bạc người cũ và si tình người mới. Một số người tuổi Thân lúc thanh xuân rất may mắn; đến tuổi trung niên

gặp nhiều việc bối rối, kế hoạch gặp thất bại (Miscarry); về hậu vận được sống một đời sống bình tĩnh êm dịu nhưng cô đơn (solitary old age) và khi thác không gặp người thân, xa gia đình.

Một số nhân vật sau đây đã sinh vào năm Thân:

Owen Chamberlain (1920) nhà vật lý Hoa Kỳ đã tìm ra chất Antiproton (chất nguyên tử subatomic particle).

Vincent Auriot (1884) cựu Tổng thống và đệ tứ Cộng hòa Pháp.

Edouard Daladier (1884) cựu Thủ tướng Pháp 1938-40.

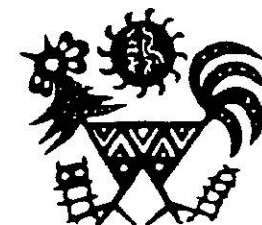
Millard Fillmore (1800) Tổng thống thứ 13 của Hoa Kỳ.

Calvin Coolidge (1872) Tổng thống thứ 30 của Hoa Kỳ.

Harry Truman (1884) Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ.

Lyndon B. Johnson (1908) Tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ.

TUỔI DẬU (con Gà, the Rooster).



Sinh các năm 1909, 1921, 1933, 1945, 1957, 1969, 1981, 1993.

Người tuổi Dậu phần đông là hoạt bát, đa mưu, túc trí cử

chỉ khoan hòa, có đủ phương thức khuyến khích kẻ khác, có đủ lý luận quyền rũ bẻ bạn theo ý kiến của mình tuy nhiên họ cũng rất bảo thủ (profoundly conservative) và đôi khi cũng có những ảo ảnh khác thường (escentric illusion). Họ là người độ lượng. Một số người tuổi Dậu thích trầm tư mặc tưởng, đôi khi họ có những hy vọng hảo huyền, xây nhà lâu trên không (build castles in the air), có khi họ sẽ nghĩ sẽ trở thành vị anh hùng hào kiệt. Thường thường họ là một chiến sĩ can trường (brave soldier). Họ ưa thích trồng trọt và thú điền viên, được hưởng lộc về già và hạnh phúc. Nhưng lao đao trong tình trường.

Một số nhân vật sau đây đã sinh vào năm Dậu:

Sir Anthony Eden (1897) cựu Thủ tướng Anh quốc 1955-57.

S. Colette (1873) tiểu thuyết gia người Pháp viết về tình yêu rất phong phú.

David Livingstone (1813) Giáo sĩ truyền giáo Ái Nhĩ Lan trứ danh, đã thám hiểm vùng Trung Phi Châu.

André Maurois (1885) Đại văn hào kiêm sử gia Pháp.

Duc de Richelieu (1585) Thủ tướng độc tài đời vua Louis 13 của nước Pháp.

La Fontaine (1621) Thi sĩ trứ danh về thơ ngụ ngôn (Fabulist) người Pháp.

Réne Descartes (1596) nhà toán học kiêm triết lý gia danh tiếng của người Pháp.

Richard Wagner (1813) Thi sĩ và sáng tác trứ danh về nhạc người Đức.

Rudyard Kipling (1865) Đại văn hào Anh quốc và cựu Tổng thống Grover Cleveland (1837) Tổng thống thứ 22 và 24 của Hoa Kỳ cũng sinh năm Dậu.

Tuổi Tuất (con Chó, the Dog).



Sinh các năm 1910, 1922, 1934, 1946, 1958, 1970, 1982, 1994.

Người ta thường nói người tuổi Tuất là quán quân bênh vực cho sự công bình (champion of justice) như Brigitte Bardot sinh năm Mậu Tuất (1934) đã đơn phương độc mã mở chiến dịch yêu cầu giảm bớt sự giết chết các súc vật trong lò sát sinh. Người tuổi Tuất rất độ lượng, khoan hồng, rất thông minh, chân thực, lương thiện, trung thành. Tuy nhiên họ hay lo âu và đau đớn về những chuyện không chỉ trong gia đình mà ngoài đời nữa như họ bị quan về thiên tai, về đói rét trên hoàn cầu, về chiến tranh. Họ cũng là người rất cứng đầu và gay gắt (stubborn & cynical) vì họ có nhiều đức tính tốt nên được nhiều người yêu chuộng và kính nể. Về vấn đề tài chánh họ được no đủ cho đến mãn đời. Tuổi Tuất sinh ban

ngày ít bản khoăn, lo lắng, mặc tưởng (introvert) hơn người sinh ban đêm.

Sau đây một số nhân vật tên tuổi sinh vào năm Tuất:

Voltaire (1694) Sử gia và thi sĩ nổi tiếng về Kịch gốc Pháp.

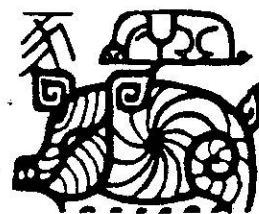
Yuri Gagarin (1934) Phi hành gia Nga Số đầu tiên bay trên quỹ đạo địa cầu vào năm 1961.

Benjamin Franklin (1706) chánh khách vừa là khoa học gia Hoa Kỳ.

Cựu Tổng thống John Tyler (1790) Tổng thống thứ 10 của Hoa Kỳ.

Cựu Tổng thống Herbert Hoover (1874) Tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ.

TUỔI HỢI (con Heo, the Pig)



Sinh các năm 1911, 1923, 1935, 1945, 1959, 1971, 1983, 1995.

Người tuổi Hợi thường thường là phong nhã, rộng lượng khoan hồng, hào hiệp (chivalrous), ân cần và tính tình chu đáo, tỉ mỉ (scrupulous).

Phần đông đàn bà tuổi Hợi rất hiền từ nhưng tự tin và quả quyết (confident), họ luôn luôn cố gắng trau dồi cho con

người được đoan trang và tinh khiết (correctitude & purity). Họ là những bà mẹ hiền hòa. Phần đông người tuổi Hợi có chức phận đất điền, nhà cửa và tiền bạc dồi dào. Họ ăn nói đứng đắn, chứng chạc. Họ rất thông minh và luôn luôn cố gắng học hỏi để tiến bước trên đường danh vọng.

Một châm ngôn của Nhật Bản viết: Người tuổi Hợi rộng ở mặt trước nhưng hẹp ở mặt sau "Wide of face but narrow in the back" và họ cũng cho rằng người tuổi Hợi là "materialist và often a sensualist", câu bình phẩm này xin dành để bạn nào tuổi Hợi suy ngẫm vì theo thiên ý của chúng tôi thì không được đúng lắm.

Sau đây là một số nhân vật tuổi Hợi:

First Rockefeller (1839) Kỹ nghệ gia nổi tiếng giàu lòng bác ái của nước Mỹ.

First Ford (1863) Kỹ nghệ gia Mỹ đã phát họa kiểu mẫu và lập ra xưởng chế tạo xe hiệu Ford.

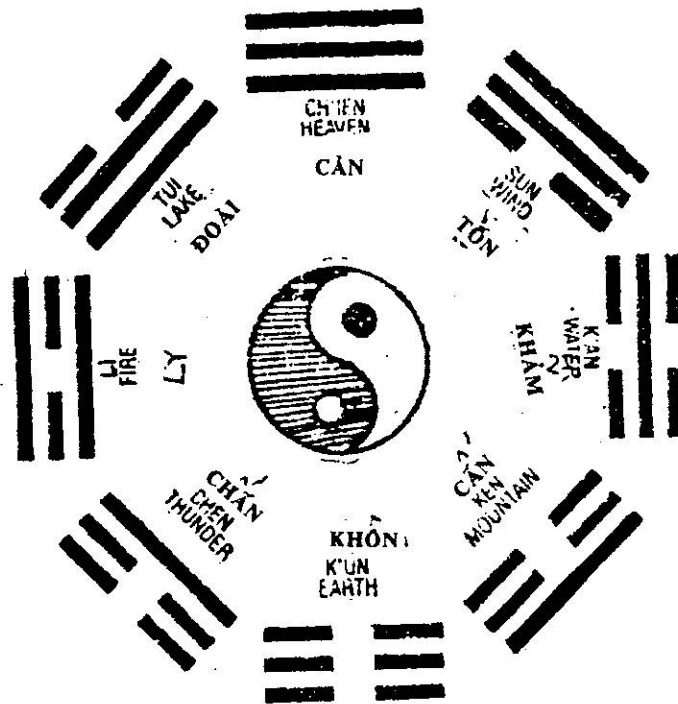
Blaise Pascal (1623) Nhà toán học và triết học nổi danh của người Pháp.

Marshal Foch (1851) Thống chế Pháp đã giữ chức Tổng tư lệnh quân đội đồng minh trong trận chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

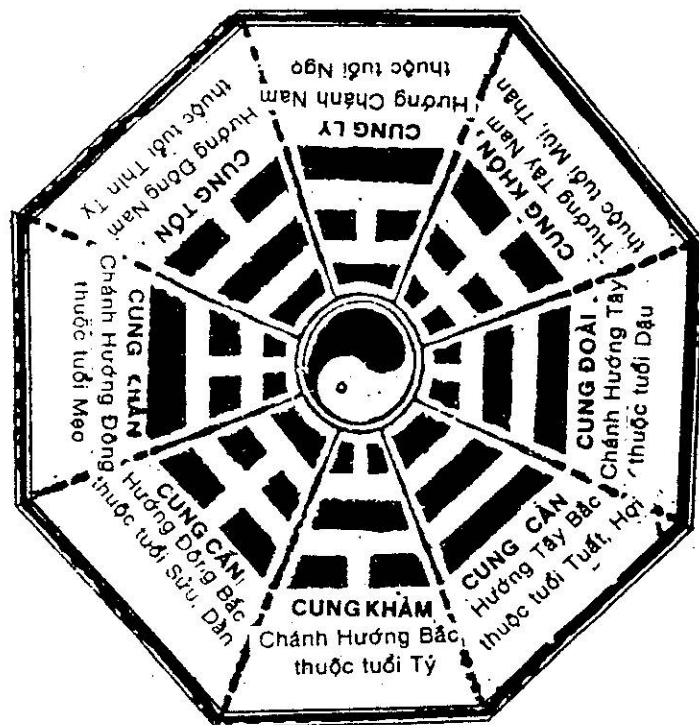
Bismarck (1815) gọi là Iron Chancelor, Thủ tướng đầu tiên của Đế quốc Đức.

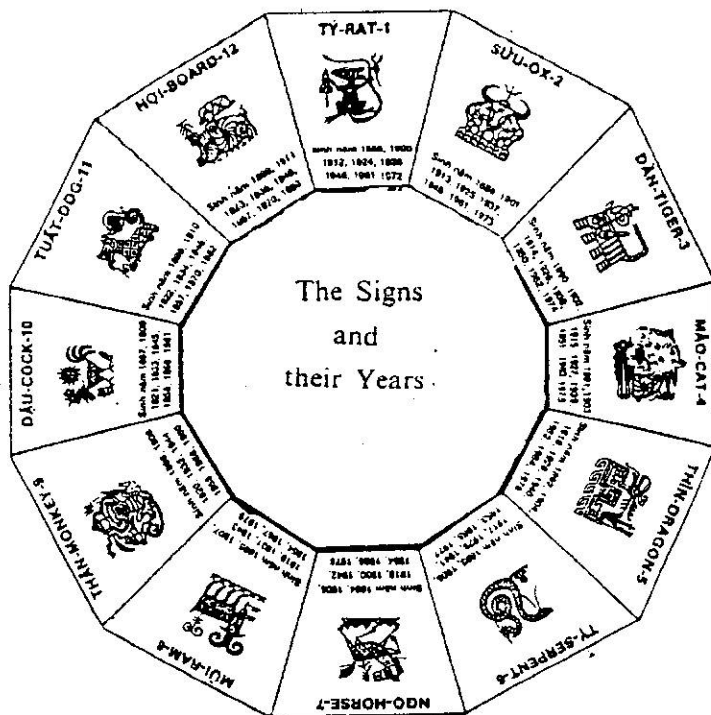
Fiel Marshal Montgomery (1887) Đại tướng trong Quân lực Anh quốc, nguyên tư lệnh mặt trận Bắc Phi Châu trong chiến tranh thế giới lần thứ hai.

President Thomas Jefferson



BÁT QUÁI ĐỒ (HEXAGRAM)





and Their Years để quý vị biết rõ thêm chi tiết về 12 tuổi.

* VÀI LỜI GIỚI THIỆU TÁC GIẢ (L.K.THÍ)

Gia đình Công Chánh Nam Cali có hai AH Cao niên cùng danh, cùng tánh và có lẽ cũng cùng niên tuế (khoảng 75) và đặc biệt là đều có nhiệt tâm xây dựng AH.

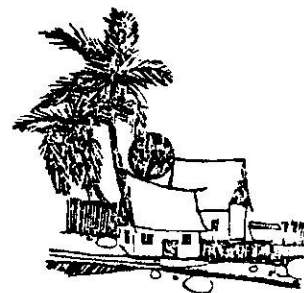
Đó là: AH Lê Tiềm (KL) và

AH Lê Quang Tiềm (Công Binh, tác giả bài trên đây).

-- AH Lê Tiềm ở vùng Reseda cách "Saigon nhỏ" 40/50 miles, ấy thế mà không buổi họp mặt AH nào là không có mặt. AH Tiềm thường dùng xe công cộng có khi mất cả buổi để đến gặp và thăm anh em. AH ủng hộ tài chánh rất tích cực cho LT.

-- AH Lê Quang Tiềm ngày trước phục vụ ngành Công Binh (đồng đội với các AH Vương Chí Hổ, Đoàn Văn Kiệu ...) Trong những năm hưu trí, AH LQT sưu tầm về nhiều lãnh vực, nhiều tập san và nhật báo (bằng Việt ngữ và Anh ngữ), tham gia nhiều công tác xã hội, tôn giáo

Hai AH Tiềm rất đáng được đề cao tinh thần đồng nghiệp, đồng hương. ●



(1743) Tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ.

President John Quincy Adams (1767) Tổng thống thứ 6 Hoa Kỳ.

President James Buchanan

(1791) Tổng thống thứ 15 của Hoa Kỳ.

Cựu Tổng thống Hoa Kỳ Ronald Reagan (1911) cũng là tuổi Hợi.

Xin xem sơ đồ The Signs

PHÂN ƯU

Được tin Thân Mẫu AH Trần Ngọc Đông

Cụ Bà TRẦN CỬ

Nhũ danh Ngô Thị Túy

vừa tạ thế tại Sài Gòn ngày 19-10-1991

Ái Hữu Công Chánh xin thành thật chia buồn cùng anh chị Đông và gia đình

Kính cầu chúc hương hồn Cụ Bà sớm tiêu diêu cõi Phật

Chầu Hát Đầu Năm



Ngày xưa ngày xưa hát ả đào là một cái thú của các cụ. Mỗi khi làm được bài hát mới nào hay, các cụ cho gọi cô đào đến bắt học thuộc lòng. Đến tối với vài ba bạn tâm giao các cụ ngồi trên sập, tựa gối xếp rung đùi nghe ả đào ngâm hát “sáng tác phẩm” của mình. Khoái chí vậy thay, cụ vuốt râu cao hứng điểm vài tiếng trống “tom tom” hòa nhịp phách. Đôi khi nhà nào có đám cưới, khao vọng cũng gọi ả đào về hát cho thêm phần long trọng. Cô đầu và kếp đồn luôn luôn ngồi chiếu trải dưới đất hát hầu, vì không biết “đấu tranh giai cấp” nên bị liệt vào hạng “xướng ca vô loài” không được ngồi ngang hàng với các cụ.

Đến nay các đấng “thân trai mười hai bến nước” đâu có chịu ngồi nghe các cô ỉ-oi ư-ử râu thúi ruột, ít nhất cũng phải giật lên phong đòn gánh chứ. Đôi khi muốn ghé bên nào cũng ghé lẹ cho rồi chuyện, hoặc giả ghé “go go” bảy tám mươi phần trăm cũng có một chút gì sống động. Tuy vậy thú chơi nào cũng có mặt tiền, hậu của nó. Tỉ dụ như đi tắm hơi thật là khỏe mạnh hợp vệ sinh đủ an ninh trật tự nhưng hậu trường sân khấu cũng có nhiều trò hấp dẫn mê ly rùng rợn. Còn đi “go go” phòng trà thì chớ có lộn xộn, cậu nào bốc đồng không đứng chỗ có khi có chầu ăn đòn hoặc về bóp nghỉ mát. Còn đi hát ả đào, ngoài cái thú nghe

hát ỉ-oi, lại còn được ăn uống theo ý thích, được phá, được đánh đấm, mỗi trò một vẻ.

*Làm trai phải biết tổ tôm
Biết trà Ninh Hải, biết nôm
Thuý Kiều
Biết thuốc phiện, biết ả đào*

Giới mười hai bến nước có đi tìm thú vui hát cô đầu, đập trống nghe hát cũng chỉ làm ra vẻ văn nhả, dần dần mỗi ngày văn minh một tý, “xướng xóm” cũng tụt thêm một tí. Chỉ cần chi một chầu hát sang là ba đồng là có thể làm chủ được một em trọn ngày. Ba anh thì ba em tiếp, năm cậu thì năm cô hầu hạ, nếu thiếu thì mụ chủ đi mượn hàng xóm đồng nghiệp cho đủ cặp.

Hà Nội ngàn năm văn vật, có Khâm Thiên là đệ nhất rồi đến Thái Hà Ấp, Hải Phòng có quán Bà Mau, nổi tiếng có nhiều chị em ta thơm ngon không kém gì con nhà lành. Ai đó có dịp ghé Hà Nội mà không “xướng xóm” thì thật là vai u thịt bắp, mồ hôi dầu, lông nách một nạm trà tàu một hơi! Không biết cái thú hát ả đào tao nhả làm sao, thanh cao thế nào ...

Nhất là gần dịp Tết, cứ tà tà về chiều các em chải chuốt thập thò ngoài cửa đón khách. Đôi ba xe kéo chậm chậm sắp ngừng là các em ủa ra mừng, cứ như vợ chồng chạy loạn lạc nhau mới được gặp lại không bằng. Riêng nhà 85 thì không, lúc nào cũng đóng cửa cho các em “có giá”, nào là Nhung, Huệ, Lan, Sâm, vân vân ... mới nghe đã thấy thơm rồi, không có cô nào tên cái Hím, cái Tí,

cái Tèo. Ai biết cứ việc đẩy cửa vào khỏi gõ cửa mất công.

Bước chân qua ngưỡng cửa là các em chạy ra ôm chầm lấy anh, mừng mừng tủi tủi, áp má vào mặt anh, nhõng nhẽo “nhớ anh muốn chết!” Em kia ôm choàng lấy anh, rơm rớm nước mắt:

— Anh quên em rồi sao? Mấy tuần nay sao không thấy anh xuống, nếu không có tiền để em ... chi chầu hát cho, lúc nào có, trả em cũng được!

Ồi giờ ời! Nghe các cô, có mà đổ thóc giồng ra mà ăn. Tuy vậy anh càng phải nựng nựng, xoa xoa, thương thương nhớ nhớ cho đủ phép lịch sự. Anh sẽ vui với em suốt đêm nay ở dưới nhà này, anh kia lên gác ngoài, còn gác trong nữa ... Cặp nào đó, mỗi cặp một giang sơn riêng, không ai quấy phá ai. Mần giáo đầu, vẫn phải chầu hát cho ra vẻ tao nhân mặc khách, đập trống sao cho đúng luật lẳng lơ bay bướm. Anh vuốt râu nhưng không có râu để vuốt, đành nắn “ca vát” vậy. Trên kỷ bộ đồ trà “nội phủ” còn bốc khói, anh hớp nhẹ chung trà sữa soạn thưởng thức tiếng hát của em, vừa là đào hát, vừa là đào rượu “kiêm luôn cả việc tiếp khách nữa”.

Anh kép già sửa lại giấy đàn dạo:

Tằng, tăng, tăng, tăng, thăng nào, thăng nào?

Không kém, anh quát mạnh roi chầu vào mặt trống, trả lời:

Tom tom, tao tao!

Em nổi phách, lách phách, lách phách, chát rồi cất cao giọng:

Chàng và thiếp canh khuya

trần trọc,

Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.

Hết “cung bắc” sang “gửi thư”, bài nào cũng hay cả.

Khoái quá, anh đập trống “tom tom cắc” rồi cò cưa kéo cái roi chầu vòng quanh cái tang trống. Anh nhìn em cười tình, em nhìn anh đáp lễ. Thế là chịu rồi đấy, nghe!

Lối chơi ả đào thanh tao là thế, tao nhã là thế, chứ đâu có như bây giờ gặp nhau là hôn chùn chụt, mất cả phép vệ sinh, phạm thuần phong mỹ tục, lại công sức tu sĩ nữa, không được!

Trên gác sao lại cứ ê ru vậy, không mùi lắm, anh nằm gối lên đùi em, quần lĩnh tía cứ mát dịu. Em vừa nắn trứng cá cho anh vừa thủ thỉ, đôi khi lại kéo áo chấm nước mắt. Lĩnh tía, đùi non, cứ cái kiểu này anh muốn từ luôn vợ, theo em cho trọn ... đạo hiếu!

Bỗng gác trong có tiếng thét thất thanh:

— Ta yêu nàng, nàng không yêu ta ...

— Khế chứ anh ... Đừng, Đừng ... Đừng ... Nhột!

Em phá lên cười như nắc nẻ. Thật vui hơn Tết. Rõn chán, em tiêm thuốc phiện cho anh hút, hăm bằng lê, bằng táo do chính tay người đẹp gọt, đút cho anh từng miếng một. Mẹ thành Cu có bao giờ tình tứ với anh được như thế đâu?

Trời đã về khuya. Ai nấy đều ngót dạ. Nồi cháo gà bốc khói đầy trên bàn trải khăn trắng nuột, rượu “Sâm Banh” nổ bom bóp, có hơi men, gian phòng nghe ấm cúng. Hai tai

nóng bừng bừng. Anh ôm em nháy, em ôm anh quay. Đụng ly, ly vỡ ... Mặc! Đụng bát, bát bể! Chớ thấy! Tốn bao nhiêu, sáng mai anh chi hết. Đừng để cuộc vui cụt hứng. Tiếng giầy nhện trên mảnh thủy tinh nghe rợn người. Anh kép già không may gặp lũ diên, len lén chuồn êm, hết hy vọng được ăn cháo gà vét nồi!

Vui lắm rồi cũng tàn. Em khuyên anh đi nghỉ để lấy sức hưởng thụ. Cuộc vui suốt sáng cơ mà! Anh ngoan ngoãn cởi quần áo, cởi giầy, để cả lên mặt tủ cho nó sạch. Ông Công, ông Táo có định “lập bỏ” lên Thiên Đình cũng ra chỗ khác chơi. Nếu cần một vài đôi đi đỡ, nhưng nhớ đem trả lại là được. Anh nào, em nẩy lên giường. Mần che dệt Bát Tiên Quái Hải, đệm bông, đắp chăn da, da nọ áp da kia. Thật là tuyệt vời.

Cái lạnh đất Bắc, phải “xuống xóm” mới hưởng hết cái thú hát ả đào. Các cụ tao nhã là chỉ có thiệt. Họ ngu thật, nhất định là ngu, ngu là cái chắc!

Ô hay, sao anh thấy ngấm ngấm đau bụng:

— Em ơi, dậy đưa anh ra sau đi!

Bị anh từ chap tối đến giờ, em chỉ ậm ừ ngủ say như chết. Ra sau, vừa tối, vừa lạnh, anh xin lỗi em vậy, cho phép anh ngồi chồm hổm đại lên cái đỉnh đồng hun kê giữa nhà, đại cho một đại, rồi quay vào ngủ tiếp. Sáng mai, nếu thấy thiếu vệ sinh, các em chịu khó khiêng, tập thể thao thẩm mỹ cho nó khỏe. Thật là hết chỗ nói nhưng các em không bao

giờ dám nói, mặc cho các anh phá, miễn là các anh chịu chi. Nếu thiếu tiền, một anh phải “nằm va li” để anh khác về nhà nạo tiền vợ nôi vào cho đủ. Luật dưới xóm không bao giờ đòi tiền “quan viên” khi khách chưa ra về. Cần thận, nếu để mụ chủ lên tiếng là mất công lắm đó. Nằm “va li” một ngày, hai ngày, thì cũng được nhưng Tết nhất đến nơi rồi không lẽ nằm đến đêm giao thừa, không lẽ hát chịu đến sang năm, đâu có được!

Năm cùng tháng tận, cả nhà bận rộn, nào là lá giông, gạo nếp, đựng lợn, đựng heo với hàng xóm mà chẳng thấy bóng vía thằng Cả đâu, cụ Tú sốt ruột càng mong càng mất. Hỏi thăm lối xóm thấy nói là cậu Cả đi xe qua ga Hàng Cỏ. Thôi chết, nói lại xuống xóm rồi. Khí nộ xung thiên, sát khí đằng đằng, cụ Tú choàng vội khăn áo, lặn lưng dăm đồng, thuê xe xuống Khâm Thiên lôi cổ nó về chứ đời nào cụ chịu.

— Dạ, thưa cụ tìm ai?

— Cô có thấy thằng Cả nhà tôi xuống đây không?

Thoáng một giây, cô em hiểu ngay. Nghề nghiệp mà!

— Dạ có, mời cụ vào, để cháu gọi anh ấy ra!

Xệ cặp kính lão, cụ ngó quanh, chà sang quá, sập gụ, tủ chè, đỉnh đồng, tam sự, rồi bát bửu, lại cả xe kéo gọng đồng nữa. Trông cứ như nhà quan huyện vậy! Cụ hơi mặc cảm, ghé ngồi xuống sập. Một em thông thả ngồi cạnh cụ, ghé sát miệng vào tai cụ, nũng nịu:

— Sao lâu quá, ba không xuống đây chơi với con! Hôm

nay, ba phải ngủ đây với con đi!

Trời ơi, nước hoa thơm phức, nói cứ ngọt ngào như mía lùi. Cụ mềm nhũn người nhưng vẫn phải nói cứng cho đỡ quê:

— Nhưng thằng Cả tôi nó đâu?

— Nó đâu, mặc nó chứ, biết thằng Cả nào? Cụ đã bước vào đây, em có bốn phận, nhiệm vụ, có vinh hạnh được đón tiếp Cụ, nước nóng rửa mặt, rửa chân, pha trà cụ soi. Cụ lim dim chịu trận. Em nhất định giữ cụ lại mãi mới cho về. Nhất là em cũng thương cụ, để bớt lại cụ hai hào bạc để về xe, không đến nỗi phải đi bộ!

Đến đầu làng, gặp cụ Chánh, hai cụ tâm sự:

— Mẹ kiếp, thú thật, thích thật, không trách thằng Cả nhà tôi nó mê. Cụ cũng nên đi chơi một lần dỗi già, mai chết cũng đáng đời.

Về đến nhà, cụ còn chân trong chân ngoài, con Vện

phản chủ thấy hơi lạ, sửa âm lên. Cụ Tú bà đứng phất giầy, rít rằng:

— Chết, thế này thì chết, tối hôm qua ông ngủ ở đâu? Nước hoa ở đâu mà ông bôi thế?

— Ô hay, bà nói lạ chưa, tôi đánh đổ tôm trên Cụ Bá bên Bái Thượng chứ đâu?

— Sao ông bảo đi tìm thằng Cả mà lại lạc sang Bái Thượng làm gì? Thế này thì chết, già rồi mà còn chơi trống bỏi, già rồi mà chưa trót đời, thật là cả hai bố con chết chung một lỗ. Thế cái vết son gì trên cổ áo đây?

Biết nói hớ, cụ Tú mặt thộn một đồng, tắc kỳ ngôn lộ, nghĩ lại giận con bé phản thùng!

Cụ Tú bà, giận tràn hông, liệng cả rổ bát ra sân rít lên:

— Tết với nhất này, chả Tết thì đừng Tết. •

NGUYỄN XUÂN TỈNH
(Cali) 15/11/91

PHÂN ƯU

Được tin Thân Mẫu AH Phạm Ngọc Lân

Cụ Bà PHẠM HOÀNG DANH

tạ thế ngày 28-9-1991 tại Tây Ninh

hưởng thọ 74 tuổi

Ái Hữu Công Chánh xin thành thật chia buồn
cùng anh chị Lân và gia đình

Kính cầu chúc hương hồn Cụ Bà
sớm tiêu điều cõi Phật

Một Vài Cảm Nghĩ Về AHCC



Với sự cáo lỗi, người viết bài này không dám mùa riu qua mắt thợ. Thành thật nhận chỉ giáo.

Gới trí thức là một thiểu số trong đa số quần chúng của một Quốc Gia. Số còn lại có nhiều tầng lớp như người phu xích lô, bác khấn lộ, anh chài lưới, cô thư ký ... là số đa số. Giới nào cũng có sai lầm của mỗi giới. Thông thường sự sai lầm của giới thiểu số rất đáng kể vì cái đa số luôn nhìn vào. Sự sai lầm của giới còn lại là thiểu số trong đa số không đáng kể, nhưng rất quan trọng vì là cơ sở tạo ra guồng máy chính quyền.

Vốn dĩ là con người, ai cũng muốn có vợ đẹp con ngoan, nhà cao cửa rộng, công hầu khanh tướng làm rạng danh tông môn. Một số người có cơ hội đạt được ý nghĩa chung đó, số còn lại là đa số vất vả làm

than. Giới này luôn mãi nhìn những hành động cụ thể, vĩnh cửu của giới còn lại. Họ không hài lòng một sự việc như cơn lốc nổi lên rồi tắt lịm. Ở vùng nông thôn Việt Nam, trong cái đa số, có bao nhiêu người cấp sách đến trường để trở thành giới trí thức. Do hoàn cảnh này hay điều kiện khác, sự học hỏi tại các trường, các cấp được thay thế bằng mảnh vườn, miếng đất, nương khoai bao phủ họ quanh năm suốt tháng. Họ tranh giành nhau từng tấc đất, tấc ruộng dù có phải xảy ra ấu đả hay chém giết lẫn nhau. Tuy nhiên bà con, họ hàng trong thôn làng một mực bênh vực nhau. Với tính chất làng thôn đó lâu dần hình thành nạn bè phái mà họ không hề hay biết. Do vậy, CS đã dùng tình báo nhân dân, chiến tranh tâm lý với chiến thuật rì tai vào đại đa số này hầu làm suy yếu chính quyền

ta lúc bấy giờ.

Sự thay hình của những cuộc di tản ghê rợn vào những ngày cuối tháng 4/75 bằng sự chen lấn lên những con tàu đông nghẹt; sự lột xác của cảnh tù đầy kham khổ, của những trận mưa đá khi bước chân rời khỏi con tàu đầy ải, của đôi thùng nước oằn nặng trên vai, của cây rừng làm bạn trong các trại cải tạo; sự đổi dạng của cảnh hải hùng trên biển cả bằng những chuyến vượt biển ly hương. Cái thời vàng son của chúng ta được thay thế bằng các cảnh trạng thê thảm này qua hơn 16 năm ... Sĩ nhục đó, uất hận này chưa nguôi trong mọi người chúng ta.

Chúng ta cũng đã nghe thấy biết bao nhiêu người nằm xuống đổi lấy một Bình Long An Lộc oai hùng, mùa hè đỏ lửa năm 72, tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Thân xác của một Đại Tá Bảo nằm phơi trên một ngọn đồi vùng Cao Nguyên hiền dịu. Một người một ngựa banh thầy trên vùng trời miền Bắc bằng chiếc Sky-raider của Phạm Phú Quốc. Cảnh muối mòng, đĩa vắt của vùng rừng U Minh gây khổ ải cho những đoàn quân bảo vệ. Cái chết âm thầm của từng bước đi trong đêm mà toán người có nhiệm vụ nhảy vào lòng địch để phá hủy cơ sở hậu cần của chúng. Tang tóc đó, những con người này, vẫn còn ghi mãi trong chúng ta.

Có bao nhiêu giới trí thức trong số người Việt lưu vong ở các nước trên thế giới. Thiết tưởng cũng là thiểu số trong cộng đồng người Việt. Có những đứa trẻ nay trở thành

Bác sĩ, Kỹ sư khi mà địa vị trong xã hội đã đến với một số người trong chúng ta từ lâu rồi. Giới trẻ đó là ai? Có phải chẳng là con em của giới thiếu số hay đa số? Tôi tin chắc cả hai giới đều có giới trẻ này. Về mặt tâm lý, cha mẹ nào cũng muốn con cái mình học hỏi cái văn minh hiện đại của nước người hầu sau này giúp ích cho xã hội. Có những bậc cha mẹ đã đau lòng, sốt ruột tiễn con ra đi bằng chuyến vượt biên đầy kham khổ. Các cha mẹ vô phúc đó chỉ có một hoài bão mong rằng những người con này trở về xây dựng lại đất nước sau khi có sự thay đổi của chính quyền Việt Nam hiện hữu.

Chúng ta xem phim Tàu cũng nghe câu:

"Sóng sau đồn sóng trước".

Chúng ta thử tìm một phương thức cho sóng trước làm gì cho sóng sau? Vô cớ sóng sau chọt bùng lên rồi bị dập tắt.

Trong giới võ lâm thời trước, có những vị võ sư tiền bối, ẩn náo truyền dạy cho đệ tử những bí quyết, tạo cơ hội thuận lợi cho họ vào việc giúp chánh dẹp tà. Những vì này dùng phương châm nào tạo được đệ tử nối dõi vô môn. Giờ đây chúng ta thử tìm về tâm lý của giới trẻ xuất thân từ các trường Đại học trên thế giới xem sao? Tôi nghĩ rằng giới trẻ này không câu nệ thời gian và không gian đến với chúng ta trong những lần hội ngộ ý nghĩa đó. Họ là những con người muốn lặn ngụp mãi trong dòng sông mát của quê hương, hầu áp dụng tài năng

và trí tuệ mà họ thu đạt được.

Cục Chiến tranh Tâm Lý ngày trước có câu để ám chỉ cán binh VC vào Nam: "Sanh Bắc tử Nam". Chúng ta cũng không muốn là: "Sanh Việt Nam, tử nước ngoài". Dù sao cũng không tránh khỏi cái cảnh buồn thảm ấy! Có một điều là, chúng ta cố tạo cho giới trẻ trong cộng đồng Công Chánh hiện nay thật vững chắc, kết hợp keo sơn với chúng ta. Chừng ấy mọi chương trình và kế hoạch đề ra sẽ có hiệu quả.

Gom nhặt tin tức tại đây, từ các bạn bè còn sót lại, cái đa số tại Việt Nam, hiện nay đều chán chường cái kiểu tự do dân chủ mà một số người theo chủ nghĩa bảo thủ còn tại vị. Thủ phủ của CS thế giới thay hình đổi dạng, một Gorbachev đã biến toàn bộ cơ cấu nước Nga với cục diện mới mẻ hoàn toàn. CS Việt Nam cũng không tránh khỏi vì chúng là con đẻ của nước này. Hiện nay chúng ta đã biết có một vài Quốc Gia tư bản đang đầu tư tại Việt Nam. Chiều hướng chuyển mình và cái gọi là Hạnh Phúc-Tự Do-Hòa Bình kiểu Mác-xít và chiến thuật rí tai sẽ cáo chung.

Hình chữ S của Việt Nam còn đó, những chận đường đau thương của năm tháng qua còn ngậm ngùi khắc khoải, lòng người sao thờ ơ lãnh đạm trước cái chuẩn bị ngày đoàn viên với đất nước. Tuy ngày ấy không mang đến cho giống nòi con Hồng cháu Lạc trong giây phút nhưng đó là niềm an ủi cho thế hệ sau này và gọi lại cho họ ý niệm quê hương dân tộc. Thế mà buổi họp mặt

AHCC miền Bắc CA dự trù tổ chức vào tháng 10/91 tại Sacramento lại hủy bỏ. Sự việc này xảy ra vì có một số AH cho rằng đi họp mặt "Chỉ có ăn nhậu, nói chuyện rồi về". Dù chủ quan hay khách quan về câu nói ấy, việc của chúng ta làm ta làm, đường chúng ta đi ta cứ đi là con đường đúng cho thế hệ tương lai đất nước. Tại sao ta lại chùng bước?! Nhớ lại những ngày tháng sau cùng của miền Nam bị mất, hậu phương cũng như tiền phương gần như tan rã bởi sự loan tin thất thiệt do bọn người bán đứng Tổ quốc, đâm sau lưng chiến sĩ bạn bè. Nhiều thành phố khi bị thất thủ, chỉ có vài người du kích canh giữ cái gọi là chiến thắng của họ.

Dòng sông Cửu chia hai nhánh Tiền Giang và Hậu Giang ảnh hưởng mực thủy triều của Biển Hồ tại Kampuchia. Thủy triều của Biển Hồ dâng cao dòng Cửu Long sẽ dâng cao và ngược lại. Một cái đập dẫn thủy nhập điền, bởi lý do nào đó sự kết cấu của đập bị hư hỏng, nước sẽ không mang về cho ruộng đồng, hoa màu sẽ bị thất thu.

Hai nền khoa học khác biệt tự nhiên và thực dụng vừa nêu luôn có sự phối hợp cân đối của mỗi loại, là một hàm số thuận, biến thiên đồng đều, không thể nào có ảnh hưởng trái ngược. Giả sử buổi họp có thiện chí của một số AH tổ chức ngưng hẳn; ý nghĩa chung của đất nước cũng sẽ không có ảnh hưởng xuôi chiều thuận gió được. Danh từ ÁI HỮU theo đó biến dạng và chủ nghĩa cá nhân sẽ phát

triển mạnh mẽ hơn. Giới trẻ của giới đa số trong ngành chúng ta đi dần về trời đêm âm đạm.

Kinh nghiệm cho thấy qua các buổi họp mặt tại miền Bắc CA, giới trẻ trong cộng đồng Công Cảnh của chúng ta gần như mai một. Bao nhiêu AH gặp lại bạn bè và các giới trẻ này trong những buổi họp mặt đó. Thậm chí có một số AH bằng một chi phiếu gửi trao tay, xem như làm xong trách nhiệm với bạn bè, cộng đồng CC. Nhìn về tương lai, với chiều hướng ấy, AH phụ trách lá thư quanh năm suốt tháng nhận từng chi phiếu với \$5, \$10, \$20 ... rơi từ ngày này qua ngày khác vào thùng thư của người phụ trách. Cảnh mùa thu lá rụng như thế nảy sinh chiến lược THẬP NHỊ SỬ QUÂN vào hậu bán thế kỷ 20 trên vùng đất tự do này. Chừng ấy, nhóm này, khóa nọ hay một số bạn bè thân hữu họp bàn riêng tư, trò chuyện cho qua ngày đoạn tháng trong khung cảnh nước đổ trên nguồn, gió thổi đầu non. Nhóm này chỉ trích nhóm kia. AHCC sẽ đi về đâu! Giới trẻ sẽ mất hẳn địa bàn và phương hướng của họ.

Chúng ta cũng không muốn ngồi nhận tin "cụ bà của AH này, cụ ông của AH kia vừa từ trần tại Saigon, Huế, Long An ..." hay "Được tin AH này có dấu hiền, AH nọ có rể thảo ...", từ LTAHCC đơn độc bằng những trang giấy mở đầu của AH phụ trách về sổ sách tài chánh thiếu hụt. Chúng ta cũng không muốn cho giới trẻ này u buồn nói với giới trẻ kia: "Cha tao, mẹ tao vừa từ trần

tại Bình Định, Komtum ..." Sự tương phản thông báo về tin tức đó, giới trẻ cảm nghe cô đơn khi mà tại vùng trời bao la này có AHCC.

Chúng ta cũng không muốn nghe giới trẻ than phiền:

"Cháu đã báo nhiều lần, có thấy tên, thấy họp ... gì đâu".

hay

"Cháu cũng muốn trò chuyện với các chú các bác, khi cháu hỏi đến chỉ nhận một tiếng trả lời khô khan, Ờ, rồi nghiêm nghị đi thẳng!".

Do vậy, theo thiện ý của người viết bài này, buổi họp mặt thiện chí AHCC tại miền Bắc CA, nên duy trì như thường lệ vì chỉ mỗi chu kỳ ba hay bốn tháng một lần. Ba hay bốn tháng tức là 12 hay 16 tuần lễ. Tỷ số 1/12 hay 1/16 dùng vào mỗi lần họp, của các AH là thiểu số của đa số thời gian. Địa điểm họp thường được tổ chức luân phiên tại Sacramento, San Jose, Hayward, hay San Francisco với phạm vi trên dưới 100 miles cho tất cả các AH tham dự. Các nhánh đường ân tình này so với các nơi du ngoạn Reno, Lake Tahoe, Las Vegas ... là một thiểu số trong cái đa số chiều dài.

Thời gian và chiều dài trộn lẫn vào một khía cạnh thiểu số nêu trên được lưu truyền trong câu văn bất hủ của Tiên sinh Nguyễn Văn Học:

"Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông".

Truyền khẩu trong nhân gian có câu:

"Thương em mấy núi cũng

trèo

Mấy sông cũng lội, mấy đèo anh vẫn qua".

Chúng ta không nên sửa lại:

"Thương em mấy nấc * cũng trèo

Mấy yard cũng bước, mấy bò anh cũng qua".

* có nghĩa nấc thang.

Thiết nghĩ chúng ta dùng một loại thiền nào hữu hiệu tập loại dần cái xa xưa ấy hay cái làng thôn còn sót lại. Như thế, cộng đồng CC sẽ trở thành một lực lượng bằng nhân lực của giới trẻ làm nòng cốt tránh được mọi sức mạnh khác tác động vào. Giới trí thức trẻ này đầy nhiệt huyết, hăng say mọi công việc vì họ có đủ ý thức đảm nhận trách nhiệm qua kinh nghiệm của cha mẹ chúng cũng như sự sống còn trên biển cả ngày nào. Tuy nhiên, giới trẻ này cũng cần có sự thoải mái tự do tích lũy khi họ còn ở các trường Đại học. Trái lại, xuất phát từ dân tộc tính, giới trẻ này không tránh khỏi sự rụt rè, e ngại khi họ đối diện với chúng ta. Chúng ta đang ở thời kỳ chiêu binh mãi mã hầu mở một trận tuyển mới, hoàn hảo về với quê cha đất tổ. Các giới trẻ có cơ hội nhiều hơn chúng ta để trở về đất nước, thăm lại làng xưa, xóm cũ, vun bồi mồ mã Tổ Tiên và thực hiện di chúc XÂY DỰNG MỞI VIỆT NAM sau này. •

LƯƠNG VĂN CUỐI
(Thương Hoài Nhân)



Triển Vọng



Sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản ở Liên Xô đã giải trừ viễn ảnh của một đại họa nguyên tử trên thế giới. Nhưng mặt khác nó nêu ra nhiều vấn đề cho con người ở thế kỷ 20 hơn là giải quyết. Vấn đề cho các nước cộng sản còn lại, trong đó có Việt Nam, về một viễn tượng của một chủ nghĩa đang tàn tạ. Vấn đề

cho chính các nước cộng sản vừa sụp đổ trong việc đi tìm một ý thức hệ mới. Và sau hết vấn đề cho các xã hội dân chủ Tây Phương đứng trước những thay đổi trong thế giới cộng sản. Từ đầu thế kỷ này người Cộng sản đã tiến hành cách mạng mà họ muốn để xây dựng một hệ thống xã hội của giai cấp công nhân. Trong dự

phóng cách mạng đó họ tự cho là quán quân của giải phóng chống lại ý thức hệ duy tâm hay duy lý tưởng (idealism) phục vụ cho giai cấp tư sản lãnh đạo. Ngày nay Liên Xô - người lãnh đạo cuộc đấu tranh ý thức hệ đó - đã bỏ cuộc vì như Gorbachev nói, chúng ta không thể tìm những giải đáp cho vấn nạn của chúng ta trong khuôn khổ của mô thức cũ. Lãnh đạo Trung Quốc và Việt Nam, để chỉ nói 2 nước gần gũi với người Việt Nam lưu vong, những người còn lại trong cuộc hành trình cách mạng đó không làm gì hơn là tái khẳng định sự bất khả thất bại của XHCN duy vật. Họ thấy an toàn trong sự tái khẳng định đó bởi vì họ lo sợ xáo trộn, chia rẽ trong đoàn quân, đổ máu. Sự tái khẳng định đó, một lần nữa, đã chứng tỏ một sự trốn chạy trước lương tâm của người cộng sản. Cái mà họ tìm trong chủ nghĩa Cộng Sản, cho đến bây giờ, không phải là sự giải phóng mà là một sự thi hành kỷ luật. Xây dựng những thể hệ con người tương lai họ không thể tiếp tục xiềng dương những sai lầm đã thành công. Đối với các xã hội dân chủ Tây phương ngày nay, sự bỏ cuộc của một trong hai đối thủ không có nghĩa đơn giản là họ thắng lợi. Những thực tại, làm nguyên động lực cho cách mạng vô sản trước đây, những thực tại lì lợm vẫn tồn tại: thất nghiệp, đình công, tội phạm, kỳ thị chủng tộc v.v. Nó nói lên một sự bất hợp lý trong tổ chức, một mâu thuẫn xã hội mà tầng lớp kém ưu đãi phải chịu đựng trong một hệ

thống xã hội được xây dựng trên sự khai thác.

Chủ nghĩa duy vật một thời đem lại những thắng lợi cho giai cấp vô sản và đã thu hút các phân tử cấp tiến tư sản duy tâm, ngày nay nó chỉ cản trở công cuộc giải phóng. Cũng thế, chủ nghĩa duy tâm một thời đã phục vụ giai cấp tư sản khi nó còn là một giai cấp đang lên, ngày nay chỉ có thể cản trở sự phát triển đời sống vật chất, cơ sở của mọi phát triển xã hội, chính trị, trí thức. Sự phát triển không đều của đời sống vật chất - về mặt xã hội - đã là nguyên nhân của những tệ đoan (thất nghiệp, đình công, tội phạm). Một bên đề cao sự giải phóng để đánh cấp tự do, một bên trói buộc con người vào giá trị có sẵn không cho nó thấy khả năng sáng tạo lối đi cho mình. Con người vẫn mất dạng bởi vì 2 nền tư tưởng đối nghịch đã ly khai với kinh nghiệm xã hội và lịch sử. Nếu bây giờ công việc tìm lại con người cụ thể là một điều khả dĩ nghĩa là nếu cách mạng là một hành động có thể tiến hành được thì nó đòi hỏi phải vượt qua - trong một hệ thống hợp nhất - sự đối nghịch giữa duy vật, chỉ cho ta hiểu sự tan rã của một xã hội nhưng không biết xây dựng một xã hội mới, và duy tâm, biến sự việc (fact) thành quyền thế và giá trị để mê hoặc con người.

Trước sự thay đổi ở Liên Xô, lãnh đạo CSVN có triển vọng tương lai để tìm một hệ thống mới thay thế cho hệ thống hiện tại hơn là cứ tiếp tục khẳng định một điều đã trở thành định mệnh. Duy vật sử

quan đã trở thành định mệnh sử quan. Đối với Liên Xô và các nước Đông Âu bây giờ họ chẳng cần khẳng định XNCH là tất yếu lịch sử hay không mà vấn đề trước mắt của nhân dân các nước đó là tiến đến một hệ thống xã hội, một tương lai chưa đến, dù là trong xáo trộn để biểu dương cái chân lý về con người: đó là tự do. Vì nếu con người không tự do tự căn bản, nếu nó không sở hữu vận mệnh của nó thì mọi cuộc giải phóng đều vô nghĩa: tất cả đều an bài bởi Thượng Đế. Nhưng ngược lại nếu con người là tự do, nếu nó quyết định lấy vận mệnh của mình một cách trọn vẹn thì - như trên đã nói - thuyết duy vật và duy tâm cho đến nay vẫn lệ thuộc con người vào một định mệnh. Chỉ khác một điều là trong xã hội CS định mệnh đó là giai cấp lãnh đạo Đảng và trong xã hội tư bản đó là các giá trị của trời ban cho.

Một hệ thống mới phải thoát thai từ 2 ý thức hệ đối nghịch đó và kết hợp chúng trong một tổng hợp phong phú hơn, vì đó là ý nghĩa của tổng hợp. Do đó điều cần thiết là phải trở về với 2 nền tư tưởng đó để đánh giá nội dung của chúng trong việc tìm hiểu ý nghĩa của một tổng hợp mới như là một triển vọng tương lai của xã hội.

Pascal đã nói con người là một cây sậy biết tư tưởng. Từ ngàn xưa con người đã biết suy nghĩ. Sự tương quan giữa tư tưởng và thế giới khách quan (thế giới hiện tượng) là đối tượng khảo sát của các triết gia nổi tiếng. Có một tư

tưởng thuần túy không? Hay nó là phản ảnh của thực tại khách quan. Kant khi cho rằng sở dĩ ta hiểu được vạn vật là nhờ ở trí học ấn định trước một hình thái vào sự vật. Phải đợi đến Hegel (thế kỷ 19) thì tư tưởng mới có 1 đời sống, một sinh hoạt riêng của nó mà sự cấu tạo của nhiên giới là do hoạt động của tư tưởng. Hegel đã mô tả - bằng hiện tượng luận - sự sinh hoạt của ý tưởng (idea). Theo ông thì ý tưởng (tiền-đề) tạo ra một ý tưởng đối lập (phản-tiền-đề), hai ý đó được hòa giải ở một ý tưởng thứ ba (tổng-hợp-đề) để rồi trở thành một tiền đề khác. Và cứ như thế tư tưởng mỗi lúc một phong phú để cuối cùng đi đến cái tinh thần của thế giới mà mọi mâu thuẫn đều được hòa giải. Đó là hiện tượng Hegel. Nó đặt ưu-việt-tính của chủ thể đối với sự vật. Biện chứng duy tâm này ta thấy trong đạo Phật nhưng ở hình thức đơn giản hơn của một cá nhân. Dĩ án báo oán thì oán nghiệt tiêu tan. Biện chứng Hegel là do tính động năng của ý tưởng. Ý tưởng luôn luôn tự bổ sung và tổng hợp. Trong lời phát biểu "Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông" đã ngụ ý rằng khó và không khó do tâm mà ra cả. Cái mâu thuẫn nội tâm đó khi hướng về tương lai sẽ kêu gọi một quyết tâm để hòa giải mâu thuẫn. Như thế, tư tưởng duy tâm loại bỏ thực tại khách quan, nó thu gọn thực tại vào ý tưởng. Nó làm tan biến sự vật, xem như sự vật thuộc về tư tưởng và hậu quả là làm

cho ta nghĩ rằng thay đổi ý tưởng là thay đổi thực tại, là thay đổi thế giới. Đó là cái huyền diệu của ý tưởng, nó có khả năng tạo ra mâu thuẫn và tự bổ sung mãi mãi. Trong thực tế xã hội nó giúp cho giai cấp lãnh đạo thay đổi để giữ nguyên trạng. Thay đổi trên thượng tầng kiến trúc mà không động đến cơ sở hạ tầng là nơi sản xuất ra đời sống vật chất và là nơi xảy ra mâu thuẫn thực sự. Dự luật dân quyền (Civil Rights Bill) vừa được thượng viện Mỹ biểu quyết để thay đổi luật hiện hành về kỳ thị ở xí nghiệp đã ấn định phạt vạ một số tiền lớn cho các chủ nhân bị kết tội kỳ thị. Nói cách khác sự thay đổi luật lệ, định chế không thay đổi hành động kỳ thị. Đó là sự ly khai giữa trí và hành. Ngày nay kinh nghiệm xã hội và lịch sử đã đi ra ngoài trí thức (trong xã hội CS cũng như xã hội tư bản). Sự ly khai đó, làm cho con người không thấy khả năng sáng tạo một lối đi cho mình thay vì tương lai là một cái gì chưa đến và ta không định nghĩa được để tự ta tìm lấy, thay vì như thế tương lai đã lấp đầy những giá trị đã được thiết lập trong xã hội (phú quý, chức phận, danh dự). Đó là khởi điểm của sự khai thác, nhân sinh quan của giai cấp lãnh đạo đều thấm nhuần các giá trị đó, sản phẩm của quyền lực và tập quán. Hậu quả của nó là che lấp thực tại là nơi tạo nên động lực của hành động kể cả hành động cách mạng. Người của giai cấp bị áp bức chỉ thấy những giá trị đó, họ suy nghĩ cái suy nghĩ của giai cấp điều

khiến. Họ chấp nhận những giá trị đó và những gì mà họ có là một ý thức hệ vay mượn. Một văn hóa cóp nhặt. Đó là thực tại trí thức của các giai cấp bị áp bức. Một thực tại siêu hình. Họ có tự do trong khuôn khổ ý thức hệ của giai cấp lãnh đạo. Một tự do nội tâm mà ở đâu người ta cũng có. Epictetus ngày xưa là một triết gia nô lệ của đế quốc La Mã, đã không vùng dậy dù ở trong xiềng xích vì ông ta cảm nhận tự do, ông hưởng tự do như một người có đức hạnh thản nhiên trước những lạc thú cũng như đau khổ ở đời mà phái stoicism (triết lý khổ hạnh) đã truyền rao trước đó. Những tư tưởng trù tượng, những ý muốn trống rỗng là tất cả những gì người ta dành cho kẻ nô lệ trong cái gọi là tự do siêu hình. Che lấp thực tại khách quan, thu gọn nó vào ý tưởng, xác nhận tính ưu việt của chủ thể, diễn tả những thay đổi trong thế giới như bị chi phối bởi ý tưởng hoặc hơn nữa, như những thay đổi của ý tưởng, tất cả những điều đó là nội dung của nhân sinh quan duy tâm. Nó xiềng dương tự do tâm hồn để khỏi phải giải thích rằng tự do là điều kiện cần thiết của hành động. Điều quan tâm của nó là kéo dài nguyên trạng, bằng cách thay đổi tư tưởng thay đổi thượng tầng kiến trúc. Giai cấp tư sản ngày nay đã tàn tạ vì chế độ tư hữu bất động sản đã thay đổi. Dân chủ là luật của đa số. Giai cấp lãnh đạo là giai cấp đa số cũng không thoát khỏi sự kết tụ thành giá trị của giai cấp mà nó thay thế, nó không thoát khỏi thành kiến về tính

ưu-việt của tư tưởng. Những quan niệm duy tâm không đổi mới, nó hao mòn dần mà không có gì thay thế. Những cố gắng của xã hội học - nhất là ở Mỹ - với kỹ thuật thống kê chính xác cũng không đem lại phần khởi trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội. Đặc điểm của nó là dựa trên thực nghiệm chia vụn con người thành tổng số những tác phóng (behaviourism) giống như thuyết Taylor trong kinh tế học, phân tâm học và tâm lý học - rất thịnh hành ở Mỹ - không khảo sát con người trong toàn thể nghĩa là trong tương quan của nó với thế giới vạn vật. Chúng không có căn bản lý thuyết và chỉ có nhiệm vụ cung cấp dữ kiện cho một cuộc khảo sát tổng hợp về những hoàn cảnh vong thân của con người trong một xã hội xây dựng trên sự khai thác.

Khuyết điểm của nhân sinh quan duy tâm là làm tan biến thực tại thế giới bằng cách loại trừ sự vật. Để cho một khúc sông, một ngọn đồi có thể dễ hoặc khó thì ta phải có một dự án muốn vượt qua sông hay leo đồi. Chính con người khám phá ra sự trở ngại của cái hữu hình trong dự phóng vượt đến một tương lai. Ngọn đồi này là một trở ngại nếu ta muốn vượt qua. Muốn cho sự vật phơi bày cái mà Bachelard gọi là "hệ số thù nghịch" của nó thì phải đưa nó vào dự phóng của ta. Tự nó ngọn đồi là, ngọn đồi không khó khăn trở ngại cho ai cả. Cũng như tâm ta không thấy khó hay không khó nếu ngọn đồi không nằm trong dự phóng

của ta. Tóm lại một nhân-sách-quan thực tiễn đòi hỏi như Sartre chủ trương - 1 liên hệ giữa chủ thể và vạn vật trong một tương quan nào đó (dự án leo núi, vượt sông) mà ta không thể quan niệm được chủ thể đơn độc ở ngoài thế giới cũng như không thể quan niệm được một thế giới mà không được soi sáng bởi những cố gắng của con người (trong dự phóng của nó). Nguyễn Du có lẽ là diễn tả quan điểm thực tiễn đó khi ông nói:

"Có trời mà cũng có ta

*Xưa nay nhân định thắng
thiên cũng nhiều"*

Đó có nghĩa là để có thể có một định mệnh, để có thể gọi là một cuộc thế thì phải có ta và tạo vật trước hết. Loại bỏ cái ta như duy vật chủ trương hoặc loại bỏ sự vật như duy tâm khi đề cao tính ưu việt của tư tưởng thì cuộc đời chỉ còn là huyền thoại. Thực biến thành mộng.

Cách đây hơn một thế kỷ, chịu ảnh hưởng của quan niệm biện chứng duy tâm Hegel, nhưng thay vì là một biện chứng của ý tưởng Marx đã đảo ngược biện chứng chứ không phải ý tưởng. Nó khởi đầu cho duy vật biện chứng theo đó lịch sử là miên tục (xảy ra hàng ngày, hàng giờ) làm cơ sở cho duy vật sử quan. Những người duy vật Mác-xít môn đệ của ông sau đó, không biết đến những gì Marx đã nói, họ lại đảo ngược biện chứng duy vật để trở lại biện chứng duy tâm mà họ không biết. Chỉ khác một điều là thay vì biện chứng trong trí óc họ đưa

biện chứng vào vật chất mà họ cho là khoa học khách quan, cho nên ta thấy nhà khoa học tư sản đi theo CS trong lúc đầu. Tiếng nói của khoa học là vô tư, là tiếng nói của vật chất và từ đó vật chất sinh ra tư tưởng. Và cái vật chất mà họ nói ở đây là vật chất mà nhà khoa học nói đến. Họ đã làm cái trí thức trong hành động dự phóng và trí thức thuần túy của khoa học. Họ không có khả năng hiểu và giải thích động lực của một hành động nhân bản và từ đó một biến cố xã hội trên quan điểm biện chứng ngoài ra việc nói rằng mọi sự phát triển xã hội là theo quy luật của duy vật mà thực chất duy vật của người Mác-xít là phi biện chứng. Vì lý luận khoa học là một lý luận phân tích (từ nhân đến quả) nghĩa là ngược lại với lý luận biện chứng. Cho nên việc đầu tiên của họ là phải chứng minh cho bằng được rằng nhiên giới phát triển theo biện chứng. Engels đã viết, trong một tác phẩm chung với Marx: "Quan niệm về duy vật của thế giới có nghĩa đơn giản là cái quan niệm về nhiên giới nó thế nào thì như thế ấy, không cộng thêm một cái gì khác". Cái gì khác ở đây có nghĩa là con người. Vậy việc đầu tiên đối với những ai muốn đến với chủ nghĩa duy vật là phải để lại cái chủ thể ở ngoài cửa? Họ phải đến với các xác như một môi trường sinh lý hóa (vật chất). Họ phải đến với niềm tin tuyệt đối chứ không phải với lý trí. Lý trí đã có rồi và là của vật chất. Quan niệm duy vật của Nhiên-giới đã nói gì? Họ giải thích rằng Nhiên-

giới phát triển từ cái thấp đến cái cao. Từ một tổ chức thô sơ đến một tổ chức phức tạp có nghĩa, họ muốn nói, một phát triển biện chứng (như trên đã trình bày, biện chứng có nghĩa là sự phát triển của 1 tập thể trong đó có đấu tranh giữa các phần tử đối lập mà mỗi bên, trong quá trình đấu tranh, sẽ thay đổi bản sắc của mình để tiến đến một tập thể cao hơn. Một ví dụ lý tưởng của phát triển biện chứng này là cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội tư sản. Theo đó giai cấp vô sản sẽ sát nhập giai cấp tư sản tiến đến hệ thống không giai cấp). Và để biện minh cho sự phát triển từ thấp đến cao Engels đã lấy trường hợp Darwin. Ông nói: "Darwin đã đánh một đòn chí tử vào cái quan niệm siêu hình về thiên nhiên bằng cách chứng minh rằng thế giới hữu cơ (tức là thế giới vạn vật) ... là sản phẩm của 1 quá trình phát triển của hàng triệu năm".

Trước hết Engels đã cố tình gán cho Darwin những gì mà ông này không nghĩ đến khi nói đến sự thay đổi từ một loài này đến một loài khác. Sự giải thích của Darwin có tính cách máy móc chứ không phải biện chứng. Và đối với ông đó là một ngẫu nhiên máy móc chứ không phải là "một quá trình phát triển". Lẽ tất nhiên trong một loài có con lớn, con bé con cao con thấp đó là một ngẫu nhiên làm sao có thể giải thích đó là một quá trình phát triển. Còn nói về luật đào thải tự nhiên thì đó là "mạnh được yếu thua". Con nào mạnh khỏe thì nó loại trừ con yếu đuối chỉ đơn giản có vậy. Làm

sao có thể xem đó là cuộc đấu tranh để đi đến 1 tập thể cao hơn khi mà kẻ yếu bị loại trừ và chỉ còn kẻ mạnh khỏe thôi! Nếu có một loài này chuyển thành một loài khác thì đó là một sự chuyển loại qua di truyền nghĩa là một sự ngẫu nhiên từ một trạng thái này sang trạng thái khác. Làm sao hiểu được trạng thái này tự thay đổi, tự tổ chức cơ thể nội tại để thành một trạng thái khác nếu không nói là do ý muốn của Thượng Đế. Nghĩa là một giải thích siêu hình nhưng còn dễ hiểu hơn. Tóm lại Darwin không hề muốn chứng minh là trong luật đào thải tự nhiên có tổng hợp của những phần nghịch nhau nghĩa là có biện chứng. Người Mác-xít duy vật, lẽ dĩ nhiên, sẽ tìm thấy những gì họ đã để trước vào trong đó. Còn nói về tổng hợp thì tuy nhà khoa học có dùng đến danh từ này khi nói đến những hỗn hợp hóa học. Như hỗn hợp Hydrogen và Oxy để tạo thành nước. Nhưng các phần tử Hydrogen và Oxy vẫn giữ nguyên tính chất của nó trong hỗn hợp. Và nếu dùng điện giải thì nó trở lại Hydrogen và Oxy. Hỗn hợp đó là một trạng thái thụ động. Làm sao có thể nói hỗn hợp Hydrogen và Oxy làm thành nước là một tiến bộ? Trong thiên nhiên phân tử Hydrogen và Oxy nằm cạnh nhau trong một hỗn hợp là nước. Nó không thay đổi tính chất để trở thành nước, thì làm sao có biện chứng? Như trong phản ứng hạch tâm, những hạch tâm chuyển động ngược chiều nhau, khi nó kết hợp thành một hạch tâm khác thì phát ra

một năng lượng lớn. Theo phản ứng đó thì một phần vật chất bị mất để biến thành năng lượng. Ta có một sự suy thoái của vật chất chứ không phải một sự tăng cường nghĩa là ngược với biện chứng mà mỗi lúc nó đi đến, tổng hợp phong phú hơn.

Biện chứng chỉ có trong xã hội, đặc tính của nó là phẩm chứ không phải lượng, nó có đấu tranh của những phần tử đối nghịch và có tổng hợp trong 1 toàn thể phong phú hơn. Do đó người Mác-xít duy vật đi tìm ở trong vật chất mà những hiện tượng trong xã hội chỉ là phản ánh của biện chứng vật chất. Như vậy họ là người duy tâm bởi vì họ đặc tính ưu việt của vật chất nhưng ngược chiều với người duy tâm tư sản lấy ý tưởng làm chủ yếu. Mục đích của khoa học không phải là chứng minh trong tạo vật có biện chứng. Cũng như trường hợp của Darwin, người duy vật muốn gán cho khoa học những mục đích không phải của nó. Để chứng minh là khoa học có tiến bộ, Engels đã gò ép lý luận và nói rằng trong vật lý học những thay đổi đều chuyển từ lượng qua phẩm (ý nói thay đổi là đi đến một toàn thể phong phú hơn) và ông lấy ví dụ nhiệt độ của nước. Ông nói nếu ta tăng hoặc giảm nhiệt thì độ nhờn (độ lỏng) của nước thay đổi và đến một lúc nước biến đổi một đẳng thành hơi và một đẳng thành nước đá. Engels cho rằng nhiệt độ là một lượng thuần túy. Nóng, lạnh thoát đầu là một cảm giác đối với con người (tức là phẩm) mà nhà khoa

học muốn biểu diễn các cảm giác đó thành đơn vị đo lường (độ F hay độ C) để khảo sát các trạng thái thiên nhiên. Và hơi nước được xác định bằng áp suất hoặc nước đá bằng độ dẫn nở. Cho nên đối với nhà khoa học lượng sinh ra lượng. Khoa học không có cách nào biểu diễn phẩm như một cảm giác thuần túy. Sự lưu tâm đầu tiên của khoa học là chuyển những cảm giác về phẩm (nóng, lạnh, mạnh, yếu, nặng nhẹ v.v.) thành đơn vị đo lường như chân lý của vũ trụ nghĩa là đúng với tất cả mọi người. Mặt khác nếu tăng nhiệt độ thì nước bốc hơi bay lên trời rồi đọng lại thành nước. Như thế ta có 1 chu kỳ, đâu là tiến bộ trong sự thay đổi từ nước thành hơi nước? Không có tổng hợp, không có tiến bộ, thiên nhiên do đó, như Hegel nói, là ngoại tại. Vật chất là ngoại tại nghĩa là các thành phần cấu tạo nên nó không có khả năng thay đổi để thành một tổng hợp phong phú hơn như trong trường hợp của giai cấp trong xã hội đấu tranh tiến đến một xã hội không giai cấp. Khoa học có tiến bộ là đối với con người. Trong quả bom nguyên tử không có gì khác hơn, không có gì nhiều hơn những nguyên tử Uranium ở quặng mỏ. Nếu có chuyển động, có thay đổi thì trong thiên nhiên chỉ có chuyển động từ nhân đến quả. Quả không chứa đựng nhiều hơn Nhân. Nhưng quả bom là một sự tiến bộ khoa học thành công bởi vì phe đồng minh muốn thắng trận. Một lần nữa, ta thấy rằng để có tiến bộ, có tổng hợp

phong phú thì nhiên giới hữu cơ (nghĩa là có tổ chức) phải là một phần của dự phóng nhân bản. Tâm (chủ thể) và vật phải đồng hiện hữu trong một môi trường (xã hội) để nơi có đấu tranh có tiến bộ. Người Mác-xít duy vật đã khởi đi từ một quan niệm vật chất rất nghèo nàn (của nhà khoa học). Như thế họ phải loại con người ra hay ngược lại phải thu gọn con người thành vật thể. Trái lại phái duy tâm trình bày thực tại bằng ý tưởng. Ta thấy rằng duy tâm và duy vật Mác-xít đều phiến diện ở chỗ nó đã triệt tiêu 1 trong 2 thành phần của thế giới. Duy vật Mác-xít loại bỏ con người, thu gọn chủ thể vào ý tưởng duy vật. Duy tâm loại bỏ vạn vật, thu gọn thực tại vào ý tưởng. Vì sự phiến diện đó cả 2 đều mang bản sắc mê hoặc. Mê hoặc của duy tâm là lấy giá trị xã hội trời buộc con người; của duy vật Mác-xít là để cướp tự do của giai cấp bị áp bức.

Nhưng nếu ý tưởng, theo Hegel, tự nó đầy đủ, toàn năng thì duy vật Mác-xít - bởi vì nó không chấp nhận cái gì khác ngoài vật chất - phải đặt vấn đề tất yếu. Chủ nghĩa CS là tất yếu lịch sử. Người CS muốn nói gì nơi 2 chữ tất yếu? Và nó ám chỉ thế nào? Nếu vũ trụ có, thì sự phát triển và diễn tiến các hiện tượng (chuyển động của các thiên thể, vị trí các tinh tú, các thiên hà) có thể được chi phối bởi các định luật. Những mối liên kết đó trong thế giới khách quan là cần thiết, nhưng sự cần thiết đó xảy ra trong lòng của một ngẫu nhiên

nguyên thủy, giống như cái vô thường của Phật Giáo. Bởi vì không phải là một điều cần thiết để vũ trụ có cũng như không phải là tất yếu để con người hoặc các sinh vật khác hiện hữu. Khi Châu Du than thở "trời sinh Du sao còn sinh Lượm" là ông đã cảm nhận cái ngẫu nhiên, cái phi lý của sự hiện hữu. Sinh ra đời, đối với nàng Kiều, là đến ở cõi đời, trong gia đình **nầy** (của Vương Ông) và luôn cả trong cuộc gặp gỡ **này** (với Kim Trọng) mà nàng không chọn:

*Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì
hay không?*

Như vậy cái ngẫu nhiên của vũ trụ đều hiện diện, dù bị che khuất, trong mỗi sự việc ở đời qua các mối liên kết cần thiết. Có thể nói rằng trong sự cần thiết (hành động của tôi hoàn toàn có lý do) vẫn có cái tình cờ. Sự tình cờ đó là cái khó hiểu, cái bất khả biện minh, cái mờ đục còn sót lại của mỗi sự việc cá biệt. Nó khiến cho Kierkegaard nói con người là không thể hiểu được để ông đi tìm cái tất yếu nơi thượng đế. Không phải là cần thiết để Einstein hiện hữu. Theo nghĩa đó mà tài năng là 1 sự tình cờ. Thoát khỏi bánh xe luân hồi chính là muốn thoát khỏi cái ngẫu nhiên, thoát cái vô thường để đi đến cái tất yếu tuyệt đối. Niết bàn là nơi mà hành động tự nó đầy đủ, không có phải cứu cánh. Nơi mà ý muốn (dục) không còn có ý nghĩa của ý muốn nữa: quyền năng tự tạo. Tóm lại đó là quan điểm Thượng Đế. Đối với Thượng Đế vũ trụ là tất

yếu để làm một sứ mạng nào đó (tận thế chẳng hạn). Đối với quan điểm Thượng Đế tất cả đều được an bài không có rủi ro, không có tình cờ không có phi lý như trong hành động của Sisyphus suốt đời bị buộc phải đẩy 1 tảng đá lên đỉnh đồi để nhìn nó rơi xuống rồi lại đẩy lên lại.

Chủ nghĩa xã hội duy vật không thể thất bại, kết quả chắc chắn cũng tức là lịch sử đã làm sẵn, đã an bài, người Mác-xít duy vật, khi nói rằng CNCS là tất yếu lịch sử, họ đã nhìn ở quan điểm Thượng Đế. Đúng hơn họ đã tháo gỡ hình thượng đế để ngồi vào chỗ đó. Không phải là tình cờ mà ta thấy dưới chế độ CSVN các nhà sư và các linh mục Công giáo ca tụng XHCN. Vì Đảng là Thượng Đế và Thượng Đế là Đảng. XHCN được sinh ra để thi hành 1 sứ mạng lịch sử và Mao Trạch Đông, Ho Chi Minh, Fidel Castro v.v. là những thần linh trong nước của họ. Người Mác-xít duy vật đã giải thích sự hiện hữu của con người bằng thuyết Darwin để phủ nhận Thượng Đế nhưng họ lại âm thầm thay thế Thượng Đế khi khẳng định rằng CNCS là tất yếu. Cũng như nói rằng nó có sứ mạng thiêng liêng đưa con người đến một xã hội không giai cấp. Người Pháp trước kia cũng đã nói họ đến VN là để thi hành sứ mạng khai hóa (mission civilisatrice). Nói về duy vật thì Epicurus (thế kỷ 3 B.C.) là người duy vật đầu tiên. Nhưng ông không dám loại bỏ các thần linh mà ông chỉ xem đó như những sinh vật thiêng liêng không có tương quan nào

với chúng ta. Ông chỉ cất đi cái quyền năng tự tạo của họ và họ cũng được sinh ra như chúng ta.

Trong bao nhiêu năm người CS đã nhân danh tự do dựa trên một lý thuyết lừa dối, mâu thuẫn. Nếu nó có đem lại những thắng lợi bước đầu thì điều đó có nghĩa là nội dung của nó chỉ để động viên, tổ chức bằng mê hoặc chứ không phải là giải phóng, chỉ để phá đổ mà không có khả năng xây dựng. Nhưng nếu con người là tự do thì sự chiến thắng của XHCN không có gì là bảo đảm cả. Nó là tất cả những gì con người làm ra. Một triết lý Cách Mạng, nếu đó là 1 điều khả dĩ, tất phải gỡ bỏ mọi giá trị xã hội trừu tượng, mọi mê hoặc hữu khuynh cũng như tả khuynh. Bất khả biện minh, ngẫu nhiên, vô thường đó là ý nghĩa nguyên thủy của hiện hữu, của cuộc sống. Do đó tất cả những định chế, trật tự xã hội là tương đối, luôn luôn thiếu sót và đều có thể bị vượt qua để đến những trật tự khác. Mặt khác hệ thống giá trị đương thời của xã hội là phản ánh những cơ cấu của xã hội đó và nó có xu hướng bảo tồn các cơ cấu đó mà hậu quả là biến con người thành tất yếu và các định chế thành một chủ nghĩa phủ nhận mọi thay đổi: xã hội trở thành khép kín đó là nguồn gốc của độc tài. Độc tài do đó không phải là tóm thâu quyền hành vào một chỗ mà nó có nghĩa là không cho người ta thấy có thể có một con đường nào khác hơn là định chế đương thời.

Trước ngày có biến cố Điện Cẩm Linh, Gorbachev đã phát

biểu trước đại hội Trung ương đảng rằng: Chúng ta đứng trước nhu cầu phải **thay đổi tận gốc rễ sự hiểu biết** của chúng ta về XHCN. Chúng ta không tìm được giải đáp cho những vấn nạn của chúng ta trong khuôn khổ của **mô thức cũ**". Đối với Gorbachev thay đổi hiểu biết, thay đổi tư tưởng là để thay đổi xã hội, là để thay đổi thực tại. Do đó mà sau khi được trả tự do (và trước khi gặp quốc hội của Cộng hòa Russia và Yeltsin) ông vẫn để nguyên cơ cấu chính phủ đương thời (để cử phụ tá Quốc phòng thay thế bộ trưởng, phụ tá KGB lên thay thế giám đốc KGB) cũng như cơ cấu Đảng (và chỉ sau khi gặp Yeltsin và quốc hội của Russia ông mới từ chức Bí thư đảng). Lời phát biểu của Gorbachev trên đây chứng tỏ ông đã rơi vào quan điểm duy tâm. Nó cũng chứng tỏ cái khó khăn của con người hiện tại để thoát khỏi hấp lực của 2 ý thức hệ đối nghịch.

Nhân dân Liên Xô đã lay đổ hệ thống giá trị cũ và việc đầu tiên của họ là tìm lại thực thể quốc gia qua các cuộc trưng cầu dân ý đòi độc lập. Họ đang đứng trước một triển vọng tốt đẹp để xây dựng 1 xã hội mới, một con người mới thoát khỏi sự ràng buộc của hai ý thức hệ đối nghịch mà thực chất vẫn là tước đoạt tự do, triển vọng đó là nhân dân Liên Xô và Đông Âu cũ có cơ hội xây dựng, nhân sinh quan mới không phải từ trên trời rớt xuống mà nó đã có trong hai cơ cấu xã hội hiện tại của Cộng sản và Tư bản nhưng thiếu con người. Không có gì

vĩnh cửu và cũng không có gì tất yếu, hoặc nếu có thì đó phải là cái vĩnh cửu của thay đổi, cái tất yếu của ngẫu nhiên. Đạo khả đạo phi thường đạo. Một giá trị mà có thể gọi là giá trị thì không còn là giá trị nữa. Sở dĩ gọi là một giá trị bởi vì nó đã được thiết lập nghĩa là có thể bị thay đổi.

Đó có thể là nền tảng của một triết lý cách mạng thực tiễn. Thực tiễn có nghĩa là gắn liền với điều kiện vật chất hiện có của xã hội chứ không phải gắn liền với một lý thuyết trừu tượng của tư tưởng thuần túy. Như trường hợp sáng tác ra lý thuyết nhân vị rồi xây dựng xã hội cho ăn khớp với lý thuyết đó. Đó là tách rời tri và hành. Thay đổi xã hội không có nghĩa là triệt hạ 1 giai cấp này để đưa 1 giai cấp khác đến. Không phải vì quyền lợi của giai cấp bị áp bức, không vì quyền lợi của con người mà vì sự **đoàn kết của loài người**. Bởi vì trong vũ trụ có một loài người cũng như các loài khác. Không thu gọn vạn vật vào ý tưởng cũng như không thu gọn con người vào vật chất, một triết lý thực tiễn đòi hỏi sự cộng tồn của chủ thể và vật như những thành phần bất khả phân của thế giới.

Lãnh đạo CSVN và các nước CS còn lại đang có một hoàn cảnh thuận lợi để khởi cuộc cách mạng này mà trong bao nhiêu năm họ đã dối lòng và dối người khi tưởng rằng họ đã phục vụ cách mạng. Chủ nghĩa duy vật của CS chỉ có thể lừa dối. Sự sụp đổ của chủ nghĩa CS ở Liên Xô có nghĩa là CSVN không thể tiếp tục

giảng dạy cho thế hệ mai sau những sai lầm đã thành công. Triển vọng cách mạng đó mặt khác không phải nhất thiết đi đến mô thức xã hội Tây phương bởi vì dân chủ không phải là tất cả, mà vấn đề là làm sao xây dựng một hệ thống dựa trên điều kiện vật chất hiện có của xã hội đủ mềm dẻo để có thể thay đổi ăn nhịp với sự phát triển của điều kiện vật chất đó.

Muốn thế ta phải gạt bỏ những phiến diện của 2 chủ thuyết đối nghịch trong non 1 thế kỷ qua để đem lại cái tầm thước nhân bản trong việc xây dựng một nhân sinh quan nói lên cái chân lý về con người, đó là tự do. Không phải cái tự do vô chính phủ (anarchism), không phải cái tự do của chủ nghĩa cá nhân. Bởi vì nếu thế thì cách mạng chỉ là để đòi hỏi cái quyền của giai cấp ưu tú mà mình không có, đòi hỏi nhập vào giai cấp thượng tầng.

Nếu chọn sự nhịn nhục và chọn hành động Cách mạng đều thể hiện sự tự do như nhau, thì bằng cách trở thành cách mạng con người sẽ thể hiện tự do một cách hiệu quả hơn, một cách tốt đẹp hơn. Người cách mạng hành động không phải riêng cho giai cấp mình mà cho con người nói chung kể cả người của giai cấp thượng tầng. Bởi vì muốn đặt các giai cấp bị áp bức dưới quyền lực của mình họ phải trả bằng thân xác, phải liên lụy vào cuộn chỉ của quyền thế và giá trị mà họ đã đặt ra. Họ tự áp bức mình khi áp bức người khác. Trên quan điểm đó thì hành động của người CS, hay của một Malcom X

hay của một Martin L. King không phải là hành động cách mạng: họ đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp họ để thay thế một giai cấp khác hoặc để hội nhập vào giai cấp ưu tú.

Phủ nhận tất yếu lịch sử, phủ nhận ưu việt tính của tư tưởng bằng cách nói rằng tất yếu là tạm thời, cục bộ trong lòng của một ngẫu nhiên nguyên thủy, rằng tâm (chủ thể) và vật không thể tách rời mà không làm cho thực tại khách quan tan biến, nhân sinh quan đó nhằm xây dựng một tương quan mới giữa Người với Người trong sự thừa nhận hổ tương.

Nếu như Kierkegaard nói con người là **"không thể hiểu được"** thì bởi vì - như Sartre đã nói - Những quan niệm mà ngày nay chúng ta có để hiểu con người đều là vay mượn của ý thức hệ tả khuynh hoặc hữu khuynh. Một quan niệm trừu tượng phản ánh sự ly khai giữa trí và hành. Nếu ta xem định chế xã hội như là một sự việc thực tiễn (fact) thì ta mới có thể thay đổi nó bằng 1 sự việc khác thích hợp hơn (khi những định chế đó không còn thực tiễn nữa). Nếu xem đó như những giá trị trừu tượng những quyền lợi thì ta không thay đổi được vì đã bị mê hoặc. Nói sự ly khai giữa trí và hành hoặc nói mê hoặc bởi những giá trị có sẵn của 2 ý thức hệ này đều là một cách nói. Một ý thức hệ mới, do đó, tất phải có khả năng để cho con người có cái ngẫu nhiên của sự việc, nó phải chứng tỏ rằng con người là bất khả biện minh, cuộc sống của nó là ngẫu nhiên, rằng do đó những

trật tự do con người thành lập có thể được vượt qua đến những trật tự khác, rằng hệ thống các giá trị phản ánh các cơ cấu xã hội đương thời và có xu hướng bảo tồn các cơ cấu đó và rằng nó có thể bị vượt qua để đến những hệ thống khác dù chưa có trong tương lai nhưng đều do mọi người trong xã hội cảm nhận và hành động để vượt qua.

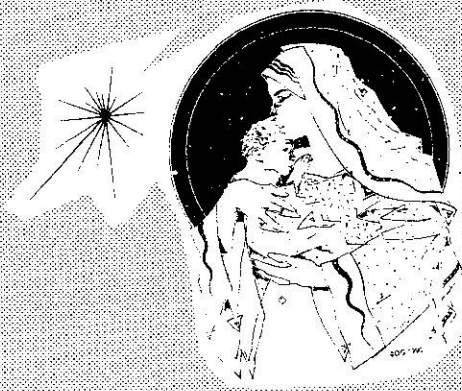
Sau hết điều cần nhấn mạnh ở đây là ý thức hệ này không phải là tất cả, nó chỉ là bước đầu để thiết lập một tương quan mới giữa người với người và xây dựng một trật tự mới. Nó phải thành hình bằng cách vượt qua 2 ý thức hệ đối nghịch hiện tại trong 1 tổng hợp. Nó chỉ có giá trị trong hoàn cảnh xã hội xây dựng trên sự khai thác, trong thời kỳ vong thân. Như thế nếu một khi trật tự xã hội mới được thiết lập, mâu thuẫn xã hội được giải quyết và sự sản xuất đời sống vật chất bảo đảm triền đại của tự do thì ý thức hệ đó cáo chung. Nó sẽ nhường bước cho một nhân sinh quan khác trong thời kỳ xa xôi đó mà hiện nay ta chưa có một kinh nghiệm cũng như kỹ thuật để xây dựng một nhân sinh quan như thế. Nói tóm cái triển vọng mà con người có hiện nay, trước sự thất bại của hệ thống CS là tìm một ý thức hệ giải phóng và cũng là một ý thức hệ nhân bản.

CATPHUONG



KINH THÁNH:

Tiên phong về y học trước khi y học chào đời!



Ngày nay, cứ mỗi khi nghe bàn về Kinh Thánh, đa số người chưa tìm hiểu kỹ lưỡng thường không thích lắng nghe nhiều, cho rằng đây là một đề tài không có gì hấp dẫn và lại vô ích nữa. Thế nhưng, nếu có ai chân thành và chịu khó tiếp thu ý kiến, người đó sẽ chợt nhận thấy, hay đúng ra khám phá được rằng quyển Thánh Kinh, từ bao ngàn năm xưa, đã nói về những điều mà loài người chỉ mới biết được gần đây thôi, hoặc thậm chí sẽ khai sáng trong tương lai nữa kia. Trong số những lãnh vực quan hệ, quyển sách ấy đã nói về những sự kiện lịch sử đã xảy ra và sẽ xảy ra, về nghệ thuật thống trị, về thiên văn, về môi trường, về thiên nhiên, về tâm lý học, về sinh lý học — và về y học!

Kinh Thánh là một pho

sách chép cho sự sống. Có thể nói không hề có một tác phẩm hay tài liệu nào thuyết luận một cách bao la và sâu đậm đến thế về các sắc thái của sự tồn tại nhân loại. Một sức khỏe tráng kiện góp phần bảo toàn sự sống; chính vì thế, ta không lấy làm ngạc nhiên khi bắt gặp trên những trang Kinh sờn vàng theo năm tháng ấy bao nhiêu nguyên tắc liên hệ trực tiếp đến sức khỏe con người. Nhiều phen, pho sách đã nhắc đến những chứng bệnh như phong cùi, trĩ, thủy thũng (hydropisie) và chứng đau dạ dày. (Phục truyền luật lệ ký 24:8; 28:27; Luca 14:2, I Timôthê 5:23)

Cho dầu Kinh Thánh không hề được viết ra với mục tiêu như thể một sách y khoa, thế nhưng những dữ kiện nó nêu ra đều luôn hiệu quả và đúng

với khoa học. Thán phục khôn xiết về cơ thể loài người, một soạn giả Thánh Kinh (David) đã chép trong Thi Thiên 139:13-16 như sau: “Vì Ngài (Chúa Trời Giê-hô-va), Ngài đã tạo ra tâm dạ của con. Ngài cất che con trong bụng mẹ. Con xin ngợi ca Ngài, bởi một cách thần kỳ, con đã được tạo nên trong tuyệt vời. Công trình của Ngài ôi huyền diệu và lòng con luôn ý thức được điều ấy. Xương tủy con không hề bị che khuất dưới mắt Ngài lúc con được hình thành trong kín đáo, lúc con được dặt nên trong những vùng thấp nhất của đất này. Mắt Ngài nhìn thấu noãn bào của con, và nơi thiên thư có ghi rõ tất cả những phần của nó, ghi về thời kỳ (những phần đó) được thành hình và lúc nó chưa được thành hình nữa kia.”

Vàng, ngay cả khi noãn bào nấp sau trong tử cung, Thượng Đế vẫn thấy rõ sự phát triển và chứng kiến xương tủy hình thành. Đối với Ngài “đêm sáng tựa ban ngày” (câu 12), không có gì che dấu được hết. Trên phương diện y học, nhau (placenta) đã đùm bọc bào thai tránh khỏi bị ... mẹ nó đẩy ra ngoài như một vật lạ.

Từ thuở thụ tinh, “tất cả những phần” của cơ thể chúng ta đều được “ghi” lại dưới hình thức mã số di truyền trong lòng mẹ. Riêng “thời kỳ được hình thành” theo thứ tự sẵn có tùy thuộc vào vô số những “đồng hồ sinh học” của cơ thể. Những đồng hồ ấy đã được lập “programme” sẵn trong các gene.

David, vị vua Do Thái trên, lúc bấy giờ nào biết chi những kiến thức khoa học ấy, nhưng Chúa Trời Giê-hô-va, Đấng đã cảm ứng cho David viết nên lời thơ ấy biết rất tận tường, vì Ngài là Tạo Hóa, làm ra loài người. Nhiều nhà bình luận Thánh Kinh đã nghi ngờ việc David là soạn giả những lời thơ trên, nhưng có một điều không ai chối cãi được, đó là phần Thi Thiên của Kinh Thánh đã được viết nhiều thế kỷ trước khi Jésus Christ giáng sinh.

Kinh Thánh nhấn mạnh việc ngừa bệnh.

Một cuộc nghiên cứu về Bộ Luật của Chúa Trời ban cho dân tộc Do Thái qua trung gian lão trượng Moise 15 thế kỷ trước khi Con Trời là Jésus giáng sinh đã cho thấy được Ngài đặt trọng tâm vào việc

ngừa bệnh. Ví dụ Phục Truyền luật lệ ký 23:13 (chương 23 câu 13) chép rằng: “Trong dụng cụ tùy thân phải có sẵn một cây cọc, khi nào muốn đi ngoài, phải bới một cái lỗ, xong rồi lấp kỹ phân lại”. Lời dạy phải chôn phân ấy là một biện pháp phòng bệnh rất cấp tiến vào thời đó (khi mà kiến thức về vi trùng chưa hề có) để chống lại các loại bệnh như salmonellose, shigellose, thương hàn và vô số bệnh khác có tính chất kiết lỵ do ruồi nhặng truyền lây, những căn bệnh mà thậm chí ngày nay vẫn còn gây bao ngàn nạn nhân tại các xứ sở mà biện pháp phòng ngừa trên không được tôn trọng.

Phần Kinh Lêvi ký, chương 11 ngụ ý rằng sâu bọ, loài gặm nhấm (như chuột) và nhất là nước bẩn có thể là yếu tố gây bệnh. Quả thật, tuy về ngoài chẳng lộ liễu, nhưng Kinh Thánh đã hoàn toàn đặt nền móng cho nguyên tắc của nguồn gốc vi trùng gây bệnh, và pho sách đã tiến bộ hàng ngàn năm trước Leuwenhock (1683) và Pasteur (thế kỷ XIX). Tương tự, điều này cũng đã được thể hiện qua biện pháp kiểm dịch (quarantaine) bắt buộc cho người phong cùi, theo Lêvi ký, chương 13.

Các thức ăn cấm được liệt kê trong Lêvi ký 11:13-20 bao gồm những loại thú phá hoại như ó, ung, cú mèo và các loài ăn tử thi như quạ và kên kên. Được xếp hạng cuối cùng trong dãy thực phẩm, các loài chim đó chứa trong thịt một lượng rất lớn chất toxine độc hại. Riêng các loài thú được xếp hạng khúc đầu thì chứa

toxine kém hơn nhiều, khác hẳn các loài chim săn mồi và ăn tử thi luôn chứa đầy chất ấy với lượng cao.

Bộ luật Moise cho phép ăn một số loài ăn cỏ không nằm trong bảng liệt kê chứa toxine trên. Ngoài ra, vài loại thịt cấm ăn vì có thể chứa ký sinh trùng gây mộng mủ, như lãi kim chẳng hạn.

Sự cấm chỉ hấp thụ máu được Bộ Luật nhắc nhở nhiều lần, giờ đây, 3500 năm sau, lại hóa ra hữu lý (Sáng thế ký 9:4, Lêvi ký 3:17; 7:26; 17:10-16; 19:26; Phục Truyền luật lệ ký 12:16; 15:23). Điều luật này lại được tái xác nhận trong sách Tân Ước, phần Công vụ các Sứ đồ 15:20, 29 và 21:25. Ngày nay, dù trong khoa chữa trị bằng thẩm tích (dialyse), tim phổi nhân tạo hoặc giải phẫu học nói chung, y học đã bắt đầu hạn chế tới mức tối đa, hoặc loại bỏ hẳn, việc sử dụng máu của người hiến máu. Hàng loạt chứng viêm gan (hépatite), đại bệnh nan y SIDA (AIDS), nhiễm vi khuẩn cytomegalovirus và vô khối loại bệnh khác di chuyển qua máu đã là bằng chứng đau lòng cho việc con người ít để tâm đến những gì Thượng Đế đã căn dặn trên giấy trắng mực đen hần hoi.

Vận động cơ thể, được Kinh Thánh nhìn nhận có hiệu quả tốt, là điều cần thiết cho sức khỏe. Mỗi tuần tập thể dục 3 lần, mỗi lần 20 phút, cũng đủ làm giảm bớt nguy cơ rối loạn tim và mạch máu. Tập vận động sẽ làm tăng loại cholestérol “tốt” HDL, tăng năng lượng, khiến cơ thể dẻo dai, tinh thần thoải mái hơn.

Tuy nhiên, dấu công nhận giá trị vận động, Kinh Thánh vẫn đặt hàng đầu 1 hoạt động quan trọng hơn nữa: đó là tinh thần. Kinh Thánh nói: “Vận động cơ thể là hữu ích cho ít việc, nhưng lòng sùng kính là hữu ích cho mọi sự, vì nó chứa đựng lời hứa cho cuộc sống hiện tại và cuộc sống sẽ đến mai sau.” (I Timôthê 4:8)

Những nguyên lý tinh thần do Kinh Thánh dạy bảo lập nên một sự che chở không gì sánh kịp để chống lại các thứ bệnh tình dục di truyền, các bệnh này tuy đã xuất hiện từ xa xưa nhưng lại không được định tính hoặc thậm chí ngờ đến bởi các lương y. (Xuất Êđiptô ký 20:14; Rô-ma [La Mã] 1:26,27; I Côrinhtô 6:9,18; Galati 5:19)

Một quyển sách khoa học rất chuẩn xác.

Hippocrate, lương y người Hy Lạp vào thế kỷ V và IV trước công nguyên, thường được xem như “cha đẻ của y khoa”. Thế nhưng phần lớn những gì Kinh Thánh bàn về bệnh hoạn đều được Moïse viết khoảng 1000 năm trước khi Hippocrate lọt lòng mẹ nữa kia. Thật đáng lưu ý lời sau đây của một bác sĩ trong bức thư ông viết gửi báo American Medical Association News: “Trong giới khoa học có kiến thức nhất, nơi mà các nghiên cứu gia đã thực hiện những công trình tốt đẹp nhất, người ta đi đến kết luận rằng Kinh Thánh là một quyển sách khoa học chuẩn xác cao độ (...) Những dữ kiện liên quan đến sự sống, sự quan sát bệnh lý, về y học phòng bệnh và trị bệnh do Kinh Thánh trình bày

nhìn từ xa đã thấy cao siêu, về phương diện độ chính xác lẫn phương diện kiến thức đơn thuần, hơn hẳn các lý thuyết của Hippocrate, những lý thuyết này có nhiều phần chưa được chứng minh, và nhiều phần khác hoàn toàn sai lầm.”

Trong tác phẩm *Thánh Kinh và y học hiện đại* (Anh Ngữ), bác sĩ Rendle Short lưu ý rằng: Tại các quốc gia lân bang cổ đại của Do Thái (Israel), các luật lệ về vệ sinh công cộng, nếu có tồn tại thì chẳng nữa, đều hoàn toàn sơ đẳng. Ông viết thêm: “Quả thật đáng lấy làm lạ khi một quyển sách như Kinh Thánh, mà người ta bảo không dính chi đến khoa học, lại bao hàm 1 sắc luật y tế. Và cũng vô cùng quái lạ khi có 1 dân tộc mới chân ướt chân ráo thoát khỏi ách nô lệ (dân Do Thái thoát ách Ai Cập vào năm 1513 trước Công Nguyên), thường xuyên bị xâm lăng, và thỉnh thoảng bị kẻ thù bắt đi đầy ải, mà lại có được trong bộ quốc thư của mình một sắc luật y tế khôn ngoan và hợp lý đến thế.”

Những rối loạn tâm thể học.

Kinh Thánh cũng đã biểu lộ sự hơn hẳn trên mặt khoa học khi pho sách ấy nói về bản chất tâm thể học (psychosomatique) của một vài loại rối loạn, và điều đó đã được viết lâu lắc lâu lơ trước khi người ta đồng thanh nhìn nhận ngày nay rằng giữa cơ thể và tâm tư có liên hệ chặt chẽ với nhau. Ngoài ra, sự giải thích về ảnh hưởng của tinh thần lên sức khỏe thể xác là 1

kiểu mẫu rất minh bạch. Ta có thể đọc thấy nơi Châm Ngôn 17:22 rằng: “Một con tim vui vẻ làm điều tốt như thể liều thuốc chữa, nhưng một tinh thần ủ dột làm khô khốc trong xương.” Nên chú ý đây không phải là một lời trù dập, mà chỉ là một nhận xét sự thể mà thôi. Lời Kinh trên không nhằm thúc giục người rầu rĩ hãy vui lên, vì đó đâu phải chuyện dễ!

Giữ vững tâm trạng lạc quan rất tốt cho sức khỏe. Ngược lại sự âu lo là trạng thái bi đát có thể hại vô cùng. “Nỗi lo âu trong con tim người làm con tim ấy quặn cong, nhưng một lời nói lành làm nó hân hoan” (Châm ngôn 12:25). Riêng Châm Ngôn 18:14 đáng cho ta chú ý: “Tinh thần con người có thể chịu đựng bệnh tình; nhưng nếu tinh thần ảo não thì ai có thể chịu đựng nữa?” Câu Kinh này cho thấy người ta có thể đối chọi bệnh hoạn tốt hơn nếu tinh thần biết hỗ trợ cho thể xác.

Luận về giá trị tâm lý của Bài Thuyết Trên Núi do Jésus Christ trình bày (Chương 5, 6 và 7 của Phúc Âm Mathiô), bác sĩ tâm thần James Fisher đã nói: “Nếu quý vị lấy toàn bộ những bài viết trong đó các bác sĩ tâm lý và tâm thần có tay nghề nhất nói về vệ sinh tâm trí, nếu quý vị loại bỏ đi nét văn chương hoặc chi tiết thừa, và nếu quý vị để cho các thi nhân đại tài nhất diễn tả qua lời thơ gãy gọn cái vốn liếng kiến thức khoa học ấy, thì quý vị chỉ đạt được một mảnh vụn nhỏ vừa vụn về vừa không trọn vẹn của Bài Thuyết Trên Núi. Càng so

sánh lại càng thêm thẹn cho kiến thức ấy.” — A Few Buttons Missing, trang 273.

Sự can hệ của tinh thần trong bệnh trạng không có nghĩa loại trừ nguyên cơ thể chất. Do đó cần phải bắt đầu bằng chữa trị bệnh hoạn thể xác, nhận định thực trạng, nhưng đồng thời nên khuyến khích bệnh nhân hãy lạc quan, giúp họ chịu nổi căn bệnh. Điểm này rất quan trọng, nhất là trong trường hợp căn bệnh ấy không có biện pháp cứu chữa nào hữu hiệu — ít ra trong hệ thống thể giới hiện nay.

Sau tội lỗi Adam, sự chết đã trở thành di sản của hậu thế loài người (Rôma 5:12). Thành thử, nếu ai có vấn đề sức khỏe, cũng đừng kết luận tự động rằng tinh thần người đó chẳng ổn. Hãy nhớ kỹ điều đó mỗi khi ta giúp đỡ chăm sóc cho những ai bị suy nhược về tâm lý.

Vâng, chỉ ít dòng thôi, vì thời gian giới hạn không thể nào chúng ta diễn tả được tất cả giá trị trực tiếp và huy hoàng của Kinh Thánh. Đó không phải một cuốn sách tôn giáo mơ hồ viễn vông, mà ngược lại vô cùng thực tế cho đời sống. Một thông điệp đến từ Thượng Đế toát ra nỗi quan tâm của Ngài cho cuộc sống loài người, bởi Ngài là cha đẻ của sự sống. (Giăng 5:26)

Ta vừa nói về tác dụng của Kinh Thánh trong chữa và phòng bệnh. Nhưng dù thế nào, con người cũng phải chết, đó không phải ý muốn của Chúa Trời (Mathiơ 22:32; II Phiơ 3:9) Ngài đã nói về một

cuộc chữa trị rộng rãi bao la hơn, tuyệt đối hơn cho nhân loại trong tương lai khi mà “không còn nước mắt, chết chóc, tang tóc, ta thán, đau thương” gì nữa trên địa cầu này (xem Khải Huyền 21:3-5), khi mà mọi bệnh tình đều tan mất (Êsai 35:5,6) như Jésus đã từng thí dụ lúc Ngài còn dưới thế khi chữa lành và hồi sinh người chết. Tuổi thọ con người bỗng tăng vọt trên quả đất (Thi Thiên 37:29), và chính quả đất cũng sẽ trở nên như một cõi địa đàng, như những Tahiti hoặc Côte d’Azur mở rộng toàn cầu! ...

Ồi có lẽ chuyện ấy không mấy ai tin đâu, cũng như ông bà cũng ta ngàn xưa đâu chịu tin vào thế kỷ XX sẽ có loài chim sắt tên gọi phi cơ! Nếu

như con người cát bụi này mà còn thực hiện được cái giấc mơ không tưởng ấy của Léonard de Vinci, thì chẳng lẽ Thượng Đế vạn năng lại không thực hiện được lời hứa của Ngài chăng (Mathiơ 19:26). Ngài không hề nói dối (Tit 1:2) ... “Không một lời nào của Thượng Đế Giê-hô-va đã phán mà lại không ứng nghiệm. Tất cả đều linh ứng thành hiện thực cho các con ...” (Giôsuê 23:14) Chúng ta hãy chờ xem, và trong khi chờ đợi, tại sao chúng ta không thử tìm hiểu về Kinh Thánh kia nhỉ? •

Theo tạp chí Réveillez-vous,
Nov 1991

Con trai của một AHCC

PHÂN ƯU

Được AH Lê Văn Lắm tin cho biết:

Kiến Trúc Sư PHẠM KHÁNH CHÙ

nguyên Phụ Tá TGD. Kiến Thiết,
đã từ trần ngày 10 tháng 12 năm 1991, tại Pháp,
hưởng thọ 82 tuổi.

Ái Hữu Công Chánh xin thành thật phân ưu cùng gia đình KTS. Phạm Khánh Chù và xin cầu chúc hương hồn Cự Phạm Khánh Chù sớm tiêu điều cõi Phật.

Sau đây là điện tín phân ưu của Hội Kiến Trúc Sư:

“FAMILLE PHAM KHANH CHU
NOTRE PEINE EST PROFONDE
SOMMES DE TOUT COEUR PRIÉS DE VOUS.”

Association Architecte Vietnamien

Cánh Nhạn Trời Tây

Lá thư số 53 phát hành được một tháng thì chúng tôi nhận được mấy lời của AH Bùi Hữu Tuấn từ Paris gửi qua kèm theo bằng Toát Yếu tu chỉnh về đề tài: "Pour une economie de marché au Viet Nam: Project de developement des infrastructures de transport".

Chúng tôi xin phép được đăng tải vào số 54 này để quý Ái hữu khắp nơi cùng đọc và góp ý kiến xây dựng. Đây là công việc hàng đầu của chúng ta trong giai đoạn hiện tại sau 16 năm thực thi tình thương thân, tương ái. Quý ái hữu có thể góp ý kiến trực tiếp với AH Tuấn ở Paris, bản sao gửi cho Lá Thư làm tài liệu đăng tải. Xin cảm ơn trước.

TSH

Paris, ngày 15-11-91

Anh Huân,

Tôi vừa trở về Paris, sau 2 tháng đi làm ở Lagos (Nigeria) bên Phi Châu. Tôi nhận được thư của anh và Lá Thư Công Chánh số 53 trong đó có đính kèm bản "Sommaire" về Kế Hoạch Kiều Lộ cho Việt Nam năm 2000, với ngụ ý là trong 10 năm nữa chúng ta sẽ trở về nước. Ngoài ra, thời gian 10 năm gần thực tế hơn.

Tuy nhiên, trong thư anh có nhấn mạnh vấn đề cần có dự án tái thiết trong một thời gian ngắn, nghĩa là trước năm 2000. Để thích ứng với thời gian tính, tôi sửa lại đề tựa là "Pour une économie de marché au Viet-Nam: Projet du Développement des Infrastructures de Transport", với dụng ý là dự án sẽ thích hợp ngay sau khi chánh quyền ở Việt Nam áp dụng kinh tế thị trường, kể cả chánh quyền cộng sản, như tại các nước ở Tây Âu và ngay cả Nga Sô đang chuyển hướng.

Ngoài ra, tôi nhận thấy nên nới rộng lãnh vực nghiên cứu bao trùm cả các ngành vận tải thay vì chú trọng riêng về kiều lộ. Làm như thế, kế hoạch sẽ được vẹn toàn hơn. Ngoài ra, sẽ mở rộng sự cộng tác của một số nhiều hơn AHCC thuộc tất cả các ngành công chánh và vận tải. Do đó, tôi có sửa lại toát yếu của dự án và đề nghị anh phổ biến bản toát yếu mới này cho tất cả AHCC thảo luận và định đoạt để làm căn bản soạn thảo tài liệu.

Để được hữu hiệu, tôi đề nghị tổ chức việc nghiên cứu và soạn thảo tài liệu như sau:

● Giai đoạn 1: Thâu thập dữ kiện căn bản.

● Giai đoạn 2: Nghiên cứu và dự thảo.

● Giai đoạn 3: Soạn thảo tài liệu đúc kết.

Ngoài ra cần ấn định lịch trình của các giai đoạn để làm căn bản phối hợp các hoạt động.

Ngoài ra cần ấn định lịch trình của các giai đoạn để làm căn bản phối hợp các hoạt động.

Để thi hành các giai đoạn, cần tổ chức một số ủy ban đặc trách một số công tác chánh yếu, có thể như sau:

- 1) Ủy Ban Kiều Lộ
- 2) Ủy Ban Hỏa Xa
- 3) Ủy Ban Thủy Vận
- 4) Ủy Ban Hàng Không
- 5) Ủy Ban Kinh Tế
- 6) Ủy Ban Canh Nông
- 7) Ủy Ban Dầu Hỏa
- 8) Ủy Ban Kỹ Nghệ
- 9) Ủy Ban Điện Lực
- 10) Ủy Ban Dân Số
- 11) Ủy Ban Xã Hội Chánh Trị

Để phối hợp các ủy ban trên, cần tổ chức một Ủy Ban Phối Hợp.

Kính anh

Bùi Hữu Tuấn

POUR UNE ECONOMIE DE MARCHÉ AU VIET-NAM:
PROJET DE DEVELOPPEMENT
DES INFRASTRUCTURES DE TRANSPORT

SOMMAIRE

- 1.0 AVANT-PROPOS
- 2.0 METHODOLOGIE GENERALE
 - 2.1 Approche par système des secteurs économiques
 - 2.2 Le Transport considéré comme services entre les centres de production et de consommation
 - 2.3 L'utilisation des programmes informatisés en matière de planification des transports
- 3.0 LES HYPOTHESES ET DONNEES DE BASE
 - 3.1 Les données de base du système politico-socio-économique existant
 - 3.2 Les données de base globales du secteur de transport existant
 - 3.3 Les hypothèses sur le système politico-socio-économique futur
 - 3.4 Les hypothèses sur le secteur de transport futur
- 4.0 LES CARACTERISTIQUES DU SECTEUR DE TRANSPORT EXISTANT
 - 4.1 L'importance du secteur de transport dans le développement socio-économique.
 - 4.2 L'importance relative des différents modes de transport existants
 - 4.3 Les caractéristiques des différents modes de transport existants
 - 4.3.1 Transport routier
 - 4.3.2 Transport ferroviaire
 - 4.3.3 Transport maritime
 - 4.3.4 Transport par oléoduc
 - 4.3.5 Transport aérien
- 5.0 LES BESOINS FUTURS DE TRANSPORT
 - 5.1 Méthodologie d'estimation des besoins futurs de transport
 - 5.2 Estimation des productions futures:
 - 5.2.1 Production agricole
 - 5.2.2 Production minière
 - 5.2.3 Production pétrolière
 - 5.2.4 Production manufacturière
 - 5.2.5 Production électrique
 - 5.3 Estimation des populations futures:
 - 5.3.1 Population totale
 - 5.3.2 Population active

- 5.4 Estimation des consommations futures
 - 5.4.1 Consommation alimentaire
 - 5.4.2 Consommation des produits manufacturés
 - 5.4.3 Consommation des matières premières
 - 5.4.4 Consommation des hydrocarbures
- 5.5 Estimation des besoins globaux futurs de transport
- 6.0 L'AFFECTATION MODALE DES BESOINS GLOBAUX FUTURS DE TRANSPORT
 - 6.1 Méthodologie d'affectation modale de transport
 - 6.2 Calcul des coûts unitaires de transport des différents modes
 - 6.3 Recherche de l'affectation modale optimale à moindre coût global de transport
 - 6.4 Détermination des volumes de transport pour les différents modes:
 - 6.4.1 Transport routier
 - 6.4.2 Transport ferroviaire
 - 6.4.3 Transport maritime
 - 6.4.4 Transport par oléoduc
 - 6.4.5 Transport aérien
- 7.0 LES INFRASTRUCTURES FUTURES DE TRANSPORT
 - 7.1 Les Infrastructures routières
 - 7.2 Les Infrastructures ferroviaires
 - 7.3 Les Infrastructures portuaires
 - 7.4 Les Oléoducs
 - 7.5 Les Infrastructures aéroportuaires
- 8.0 LE PLAN DE DEVELOPPEMENT DES INFRASTRUCTURES FUTURES DE TRANSPORT
 - 8.1 Les objectifs du Plan de Développement
 - 8.2 Les coûts du Plan
 - 8.3 Les bénéfices du Plan
 - 8.4 La rentabilité économique du Plan
 - 8.5 Les priorités des projets pris en compte
 - 8.6 Les différentes phases de développement
 - 8.7 Les possibilités de financement du Plan
- 9.0 CONCLUSIONS ET RECOMMANDATIONS
 - 9.1 Conclusion générale
 - 9.2 Recommandations concernant l'organisation chargée de l'exécution du Plan de Développement
 - 9.2 Recommandations concernant la mobilisation des ressources:
 - 9.2.1 Ressources financières
 - 9.2.2 Ressources technologiques
 - 9.2.3 Ressources matérielles
 - 9.2.4 Ressources humaines

“Lên Non Tìm Động Hoa Vàng”

của LÊ NGỌC DIỆP



“**R**ằng nay có gã lang thang,

Lên non tìm động hoa vàng
nhớ nhau!

Thôi thì em, chúng mình
yêu nhau ... đi.”

Khi nào tôi gặp nhạc sĩ Phạm Duy hay nhà sư Phạm Thiên Thư tôi sẽ xin lỗi vì đã sửa bài thơ tuyệt tác này một cách vụng về. Tôi sẽ hỏi thêm “gã từ quan” tại sao đang có job lại “từ quan” đi? “Lên non” có hăng xướng gì làm không? Thất nghiệp thì làm sao “ngủ say” được? “Thôi thì em, chẳng còn yêu tôi” đó là chuyện của gã nhưng những lúc mưa rơi, tuyết đổ, cháy rừng thì làm sao ngủ ở “động hoa vàng” được? Mỗi bữa ăn “hai miếng kẹp lại” như Mỹ

thì chắc chết.

1. Thiên Thai.

Thiên đàng Yosemite National Park (California) cao 10,000 ft (3300m) đường kính 40 miles (60km) cách San Francisco 4 giờ lái xe.

Mùa xuân đẹp nhất vào lễ Phục Sinh (Easter) tuyết bắt đầu tan nhưng màu trắng vẫn còn phủ khắp không gian vô tận. Nơi đâu cũng là thác Cam Ly, thác Pongour, nước chảy âm âm, hoa puppies cánh mỏng như giấy, đủ màu, đủ cỡ ngã nghiêng theo chiều gió, vuốt lấy chân ta.

Mùa hè, dù không có ve sầu, không có phượng đỏ nhưng có bướm, có chuồn chuồn, có những động vật tí xiu không tên đã từng là bạn thân của ta

lúc bé mà tưởng chừng trong đời không còn gặp lại chúng nữa.

Mùa thu thì tuyệt vời. Những chỗ toàn thông red-woods thì vẫn giữ màu xanh rì cố hữu. Những chỗ có nhiều loại cây mọc gần nhau là cả một tấm màn nhung vĩ đại màu thay đổi từng giây từng phút. Có những chiếc lá mặt dưới còn xanh, mặt trên đã đổi màu vàng, tím, đỏ v.v. Gió mạnh, gió nhẹ, lá rung rinh các màu vàng tím xanh đỏ khi nhiều khi ít. Có người nói chỉ cần nhìn sự tương đối giữa các màu là biết được gió đang thổi hướng nào, tốc độ là bao nhiêu (?)

Mùa đông đi lễ Giáng Sinh tại nhà thờ nhỏ trong Park: du

khách rất ít vì lạnh quá, tuyết lung linh, chuông thoang thoảng, “đêm thánh vô cùng”, dù là người ngoại đạo, tôi chắc các Ái hữu vẫn phải tin “có Chúa ngự trên cao”, vẫn tự bảo “Quý sử nào chẳng muốn nung thân” (Phạm Duy).

Có đến Yosemite ta mới hiểu các bức tranh tàu vẽ cây, đá chập chờn ôm lấy mây với cầu khỉ với bonsai vĩ đại là có thật.

Phải nhìn những cây Redwoods hàng ngàn feet cao mà vẫn tươi tốt mới nhớ ta còn bài toán Soil Mechanics chưa giải đáp được. “Nước từ rễ lên ngọn nuôi cây nhờ hiện tượng mao quản (capillarity) qua các ống li ti trong thân cây.

Theo Soil Mechanics thì hiện tượng mao quản chỉ có thể đem nước lên cao tối đa 33 feet (10m) nhờ sức ép của không khí. Muốn nước lên cao hơn 33 feet bắt buộc phải dùng đến máy bơm. Cây cao hàng ngàn feet thì mao quản làm sao đem nước lên tới ngọn để nuôi cây? máy bơm đâu?

Cái dở của Yosemite là mùa hè du khách quá đông, tưởng chừng như trại tị nạn của dân Kurd bên Iraq. Có người thích mượn cabin hay camp ground ở ngoài phạm vi park, ngày vào park chơi, tối ra ngoài ngủ yên tĩnh hơn.

Hồ Hetch Hetchy Reservoir nằm ngoài vòng đai của Park, cách cổng vào 30 miles. Hồ rộng 1 mile dài 10 miles là một thắng cảnh hoang vu gần như không có du khách. Nước hồ dùng để chạy một nhà máy thủy điện nhỏ cho nhu cầu địa phương rồi dẫn về San Fran-

cisco để uống. Nước được giữ lại hồ bằng một đập bê tông khổng lồ cao cả ngàn feet, không tưởng tượng được sức người làm sao xây nổi. Cạnh đập là văn phòng của Hetch Hetchy Reservoir, Water Department Bureau of Light, Heat and Power.

Du khách muốn đi quanh hồ phải đậu xe tại đây rồi đi bộ vào.

2. Lên non.

Đêm đầu ở camp ground ngoài cổng vào Yosemite ngủ không được vì phải thử trò chơi ... ma quái của D., chúng tôi quyết định hôm sau đi bộ quanh bờ hồ cho quên đi những gì đang lên (cholesterol, blood pressure, balance due VISA, MC ...) và đang xuống (?) của cuộc đời.

Chúng tôi, 5 cặp, xuống xe tại đập vào lúc 10 giờ. Hành trang gồm khô bò, bánh mì, lạc xướng, trái cây và nước uống dự định trở về xe vào khoảng 6 giờ tối.

Băng qua cái đập vĩ đại của hồ Hetch Hetchy là đến một đường hầm đục xuyên qua một trái núi nhỏ, đá toát ra hơi lạnh thấu xương. Ra khỏi đường hầm là một đường mòn vừa đủ cho một xe 4 wheel drive chạy. Đường đi thật đẹp, thật hoang vắng thảnh thơi có đường rẽ không biết đi về đâu, thảnh thơi có cầu bắt qua suối. Cứ vài miles là có một nhà nhỏ bằng thân cây tròn (log house), có thùng thơ, có tên người nhưng không có vẻ gì có người ở.

Lâu lâu lại gặp nai, gặp gấu đi ngược lại, mạnh ai nấy đi, bốn mắt không dám ... nhìn

nhau. Cái cảnh đẹp hùng vĩ hoang vắng đó cứ tiếp diễn giờ này qua giờ kia, đều đều đến phát nhàm, phát ngấy đi.

Bốn giờ chiều, ai nấy mệt nhoài, men ra bờ hồ nhìn về phía đập mới biết mình chỉ đi được nửa đường thôi. Đi tới tiếp để đánh vòng quanh hồ hay đi trở lại đường cũ xa như nhau có nghĩa là ít nhất 10 giờ đêm mới đến xe. Tối nay ngủ bữa trong rừng thì chắc cũng được nhưng gấu, muỗi, rắn rết thì làm sao?

Một chị than: “Đi quanh cái vũng nước này làm chi cho nó khổ thân như vậy? Ngủ lại trong rừng muỗi đòn xóc nó cắn bị ‘rét núi’ không biết Quinine có trị được không? Ai nấy đều lo sốt vó nhưng rồi một quá cứ lăn đùng ra cỏ mà nghỉ.

Trời cao vun vút vài cụm mây lững lờ trôi, trời chiều, nắng sắp tắt. Gió thoảng đưa tiếng kèn Saxophone của ai thổi bản Senérata của Toselli. Anh bạn H.T. (trước kia là ca sĩ đài phát thanh Pháp Á ở Saigon, đã từng thu thanh vào đĩa 78 tours) cao hứng hát theo với lời Việt của Phạm Duy (Chiều Tà). Ôi tiếng kèn và tiếng người quán quít nhau sao mà lưu luyến quá. Quả thật saxophone là chiếc kèn có tiếng giống tiếng người nhất.

Mọi người im bật, xuất thần, không còn biết mình là ở trần thế hay trên tiên cảnh cho đến đoạn kết của bản nhạc:

*“Ngỡ hồn mình là rừng
Ngỡ hồn mình là mây
Nhớ nhà chầm điếu thuốc
Lá vàng bay lên cây”.*

Câu cuối được sửa lời ngỏ nghĩnh làm mọi người phá lên cười bưng tỉnh giấc mơ tiên.

Thi sĩ Thiệu nói:

— Tác giả bài thơ này là Hồ Dzếnh người Tàu đầu tiên trong thi văn Việt nam thì chắc ai cũng biết. Nhưng chắc hẳn các cha không biết một chuyện nữa của Hồ Dzếnh: ông là người đầu tiên phát minh international phonetic: thêm chữ Z vào tên để người ngoại quốc đọc được chữ D Việt Nam. Nhớ là vào lúc đó (1920) Tây, Mỹ chưa có phonetic. Rồi sau đó mới tới Dzoãn Mãn, rồi hàng mấy mươi năm sau con cháu mới bắt chước như Bú Dzu T. Đặng Nguyễn, Dzịep Lê v.v.

Một anh khác nói:

“Lúc đầu hẳn thối bản Sénéreta nhạc cổ Tây phương rồi lại chuyển qua bản ‘Chiều’ của Dương Thiệu Tước lúc nào mà mình không biết. Ôi nhạc ngụy “đôi trụy” của mình đâu có thua gì nhạc cổ Tây phương đâu? Người nào nói nhạc ngụy ta bị ảnh hưởng nhạc cổ Tây phương tới chống tới cùng. Nhạc Vũ Thành hay nhạc Cung Tiến thì còn có lý chứ nhạc Phạm Duy, Dương Thiệu Tước mà nói bị ảnh hưởng Tây phương thì lại là cả một tự ty mặc cảm khổng lồ. Sở anh này tiếp tục giảng về nhạc lý, một anh khác đành nói:

— Tôi nghĩ tên nhạc sĩ này là người Việt, tuổi cỡ tụi mình thôi, không thể trẻ hơn vì ngoài cái sở thích nhạc cổ điển Tây phương và nhạc tiền chiến Việt Nam, hẳn ta còn có tiếng kèn không có vẻ Mỹ chút nào hết. Này nhé, tụi Mỹ

nó to, phổi nó lớn, hơi dài, răng tối, lưỡi mạnh, bắp thịt quanh môi rất khỏe có thể ngậm chặt lấy kèn do đó tiếng kèn của tụi nó “no tròn” hơn, “đầy đà” hơn chứ không như vậy đâu.

Một chị nói:

— Tôi chắc hẳn ta là người Việt mà còn là người Huế nữa. Hỏi tại sao thì chị giải thích:

— Các anh có nghe tiếng “Châm” trong câu “Nhớ nhà châm điều thuốc” không? Hẳn thối “lơ lơ” thì làm sao Nam hay Bắc được? Chúng tôi ai nấy đều phục sát đất cái nhận xét tỉ mỉ này.

Mọi người đứng dậy cố tìm cho ra hẳn là ai. Đi độ 10 phút ra khỏi khu rậm rạp thì thấy một cái nhà nho nhỏ - cũng loại log house. Chúng tôi cố tìm thùng thơ để đọc tên gia chủ nhưng đặc biệt nhà này không có thùng thơ. Một người từ trong nhà bước ra vui vẻ với giọng Bắc di cư 1954: “Mấy ông Công Chánh đi đâu đây? Các chị đây phải không? Hôm nay “rồng đến nhà tôm” rồi. Mời vào! Mời vào!” Chúng tôi ngỡ không hiểu tại sao ở chốn hoang vu này lại có người biết mình. Gia chủ tiếp:

— Thực tình nếu gặp riêng từng vị, chắc cũng không đoán được là người Việt nữa chứ, đừng nói tới nghề nghiệp. Hôm nay gặp 5 vị một lượt nên nhớ ngay.

Tớ tên Thoại đây (tên giả theo lời yêu cầu của đương sự), các vị chắc không nhớ đâu. Năm 1954, 1955 gì đó, tớ vào trường Công Chánh một lượt với các cậu. Kỳ đó tớ đổ một

lượt vừa Công Chánh vừa Quốc Gia Hành Chánh. Vì nghĩ Quốc Gia Hành Chánh khóa thứ nhất dễ dụng võ hơn Công Chánh khóa thứ mấy mươi nên theo Công Chánh được một tháng thì đào ngũ qua Quốc Gia Hành Chánh.

[Chúng tôi nhớ mang máng có chuyện như vậy nhưng không nhớ nổi chi tiết.]

Thoại tiếp:

— Chuyện đâu còn đó. Tới nay chúng mình sẽ hàn huyên. Mời các anh chị tới nay ở lại với chúng tôi ngày mai về”. Buồn ngủ gặp chiếu manh, không ai từ chối cả.

Lúc ấy một cô Mỹ từ trong bước ra. Thoại giới thiệu: “Đây là ‘my house’ tên Ruth. Chị Ruth nói tiếng Việt còn cứng lắm. Chị rất vui vẻ, bộ tịch còn ‘made in USA’ 100% nhưng đặc biệt là không có ‘hug’ như Mỹ mà chỉ chào như Việt thôi.

Chiều đó gia chủ đã chuẩn bị cho họ một thau Crayfish để ăn với Mayonnaise. Crayfish là một loại tôm nhỏ, vỏ cứng như vỏ cua, ít thịt, xúc ở các suối gần đó. Thoại định ra suối xúc thêm nhưng vì thực khách quá đông mà trời đã sập tối, khó lòng tìm cho đủ ăn. Chị Ruth xoay ra dùng Crayfish nấu “riêu” ăn với bún và mắm ruốc mới đủ cho 10 vị khách quý bất đắc dĩ.

Tối đó các bà chuẩn bị món bún bò Huế ăn trưa hôm sau (nấu suốt đêm) và khuya đó dậy sớm đổ bánh cuốn ăn điểm tâm.

Phản đàn ông chúng tôi thì nằm dưới nền phòng khách bàn quốc gia đại sự suốt đêm.

Bánh cuốn ăn với chả lụa, với rau kinh giới (Thoại gọi: “Kinh giới núi”) hái từ các khe đá quanh nhà. Ăn xong uống cà phê phin với sữa hộp đặc nhìn mặt trời mọc, lạnh cảm cảm.

Bún bò Huế trưa đó thì thật là tuyệt: có giò heo, có gân, có sụn, có xā, tương ớt đỏ, có cả huyết heo luộc. Thoại nói: “Đây là bún bò mù “Ruth” chứ không phải mù “Rốt” ở Đông Ba đâu nhé!”

Một giờ trưa hôm đó, Thoại đưa chúng tôi ra về. Ra đến xe, xe không nổ máy được phải “câu bình”. Anh chủ xe cần nhàn: “Bình điện mới mua mấy tháng mà đã hư rồi, chán thật!” Một anh giải thích: Trên tiên cảnh một ngày bằng dưới trần gian một năm, bình điện hư là đúng rồi. Nếu tại mình ở đây chơi một tháng, khi về chắc là bạn bè Ái hữu đồng khóa đã lên bàn thờ hết”.

Hàn huyền đêm đó rất lung tung nhưng rất thú vị. Quanh quần chỉ là để biết anh là ai, đời sống hằng ngày ra sao, cảm tưởng về tương lai của mình, của dân tộc, của đất nước.

Một kẻ mà đời sống hoàn toàn không bị ô nhiễm bởi nạn kẹt xe, job security, tiền nhà, tiền xe, tiền bảo hiểm, credit cards, hằng ngày lại có hằng chục giờ để đọc, để suy nghĩ để “ngủ say ở động hoa vàng” chắc chắn sẽ phải nhìn đời khác hẳn với chúng ta.

3. Gã Tu Tiên.

Anh từ đâu đến?

Quê tôi ở Thái Bình (Bắc) 1954 theo gia đình di cư vào

Nam ở chợ Ông Tạ (Saigon). Đầu một lượt Công Chánh và Quốc Gia Hành Chánh nhưng chọn Quốc Gia Hành Chánh để theo. Ra trường làm Phó quận, Phó tỉnh, Trưởng ty v.v. từ Thừa Thiên đến Cao Lãnh. Những lúc cần liên lạc với các Ty, khu Công Chánh vẫn tự hỏi tại sao lại không theo nghề lục lộ mà lại theo nghề “cha mẹ dân” chỉ cho nó khổ thế này.

1975, mặc dù đã từng di cư một lần rồi nhưng vẫn ngủ quên với Huỳnh Tấn Mẫm, với Trịnh Công Sơn nên kẹt lại. Trường Quốc Gia Hành Chánh được Cộng sản xem như “trường của CIA” nên cải tạo mút mùa. 1980 trốn về thì gia đình không còn nữa, cuối 1980 vượt biên đến Cali làm phụ thợ (technician) cho một hãng duy trì máy bơm và ống nước ở Mariposa, một thành phố nhỏ cách đây (Yosemite) 40 miles. Lúc đầu thì không biết gì nhưng dần dà, với trình độ học vấn và tánh sợ thất nghiệp trên đất lạ quê người nên trong sở ai cũng thích.

Từ đó đời tôi gắn liền với 3 ông già. Một ông mà tôi sẽ gọi là “ông già con” nay 65 tuổi, là chủ hãng này; “ông già cha” là cha của “ông già con” 90 tuổi và “ông già ông nội” là ông nội của “ông già con” 112 tuổi.

Số là một hôm (1982) “ông già con” bảo: “Tôi rất thích tánh tình và việc làm của anh nhưng hãng này nhỏ quá, thành phố Mariposa này chỉ có 1200 dân, tôi không có cách nào bảo đảm việc làm vững bền cho anh được. Tôi định chuẩn bị cho anh thi Mechanic Technician của San Francisco

Water District, hiện có chỗ trống ở Hetch Hetchy Reservoir này. Làm việc cho State nó bảo đảm hơn. Ông đã xin mẫu đơn và tôi thấy rất có lý nên điền và gửi đi.” Interview và được chọn để dành vì câu hỏi hoàn toàn đúng những việc tôi làm hằng ngày tại hãng. Ngày từ già hãng “ông già con” bảo: “Anh thấy không, tôi quen tụi nó hết nên interview tôi dặn tụi nó hỏi anh tất cả mọi chuyện mà anh đã biết rồi. Sở dĩ tôi lo là vì tôi cần nhờ anh một chuyện. Ba tôi và ông nội tôi trước đây đều là nhân viên của Hetch Hetchy Reservoir. Hiện nay họ đã về hưu nhưng vẫn còn ở quanh quần đó. Anh vào làm việc sẽ được cơ quan cấp nhà tại đó. Việc tôi nhờ anh là hằng ngày để ý đến hai ông già này, có gì giúp đỡ một tay hoặc điện thoại cho tôi.” Tôi nhận lời ngay vì chẳng những ông ta là ân nhân mà hằng tháng lại được thêm chút đỉnh tiền còm khỏi thuế lợi tức.

Tôi gặp Ruth vào 1984. Cha mẹ Ruth ở đây (Mariposa), Ruth thích đời sống tại đây nên sau khi học xong, trở về làm cho sở Bưu điện Mariposa.

Công Ăn Việc Làm.

Công việc hằng ngày của tôi rất là rảnh rỗi nhưng không phải là không cần thiết. Việc chánh là ở dưới Yard, mỗi ngày vào xem dầu mỡ các máy móc cho đúng với chương trình bảo trì (maintenance schedule), đọc điện kế thủy lương kế v.v. Mùa hè thì giám thị các công tác tu bổ đường sá do nhà thầu làm (như là một đốc công Công Chánh bên ta) coi sơn phết nhà cửa kho

xưởng. Mùa đông các việc này không có nhưng phải sắp xếp, phân phối xe ủi tuyết để bảo đảm lưu thông cho cả district.

Vì ở quá xa thành phố, trên nguyên tắc mỗi nhân viên đều được cấp một cái nhà rải rác quanh hồ, cách nhau một vài dặm. Trên thực tế khi mới vào thì vào danh sách chờ đợi khi có nhà trống sẽ được cấp. Thời gian chờ đợi cũng nhanh lắm. Nhà chỉ cho mượn 25 đồng mỗi tháng, điện, nước do sở đài thọ hết. Nhiều người nghe vậy ham lắm vào cho bằng được nhưng rồi sáu tháng hay một năm sau, thử lửa với cô đơn (isolation stress) thì mau mau tìm job khác. Này nhé: Bà xã làm sao shopping? Con cái nhỏ đi học thì xe trường đưa đón nhưng thỉnh thoảng tối phải chở chúng vào trường cho các hoạt động văn nghệ, thể thao, đi thư viện v.v. thì làm sao? Con lớn thì thích có bạn bè, bỏ bịch, thích có việc làm vặt vãnh, bán tiệm bán chợ để lấy tiền bỏ túi thì đâu có. Do đó nhân viên ở đây thay đổi liên miên.

Nhân viên về hưu có thể thuê một nền nhà (99 năm) cất ở nơi chỉ định quanh hồ. Nhà được cất rải rác quanh hồ để gia chủ có thể làm tai mắt cho sở. Ngoài việc làm chính thức tại sở, mọi tai nghe mắt thấy trên đường đi và về nhà hay chung quanh nhà đều phải báo cáo như đất chùi, đất lở, cây ngã, tuyết đổ bít đường đi. Ngay cả một đồng tro nhỏ trong rừng, vài lon bia cũng phải theo dõi vì biết đâu những kẻ liên quan đến ma túy tụ tập tại đây để buôn bán, có thể bỏ thuốc độc vào hồ

giết cả thành phố v.v.

Phần tôi sáng 7 giờ rưỡi lái xe một vòng hồ thỉnh thoảng ghé “ông già cha”, “ông già ông nội” say hello, vào sở gặp các người ở ca đêm là xong. Chiều 3 giờ rưỡi về, lại đánh xe một vòng quanh hồ có gì thì về nhà dùng radio để báo cáo. Đến nhà 4 giờ, chăm sóc vườn rau, xem chuồng gà, chuồng vịt (gà phải sưởi, vịt có thể ngủ ngay trong tuyết), chuẩn bị rau cỏ, cho Ruth về nấu ăn, tập thể thao, thổi kèn, xem sách báo, xem TV với satellite antenna 120 đài.

Phần Ruth thì 7 giờ sáng đã ra khỏi nhà với chiếc xe bưu điện tay lái phía bên phải. Vào sở lựa thơ rồi đi phát. Có chỗ hăng hai ba chục miles mới có một thùng thơ, có chỗ cả hai ba chục thùng thơ để cạnh nhau, bù qua sót lại thì cũng đỡ. Chiều lái xe về nhà. Thỉnh thoảng gặp rắn Rattlesnake quần quanh thùng thơ cũng ớn nhưng sanh nghề tử nghiệp chết sống có số lo gì. Các anh thấy trước nhà tôi không có thùng thơ vì gia chủ là người phát thơ mà. Không lẽ lái xe đến nhà, bỏ thơ mình vào thùng thơ rồi lại trở ra lấy thơ đem vào nhà hay sao?

Mỗi tuần nếu không kẹt trực thì rủ nhau đi San José (lái 4 tiếng) ăn phở mua báo Việt sách Việt, thức ăn khô. Mỗi 2 tháng đi Los Angeles/Bolsa một lần để cập nhật hóa tình hình, tin tức quốc tế. Các anh thấy đĩa CD Vietnam tôi có trên 300 đĩa, sách vở Việt có trên 300 quyển và báo chí hàng ngày hàng tuần trên 10 tờ được đặt mua thường xuyên: thú vui độc nhất của

kẻ “ở động hoa vàng” mà!

— Tôi thích nhạc ghê lắm nhưng mãi đến lúc qua bên Mỹ này mới có thời giờ học. Tôi đã bỏ 10 năm để học nhạc cổ điển Tây phương, tôi đã cố leo lên những ngọn núi cao của thế giới âm nhạc mang tên Chopin, Beethoven, Mozart rồi nhưng, các anh ơi, khi leo lên đến đó rồi tôi mới thấy có những trái núi cao không kém đứng kề bên lại mang tên Văn Cao, tên Phạm Duy, tên Lê Thương “thế mới chết”.

Hỏi về chữ “châm” “lơ lơ” trong câu “nhớ nhà châm điệu thuốc” khi anh thổi kèn hồi chiều sao mà nghe Huế quá anh giải thích: “Tôi đâu đến nổi hay như vậy, cái kèn của tôi, cái khóa cho ra nốt đó có khi ra đúng, có khi ra “lơ lơ” vì “dính” với các khóa khác. Đáng lẽ là phải đem tiệm sửa nhưng chưa có dịp.

Kể lại chuyện anh bạn HT hát theo tiếng kèn lúc chiều thì Thoại nói:

— Không biết các cậu còn nhớ không, vào khoảng 1960-65 gì đó hai chữ HT đã làm xôn xao giới trẻ Saigon một dạo: con trai thì mua giấy nịch có hai chữ HT, con gái thì thêu vào áo dài hai chữ HT. Cha mẹ hay người tình gạn hỏi chữ tắt của tên ai đó, con trai thì nói mình thích nam ca sĩ HT, con gái thì nói mình thích nữ ca sĩ Hà Thanh. Khổ nỗi các đại nhạc hội, phòng trà nào mà quảng cáo có “tăng cường” Hà Thanh thì toàn nam nhi đến dự để nghe “Nhìn những mùa thu đi” mà tăng cường Nam ca sĩ H.T. thì toàn các cô đến để nghe cho

được “Em tôi hay đứng, nhìn trời tơ lơ mơ ...” Mãi rất lâu sau, các bầu gánh mới tìm được giải pháp ôn hòa: Quảng cáo với hai chữ “2T au carré” (HT2) để hốt trọn vẹn.

— Hai vợ chồng lương tháng trên \$5000 (1990) ăn uống \$100, đi chơi mua sắm cuối tuần \$1000 mỗi tháng, nhà thuê \$25, xe cộ, xăng nhớt bảo trì, bảo kê, ở, điện nước đều do Sở đài thọ. Hoàn toàn không có trả góp tiền nhà, trả góp xe, Visa, Master Charge. Về hưu ư? Làm với State thì về hưu lúc nào là tùy mình không ai bắt buộc ta phải về hưu sớm. Về hưu thì thuê một miếng đất tại đây, cất nhà rồi lại cũng ở đây, lại phải mua xe, lại phải bảo hiểm xe, lại phải hoạt động chớ ở không thì sẽ chết sớm. Nhưng hàng ngày lại không được vào sở thăm bạn bè như vậy thì về hưu có lợi gì đâu?

— Vợ Việt và vợ Mỹ có những cái giống nhau, mà cũng có những cái khác nhau. Đàn bà thì tánh tình luôn luôn là đàn bà đâu đâu cũng vậy: đòi hỏi nhiều, đòi hỏi nháy, đòi hỏi lớn. Tôi thì “bình chân như vạc” chỉ vồn vện một câu “thôi thì thôi nhé, có ngần ấy thôi!”; bộ muốn “chim kia chết dưới cội đa” hay sao mà đòi dữ vậy? May mà Ruth sanh đẻ gần đây lại thích đời sống như vậy nên tôi đỡ phải đối phó về vấn đề đó.

Mơ chiếc áo lụa Hà Đông của Hồng Vân hay chiếc áo bà ba miền Nam của Sơn Ca với người vợ Mỹ là một ước mơ không tưởng.

Phải chấp nhận Blue Jean

Levis, Jordache Basic thì mới thấy cuộc đời đáng sống. Ruth cũng thích học tiếng Việt lắm nhưng “Trống trường thành lung lay bóng nguyệt” làm sao mà rung cảm được con tim Bà? Nội chữ “hột vịt lộn” nói còn không xong đòi hỏi gì thêm cho nó mệt.

“Ông già ông nội” thật là ... hết xẩy.

Ngày đầu tiên tôi đến nhà ông để tự giới thiệu, tôi có đem một gói cà phê để tặng. Ông cười ha hả:

— Anh có biết gì về Lão Tử không? Tôi chưa biết trả lời ra sao thì ông ta bảo:

— Lão tử dạy ta ăn ở sao cho hợp với thiên nhiên. Lý thuyết này rất hay nhưng rất cao thâm, chỉ có những người sống trên 100 tuổi như tôi mới thực hiện được. Trong đời tôi, tôi đã uống không biết bao nhiêu loại cà phê, trà, rượu. Tôi nhớ kỹ từng vị cay, đắng, nồng ... của mỗi thứ. Giờ đây chỉ cần lấy tuyết nấu tan ra, để vào ly rồi vừa uống vừa nghĩ đến cà phê Columbia là cảm thấy ngay mùi cà phê Columbia phản phát, uống nhiều tối ngủ không được. Nghỉ đến Johnny Walker mà uống hai ly “tuyết nấu” thì say túy lúy rồi.

Tôi thấy cần phải hạ ông già này mới được:

— Thưa cụ, người Mỹ cần đến 100 tuổi mới đạt được tư tưởng của Lão Tử, người Việt chúng tôi ba bốn mươi tuổi là thông suốt tư tưởng này rồi. Hồi trong trại học tập, thỉnh thoảng bạn bè dám đưa tụ lại lấy chút gạo ra nấu cháo, bỏ rễ rau muống già vào làm vị cá, xắc vài lát khoai mì sượng làm

bào ngư. Một con cá lòng tong nhỏ bằng ngón tay út nướng khét lên dầm vào nước muối để làm nước mắm nhĩ Phú Quốc mà nêm nếm. Xong xuôi một thằng lấy sách nấu ăn của Bà Quốc Việt ra đọc lớn tiếng mục “nấu cháo bào ngư vì cá” bao nhiêu vì cá, bao nhiêu bào ngư, bao nhiêu muối v.v. Xong đâu đấy rồi mới được ăn. Ăn y như cháo vì cá bào ngư không kém chút nào hết. “Tự kỷ dẫn dụ” mà (self hypnosis). “Ông già ông nội” phải chịu thua tôi.

Nhìn về bên kia bờ Đại Tây Dương.

Nói đến Việt Nam, Thoại rào đón ngay:

— Các anh thấy tôi có hàng trăm quyển sách Anh Pháp Việt về Việt Nam, có hàng chục báo tuần, báo ngày; tôi nghe BBC, VOA hằng ngày, tôi có tất cả thời giờ trên thế giới này để đọc và để nghiền ngẫm. Trong chúng ta đây, tôi là người được cập nhật hóa nhất, có nhiều dữ kiện nhất về vấn đề Vietnam. Cái nhược điểm lớn của tôi là không có bạn để thảo luận, không có feedback, không có brainstorm, hễ suy nghĩ sao thì cứ theo đó mà suy diễn. Do đó nhận xét của tôi rất là chủ quan.

(Chúng tôi đồng ý điểm này nhưng vẫn cố nài nỉ Thoại cho biết các nhận xét của hần. Để quý Ái Hữu có thể thấy được sự khác biệt giữa mình và một người như Thoại, tôi xin ghi lại đây một cách “thụ động” không phê bình, tránh thêm bớt để giữ ý chính một cách tối đa” (Ghi chú: thời điểm là

Xuân 1990).

— Các dữ kiện ta nhận được có chính xác không?

Tin tức ta ở đây được qua các báo Anh Pháp Việt, qua đài VOA, BBC, tôi nghĩ là rất gần với sự thật. Ngay cả người Việt còn bên nhà, người Việt mới di dân qua hay ngay cả đảng viên Cộng sản chính cống cũng không có được những tin tức chính xác như ta ở đây. Hệ thống truyền tin C.S. thì các anh biết rồi chứ gì. Sáng nay bên Mỹ bao nhiêu sinh viên biểu tình là bên VN biết ngay trong khi đó anh bạn kế bên nhà bị công an dẫn đi từ cả tuần nay ta vẫn chưa hay biết.

Báo chí Việt phần lớn lượm lặt tin tức từ các báo ngoại quốc, từ đài VOA, BBC, thỉnh thoảng có thêm tin của Việt kiều về thăm nhà, của tị nạn mới đến hay của bạn bè bên VN lén lút gửi qua. Những tin tức từ các báo ngoại quốc, từ các đài BBC, VOA thì các báo đảng rất đồng nhất. Những tin tức “nghe qua kể lại” có phần hỗn tạp hơn, chủ quan hơn, có khi chỉ nhìn một khía cạnh nào đó thôi y như người mù sờ voi rồi cố mô tả voi vậy. Tuy nhiên nếu ta đọc nhiều “người mù” mô tả nhiều khía cạnh khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau ta có thể phỏng đoán được phần nào “con voi” ra sao rồi. Báo nào nói láo quá lời đuối thì bị đồng bào tẩy chay đồng nghiệp lột mặt nạ, thương gia không đăng quảng cáo nữa thì chỉ có nước mà ... sập tiệm.

Vietnam Peristroika?

Từ ngày có Gorbachev thì ta

nghe đến đa nguyên, đa đảng, hậu cộng sản, Việt Nam phú cường v.v. Không có Gorbachev chắc là ta không có các chuyện đó đâu.

— Việt Nam ta không có môi trường của các nước Đông Âu nằm giữa tư bản và cộng sản. Cộng sản tan thì ngã theo tư bản dễ dàng thôi.

— Việt Nam ta không có môi trường của Nga Sô. Nga Sô đã có một lịch sử cộng sản ba bốn thế hệ rồi. Thế hệ đầu tiên có thể là ngu dốt, tàn ác lên làm cha. Hễ ai chống đối thì lấy hào quang quá khứ ra chống đỡ, ta đây 50 tuổi đảng rồi, ta đây là anh hùng nọ trận kia, ai chống ta là chống tổ quốc, tù, giết. Con cái của các tên này được chọn (bên ta không còn dùng chữ “học tài thi mạng” nữa mà là “thi lý lịch”) đi học để tiếp tục gìn giữ cái gia sản của cha chúng để lại. Bị chống đối chắc chúng phải dùng cái hào quang của cha chúng để đỡ: Cha tao 80 tuổi đảng, cha tao là anh hùng dân tộc v.v.” Dần dà qua nhiều thế hệ, cái hào quang kia mờ đi những kẻ cầm quyền hôm nay, tuy là cũng đã được chọn theo kiểu ... thi lý lịch. Nhưng để học thật sự và đã giỏi thật sự. Bị chống đối, họ không còn dùng được cái hào quang lu mờ của ông nội, ông cố họ nữa. Họ phải dùng tài và đức thật sự để chống đỡ. Do đó giờ đây Nga Sô mới có những Gorbachev, những Yeltsin, và ngay cả những người dám đứng ra chống đối Gorbachev, chống đối Yeltsin mà không sợ đi Siberia.

Việt Nam ta chưa đến thế hệ này.

— Việt Nam không có môi trường của Cuba, của Iraq, của Lybya, quyền sanh sát tập trung vào một người, một gia đình. Hễ loại được người đó là giải quyết được vấn đề.

— Việt Nam ta không có môi trường của Trung Hoa lục địa. Đặng Tiểu Bình đã từng là tù nhân của cộng sản. Dù quyền hành tập trung, độc đảng chuyên chế, đàn áp Thiên An Môn nhưng sự khác biệt vật chất giữa người dân và đảng viên người dân còn chấp nhận được. Dân ăn khoai, đảng viên ăn sấm nhưng no rồi thì thôi không có mafia, không có triệu phú dollars.

Việt Nam là một ngoại lệ.

Các anh có xem video “Hà Nội 36 phố phường” bán ở các chợ Vietnam do Việt kiều về quay “tài tử” với bà bán bún ốc ngồi dưới đất nhúng bún vào nồi nước lèo không? Các anh có xem video “Đồng Tháp Mười” với ông già miền Nam thân trần như nhộng đâm cá bằng mũi nhọn như dân thiếu số ở Amazon trong các tài liệu National Geographic không? Các anh có đọc tin có người Việt tại Việt Nam lợi tức hợp pháp và bất hợp pháp hàng ngày lên đến 20 lượng vàng không? Có người dám mua một cây bonsai 2 lượng vàng để làm quà cáp không? Có kẻ đi xe Âu châu mới toanh 50,000 dollars không? Trong khi đó bà Dương Quỳnh Hoa lại nói trẻ em 80% thiếu dinh dưỡng, Liên Hiệp Quốc lại cho ta là xứ nghèo nhất thế giới? Ta thử đặt ta vào địa vị và môi trường của những người đó để

suy đoán xem họ nghĩ gì, họ hành động ra sao cho sự cải tiến “không thể tránh được” của nước ta.

— Nếu tôi là bà bán bún ốc, là ông già đâm cá tôi sẽ thấy chuyện tranh đấu cho tự do là vô bổ, là nguy hiểm, nhiều khê, không thể làm được. Một đồng một chữ dự trữ cho ngày mai không có, bụng đói thì lấy gì chiến đấu, bị bắt thì ai lo cho gia đình, súng ống đâu? tiền bạc đâu có bề gì thì tẩu thoát ở đâu? Nội cái “hội họp” để bàn tính là bị bắt rồi thì âm mưu gì được. Nghe lời xúi dục “trẻ ăn cứt gà” đã hai ba lần rồi, chết có ai thương đâu, bây giờ không lẽ ngu thêm một lần nữa sao? Có lẽ đổi sang nghề trồng bonsai, bán mỗi cây 2 lượng thì ngon lành rồi. Nếu cây Bonsai 2 lượng vàng không che đậy phái sau một bộ máy vĩ đại chắc là tôi đổi nghề từ lâu rồi; Bonsai của tôi bán 20 xu chắc không ai mua. Trong cái thế chẳng đáng dừng như bị hăm dọa thủ tiêu, bị tiêu thổ, mò tôm nhà của không còn nữa như trước đây, lúc đó tôi có thể thay đổi ý kiến chứ giờ đây thì ... không làm gì hết.

— Nếu tôi là người có lợi tức 20 lượng vàng một ngày thì tôi nghĩ gì? Tôi chắc trước sau gì cũng có đổi thay. Cờ tới tay rồi phải phát mạnh. Lợi tức tôi làm ra đâu phải chỉ có một mình tôi hưởng, không lẽ thiên hạ ngu hết để một mình tôi múa gậy vườn hoang? Có bề gì tôi vẫn có người bảo vệ mà, có thể tôi đi tù nhưng rồi chỉ thể căn cước bị giam thôi, tôi đã có tên khác rồi, ngày sanh tháng đẻ khác rồi, có khi

có cả quốc tịch khác rồi. Cha đỡ đầu phải lo cho con chớ. Kết luận là tôi phải làm mạnh, làm mau.

— Nếu tôi là đàn anh của tên 20 lượng mỗi ngày đó thì tôi nghĩ gì?

Tôi đâu có ngu đến nỗi không biết dưới tay mình có một bảo vật như vậy. Đảng thối nát mọi vấn đề mà, đừng ai mong gạt đảng. Tôi phải giữ hần vì tôi cần hần. Nó làm gì nó chịu chớ! Lương tôi chỉ đáng 40 kg gạo thì có lo gì. Nếu cần thì ... “thí chót” vậy. Đổi đời thì chuyện gì xảy ra cho tôi? Quyền hành mất hết, sự sản mất hết, thặng 20 lượng không còn khả năng nữa, phải lo trả lời những án mạng mà tôi đã nhúng tay, khó bề mà tránh khỏi bị trả thù. Do đó, hôm nay tiền bạc, quyền hành còn trong tay tôi phải làm gì? Họ đòi đa đảng à? Tôi sẽ tổ chức 100 đảng ra tranh cử. Đảng Cộng sản, cũng là một đảng, phải được tranh cử chớ. Đa đảng mà cấm đảng Cộng sản như ở Đông Âu thì là độc tài rồi.

Họ nói độc tài đảng trị, xứ không tiến được vì người giỏi không chịu về phục vụ quốc gia hử. Tôi có thể phổ biến danh sách 100 Ph.D. sẵn sàng về Việt Nam, phục vụ ngay trong tháng tới.

Họ nói Việt Nam thiếu thốn mọi thứ hử? Tôi cho đồ lậu Tàu, Thái Lan về tràn chợ trời đó. Có dollar là có tất cả.

Họ nói quân đội sẽ quay súng chống lại tôi. Tôi đã nắm tất cả các đầu mối trong quân đội rồi. Tôi đã tổ chức những toán Robot trang bị tối tân cho

đến rằng, bảo bắn là bắn, bảo đâm là đâm không lý luận, không thương không tiếc. Robots mà!

Ông già đâm cá biểu tình hử? Hằng chục năm nay tôi đã có kinh nghiệm rồi. Võ Nguyên Giáp đã tuyên bố: “Dân là một đàn gà, hôm nay rải lúa ở bên này thì chúng chạy sang bên này ăn, mai bên kia thì chúng chạy sang bên kia ăn. Mốt không rải lúa thì chúng sục sạo tự kiếm trùng, dế mà ăn vậy, lo gì!”

Sinh viên, trí thức chống đối hử? Đại học ngoài Bắc đã từng đóng cửa nhiều tháng không phải vì sinh viên chống đối mà vì sinh viên cùng giáo sư bỏ trường lên miền thượng du làm phu khuân vác đồ lậu cho đàn em tôi mà. Đối thì đâu gối phải bò. Với sinh viên, trí thức trong Nam, tôi sẽ cho cò mồi kiểu Nguyễn hữu Thọ, Trần văn Trà ra chiêu dụ theo kiểu ... trăm hoa đua nở rồi tóm cả lũ. Muốn chết ông cho chết!

— Những nhóm Việt kiều thực sự quyết tâm về lật đổ tôi thì sao?

Gương của các nhóm ở Mỹ, ở Pháp, ở Úc còn đó. Việc này tự nó giải quyết lấy không phải bận tâm. Cái khó của tụi nó không phải là việc băng rừng về Việt Nam. Cái khó của tụi nó là ở các xứ tự do kia: Cái khó đầu tiên của tụi nó là làm sao thuyết phục được đồng bào rằng ta đây là vàng thật không phải lương gạt không phải Cộng Sản trá hình. Thuyết phục trong một xứ tự do ngôn luận, ai muốn nói gì thì nói, ai muốn nghĩ gì

ghì nghĩ quả tình không phải dễ. Cái khó thứ hai của chúng là kỷ luật của đoàn thể. Làm sao thưởng phạt cho có hiệu quả trong một xứ đang thanh bình, tự do, thịnh vượng như Mỹ, như Pháp. Làm sao đủ dollar để thưởng cho tương xứng? Làm sao phạt mà không phạm đến luật lệ địa phương? Không thưởng phạt được là không có kỷ luật được. Cái khó thứ ba của chúng là thành phần đoàn viên. Tất cả đoàn viên đều là tình nguyện cả, không có ai vì miếng ăn manh áo mà vào đoàn. Do đó, không ai muốn gia nhập với tính cách “cu li”, “lính trơn” hay “lầu la” đâu. Vào đoàn là phải làm chức lớn, ăn trên ngồi trước, làm trưởng, làm phó v.v... Toàn là tướng mà không có lính thì làm sao đánh? Rồi dần dà báo chí VN ở địa phương phỏng vấn, tìm hiểu vạch mặt, chỉ tên chỉ đường đi nước bước v.v. Đàn em của tôi bên đó sẽ phá thói sẽ tung hỏa mù. Khi mọi việc đã chín mùi rồi chỉ cần vài tên bộ đội chờ ở biên giới bắt về, bụp là xong.

— Những hoạt động này tốn kém quá, gia sản của tôi đâu có đủ, tôi phải làm sao?

Gậy ông đập lưng ông chớ. Tiền của quốc gia lấy ra lo cho dân mà. Tiền tôi là của tôi chớ, một hột muối bỏ xuống biển có ăn thua gì. Nói tóm lại, tôi không thấy một lý do gì để nhân nhượng tại tay không, được voi đòi tiên để rồi tôi mất tất cả.

— Nếu tôi là một Việt kiều về hoạt động đa nguyên đa đảng, xây một Việt Nam phú cường thì tôi nghĩ gì?

Tôi biết CSVN chuyên môn lật lọng mà. Có lẽ tôi không móc được ở họ một xu nào hết. Phương châm của tôi là safety first. Tôi sẽ để vợ con ở lại ngoại quốc, tôi về một mình. Dễ xoay xở hơn. Nếu tìm được một công ty Nhật Bản, Pháp nào mà làm công thì danh chính ngôn thuận hơn. Tôi sẽ không đầu tư một xu nào hết. Tôi chỉ đầu tư “nước bọt” thôi, chỉ xúi trẻ ăn cướp gà thôi. May mà được thì tôi có chút danh vọng, có chút lợi lộc, lương tâm thoải mái, mặc cảm bớt đi và nhất là được một thời gian tận hưởng những thứ tuyệt vời ở quê hương mà bà xã không biết. Nếu thua thì... vọt. Hãng Nhật, hãng Pháp của tôi sẽ lo di tản tôi chớ. Tôi là công dân nước ngoài mà! Tòa Đại sứ, tòa Lãnh sự phải lo cho tôi chớ. Tiền hưu, tiền an ninh xã hội nước ngoài có rồi, lo gì. Thoại kết luận:

“Cá nhân có người tốt kẻ xấu. Không phải ai cũng như ông già đâm cá, tên 20 lượng vàng kia hay anh Việt kiều đầu tư “nước bọt” kia đâu. Đó là những giả tưởng điển hình để mình bàn mà thôi đừng nói tôi quơ dũa cả nắm thì khốn! Phải nhận rằng có người giờ đây nói như vậy mà khi cờ tới tay hay trong tình thế nào đó thì lại nói khác. Có người nghĩ thế này, nói thế kia mà hành động lại khác nữa: có khi gặp người này thì nói thế này, gặp người kia lại nói thế kia. Không biết đâu là bản chất thực sự của con người. trường hợp các cha, các sư ta đã thấy rồi. Thiên thời địa lợi cho việc đem tự do no ấm cho dân Việt đã gần kề, có lẽ năm tới đây

thôi, có lẽ tháng tới đây không biết chừng. Trong cái bối cảnh nhân tâm như tôi nghĩ đó, ta phải có một Khổng Minh tái thế, chẳng những “dụng nhân như dụng mộc” như thần mà còn phải có chiếc đũa thần nữa mới mong thanh công được. Nếu không có một người như vậy, e rằng phải chờ vài thế hệ nữa mới để được một Gorbachev Việt Nam. Khổ dài dài!

— Nếu chiếc đũa thần nào đó làm tan Cộng sản trong một nháy mắt, liệu có ổn chưa? “Bất chiến tự nhiên thành” có được không?

Người dân Việt lúc bực dọc thường bảo “chỉ cần đổi cái ... tử lạnh (lãnh tụ) là xong”. Có đúng vậy không?

Thành phần cộng sản chỉ huy, thành phần cầm súng thì hành và thành phần tay không chịu đựng. Cộng sản tan đi thì còn lại thành phần cầm súng và thành phần tay không. Thành phần cầm súng mà giúp đỡ thành phần tay không để tổ chức một xã hội yên lành chắc là chỉ có Mỹ và vài nước dân chủ kỳ cựu ở Âu Châu mà thôi. Mọi nơi khác đều đưa đến quân phiệt, độc tài, chuyên chế v.v. Ngay cả cái nhu cầu bao tử hằng ngày của hai thành phần đó — vì không có ai dự trữ gì được dưới sự chỉ huy của Cộng sản — sẽ là một đại hồng thủy vô tiền khoáng hậu của lịch sử Việt Nam. Nhưng dù sau đi nữa không Cộng sản cũng là một ánh sáng leo lét ở cuối đường hầm rồi.

Làm công chánh như các anh, dốt, tính sai một con

toán, cầu sắp chết vài chục người. Làm chánh trị mà dốt (chăn trâu), theo cái tức giận nhất thời của mình, đi trật đường chết hàng triệu dân, đau khổ hàng chục triệu người trong một thời gian có thể hàng trăm năm chưa hết. Đã vậy mà nó lại bắt người ta phải ca tụng nó là yêu nước yêu dân mới chết chớ! Lại có những kẻ học cao, những Ph.D. ca tụng nó mới chết chớ!

— Có thể nào Cộng sản Việt Nam lèo lái để Hoa Kỳ giúp đỡ qua cơn bệnh kinh tế rồi ngồi ì đó luôn không?

Tôi nghĩ đó là mục đích chính của chúng hiện nay. Những trò múa cú như lừa phỉnh (theo kiểu tăng bốc Giải Phóng Miền Nam trước đây), Trăm Hoa Đua Nở (miền Bắc) giả chết (Thoại dùng chữ “play possum”) chống đối cuội, cò mồi v.v.. vẫn còn ăn khách. Những trò múa mới như “tự do thoải mái” cho du khách có dollars cho cán bộ cộng sản, như phớt lại các nghèo khổ khổ cực của người dân thiếu thốn (trong khi xuất cảng gạo) để xin xỏ, rất là hiệu lực với người ngoại quốc hay Việt kiều trẻ tuổi bông bột hăng say.

Trong lúc đó ta đã thấy Bush thân thiện với Gorbachev ngay từ lúc còn Reagan, hứa giúp đỡ kinh tế cho Nga Sô này nọ từ lâu rồi. Nhưng rồi vờn qua vờn lại như cọp giỡn mồi. Tôi nghĩ có lẽ cho đến ngày Cộng sản tan vỡ từng mảnh thì dân Nga mới nhận được tận tay hộp thịt viện trợ Mỹ đầu tiên. Có thể đó là giải pháp quá mạnh nhưng đối với cộng sản, chắc

không còn giải pháp nào khác hơn giải pháp đó.

Tôi e rằng Việt Nam ta cũng kẹt như thế. Hiểu rõ cộng sản có lẽ chỉ có Bush và Nixon.

— Cộng sản Việt Nam sẽ ký kết hỗ tương với Cộng sản các xứ khác, giúp đỡ lẫn nhau khi hoạn nạn như vậy có phiền gì không?

Phạm Văn Đồng đã nói: “Tôi yêu nước tôi bao nhiêu là tôi yêu xã hội chủ nghĩa bấy nhiêu. Tôi yêu xã hội chủ nghĩa bao nhiêu là tôi yêu đảng Cộng sản Nga bấy nhiêu”. Cộng sản Việt Nam và cộng sản Nga rõ đã ký kết hỗ tương rồi (sau 1975): Đảng xứ nào bị lâm nguy là đảng xứ kia phải đem quân đến tiếp cứu. Rủi cho đảng Cộng sản Nga bị

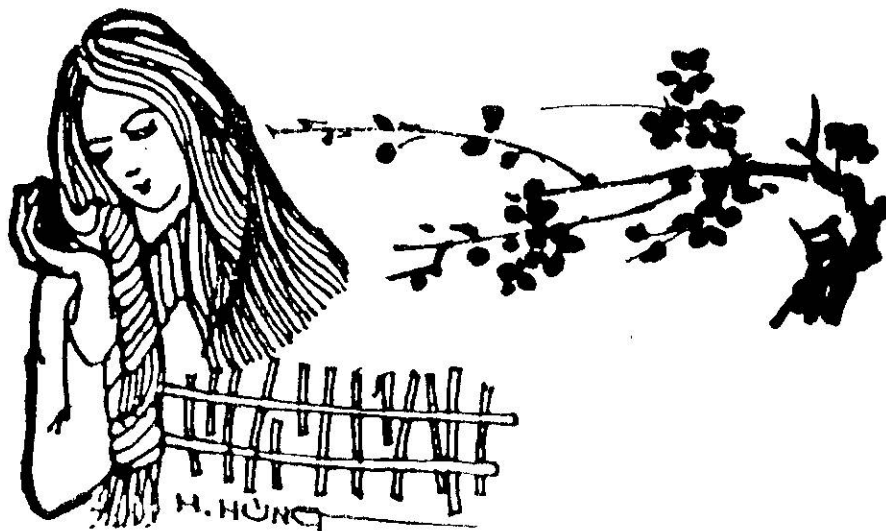
lâm nguy ngay lúc Việt Nam ta kẹt mấy trăm ngàn lao công bên Iraq phải nhờ tư bản Nhật chở về. Nếu không thì chắc đã có một đường mòn Hồ Chí Minh xuyên qua Trung Hoa lục địa cho bộ đội “Soviet Nghệ Tĩnh” qua Moscou cứu đảng Cộng sản Nga rồi. Đó là hỗ tương với Nga. Giờ đây hỗ tương với Trung cộng thật là cái khốn. Chơi với Trung Cộng là cái đại họa mà không chơi cũng là cái đại họa.

Ồi! hay là ông bà chúng ta đã tiêu diệt cả một dân tộc Chàm, giờ đây con cháu phải trả quả báo? Tôi không muốn tin như vậy nhưng rồi có lúc phải tin như vậy, các anh ơi!●



Người Ấy Là Ai?

THẤT SƠN ĐỆ TỬ



Sau trận đại bại mùa xuân tại Lake Tahoe mà LND có nhắc trong LTCC số trước, tụi tôi quyết định mùa hè năm nay phải phục thù tụi chủ sòng bài vùng Tahoe, Reno cho chúng sạt nghiệp bằng cách ngưng không đóng góp cho chúng nữa. Thế là cả bọn rủ nhau đổi hướng du hành lên rừng Yosemite tĩnh tâm, vừa giải trí lành mạnh vừa bảo vệ túi... credit card.

Đêm đầu tiên cắm trại ở rừng Yosemite vì thiếu lò sưởi nên chỉ có lều phái nữ là ấm áp còn phái nam đành chịu lạnh, cái lạnh của rừng cuối xuân cũng phải xấp xỉ 50 độ F.

Năm đứa chúng tôi có bao nhiêu quần áo mang theo đều trông hết vào người để chống lạnh. Bà xã của anh chàng ca sĩ HT (một thời oanh liệt trên đài phát thanh Pháp Á trước 1954) vì thói quen cứng chông ốm yếu sợ chông bị sưng phổi có thể bể giọng chẳng nên nhảy rào móc ngoặc cho chông vào tá túc bên lều phụ nữ. Bị phản đối kịch liệt vì như thế là có thể vi phạm lệnh ngừng bắn đã được đồng ý từ trước, HT đành theo chúng tôi vào nằm tủ lạnh... không ngủ.

Để giúp nhau cười cho quên lạnh, thôi thì bao nhiêu chuyện tiểu ngạo giang hồ từ

mấy chục năm qua được anh em ôn lại, lẽ dĩ nhiên có thêm thất ít nhiều cho hấp dẫn.

Phần tôi kể lại các chuyện phiếm lượm lặt trong các trại giam mệnh danh là trường học cho anh em nghe vì 3 đứa trong bọn chưa từng được đi học theo lối này còn một đứa thì đi học theo lối tài tử, bị đuổi học quá sớm. Tôi sức nhớ lại những kỷ niệm giữa tôi và một ông Đạo — sau này là thầy của tôi — trong thời gian chia ngọt xẻ bùi trong trại cải tạo. Để giúp cho các bạn giải trí tôi bèn đề nghị:

— Các cậu có tin rằng mọi sự ở đời đều do tiên định cả

không. Thí dụ từ một số dữ kiện về các bạn tôi có thể “tính” ra tên bà xã của các bạn. Trò chơi này tôi học được trong trại học tập.

Cả 4 cái miệng nhao nhao:

— Nói dốt.

— Thật đấy. Tôi được một ông đạo tu ở Thất Sơn Châu đốc dạy cho trò chơi này. Xin nói mau là thầy tôi khuyên không nên cho các bà tham dự trò chơi vì lỡ có erreur de calculs thì dễ bị ăn chối chà. Lâu nay tôi cứ định rủ các bạn chơi thử nhưng có bao giờ gặp các cậu mà không có các bà kèm theo đâu. Sắn hôm nay không có các bà bám trụ mà đang đêm lạnh lẽo ngủ không được, tụi mình hãy ra bìa rừng vừa đốt lửa sưởi ấm vừa thử trò chơi.

— Đốt lửa sưởi ấm! Hay lắm. Có thể mà từ đầu hôm đến giờ chưa nghĩ ra.

Tôi tiếp:

— Trò chơi này thuộc loại toán học huyền bí. Nguyên hồi bị CS bắt đi học tập tôi có ở chung trại với ông đạo người Miên tu trên Thất Sơn. Ông ta về người tiên phong đạo cốt. Đặc biệt là tài nhịn ăn. Có lúc ông vô “thất” - 7 tuần nhịn ăn chỉ uống nước - mà vẫn có sức khỏe lao động như mọi người. Một hôm tôi lần la lại gần thấy ông ta cầm cây tăm vẽ trên nền đất những con số chen lẫn với những ký hiệu toán học như xích ma, épsilon, integral v.v. Tôi gọi chuyện. Khi thấy tôi biết chút đỉnh về toán ông đạo rất mừng. Tôi hỏi ông đang giải bài toán gì có vẻ gay go như vậy. Ông nhìn quanh, sau khi không

thấy có cán bộ CS nào gần đó, ông khẽ miệng nói nhỏ vào tai tôi: “Tôi đang làm bài tính về thiên văn coi thử chừng nào tụi CS này bị tiêu diệt. Cứ theo kết quả tính được thì không lâu đâu ...” Sau đó ông tâm sự với tôi là ông đi tu trên Thất Sơn từ hồi tóc còn để chỏm chưa bao giờ được cấp sách đến trường. Ông được một thần đồng toán học Ấn Độ vì yếu mệnh chết sớm linh truyền năng khiếu toán học lại cho ông trong những khi ông ngủ. Mỗi lần ngủ là ông được dạy toán. Học đến nay đã 30 năm rồi ông cũng còn thấy toán học mệnh mông. Một hôm công an CS lên xét chùa thấy nền chùa chi chít những con số và ký hiệu toán học viết bằng than, chúng kết tội ông gởi tin tình báo cho vệ tinh CIA chụp hình nên bắt ông bỏ vào trại học tập không cần xét hỏi.

— Thôi lạnh quá, ta mau đi đốt củi sưởi ấm đi.

— Đồng ý, ta ra chỗ bìa rừng tìm chỗ nhóm lửa, tôi kể tiếp cho các cậu nghe.

Thế là năm đấng nam nhi chúng tôi len lén đứng dậy quẩn mềm đất nhau ra bìa rừng, không dám gây tiếng động sợ đánh thức các bà đang ngủ say ở lều bên cạnh.

Ngon lửa được nhóm lên, ai nấy được sưởi ấm tinh thần phấn khởi đồng giục tôi:

— Cái trò chơi gì đó, bắt đầu đi.

— Để tôi kể cho có đầu có đuôi rồi mới chơi được. À, trời này mà có cà phê nhấm thì tuyệt. Đứa nào xung phong pha cà phê cho anh em uống

đi.

Đây là lối chỉ định công tác theo kiểu XHCN. Chẳng thế mà anh chàng “Bá Q.” — có giọng nói xuyên nhĩ đã nhiều lần làm cho hành khách xe BART xuyên vịnh San Francisco chau mày khi anh chàng trối giọng — tự động chạy về lều mang đồ nghề ra pha cà phê.

Vừa nhâm nhi ly cà phê ngon tôi vừa kể tiếp:

— Ông Đạo sau đó thuê nạp tôi làm đệ tử và truyền dạy cho tôi rất nhiều bí quyết thiên văn dịch lý. Ngặt nỗi trong trại giam mình chỉ dùng trí nhớ chớ không dám ghi chép lại sợ lại bị gán thêm cho tội viết mật hiệu chuyển cho CIA thì chắc ở tù suốt đời. Mà trí nhớ thì lại phai mờ dần với thời gian ... Từ ngày được “tạm tha” đầu óc bận bịu tìm kế “tẩu vi thượng sách” đến đi qua Mỹ lại phải lo đánh giặc “dớp” nên chưa có thì giờ ôn lại những gì thầy dạy.

Riêng cái trò mình sắp chơi tôi chưa có dịp thử. Nó phối hợp toán học thiên văn dịch lý... Đại khái các bạn trả lời một số câu hỏi tôi sẽ dùng toán để “tính” ra tên bà xã của các bạn.

Đọc được nét nghi ngờ trên bốn khuôn mặt về chiều tôi trấn an:

— Tôi chưa kiểm chứng được nhưng ông thầy tôi có nói là nếu sai thì cứ đến chùa đồ lư hương của ông đi. Nên nhớ là đối với mấy ông đạo lư hương còn quý hơn mạng sống của họ nữa.

— Cứ thử thì biết chứ gì.

Anh chàng ca sĩ vốn tính đa

nghe nên hỏi vặn:

— Ngộ lơ tên không đúng với tên bà xã thì sao?

— Hồi đó tôi cũng có nêu thắc mắc với ông thầy. ông ta suy nghĩ rất lâu rồi kết luận là có thể có những trường hợp sau đây: — Hoặc làm toán sai; hoặc bà xã có thay đổi tên trong quá khứ; — nếu 2 trường hợp trên không đúng thì thầy nói hai vợ chồng phải có người chết trước.

Nghe đến đây gương mặt tứ anh hùng lộ vẻ lo âu dù ai cũng cố gượng cười.

— Để tôi nói tiếp. Ông thầy dặn kỹ là trò chơi này chỉ dành cho đàn ông. Bây giờ các bà đang ngủ say thì thật thuận tiện. Vậy để tôi nhớ lại lời hướng dẫn của thầy rồi ta khởi sự chơi.

Tôi bèn vận dụng trí nhớ chép lui chép tới trên mảnh giấy suốt cả nửa giờ đồng hồ khiến các chàng sốt ruột. Thấy vẻ mặt tôi không mấy lạc quan ai nấy mất hết kiên nhẫn:

— Tôi không nhớ hết được!

Tức thì bốn cửa miệng đồng nổ:

— Ê thằng này xạo.

Riêng anh chàng khổng lồ được dịp tố khổ có lẽ vì tiếc công pha cà phê của mình:

— Thằng này vô tài cán mà chúa xạo. Tụi bay coi thơ nó chỉ làm được có 1 bài, đồn thì mới cầm cái đèn đọc huyền của thằng D là đèn dứt dây, hát thì khởi nói chỉ khá hơn tau rống, nấu ăn thì chỉ duy nhất biết món hột gà chiên...

— Nhưng mà còn cách này. Thầy tôi có dặn khi nào cần

tham khảo ý kiến thầy những lúc khuất mặt nhau thì có thể dùng đường giấy truyền thông bằng lối cầu cơ với điều kiện nơi tôi ngồi phải cao hơn đỉnh Thất Sơn là nơi thầy trụ trì thì cơ mới nhuyễn vì theo thầy cho biết nhân diện của tôi quá yếu.

Tôi quay sang D nói tiếp:

— Này ông thầy đồn cho mượn con cơ đi.

Thầy đồn là biệt hiệu của D. Y có thể chơi thành thạo 13 loại nhạc khí đông tây. Nghe đâu y mới nghiên cứu thêm về ngón độc huyền và đang cải tạo loại nhạc khí độc đáo Việt Nam này. Y bắt đầu nổi tiếng trong giới chơi nhạc và có khá nhiều đệ tử gốc Á châu đến xin thụ giáo. Y lại còn là chuyên viên thượng thặng về cầu cơ nữa. Y mê cơ đến độ trong bóp lúc nào cũng có một con cơ. Y rút miếng cơ búng trên sân cỏ khiến cơ quay tít như chong chóng. Rồi vừa bày binh bố trận (chơi cơ) y vừa lẩm bẩm:

— Cao độ Yosemite này tới 10 ngàn bộ chắc chắc là cao hơn Thất Sơn chỉ có 150 mét trên mặt biển. Khởi lo bị kẹt cơ.

Vì cả năm chúng tôi thuộc loại có “cơ duyên” nên chỉ lối hơn nửa giờ là tôi ráp được diện văn của thầy trả lời các câu hỏi của tôi. Thế là chúng tôi có bản hướng dẫn đầy đủ trò chơi.

— Bây giờ bắt đầu chơi đi. À mà bạn nào muốn chơi trước.

Cả bốn khuôn mặt nhìn nhau ngại ngùng. Tên nào cũng tò mò nhưng chẳng tên

nào dám xung phong. Không biết chúng sợ cái gì? Quả thật là miệng hùm gan sứa.

Để phá tan bầu không khí nặng nề, chàng thi sĩ miễn cưỡng đưa tay:

— Moa tình nguyện chơi trước. Minh thiệt vàng có sợ chỉ lửa.

Để bảo toàn bí mật, 3 chàng kia bị đẩy lùi ra xa. Sau một hồi cộng cộng, trừ trừ, đối qua chiếu lại, thi sĩ tuy trời lạnh mà mồ hôi nổi lấm tấm trên mặt, vỗ đùi đen đét:

— Quả thật là thần, trúng quá! trúng quá!

Ba chàng ca sĩ, thầy đồn và hỏa đầu quân bây giờ nhao nhao giành nhau:

— Tau chơi kế, tau ...

Đến đây thì thấy lối nhớ 5 bà đang tiến lại.

Thì ra chúng tôi ham chơi không biết trời đã sáng.

Tôi nói nhanh:

— Để bảo tồn bí mật trò chơi tạm chấm dứt ở đây. Có dịp khác mình chơi tiếp.

Thế là trò chơi chấm dứt trong sự tiếc rẻ của 3 tên còn lại.

*

Các bạn có muốn thử thì xin làm đúng theo phần hướng dẫn dưới đây. Đặc biệt ông đạo mới “cơ” cho tôi biết các bà tuy không được chủ động nhưng có thể chứng kiến chơi mà không có hại gì cả. ●

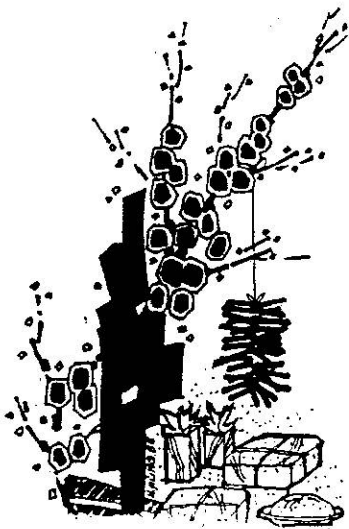
THẤT SƠN ĐỆ TỬ.

BẢNG I: 2 CHI		BẢNG II: 10 CAN		BẢNG III		BẢNG IV	
Tí 90	Giáp 9	A 20	N 66	10 A	26 L		
Sửu 80	Ất 6	Ấ 56	O 26	11 E	27 K		
Dần 70	Bính 4	Â 80	Ô 30	12 D	28 Ầ		
Mão 60	Đinh 7	B 40	Ơ 32	13 O	29 X		
Thìn 50	Mậu 3	C 48	P 82	14 U	30 S		
Tị 60	Kỷ 5	D 24	Q 90	15 Ó	31 I		
Ngọ 70	Canh 4	Đ 50	R 46	16 Ơ	32 G		
Mùi 80	Tân 8	E 22	S 60	17 Ê	33 N		
Thân 90	Nham 3	Ê 34	T 44	18 Ư	34 H		
Dậu 80	Quý 7	G 64	U 28	20 B	40 Ầ		
Tuất 70		H 68	Ư 36	21 M	41 P		
Hợi 60		I 62	V 84	22 T	42 V		
		K 54	X 58	23 R	43 Y		
		L 52	Y 86	24 C	45 Q		
		M 42		25 Đ			

- Viết con số tương ứng với Chi (con giáp) của bạn chiếu theo Bảng I.
- Cộng con số trên với số tương ứng với Can của bạn chiếu theo Bảng II.
- Nhân kết quả của tổng số trên cho 10.
- Cộng kết quả ở bước thứ 3 cho 1, 2, 3 hoặc 4 tùy theo thế nằm ngủ mà bạn ưa thích:
 Nếu thích nằm ngửa cộng 1
 Nếu thích nằm sấp cộng 2
 Nếu thích nằm nghiêng bên trái cộng 3
 Nếu thích nằm nghiêng bên phải cộng 4
- Lấy số thành ở bước 4 trừ cho số có thứ tự đảo ngược của nó. Ví dụ: nếu số thành là 782 thì số đảo ngược là 287.
- Cộng kết quả ở bước 5 cho số có thứ tự đảo ngược với nó.
- Cộng kết quả ở bước 6 cho số 423571.
- Chiếu Bảng III viết con số tương ứng với mẫu tự đầu của tên bạn kế tiếp số thành ở bước 7.
 Ví dụ tên bạn là HOA và kết quả bước 7 là 123456 thì viết số tương ứng với mẫu tự H là 46 phía tay mặt của 123456 thành ra kết quả 12345646.
- Tiếp tục bước thứ 8 cho mỗi mẫu tự còn lại của tên bạn.
- Lấy kết quả của bước 9 chia cho 2 ta được một nhóm số biểu hiện cho tên bà xã bạn.
- Sau đây là cách truy căn tên bà xã.
 Phân nhóm số tên thành từng nhóm nhỏ hai số một. Mỗi nhóm nhỏ tương ứng với một mẫu tự ở Bảng IV. Thí dụ nếu kết quả là:
 24-15-33-32
 thì tên bà xã là H-Ô-N-G.

Tết Mậu Thân (1968) ở thị xã Pleiku

H.G.



Tết Nguyên Đán là ngày lễ vô cùng quan trọng và đầy ý nghĩa của người Việt Nam. Đó là ngày tưởng nhớ Ông Bà Tổ Tiên, ngày đoàn tụ mọi người trong gia đình, ngày bạn bè thăm viếng lẫn nhau. Gia đình nào cũng ước muốn những gì tốt đẹp, mới mẻ, toàn vẹn, hạnh phúc trong năm mới.

Trong cuộc chiến chống Cộng Sản dài đã hơn hai mươi năm, người dân Việt luôn luôn chiến đấu, đề phòng chống giặc, nhưng không bao giờ quên đi truyền thống dân tộc, nhất là ngày Tết Nguyên Đán.

Cũng thế, thành phố Pleiku ở Cao Nguyên đã sống trong khung cảnh rộn rịp, vui mừng chào đón ngày Tết và năm mới Mậu Thân như bao nhiêu thành phố, làng xóm khác.

Tết năm nay không biết là Tết thứ mấy tôi đã không được phép đoàn tụ với gia đình.

Tình hình chiến tranh ngày càng căng thẳng và nặng nề hơn, khiến người dân Việt lại càng phải chịu thiệt thòi nhiều hơn, cả tinh thần lẫn vật chất.

Được tin tình báo cho biết, Việt Cộng sẽ tấn công vào thành phố Pleiku nhân dịp Tết Nguyên Đán, các cơ quan quân, dân sự đều canh phòng cẩn mật để bảo vệ thành phố, bảo vệ đồng bào. Cộng Sản Việt Nam, theo chủ nghĩa ngoại lai, coi rẻ truyền thống dân tộc, lựa chọn những ngày trọng đại, linh thiêng của dân tộc, gieo đau thương cho đồng bào hầu đem thắng lợi đến cho phe đảng.

Mặc dầu sống trong hoàn

cảnh chiến tranh, nhưng dân chúng đã quen rồi, cho nên ai cũng vui vẻ sắm sửa trong gia đình, chuẩn bị đón Xuân.

Khu Chợ Mới Pleiku thật tấp nập người mua, bán và người đi ngắm cảnh, ngắm người.

Những cành mai rừng hoa vàng cánh nhỏ, được cắm trong các "gùi" do người Thượng chưng bán.

Những cây phong lan với hình dạng hoa mỹ miều và màu sắc đẹp đẽ, những chậu thược dược, chậu cúc, cánh đào đỏ ối là những mặt hàng đắt khách nhất.

Vào xế chiều trước đêm Giao Thừa, tình cờ tôi gặp người Mỹ cố vấn trưởng tỉnh Pleiku.

— Cẩn thận trong ngày Tết, coi chừng Việt Cộng tấn công, ông ta nói.

Muốn tỏ cho người cố vấn này hay gần đến Giao Thừa rồi mà thành phố vẫn bình yên, tôi trả lời:

— Tôi có thấy gì đâu?

— Bây giờ chưa phải Tết mà, ông ta nhấn mạnh.

Cách đây một tuần lễ, nhân buổi họp ở tỉnh, ông Cố Vấn này đã tin riêng cho tôi biết là Việt Cộng sẽ tấn công thành phố Pleiku vào dịp Tết.

Từ đầu hôm cho đến Giao Thừa, dân chúng Pleiku vẫn điềm nhiên đón mừng Tết Mậu Thân. Dân chúng đã cúng Giao Thừa, đốt pháo, bắn súng chỉ thiên để đón mừng năm mới.

Sau khi đón Giao Thừa, mọi người đi ngủ, không hay biết những gì đã xảy ra trong

thành phố.

Sáng mùng một Tết, trời Pleiky thật lạnh, rất ít người đi lại trong thành phố. Ai cũng tưởng đó là cảnh tượng thông thường của ngày Tết.

Khoảng 9 giờ sáng, xe phóng thanh Ty Thông Tin chạy quanh thành phố loan báo: "Đêm qua, lợi dụng lúc Giao Thừa, Việt Cộng đã đột nhập thành phố. Cơ quan an ninh đã phát giác kịp thời, đánh đuổi Cộng Sản ra khỏi thành phố. Tuy nhiên, hiện còn một số Việt Cộng ẩn nấp tại một số vị trí trong thành phố. Quân ta đã bao vây số Việt Cộng này và sẽ thanh toán chúng trong ngày hôm nay. Yêu cầu đồng bào bình tĩnh, không nên đi lại ngoài đường phố".

Bây giờ tôi mới thấy người Cố Vấn Hoa Kỳ nói đúng: Việt Cộng đã lọt vào thành phố Pleiku trong đêm Giao Thừa.

Pleiku là một thành phố chiến lược rất quan trọng ở Cao Nguyên Trung Phần. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II đóng ở 6 cây số Bắc tỉnh lỵ, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I Hoa Kỳ đóng ở 10 cây số Nam thành phố, phía đông có phi trường quân sự Area và phi trường dân sự Cù Hanh. Chung quanh thành phố là núi trọc, chỉ có đất đỏ và cỏ khô vàng nằm sát mặt đất. Ta đã biết trước Việt Cộng có thể tấn công vào thành phố, cho nên việc phòng thủ đã được bố trí rất chặt chẽ. Nhân dân tự vệ, địa phương quân, nghĩa quân, bộ binh, v.v... đảm trách an ninh thành phố, an ninh gần, xa, chìm, nổi, vòng trong, vòng

ngoài, v.v... làm sao Việt Cộng có thể bước chân vào thành phố mà không bị phát giác ở vòng ngoài.

Tôi vẫn bình thản ở nhà không đi đâu vì cuộc chiến tranh này tôi đã quen từ thuở còn thơ ấu và lớn lên lại đối đầu với nó hàng ngày.

Quân đội ta một mặt bao vây các "chốt tử thủ" trong thành phố, một mặt lần lượt tấn công tiêu diệt từng "chốt" một.

Cứ cách nhau một vài giờ, người ta lại nghe tiếng súng nổ liên hồi rất dòn dã trong vòng mười lăm phút hoặc nửa giờ rồi lại lặng im.

Đó là tiếng súng quân đội ta tấn công tiêu diệt Việt Cộng ở các "chốt tử thủ" trong thành phố.

Mỗi chốt như thế chỉ có năm hay bảy tên Việt Cộng mà thôi.

Dân chúng tò mò tìm cách đến xem các "chốt tử thủ" sau khi được thanh toán xong cho biết sự tình.

Nếu không tiêu diệt kịp các "chốt tử thủ" này trong ngày mùng một Tết thì ban đêm chúng sẽ móc nối với Việt Cộng ở ngoài tiến vào chiếm thành phố.

Thông thường, trong dịp Tết, đồng bào Thượng không có phong tục ăn Tết, từng đoàn khoảng mười, hai mươi người, từ các buôn, sóc, sắp hàng dọc, gửi hoa mai, hoa lan và các thổ sản ra chợ bán.

Tết này, quang cảnh đó cũng được trông thấy, nhưng trước khi vào thành phố họ đều được kiểm soát kỹ lưỡng xong rồi cho họ trở về buôn

sóc.

Một đôi người ở xã Trà Bá II, một xã ở phía Nam thành phố, đến Tòa Hành Chánh tỉnh cho biết có nhiều Việt Cộng ẩn nấp dọc suối chạy quanh vùng Trà Bá II.

Tỉnh báo cáo lên Quân Đoàn, nhưng lúc đầu Quân Đoàn không tin lời báo cáo là sự thật.

Vì tình hình an ninh nghiêm trọng, Trung Tướng Vĩnh Lộc, Tư Lệnh Quân Đoàn II, đã phân chia trách nhiệm phòng thủ rất rõ ràng với Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn, tướng Tư Lệnh Sư Đoàn I Hoa Kỳ và các đơn vị quân đội Việt Nam. Quân đội Việt Nam bảo vệ an ninh xa phía Tây và Bắc thành phố, Quân đội Mỹ bảo vệ an ninh phía Đông và Nam thành phố.

Trung Tướng Vĩnh Lộc tin tưởng rằng phía Đông và Nam thành phố đã có quân đội đồng minh bảo đảm, nếu Việt Cộng xuất hiện thì phải chạm súng với quân đội Mỹ và Đồng Minh phải báo cáo cho Trung Tướng Vĩnh Lộc biết. Về phía quân đội Việt Nam thì Trung Tướng Vĩnh Lộc đã nắm tình hình.

Cho đến gần trưa ngày mùng một Tết mà phía Việt Nam không thấy Mỹ báo tin tức gì về Việt Cộng xuất hiện ở vùng Trà Bá II, nơi quân đội Mỹ chịu trách nhiệm an ninh.

Đồng bào Thượng vẫn thản nhiên từng đoàn vào thị xã buôn bán, đã bị chặn lại, trở về buôn, sóc.

Tiếp theo thêm nhiều nguồn tin do đồng bào Kinh, Thượng ở phụ cận phía Nam thành phố về tỉnh, báo cáo sự xuất

hiện của Việt Cộng dọc suối dẫn vào thành phố.

Trung Tướng Vĩnh Lộc tỏ ra nghi ngờ, hỏi tướng Mỹ thì được trả lời là về phía Mỹ tình hình yên tĩnh, không có chạm súng, không thấy Việt Cộng xuất hiện.

Nếu nguồn tin từ phía dân chúng sai sự thật thì tại sao dân lại báo cáo nhiều lần và tin giống nhau.

Sau cùng, để tỏ ra nghe dân một phần, để tỏ ra chính quyền phải làm một cái gì cho dân tin, Trung Tướng Vĩnh Lộc thảo luận với Cố Vấn Mỹ hãy để cho Thiết Giáp Việt Nam vào vùng Trà Bá II thám sát để xem hư, thực.

Thiết Giáp Việt Nam vừa tiến đến gần suối ở Trà Bá II là bị Việt Cộng núp ở dọc suối tấn công. Việt Cộng đông nên thiết giáp thám sát phải rút lui. Và lại, nhiệm vụ thám sát đã hoàn thành.

Đúng sự thật là Việt Cộng ẩn núp rất đông ở dọc suối phía Nam thành phố thuộc vùng do Đồng Minh chịu trách nhiệm an ninh.

Đến đây, Trung Tướng Vĩnh Lộc mới biết rằng bạn Mỹ đã thông đồng với Việt Cộng.

Hình như Trung Tướng Vĩnh Lộc có yêu cầu Sư Đoàn I Hoa Kỳ tấn công Việt Cộng ở dọc suối Trà bá II nhưng phía Mỹ đã từ chối bảo rằng phải có lệnh Trung Ương mới được tấn công Việt Cộng.

Mỹ chỉ đánh Việt Cộng khi Việt Cộng đánh Mỹ.

Thật ra, từ cấp Trung Ương Mỹ và Việt Cộng đã có mật ước: "Tết Mậu Thân, tôi không đánh anh thì anh

không đánh tôi, anh phải để tôi đi lại thoải mái, nếu tôi không đánh anh". Mỹ đã án binh bất động.

Thế mà Trung Tướng Vĩnh Lộc đã giao trách nhiệm an ninh lãnh thổ cho Mỹ ở hướng Đông Nam. Do đó, Việt Cộng đã tiến quân vào phụ cận Pleiku qua phía Nam, nơi quân đội Đồng Minh giữ an ninh, như vào chỗ không người. Cuối cùng, Thiết Giáp Việt Nam đã tấn công vào nơi ẩn nấp của Việt Cộng dọc suối Trà Bá II vào chiều mùng một Tết.

Trong trận này, Thiết Giáp Việt Nam đã bắn hạ Việt Cộng như bắn vịt, đã thiêu Việt Cộng như thiêu chuột trong hang. Việt Cộng đã không có đường trốn, không có chỗ nấp, không có chỗ để chống trả, hầu như tất cả đã tự gom lại để chịu chết. Chiều mùng một Tết Mậu Thân, Thiết Giáp Việt Nam đã tiêu diệt 3 Tiểu Đoàn Cộng Sản chính quy Bắc Việt. Bên ta hầu như không thiệt hại gì.

Sáng mùng hai Tết, dân chúng Pleiku đã được xem cuộc triển lãm đặc biệt tại sân vận động thành phố. Vật triển lãm là chiến lợi phẩm và khoảng một ngàn xác chết của 3 Tiểu Đoàn Cộng Sản K1, K2, K3. Xác Việt Cộng được phơi đầy cả sân vận động, dân chúng được xem tự do.

Sau khi phần thắng lợi đã hoàn toàn về phía Việt Nam rồi, Mỹ mới bắt đầu được phép Trung Ương cho hành quân.

Nhờ có chiến thắng này, dân chúng Pleiku đã được hưởng một cái Tết "an lành".

Nếu Trung Tướng Vĩnh Lộc tin bạn hoàn toàn, nếu đồng bào Kinh, Thượng không báo tin cho chính quyền về Việt Cộng ẩn núp dọc suối, thì 3 Tiểu Đoàn Việt Cộng đã lọt vào thành phố Pleiku đêm mùng một Tết và tang thương đã đến với thành phố Pleiku như đã đến với thành phố Huế.

Trong câu chuyện Tết Mậu Thân ở Pleiku này, tôi có một số suy nghĩ.

1. Việt Cộng đã xem rẻ truyền thống dân tộc, lợi dụng phong tục, tập quán của dân để giết dân, hầu đem lại quyền lợi cho đảng phái độc tài là một điều phi dân tộc.

2. Chính quyền làm công việc hợp với lòng dân thì dân luôn luôn đứng về phía chính quyền, bảo vệ chính quyền.

3. Ta không nên tin bạn quá nhiều để bạn kết hợp với thù mà ta không hay biết.

4. Có tự lực tự cường mới có độc lập, tự chủ, tự do.

Sau Tết Mậu Thân, tôi đã lên đường nhập ngũ.

Pleiku đã ở lại trong tâm hồn tôi. ●

H.G.
12/91



AHCC Sydney - Đợt I

LÊ CẢNH TÚC (9-91)

1. HỌP MẶT AHCC.

AHCC Sydney đã họp mặt vào Chúa Nhật 15-9-91 (sau mùa đông ở Nam Bán Cầu) tại nhà AH Nguyễn văn Khậy. Nhiều AH đã không ngại đường xa đến dự là anh chị Ngô Công Cẩn và cả 3 cháu bé Minh, Tâm, Thành, AH Phan Từ Chính, AH Đỗ Quốc Dũng, anh chị AH Nguyễn Thành Đơm và cháu Anh, AH Nguyễn Sơn Hiền, anh chị Nguyễn văn Khậy và 3 cháu Khoa, Khanh và Hồng-Kông, anh chị AH Vi Hữu Lộc, AH Tôn Thất Phát, anh chị AH Đào Kim Quan và 2 cháu Tiến và Khanh, anh chị AH Nguyễn văn Thông, AH Nguyễn Đức Tú, AH Lê Cảnh Túc, AH Nguyễn văn Ưu và cháu Minh. Nhiều AH cho hay không đến dự được vì bận việc làm (AH Nguyễn văn Bon, AH Lê Mậu, AH Lê Nguyệt Oanh ...), vì bận giáo dục (AH Nguyễn Trọng Ba, AH Trương Sĩ Hoàn ...), vì bận việc nhà (AH Hoàng Thanh Quân, AH Nguyễn Bá Tuấn ...) v.v. Riêng AH Nguyễn Trọng Ba và nữ AH Trần Thị Dung bận không đến họp mặt được nhưng đã gửi tiền giúp Lá Thư AHCC (qua AH L.c.Túc và Đ.q.Dũng).

Cả nhà AH N.v.Khậy đã sửa soạn sẵn các thức ăn uống chính ở ngoài trời (có rượu bổ nữa) với bàn ghế do sự giúp đỡ của anh chị AH N.t.Đơm và

phần ẩm thực góp thêm của tất cả các AH đến dự đặc biệt là các Chị. Đầu xuân Úc Đại Lợi nắng đẹp và mới có nhiều biến cố thời sự nên các AH đã hàn huyên nhiều vấn đề như chủ nghĩa và đảng Cộng sản Liên Xô đã phá sản thì Cộng sản Việt Nam cũng sẽ cáo chung một ngày gần đây do áp lực đến từ nhiều phía: một số AH trẻ có ý tìm cách tập hợp khả năng chuyên môn để hoạt động có kết quả hơn nhất là trong hiện trạng kinh tế rất khó khăn của Úc.

Vì việc làm rất bấp bênh hiện nay và trong tương lai nên sau khi AH Túc cho biết đã hỏi ý kiến AH Trần văn Anh (đại diện LT/AHCC Victoria ...) các AH hiện diện đã đồng ý là AHCC ở Úc không thể phụ trách LT/AHCC được, vậy mong các AH ở Mỹ ... phụ trách thêm vài năm.

Có vài AH như anh N.t.Đơm, AH N.v.Khậy ... đã có nhiều văn hóa phẩm dân tộc để tiện dụng cho công việc chung nhất là cho thế hệ tương lai.

Buổi họp mặt bắt đầu lúc 1 giờ trưa đã kết thúc lúc 6 giờ chiều. xin đa tạ các AH và nhất là toàn gia đình AH N.v.Khậy.

2. HỌP MẶT KỲ TỚI.

Dự định sau AH Khậy thì

đến AH Lộc nhưng AH Vi Hữu Lộc đã nhường khi AH Đào Kim Quan xung phong mời gia đình AHCC họp mặt tại tư gia AH kỳ tới cũng vào Chúa Nhật khởi sự lúc 1 giờ trưa vào gần Tết ta. Xin cảm ơn hai AH Quan và Lộc.

3. YẾM TRỢ LÁ THƯ AHCC.

Vì có nhiều AH đã yểm trợ LT/AHCC ở đợt 1 và đợt 2 năm 1992 (đã đăng ở LT/AHCC số 52 (tháng 5-91) và nay gần hết năm 1991 lại đóng góp thêm nữa, đặc biệt là AH Nguyễn văn Khậy yểm trợ góp chung 2-3 kỳ nên có thể xem đây là yểm trợ đợt 3 năm 1991 và đợt 1 năm 1992 luôn. AH Nguyễn trọng Ba và nữ AH Trần thị Dung tuy bận rộn không đến họp mặt được nhưng cũng đã gửi tài chánh giúp Lá Thư AHCC. Sau đây là danh sách:

— AH Nguyễn Trọng Ba 20 Úc kim

— AH Ngô Công Cẩn 50 Úc kim

— AH Phan Từ Chính 10 Úc kim

— Nữ AH Trần Thị Dung 50 Úc kim

— AH Đỗ Quốc Dũng 20 Úc kim

— AH Nguyễn Thành Đơm 20 Úc kim

— AH Nguyễn Sơn Hiền 10 Úc kim

— AH Nguyễn văn Khậy 100 Úc kim

— AH Vi Hữu Lộc 30 Úc kim

— AH Tôn Thất Phát 30 Úc kim

— AH Nguyễn văn Thông 50 Úc kim

— AH Nguyễn đức Tú 40 Úc kim

— AH Lê Cảnh Túc 10 Úc kim

— AH Nguyễn văn Ưu 40 Úc kim

Đợt 3 1991 & 1 1992 = 480 Úc kim (374.30 Mỹ kim)

Số 480 Úc kim này, sau khi đã trừ lệ phí ngân hàng và thêm thơ (6+2 = 8 Úc kim) đã được gửi đến AH Lê Mộng Hùng phụ trách LT/AHCC 1991 theo lệnh phiếu ngân hàng Commonwealth Bank of Austrilia số 6560396 ngày 25-9-1991 thành tổng cộng là 374.30 Mỹ kim.

Xin cảm ơn các AH và mong được sự yểm trợ tài chánh và bài vở cho Lá Thư AHCC của nhiều AH hơn nữa.

4. TIN MỪNG.

Hay tin trẻ của AH Nguyễn Trọng Ân đã làm lễ thành hôn với em gái AH Tôn Thất Tú. Xin chung vui cùng AH N.t.Ân và AH T.t.Tú.

Được biết AH Lê Nguyệt Oanh đã làm lễ thành hôn cho em trai ngày 7-9-91. Xin chung vui cùng gia đình AH L.n.Oanh.

5. VIỆC LÀM.

AH Nguyễn Trọng Ba vẫn dạy thêm tại tư gia ở số 5/24 Colin Street, Lakemba. NSW 2195 sau khi về hưu rời chức vụ Giáo sư Toán của Trường Pháp (Alliance Francaise).

— AH Nguyễn Văn Bon mới có việc làm cuối tuần và vào cuối tháng 9-1991 thì lại có

thêm công việc trong ngành giáo dục ở miền Tây Nam Sydney.

— AH Đỗ Quốc Dũng sẽ có thêm công việc về điện toán trong ngành thống kê vào đầu tháng 10-1991.

— AH Nguyễn An Đồng mới có việc làm mặc dầu tuổi không còn trẻ nữa.

— AH Lê Mẫu làm thêm về Cấp-Thủy từ tư gia 141 River Av, Villawood 2163.

— AH Nguyễn văn Thông đã mở văn phòng thiết kế đồ án và xây cất ở Shop 16, Singapore Plaza, số 76-80 John Street, Cabramatta, 2166.

— AH Tôn Thất Tú có thể được ngân khoản nghiên cứu tài nguyên nhân lực về các chuyên gia Á Châu tại Sydney trong khuôn khổ luận án Tiến sĩ về kế hoạch giao thông vận tải cấp vùng, đại học New South Wales.

AH Nguyễn văn Ưu mới đậu xong bằng luật sư ưu hạng và đã mở Văn phòng luật sư ở số 316 Marrickville Road, Marrickville, 2204 và Shop 16, Singapore Plaza, số 76-80 John Street, Cabramatta, 2166 ...

Xin mừng các AH và chúc thành công.

6. VIỆC HỌC.

Việc học tiến đều với các AH Nguyễn Trọng Ân, Nguyễn văn Bon, Ngô Công Cẩm, Phan Từ Chính, Đỗ Quốc Dũng, Lê Trí Dũng, Nguyễn An Đồng, Nguyễn Sơn Hiền, Trương Sĩ Hoàn, Lê Mẫu, Tôn Thất Tú v.v.

— AH Nguyễn Trọng Ân và AH Đỗ Quốc Dũng mới xong

chứng chỉ Điện Toán. AH Trương Sĩ Hoàn sẽ hoàn tất khóa đại học vào cuối năm 1991 này ... Chúc các AH đậu cao.

7. NHÀ CỬA.

Nhiều AH đã hoặc đang cải thiện hoặc khuếch trương nhà cửa gồm có các AH Nguyễn văn An, Ngô Công Cẩm, Nguyễn văn Khậy, Trương Huỳnh Ký, Lê Nguyệt Oanh, Đào Kim Quan, Huỳnh Thanh Quân ...

— AH Nguyễn Bích Hạnh và Nguyễn Bá Tuấn mới dọn nhà mới ...

— AH Nguyễn Thành Đỡm sắp dọn đến nhà mới ở Canley Vale có thể để làm phòng mạch bác sĩ cho cháu Nguyễn Thành Danh luôn.

8. ÁI HỮU MỚI.

Nhờ các AH Nguyễn Trọng Ba, Nguyễn Thanh Đỡm, Nguyễn Đức Tú ... nên được biết thêm các AH mới là:

— AH Nguyễn Văn Cương 02-7074249, 96 Bancourt Ave., Fairfield, NSW 2165

— AH Nguyễn Ngọc Sơn 02-708.1978, 51 Manahan St, Condell Park, NSW 2200

— AH Nguyễn Tấn 02-7071190, 73 Wilkins St, Bankstown, NSW 2200

— AH Huỳnh Quang Trí 02-, Canterbury, NSW 21931

— AH Nguyễn Bá Tuấn 02-, Padstow, NSW 2211

Xin cảm ơn các AH N.t.Ba, N.t.Đỡm, N.d.Tú ... và chào mừng các AH mới, đặc biệt là gia đình các AH N.v.Cương và N.b.Tuấn mới đến được nơi có

tự do dân chủ nhân quyền.

Mong Ban Phụ Trách Lá Thư AHCC gửi thêm các LT tương lai đến các AH vừa kể, riêng các AH chưa cập nhật được địa chỉ thì Ban Phụ Trách có thể gửi đến AH đại diện để có dịp gặp thì chuyển lại.

9. LÁ THƯ AHCC SỐ 52 (5-91).

LT/AHCC #52 đã được Ban Phụ Trách LT/AHCC gửi thẳng từ Mỹ đến các AHCC ở Úc bằng phi cơ (cỡ \$3.6 Mỹ Kim cước phí).

Vì địa chỉ chưa cập nhật nên AH Túc đã chụp phần liên quan đến AHCC Úc và vài phần tổng quát trong LT/AHCC số 52 và chuyển đến các AH: Nguyễn Trọng Ân, Đỗ Thị Anh, Nguyễn Trọng Ba, Nguyễn Văn Bon, Phan Từ Chính, Châu Tiến Do, Trần Thị Dung, Lê Trí Dũng, Nguyễn An Đồng, Ngô Mậu Hải, Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Sơn Hiền, Huỳnh Phước Minh, Tôn Thất Phát, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Tấn, Huỳnh Quang Trí, Nguyễn Bá Tuấn, Cao Xuân Ủy ... ở Sydney và AH Đinh Vũ Kỳ cùng thân hữu Điện Lực Trần Văn Trực ở Brisbane ...

Việc chuyển thêm này ở riêng Sydney đã được sự tiếp tay của các AH Đỗ Quốc Dũng, Phan Từ Chính, Tôn Thất Phát, Nguyễn Đức Tú v.v., ở Brisbane thì nhờ AH Lê Văn Vui giúp.

Người ghi: Lê Cảnh Túc
29-9-91

AHCC Sydney - Đợt II

LÊ CẢNH TỨC (12-91)

Thân gửi AH vài tin thêm để kịp đăng vào LT/AHCC Xuân Nhâm Thân 1992 cùng với bản tin sinh hoạt Sydney ... mới gửi trước đây:

1. YẾM TRỢ LT/AHCC.

Anh Lê Mậu 50 Úc kim: sẽ gửi chung vào kỳ họp mặt AHCC Xuân 92 cho đỡ tốn lệ phí ngân hàng.

2. CẬP NHẬT ĐỊA CHỈ.

Nữ AH Trần Thị Dung 02-8921140, 102 Railway St, Fairfield, NSW 2165

AH Nguyễn Thành Dỡm 02-6095613, 340 Canley Vale R, Canley Heights, NSW 2166

AH Nguyễn Bát Tuấn 02-7734983, 26 Coral Ave, Padstow, NSW 2211

AH Lê Duy Nhựt 02-7265250 22 Sinnott Way, Villawood, NSW 2163

3. ĐOÀN TỤ.

AH Nguyễn Bích Hạnh được đoàn tụ thân mẫu (từ cuối năm 1991); AH Cao Xuân Ủy được đoàn tụ với thân mẫu (từ giữa năm 1991);

Xin chúc mừng với AH Hạnh và Ủy cùng các AH khác mà người viết chưa rõ.

4. TIN VUI.

AH Nguyễn An Đồng sẽ có tiệc vu-quy cho thứ nữ Nguyễn Thùy Linh vào thứ sáu 27-12-1991, chú rể là cậu Nguyễn

Hữu Hào.

AH Đào Tư Giác có tiệc vu quy cho thứ nữ Đào Thị Bích Ngọc vào thứ bảy 4-1-92, chú rể là cậu Bùi Minh Triết, trưởng nam của Ô.B. Bùi Văn Tám.

Xin chung vui cùng anh chị AH Nguyễn An Đồng, anh chị AH Đào Tư Giác và gia đình hai họ.

5. Họp mặt AHCC Sydney kỳ tới ở nhà AH Đào Kim Quan, 4 giờ chủ nhật 26-1-92.

6. Nhiều AH vừa làm vừa học đã đậu rất cao như AH Chính, Hiền, Mậu v.v...

7. Thân chúc tất cả AHCC một mùa Giáng Sinh 1991, năm mới 1992 và trọn năm NHÂM THÂN SỨC KHỎE, VUI VẺ, THÀNH CÔNG NHƯ Ý.

TB -- Tân Thủ Tướng Úc là O. Paul Keating (47, trẻ nhất) mới được dân biểu Đảng Lao Động đưa lên làm lãnh tụ Đảng (bầu tối 19-12-91) thay O. Bob Hawke là Thủ tướng Lao Động lâu nhất, thắng 4 kỳ bầu cử liên tiếp. O. Keating (thuộc đơn vị Blaxlam tức là Bankstown nơi có đồng bào tị nạn cư ngụ) sẽ gặp Tổng thống Mỹ G. Bush vào cuối năm nay 31-12-91 & 1-1-92 ở Sydney và thủ đô Canberra. Hy vọng Cộng đồng tị nạn Việt Nam sẽ vận dụng tích cực cho nhân quyền, tự do và dân chủ thực sự tại Việt Nam. ●

Họp mặt AHCC Sydney 15/9/91 ở nhà AH Nguyễn Văn Khậy

(người chụp: AH Lê Cảnh Túc)



Các AHCC và gia đình



Các AHCC Sydney



Gia đình các AHCC



Gia đình các AHCC



Anh chị AH N.v.Khây, và ah N.đ.Tú & L.c.Túc

AHCC PHÁP

KHÚC ĐẢN (8-9-91)

Ngoại ô Paris, nửa tỉnh nửa quê, đầu Thu trời đẹp, nắng hè đã dịu dần, gió thu hiu hiu thổi, anh Hứa, chị Hứa có nhà rộng, đã chọn ngày hết hè, có hảo tâm mời tất cả AH vùng Pháp cùng gia đình đến họp mặt được đông đủ để thảo luận về tái thiết đất nước và xem đầu tư của các nước ngoài cho Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ra sao.

Đúng 11 giờ 30 các AH cùng gia đình lục tục đến chật hết gian phòng khách lớn bày biện rất tráng lệ. Hiện diện có:

Anh chị Nguyễn Phan Anh; Anh chị Trương như Bích; Anh chị Phan văn Lâm; Anh chị Lê Ngọc Thạch; Anh chị Hoàng đình Tuyên; Anh chị Đỗ hữu Hứa; Chị Cao tấn Tài; Anh Khúc Đản; anh Trương thành Khán, Anh Nguyễn cao Khoan cùng con gái và con rể; Anh Lê văn Lâm; anh Cao tấn Lộc; Anh Trần văn Thu; Anh Đỗ hữu Tường; Anh Hoa Trường Xuân; Hai con gái nhỏ và con trai út anh chị Hứa.

12 giờ anh Đản cất lời vào ngay đề đã ấn định: Chính sách đổi mới của Chủ Nghĩa Xã Hội đương lan tràn từ miền Nam ra miền Bắc đến thời kỳ lạm phát, lạm phát đồng bạc, lạm phát hàng ngoại hóa, cho nhập cảng bữa bãi, cả hàng lậu thuế, thanh niên thanh nữ

ăn mặc sang hơn ở hải ngoại, lạm phát vũ trường (sân nhảy), lạm phát quán “cà phê ôm”, quán “bia ôm” - (2 danh từ có lẫn hình dung từ tả chân thật mới xuất hiện).

Cơ quan ngoại thương đi ra nước ngoài, Hongkong, Singapor, Taiwan, Tokyo, Sydney... họp báo mời chào các xí nghiệp đến đầu tư cho nước Xã hội chủ nghĩa V.N. cứu vãn nền kinh tế sa sút.

Đầu năm 1991 có tới gần 300 xí nghiệp ngoại quốc đến thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội làm dự án đầu tư, trong đó 1/2 là Pháp. Khai thác dầu lửa 1/4, khai thác lâm sản và hải sản 1/4. Tại Hồ Chí Minh đã có nhiều bàn giấy các xí nghiệp đó ngồi đợi chờ. Nhưng xí nghiệp nào cũng muốn vay tiền ngân hàng quốc tế và FMI; cả 2 nơi đều bị phong tỏa bởi veto của Mỹ vì V.N. chưa trả tiền lãi nợ 2 nơi gần 20 triệu dollars.

Đến giữa năm 1991 có hai Ủy ban ONU đến V.N. xét các dự án đầu tư chỉ nhận thấy có chừng 170 dự án hoàn hảo (do V.N. mời). Các AHCC ở quê hương cho biết: trong một ủy ban có một 1 kỹ sư CC nguy đi tị nạn tại Pháp đã vắng lại tới Hồ Chí Minh vài lần. Tất cả công việc đầu tư vẫn bế tắc vì Mỹ còn thêm việc cấm vận 1

năm nữa. Vậy các AHCC ở Hải ngoại cứ tiếp tục nghiên cứu tái thiết đất nước sau C.S. Vài AH hô hào “chuẩn bị” là đúng lắm. Tất cả phòng vẫn im lặng nghe những tin tức nóng bỏng ở quê hương. Đến đây anh Đản xin hết lời, thì đồng hồ đã chỉ hơn 13 giờ. Anh chị Hứa vui vẻ mời các anh chị em thưởng thức các món “specialités de la maison” do chị Hứa và các ái nữ hết sức “trổ tài”. Bắt đầu là món gỏi để trong nhiều đĩa đầy ụ. Các anh chị em vui quá vừa ăn vừa nói trong vòng có 15 phút, các đĩa đều chơ sạch ... Chỉ hơn 1 giờ nữa là đến món thứ năm “Bún bò Huế lai Saigon” vì chị Hứa và 2 ái nữ ăn học ở Saigon. Anh Hứa đạo này mọi việc đều đầy đặn, song các món tráng miệng lại còn tiệc sâm banh. Anh chị em lại vui cười, nâng cốc chúc nhau vui mạnh luôn luôn để xuân thu nhị kỳ họp mặt một năm nữa, rồi cùng nhau họp mặt sau này Xuân, Hạ, Thu, Đông 4 kỳ ở Quê Hương.

16 giờ hơn, mặt trời đã “xế bóng”, anh chị em chia tay ra về đầy luyến tiếc ngày vui, vài anh chị còn đưa tay anh Đản tấm chi phiếu ủng hộ Lá Thư. Tổng cộng số tiền \$205 đã được chuyển đến AH Lê Mộng Hùng. ●

AHCC TEXAS

NGUYỄN QUỐC ĐỒNG

Ái Hữu Công Chánh Austin đã tổ chức cuộc họp mặt thường niên ngày thứ bảy 23-11-1991 tại nhà Ái hữu Nguyễn Thanh Toàn. Hiện diện trong buổi họp mặt này ngoài các Ái hữu Công Chánh tại Austin còn có một số các Ái hữu Công Chánh vùng Houston như các Ái hữu Hảo, Chu, Đô và đặc biệt nữa là hai lính mới Phi và Hải sau khi trình diện tại Houston, cũng đã lên tham dự buổi họp mặt này. Hoan hô tinh thần hai lính mới Hải, Phi. Các Ái hữu hiện diện đều được kiểm kê như sau:

- AH Vũ Quý Hảo và vợ.
- AH Vũ Kim Chu, vợ và hai con.
- AH Nguyễn Văn Đô và vợ.
- AH Nguyễn Đình Phi.
- AH Cao Hữu Hải.
- AH Nguyễn Quốc Đồng, vợ và hai con.
- AH Võ Quốc Thông và vợ.
- AH Nguyễn Văn Liêm.
- AH Trần Trung Trực và vợ.
- AH Nguyễn Thanh Toàn và vợ (gia chủ).

Sau khi hàn huyên chuyện chò, các AH và gia đình đã dùng cơm thân mật do chính các nội tướng sửa soạn. Thực

đơn rất hùng hậu là trứng cút bọc tôm, bánh ướt tôm thịt, bánh cuốn, thịt bò kho, bún thịt nướng ... món nào món nấy thơm phưng phức. Anh em AH chiêu cố tận tình, chuyện trò thật vui. Sau phần ẩm thực là phần văn nghệ với sự góp mặt của một số bạn mới vùng Austin. AH và chị Hảo xung phong trước đã trình diễn rất mùi bản "Tình Bắc Duyên Nam" (Ái hữu Hảo kể chuyện mình đây!). Để đáp lễ, thân hữu Austin kể chuyện tếu, chuyện "khoai sượng" làm anh em bò ra cười.

Cuộc họp mặt tiếp tục với màn nhảy đầm và kết thúc thật khuya.

Các AH tuy vui vẫn không quên bốn phận đóng góp nuôi dưỡng lá thư Công Chánh và đã thu được như sau:

- AH Nguyễn Thanh Toàn \$30.00
- AH Trần Trung Trực \$20.00
- AH Nguyễn Văn Liêm \$20.00
- AH Võ Quốc Thông \$20.00
- AH Nguyễn Quốc Đồng \$20.00

Tổng cộng: \$110.00 (đã được chuyển tới AH Lê Mộng Hùng).



AHCC HOA THỊNH ĐỐN

ĐỒNG SỸ TỤNG

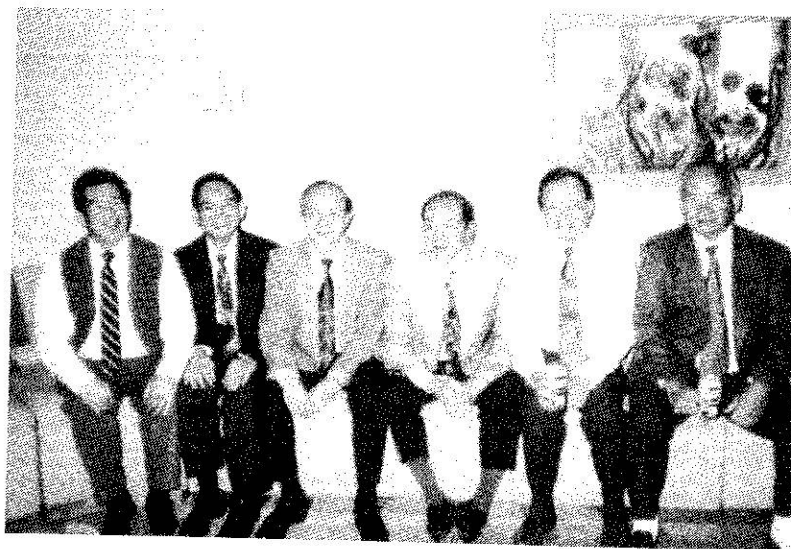
Anh Hùng thân,

Ngày 26/10/91, các Anh Chị AHCC vùng Hoa Thịnh Đốn đã tham dự rất đông buổi họp mặt mùa thu 1991 tại Arlington, Virginia, trên 40 Anh Chị, gồm các bậc lão thành đến lớp trẻ của thế hệ thứ hai (con các AHCC). Đặc biệt có Anh Chị Huỳnh Công Ân (Kiều Lộ) mới từ Vietnam đến định cư được 6 tháng, Chị Lê Quang Phùng mới từ VN qua Đoàn tụ với Anh Phùng sau 10 năm xa cách, anh Lê Đắc Ngà ở Pennsylvania mới bắt được liên lạc đến họp lần đầu tiên, và Anh Chị Phan Đình Nguyên (con AH Phan Đình Tăng) Kỹ Sư Công Chánh làm việc ở vùng này. Tôi gửi kèm theo đây 7 tấm ảnh chụp trong buổi họp mặt để anh tùy nghi in vào tập san.

Các Anh đã thay phiên nhau mỗi người kể một mẩu chuyện làm cho buổi họp mặt thêm vui vẻ hào hứng. Các chị lại đem nhiều món ăn Việt Nam rất ngon. Các Anh Chị trước khi ra về không quên đóng góp ủng hộ lá thư AHCC và 5 AH tuy bận việc không đến được cũng gửi chi phiếu đến, tổng cộng được \$555. Sau khi trừ chi phí về quan hôn tương tế và liên lạc thư tín, còn \$495 (Danh sách và chi phiếu đính kèm).



Từ trái sang phải: Trương Minh Viễn, Nguyễn Bá Bang, Lê Đắc Ngà, Phan Đình Nguyên, Huỳnh Công Ân, Nguyễn Thanh Tùng



Từ trái sang phải: Trần Đình Trúc, Bùi Thanh Dương, Ngô Năm, Chu Bá Tường, Bửu Đôn, Nguyễn Ngọc Tào



Từ trái sang phải: Đồng Sĩ Tụng, Nguyễn Văn Bảnh, Lê Sĩ Ngạc, Đoàn Văn Kiệu



Từ trái sang phải: Nguyễn Đức Chí và con gái, Nguyễn Tranh Điệp

Ngoài ra cũng được tin trẻ là AH Cung Giũ Hùng đã thất lạc ngày 9 tháng 8 năm 1991 tại Reston, Virginia, hưởng thọ 77 tuổi. Xin Anh cho đăng lời chia buồn trên tập san AHCC.

Sau đây là địa chỉ cần điều chỉnh và địa chỉ của AH mới:

• **Điều chỉnh:**

— Lê Đắc Ngà, 212 Cassandra Drive, Chalfont, PA 18914, (215) 997-9013

— Lê Thanh Tùng, 6906 Farragut Avenue, Falls Church, VA 22042, (703) 237-1765

• **Mới**

— Huỳnh Công Ân, 31668 Cedar Grove Drive, Fairfax, VA 22031

— Phan Đình Nguyên, 7666 Lee Landing Drive, Falls Church, VA 22043B •



Trái sang phải: Các chị Viễn, Phùng, Nguyễn, Tùng, Bang



Từ trái sang phải: Chị Ngọc, Bảnh, Trúc, Đôn, Nấm



Từ trái sang phải: Chị Tường, Dương, Ân, Tụng, Bang

Góp ý về

Hợp thức hóa Hội Ái Hữu Công Chánh

Tập thể Ái hữu Công Chánh từ 16 năm qua là hóa thân của “Hội Ái Hữu Sinh viên và cựu Sinh viên Công Chánh” sau khi hội này viên tịch vào tháng 4-1975. Tuy chưa khai hộ tịch, nhưng hội ngày một trưởng thành và đã đạt mục đích cố hữu là phát huy tinh đoàn kết và tương trợ. Nay để hòa nhập với sinh hoạt cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, thì ngoài tình đồng môn, đồng nghiệp, ta còn tình yêu quê hương và hoài bão tái thiết Việt Nam Tự Do, nên việc hợp thức hóa thành một hội đoàn có đăng ký thấy đã đến lúc.

Về danh xưng quen thuộc và ngắn gọn là “Ái hữu Công Chánh” đã đi vào tâm thức của tập thể Công Chánh, thiết tưởng không nên đổi. Một cái tên mới sẽ làm cho anh em ở quốc nội ngỡ ngàng, phân vân vì họ liên lạc không thường xuyên với bên ngoài. Ngoài ra Cali là nơi quy tụ đông đủ anh em, nên đăng ký tại tiểu bang này.

Bàn về nội quy hội, thì phần mục đích đã tiềm tàng có từ lâu là phát huy tinh thần ái hữu, tương trợ và trao đổi kinh nghiệm kỹ thuật. Thiết tưởng bản dự thảo nội quy

điều lệ cũng nên đăng lên Lá thư để có đa số góp ý. Sinh hoạt của hội sẽ có thêm ý nghĩa nếu hội yểm trợ các tổ chức nghiên cứu lập dự án tái thiết và phát triển một Việt Nam dân chủ tự do. Việc yểm trợ này không cần ghi vào mục đích hoạt động vì nó chỉ có tính cách giai đoạn, ngoài ra các tổ chức đó là biệt lập do sáng kiến và thiện chí của mỗi nhóm, nhưng vì đề án họ đặt ra ở vào lãnh vực kỹ thuật, liên hệ ngành Công Chánh, tiện ích, nên hội AHCC tùy trường hợp mà vận động nhân lực, tài lực, thu thập ý kiến xây dựng. Cái khó là ban điều hành cần cân nhắc cái phức tạp, đa dạng để khi yểm trợ có sự đồng thuận của đa số, tránh tình trạng bất đồng về chính kiến gây phân hóa rất tai hại.

Những dịp hướng về quê hương, góp ý xây dựng tương lai Việt Nam Tự Do làm ta ấm lòng hơn những buổi họp mặt tìm về kỷ niệm xưa như cảnh “hồ nhớ rừng”.

Vấn đề hội viên cần phải bao gồm cả hải ngoại và quốc nội. Đề nghị nên sưu tầm tìm và cập nhật danh tánh và địa chỉ của tất cả ái hữu ở quốc nội trừ trường hợp ái hữu nào

muốn mai danh ẩn tích vì lý do riêng. Việc tuy chậm nhưng cần làm ngay. Mỗi khóa một người phụ trách. Đừng quên họ! Nhận thấy nay liên lạc thư từ có phần dễ dàng hơn, và liên lạc sẽ cần thiết. Tình bạn thường đến với nhau, kỷ niệm xưa còn đó, nhưng ... người quốc nội không đủ tiền mua tem thư, kẻ ở hải ngoại không có... thì giờ ngồi viết thư! Một vấn đề thực tế là tương lai lập các dự án tái thiết sẽ có cơ hội giúp các bạn này có dịp trở lại với sở năng cũ.

Còn cái hoài bão “tre tàn măng mọc”, kêu gọi tham gia của thế hệ trẻ thì chính chúng tôi và vài Ái hữu đã từng đề cập trong các Lá thư trước đây. Nhưng ... qua thời gian chúng ta thấy không có chất nhựa để nối kết các bạn trẻ này với nhau, và với chúng ta, qua tình nghĩa đậm đà của đồng môn, đồng nghiệp sở cũ. Con em chúng ta xuất phát từ các Đại học khác nhau, rồi bước chân vào các nhiệm sở khác nhau, tản mác bao la khắp năm châu, chưa một lần nghe đến tên, biết đến tánh thì e khó mà tìm đến nhau qua tiếng gọi ái hữu. Tuy nhiên cố gắng xem thử? “Biết ra sao ngày sau?” Biết đâu hình thái của hội có thể biến đổi qua thời gian.

Việc trước mắt là sưu tầm thêm địa chỉ để giúp các ái hữu đang bị khốn khó và lãng quên ở quê nhà. ●

Lan Huệ Một Thời



Phương đã đi khỏi Sài Gòn từ hai tháng nay. Những người bạn nàng nói là nàng đi buôn hàng từ Kampuchia, nhưng ông Thiện hiểu rằng nàng đi vì mục đích khác. Không được tin tức gì về nàng, ông chỉ đoán là nàng đã gặp một trở ngại gì đó trên đường đi. Nhưng chiều nay, khi được tin nàng đã qua đời, ông bàng hoàng sửng sốt. Sự thực bi thảm đã vượt quá xa mức dự tưởng của ông. Chiếc ghe của nàng đã bị chặn lại khi vào cận bờ biển Thái Lan, đàn bà thì bị hiếp, tàu thì bị đục

thủng, chỉ có chừng mười người đàn ông khỏe mạnh là đã bơi thoát được vào bờ để viết thư về nhà báo hung tin. Những người khác, trong đó có Phương, bần bật tin thư.

Một cô gái mới 19 tuổi mơn mớn, sắc chẳng kém người, tài cang nổi bật, vui vẻ đảm đang, nụ cười tươi tắn, ai ngờ lại phải kết thúc cuộc đời mình tức tuổi oan khiến đến thế sao?

Ông Thiện không biết nhiều về nàng. Ông chỉ gặp nàng một lần tại một buổi kỷ niệm sinh nhật nơi một người bạn

chung của hai người, và một lần nữa khi nàng đo áo để may cho ông. Ông lớn tuổi hơn nàng nhiều, có thiện cảm và quý nàng về nhiều phương diện, nhưng không thấy tiện giao du thân mật. Cuộc đời ông đã trôi giạt bồng bênh như một loài rong biển, và không có lợi gì trong việc kéo thêm một người nữa vào trạng thái bấp bênh đã kéo dài từ nhiều năm tháng nay của ông. Phương thì hình như cũng có ít nhiều thiện cảm với ông, nhưng vì vẫn còn giữ đầy đủ tính chất của một cô gái Đông Phương cổ điển, nên nàng chỉ tỏ thái độ một cách rất gián tiếp và kín đáo, qua vài lời gợi ý nhẹ nhàng với người bạn chung của hai người. Nàng cũng đã có những bạn trai khác, cả những người dự định xây dựng lâu dài với nàng. Thế nhưng trong tình hình đầy rẫy bất trắc và đổi thay mau chóng của cuộc sống hôm nay, cuối cùng những liên hệ tình cảm đó cũng không dẫn đến đâu, và sửa soạn bước vào thời kỳ gay go của tuổi "trung niên", hẳn là nàng bắt đầu lo sợ và buồn tủi cho số phận long đong. Đàn ông hình như biến đâu mất cả, số rất ít còn lại thì đều lì lợ chai đá như ông Thiện nhìn khắp xung quanh chỉ thấy một đám con nít mới vào đời, ngây ngô khờ khạo và không có lấy một tương lai sáng sủa nào mở ra trước mắt. Ngày lại ngày trôi qua, nàng cứ phải sống cô đơn như một cái bóng trong một gia đình ở đó mỗi người là một ốc đảo, hầu hạ mẹ già và một lũ em trai mà mức độ vô tích sự chỉ ngang bằng với tình

thần vô trách nhiệm. Sáng đi chợ nấu cơm, chiều may quần áo kiếm thêm tiền, tối vận truyền hình ngó xem cho đến hết chương trình vô vị, rồi khuya đêm nằm một mình trên giường đếm thời khắc lững lững trôi qua. Cuộc đời phí hoài như thế có thể kéo dài cho đến bao giờ. 10 năm. 20 năm.

Vậy là nàng quyết định phải ra đi, hy vọng tìm được sự thay đổi nếp sống buồn tẻ thăm thương nơi một chân trời khác. Nàng đã gọi ý rủ ông Thiện cùng đi, nhưng vì kín đáo quá nên ông không hề biết, cho đến sau khi được tin nàng đã từ giã cõi đời.

Không ai ngờ rằng sự thay đổi môi trường của nàng lại có thể triệt để và bi thảm đến thế. Nàng đã biến mất khỏi cuộc đời, như một chiếc lá úa tàn phai, cuốn chìm theo cơn gió lốc tàn ác của đại dương, trên mình hằn sâu những vết thương ô nhục của một bầy lang sói, ở cái độ tuổi mà cuộc đời lẽ ra đã phải tràn đầy hạnh phúc, với một gia đình êm ấm, với bầy con bé nhỏ bi bô.

Phương ơi, không hiểu sao khi nghe tin về em mà tôi lại buồn đến thế. Sự ra đi của em như khơi sâu thêm niềm đau day dứt trong tâm hồn tôi, cho tôi thấy rõ hơn sự bất lực của chính mình và của cuộc đời trước tấn bi kịch quá lớn lao mà bao nhiêu người chúng ta còn phải đang gánh chịu. Chiến tranh, trong cái hỗn loạn và tàn khốc của nó, tôi có cảm tưởng nhiều khi lại dễ chịu đựng hơn cái nỗi đoạn trường hậu chiến này. Tôi

không thể nói em không có lý khi quyết định hành động theo phương cách của em. Tôi biết rằng tôi chẳng có thể làm được một chút gì để giảm nhẹ được nỗi cô đơn vây bủa quanh em từ bao nhiêu năm tháng. Tôi không yêu em như một người tình, chắc em cũng biết. Và khi em ở gần bên, khi chúng ta còn có thể gặp nhau để chia sẻ với nhau những tâm tình như những người bạn, thì tôi đã không bao giờ đến với em, an ủi em được một câu. Nhiều khi tôi vô tâm đến độ không còn ý thức được ngay cả sự hiện diện của em nữa. Thế nhưng khi em ra đi, không hiểu sao tôi lại cảm thấy sâu sắc hơn sự vắng mặt của em, và thấm thía hơn cái thái độ hững hờ đáng trách của mình. Tôi đã thực sự quan tâm theo dõi tin tức của em, và thầm mong em sẽ đạt được mục đích của mình, tuy rằng sự đạt được mục đích đó cũng chỉ là sự bắt đầu bước vào một thời kỳ khác, có thể còn cam go bi đát hơn cho hạnh phúc của em. Lâu ngày không nghe được tin tức gì mới, tôi đã tưởng em nằm đâu đó trong một góc kẹt của cuộc đời, để chờ ngày trở về với bạn bè thân thuộc. Thật không ngờ em đã ra đi mãi mãi, để rồi chỉ ít tháng nữa thôi, hình ảnh em sẽ bước ra khỏi tâm thức của mọi người, chỉ còn là cái bóng mờ nhạt không ai còn nhắc nhở tới nữa. Cuộc đời có thể buồn đến thế sao?

Thiên địa phong trần

Hồng nhan đa truân

Chúng tôi, những người còn lại, chưa chắc gì đã sung

sướng hơn em đâu. Chúng tôi cũng sẽ vẫn phải ngụp lặn trong vùng mây của bế tắc. Nếu chưa ra đi, nếu trở lại đây, em cũng sẽ lại chỉ bước một lần nữa vào cái vùng lầy cùng với chúng tôi. Không có vấn đề gì được giải quyết cả. Tôi cũng vẫn sẽ không giúp gì được em, chúng ta cũng vẫn sẽ xa cách, lỗi vẫn là do tôi. Thế nhưng làm sao tôi vẫn thấy nó còn đỡ bi thương hơn cái kết thúc đột ngột và oan nghiệt mà em đã phải nhận lấy nơi một góc biển chân trời xa xôi và thù địch, nơi con người chẳng còn lại chút thiện tâm. Trước em, đã biết bao nhiêu con người của chúng ta trải qua cảnh đó, và sau em, sẽ còn bao nhiêu người nữa. Ôi, cứ nghĩ như thế mà rợn cả người, mà se sắt cả con tim.

Ngày mai, tôi sẽ đến để phúng điếu nơi nhà em, để đốt lên một nén hương chân thành nguyện cầu cho em sớm tìm thấy được an vui nơi một góc trời phiêu bồng nào đó mà em lựa chọn. Nhưng ngay bây giờ đây tôi vẫn cứ muốn đốt lên một nén hương trong tâm tưởng cho riêng em, để chia sẻ với em niềm đau của một kiếp người, của một cô gái thanh xuân trót sinh ra và lớn lên trong một vùng đất chưa từng bao giờ được hưởng niềm vui trọn vẹn, trong một thế hệ bị dập vùi giữa cơn đau vật vã của thời đại, sau biết bao nhiêu hy sinh tưởng chừng không tài nào đo đếm nổi của những người đi trước chúng ta. Hồn em nếu có linh thiêng thì xin độ trì cho những người còn sống can đảm bước tới chông gai. Xin hãy vì những

người cùng cảnh ngộ mà xoa dịu đi nỗi đau trần thế bao la hơn cả cái đại dương nơi em chìm xuống.

Phương ơi, em có hiểu không? Giờ này tôi mới chợt nhận ra, vì thương em mà tôi đã yêu em, tôi đã yêu em khi đã quá muộn màng, khi em đã vĩnh viễn ra người thiên cổ. Tôi không khóc đau em. Nước mắt tôi hồi này dường như đã khô cạn. Nhưng lòng tôi quặn đau và tim tôi thì héo hắt. Tôi yêu em như yêu một người em gái hiền ngoan mà yếu mệnh, đã phải chịu đựng những nỗi đau cay cực của cuộc đời trước khi nhắm mắt mà không có lấy được một niềm an ủi, một lời khích lệ nào cho vơi bớt nỗi sót sa. Miệng em cười tươi thế mà sao lòng em còn héo hắt hơn cả tôi nữa ư. Chẳng lẽ đó lại chỉ là cái mặt nạ em đeo vào để che mắt người đời.

*Vui là vui gượng gạo kẻo là
Ai tri âm đó, mặn mà với
ai?*

*Lan huệ sầu ai, lan huệ héo
Lan huệ sầu đợi trong héo
ngoài tươi.*

Em là lan huệ một thời của lòng tôi đấy, Phương ơi. Giòng nước đại dương đã không xóa đi được nụ cười của em trong tôi, mà có lẽ nó đã tắm gội cho em sạch hẳn những bụi bặm của cuộc phong trần đã bao năm nay đóng lớp trên thân thể tất cả chúng ta, cũng như đã tắm rửa cho em sạch những bùn nhơ mà người đời đã đổ vấy trên tấm thân ngọc ngà trinh bạch của em. Phải chăng em đã có một lý do huyền bí nào đã khiến em tìm đến lối giải quyết gọn gàng êm đẹp đó.

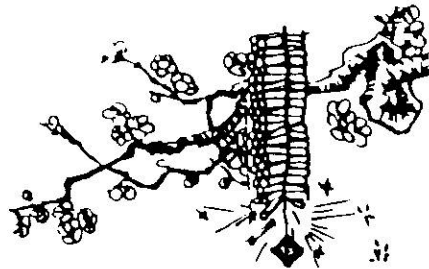
Như nàng Kiều đã gột rửa được mọi bùn nhơ nơi giòng sông Tiền Đường định mệnh? Nhưng nàng Kiều thì đã trở về, còn em, giờ này em ở tận nơi đâu, hỏi người em gái yêu thương của tôi!

Đêm đã khuya. Ngoài trời mưa râm sùi sục, ảnh hưởng của một cơn bão trái mùa mãi tận miền trung. Trời buồn ảm đạm, thật lạ lòng đối với khí hậu Saigon. Nhưng trong phòng, trước mặt ông Thiện, Phương hiện ra, đẹp tươi hơn bao giờ hết, với nụ cười hồn nhiên không bao giờ xoáy

được. Hình như trong tim ông, nàng đã hóa thân được cái chết bằng nụ cười muôn đời tươi trẻ của mình.

Dù sao, ông Thiện tự nhủ, ngày mai sau khi phúng điếu nàng xong, ông cũng sẽ vẫn cố xin được giữ một tấm hình của nàng làm kỷ niệm. Để nhớ rằng, trong đời ông, đã có một người con gái bước qua, một người con gái chỉ thật sự chia sẻ được nỗi niềm với ông sau khi đã già từ dương thế. ●

Tết Nhâm Thân đến

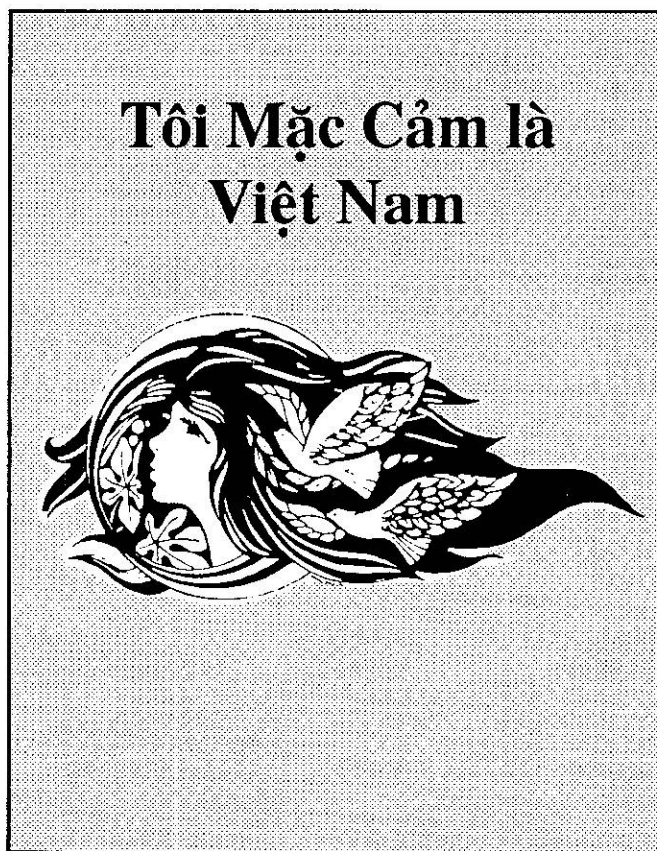


*Hôm nay đất khách lại Xuân về
Lạnh lẽo khí trời dạ tái tê
Bực bội quê hương chưa tỉnh mộng
Xót xa xứ sở còn say mê
Cúc vàng trước ngõ trông buồn tủi
Thọ trắng sau nhà thấy thảm thê
Tết đến Nhâm Thân đem vận mới
Cơ trời đã định khứ lai hề*

Seattle 21/12/1991
TÀ DƯƠNG HỒNG
(Một thân hữu Công Chánh)

Tôi đến Mỹ khi mới 9 tuổi. Trong cơn hốt hoảng loạn ly, bố mẹ tôi tháo chạy, vì sợ Cộng sản. Theo bố, thì chạy trốn đã, chưa biết đi đâu, chưa biết sẽ làm gì để sinh sống. Bố tôi tin chắc rằng không thể sống nổi với Cộng sản. Mẹ tôi thì lý luận rằng, Cộng sản cũng là người Việt Nam, là chú Ba chú Tám ở dưới làng quê, việc gì mà sợ quá. Cùng lắm, là đời sống khổ hơn một tí, chứ đến nỗi nào. Bố tôi nhất quyết ra đi, nếu mẹ tôi không chịu đi thì ở lại, bố sẽ dắt tôi và em gái tôi chạy trốn. Mẹ tôi cắn răng, hậm hực đi theo, và suốt ngày dắt vật bố tôi từ khi bước chân xuống tàu, đến trại tị nạn, và còn dắt vật mãi cho đến những năm lao đao lận đận trên xứ người. Ba năm sau, vào năm 1978, chúng tôi được tin cậu Hai, anh ruột mẹ tôi, thoát chết trong lần vượt biển đào thoát đi tìm tự do, nhưng vợ Hai và sáu người con đều chôn xác giữa vùng vịnh Thái Lan. Cậu Hai tôi ngày xưa là thương gia, làm ăn khá giả. Theo lời bố tôi, thì cậu có cảm tình nhiều với phe Cộng sản, và thỉnh thoảng cũng có giúp đỡ những người trong bụng. Mẹ tôi trách cậu Hai rằng, đi làm chi cho khổ, cho mất vợ mất con. Cậu Hai trợn mắt bảo “Cô không biết đấy thôi. Anh không sống nổi, chịu nổi mới ra đi, chứ có ngu dại gì để chấp nhận cuộc

hành trình đầy bất trắc, hiểm nguy. Ra đi là chấp nhận cái chết. Nếu cho anh chọn lựa lại, anh cũng nhất định ra đi”. Từ đó, mẹ tôi bớt dần vật bố về quyết định bỏ quê hương đất nước ra đi.



Phần tôi, những năm đầu tiên trên xứ lạ là chuỗi ngày chịu đựng. Trong lớp học, tôi chẳng hiểu được thầy giáo, cô giáo nói gì, muốn gì. Luôn luôn hãi sợ. Sợ luôn cả ánh mắt của thầy cô. Không biết thầy cô có nói gì với mình, dặn dò gì mình hay không, hay nói chuyện khác. Tôi sợ luôn cả những đứa bạn học chung lớp. Tôi thu mình lại như con ốc trong vỏ. Tôi không có bạn, vì chẳng đứa nào chơi với. Vấn đề là bất đồng ngôn ngữ,

không hiểu nhau. Bài vở tôi cũng chẳng hiểu chi nhiều, lôm bôm đoán mò, và thầy cô có lẽ xem tôi như là một thứ bất trị, một giống dân dã man, khó mà thu nhận được cái văn hóa, kiến thức tân tiến của xứ

Mỹ. Tôi lết đệt trong lớp. Mỗi buổi tối về nhà làm bài tập là lòng tôi đầy chán nản, muốn bỏ cuộc, và cố gắng đoán mò, làm quấy quá cho qua chuyện. Mà không quấy quá cũng chẳng được gì hơn. Học kém, tôi sợ đến trường. Những ngày thứ hai, trong lòng tôi buồn phiền, con đường đến trường không vui. Học hành trở thành cực hình, nản lòng. Nhiều khi tôi nằm mơ ước, giả như có ai chế được cái máy, mang vào tai, có thể nghe và hiểu được lời của thầy cô, bè bạn. Đời tôi sẽ có ý nghĩa hơn, sung sướng hơn. Trong giờ chơi, tôi đứng một mình, lang thang một mình,

không nói không cười, khi nào cũng ưu tư và nhớ về cái cư xá Yên Đỗ, mỗi buổi chiều, tôi cùng mấy đứa bé chạy chơi, nói chuyện, la hét. Tôi như một thằng bé cầm diều giữa các xã hội này. Nhiều đêm tôi trầm nghĩ, tại sao bắt tôi phải đi học. Tôi có học được cái gì đâu, có nghe, có hiểu đâu mà bắt tôi học. Bố tôi bảo, xứ người, dân mình vốn giống nhỏ con, yếu ốm, thể lực không có, thì phải học, không học thì sau này khổ lắm. Theo

tôi thì sau này khổ đâu không thấy, chứ bây giờ tôi đã quá khổ.

Rồi tôi cũng có một thằng bạn, nhỏ hơn tôi một tuổi, người Lào. Hai đứa cùng chung cảnh ngộ, tìm về nhau. Chúng tôi cũng không hiểu nhau, không nói, không nghe, nhưng chúng tôi nói với nhau nhiều qua ánh mắt, qua một vài trò chơi đơn giản. Có lẽ chúng tôi cảm thương thân phận của chính mình, mà cảm thương người đồng cảnh ngộ. Trong thâm tâm, tôi thương thằng bạn như người anh em ruột thịt. Tôi với thằng bạn Lào, là hai thằng mọi con giữa một xứ văn minh. Cái gì cũng lạ lẫm, và thường mắc phải những hàm oan, những lỗi lầm mà mình không hề cố ý. Lâu dần, rồi chúng tôi chấp nhận những hàm oan như là chuyện bình thường. Những dạn dò của nhà trường đưa về phụ huynh qua chúng tôi là xem như không có. Chúng tôi đâu có hiểu gì. Nhà trường có lẽ rất bực mình vì thái độ bình thản, lạnh lùng của tôi. Có lẽ thầy giáo xem tôi như là một đứa bé ngỗ nghịch ngang mắc bệnh tâm thần. Tôi trở thành một đứa bé rụt rè, làm gì cũng sợ sai, sợ trật, sợ người lớn la rầy. Tôi sinh ra mặc cảm đủ thứ. Không biết bố mẹ tôi có hiểu cho tôi không. Bố thường nhăn nhó buồn rầu khi đọc các bản thành tích học hành của tôi do trường gửi về. Bố thường rầy tôi: “Mầy học dốt quá, ngu quá, lại biếng nhác nữa, không chịu học hành sau này khổ thân rần chịu”. Tôi đang khổ thân đây, tôi đã nghe, nói và hiểu được khá

nhiều, nhưng không phải là hết khó khăn. Vẫn còn khó khăn khi đọc sách, khi viết, khi diễn tả. Những môn học ít cần đến ngôn ngữ thì tôi đã theo kịp và có khi được xuất sắc, khen thưởng. Tôi đã cố gắng để phá vỡ cái rào cản về ngôn ngữ. Nhưng thằng bạn người Lào của tôi thì vẫn chán nản, hẳn chỉ mơ ước sao cho xong trung học, rồi đi làm thợ sửa xe, thế là đủ. Từ những năm đầu như người câm điếc, tôi quen thói im lặng, ít nói, ít đùa. Tôi nghe nhiều hơn nói, và suy nghĩ nhiều hơn các sinh hoạt khác. Nhiều năm trôi qua, tôi ít dùng tiếng Việt, không nói nhiều, tôi quên dần. Nghe thì hiểu, không biết có đúng vắn, đúng âm điệu hay không. Giống hết như thời tôi mới tập nói tiếng Mỹ. Trong nhà, khi điện thoại reo, tôi ngại bốc điện thoại, sợ phải nghe và trả lời bằng tiếng Việt Nam. Nhiều năm trước thì sợ nghe tiếng Mỹ, bây giờ sợ nghe tiếng Việt Nam. Một lần theo bố mẹ tôi xuôi về miền Tây Nam nước Mỹ thăm bà con bạn bè. Tôi phải cố gắng hết sức, rặn ra được một ít câu tiếng Việt để trả lời các câu hỏi của các chú bác. Có lẽ tôi nói tiếng Việt Nam lơ lớ, không có dấu, ngọng, nên cả nhà cười ầm, và nhại lại những chữ sai, tôi xấu hổ, ngượng ngùng và tôi không nói nữa. Tôi tránh người lớn, tránh những câu hỏi, tránh đối thoại. Nếu cùng lắm, phải trả lời, thì trả lời nhất gừng: Dạ, không, con không biết. Ba tiếng đó, giải quyết hết mọi thắc mắc, đủ đàm thoại rồi. Tôi thấy người lớn bất công,

họ nói tiếng Anh sai thì không ai cười, chế nhạo, mà chúng tôi nói sai tiếng Việt thì bị báng bổ.

Sự chế nhạo làm cho tôi ngượng ngùng, và rất ngại khi phải nói tiếng Việt vì sợ sai. Đáng ra, người lớn phải khuyến khích và thông cảm cho chúng tôi, để chúng tôi mạnh dạn học tiếng mẹ đẻ, nói và tập cho quen. Bố mẹ tôi tưởng tôi không ưa người Việt Nam, vì khi nào có bạn bè người Việt của bố mẹ đến chơi, thì tôi lảng tránh. Trong bữa ăn, tôi cúi đầu nhìn xuống, im lặng, rần ăn mau cho xong mà lĩnh đi nơi khác, đỡ phải lo lắng vì những câu hỏi của người lớn. Những năm còn bé, tôi rất mặc cảm là người Việt Nam. Vì Việt Nam thì nghe không hiểu, nói không ra hơi. Nhưng rồi tôi nghe được, hiểu được, tôi chẳng còn mặc cảm nữa. Cho đến khi gia đình tôi dọn về California, người Việt Nam đông đảo, được tiếp xúc và thấy nhiều, thì cái mặc cảm tự ti là người Việt Nam quay trở lại. Tôi được chứng kiến, nhiều người VN đang hoang, đang đứng nói chuyện, thò tay vào mũi ngoáy ngoáy nhiều vòng, rồi móc ra thứ gì đó, búng một cái cho văng xuống sàn. Nhiều người khác, móc thức ăn trong miệng một cách tự nhiên, há to miệng trước mặt mọi người. Một số khác, trong khi ăn uống nói năng vừa nhai, vừa nói, vừa cười, nước bọt bay lăm lăm vào các thức ăn trên bàn. Đông đảo hơn, nhiều người họp nhau uống rượu, ăn uống, la hét ồn ào, không kể gì đến hàng xóm láng giềng, đôi khi vận nhạc

ồn ào, tiếng hát rên rỉ như khóc lóc thảm thương. Những bài hát rất chậm và tôi ít khi hiểu được lời. Theo một người bạn tôi, thì các bản nhạc này đa số là “phản nản đủ chuyện”. Tôi được nghe tận tai, nhiều bạn bè của bố mẹ tôi nói: “Tôi không ưa giao du với người Việt Nam” hoặc “tôi không có bạn VN” hoặc nữ “Vùng tôi ở tốt lắm, không có người VN, chỉ có gia đình tôi là VN thôi” hoặc “Tôi không ưa ở vùng có đông người Việt, phiền lắm?” Những câu nói này làm tôi đánh giá người VN là một thứ xấu xa. Có lẽ cả bố mẹ tôi, chính tôi, và chính cả những người nói ra các câu trên, cũng thuộc một giống dân tệ hại, đáng xấu hổ. Bởi vậy, đôi lúc tôi chẳng ngạc nhiên chút nào, khi nghe nhiều người VN xưng họ là Nhật, là Phi v.v. Tôi tự hỏi, lẽ nào người VN xấu đến nỗi chính người VN cũng không ưa họ. Và cái ông bạn của bố tôi, dọn nhà vào khu vực toàn da trắng, không có người VN, thì chịu chi nỗi sự kỳ thị khinh khi của láng giềng, chính ông ta kỳ thị dân tộc của ông, thì mong chi được dân khác không kỳ thị.

Cái mặc cảm tự ti là người Việt Nam do người lớn gieo vào lòng tôi, dù trong trường đại học, tôi học khá, không thua ai, nhưng tôi thuộc một giống dân thấp kém. Điều đó do nhiều người lớn VN nói ra, tự nhận, chứ không phải vì bị kỳ thị mà các dân khác gán ghép cho. Cái ý thức mọi dân tộc trên thế giới đều ngang nhau, bình đẳng, mà tôi học được trong sách vở đã bị uốn

cong bởi những khoe khoang vô tình của các bậc chú bác. Ngay cả em gái tôi, nó cũng có vẻ vồn vã với bạn trai người Mỹ hơn là bạn VN. Đó cũng là điều dễ hiểu.

Một lần, anh bạn lớn tuổi hơn đem tôi đi nghe ca nhạc VN, nể lời anh, tôi đi. Giá vé đắt khủng khiếp. Ca sĩ từ Pháp qua trình diễn. Lần đầu tiên đến những nơi như thế này, tôi bỡ ngỡ. Âm thanh thì chát chúa, loa thì rè rè, thỉnh thoảng hú lên cắt đứt bản nhạc.Ồn ào, hỗn loạn. Người hát cứ hát, người khác thì tự do nói chuyện, xầm xì. Tiếng trống đệm âm âm, tiếng đàn, kèn át tiếng ca sĩ, tiếng hát chìm khuất trong mớ âm thanh phụ họa của các nhạc cụ ồn ào. Tôi chẳng nghe được gì cả, chẳng hiểu gì cả. Trong lòng tôi là cả khoảng trống rỗng, vô vị. Anh bạn lớn tuổi lắc đầu giải thích cho tôi: “Hai ba chục năm nay, cũng thế, cũng những bản nhạc đó, họ không biết chán. Chẳng có chút tiến bộ nào cả”. Rồi sà nhảy bắt đầu. Tôi với anh bạn ngồi xem. Tôi thấy một bà bạn của mẹ tôi đang nhảy, đa số các bà tuổi đã quá lứa xồn xồn, bà nào cũng mập ú, ỉn ỉn lắc lư như những nạng heo trong tranh vẽ hài hước. Các ông thì lưng đã còng, chập choạng bước lui bước tới. Tôi thấy chán nản thật sự, tôi hơi xấu hổ, không biết vì sao. May mà không có bố mẹ tôi trong đám người đang nhảy nhót này. Anh bạn kéo tôi đứng dậy, ra về, trên đường chúng tôi im lặng không nói chuyện.

Nhiều lần theo mẹ tôi đi chợ, tôi nghe các bà ăn nói lớn

tiếng, ồn ào, xem thiên hạ chung quanh như không có. Các bà gặp nhau là lao nhao âm lên, như chim vỗ tổ. Các bà cười nói, vui vẻ, khác hẳn với tục lệ lịch sự địa phương. Tôi cũng đã bị Mỹ hóa phần lớn, nên thường cảm thấy khó chịu, và cầu nguyện cho các bà mau hết chuyện, mau hạ giọng xuống.

Lần đó, chú Tư bạn của Bố tôi từ xa về chơi. Chú nhỏ tuổi hơn bố nên gọi bằng chú. Ngày xưa khi còn ở VN, chú thường qua lại, cho tôi bánh kẹo, dẫn tôi đi xem xi-nê. Có lần tôi cảm động trong phim *Les Misérables* khóc trong rạp hát. Chú vỗ về tôi “chuyện người ta đóng phim, không có thật đâu, nín đi”. Khi về chú mua kem cho tôi ăn. Tình cảm với chú đầy ấp trong lòng tôi. Thế mà, khi chú ghé nhà, tôi cũng tránh né, vì đủ thứ mặc cảm. Rồi chú cũng tìm cách bắt chuyện với tôi, khi chú nghe tôi ậm ừ bằng tiếng Việt, thì chú chuyển qua nói tiếng Anh. Chú nói ngọng nghịu, trật, khó nghe, khó hiểu, tôi phải chú tâm lắm mới hiểu. Chú nhắc lại vài mẩu chuyện vui vui. Chú phá vỡ bức tường ngăn cách tài tình. Mười mấy năm rồi, tôi đã lớn, mà vẫn cảm được cái tình thân thiết xưa trở lại. Tôi lái xe đưa chú đi thăm các danh lam thắng cảnh. Chú nói rằng dạo này chú vui lắm, gặp lại rất nhiều bạn cũ VN, họ qua Mỹ theo chương trình HO, có người đã 30, 40 năm rồi mới gặp lại. Được gặp bạn bè VN làm chú sung sướng. Tôi ngạc nhiên, vì tôi thường nghe người lớn nói là tránh giao thiệp với VN. Tôi

hỏi chú, có thật chú không ngại giao thiệp với VN không. Chú cười, bảo mình là người Việt, mà ngại giao thiệp với người Việt, thì chó nó cũng ngại giao thiệp với mình. Tôi nói cho chú nghe về những suy tư và mặc cảm của tôi. Chú nói, người Việt Nam cũng có những quá khứ oai hùng, cũng có những triết lý thâm thúy, cũng có những tình người cảm động. Chú kết luận rằng đa số người VN là tốt, chỉ có rất ít xấu, nhưng con người không ai hoàn toàn cả. Họ tốt mặt này, nhưng họ cũng có khuyết điểm mặt khác. Họ ồn ào vì bản tính họ bộc trực, hiếu khách, họ làm những điều chướng mắt vì họ chưa rành phong tục xứ Mỹ, họ nghe nhạc buồn rầu như khóc than vì họ nhớ đất nước, nhớ quá khứ, tiếc thương dĩ vãng. Chú khuyên tôi nên đọc những cuốn sách về phong tục và lịch sử Việt Nam để biết thương người mình hơn. Còn những người Việt Nam không muốn giao thiệp với dân Việt Nam, thì cũng nên thương họ. Hoặc họ có quan niệm sai lầm, thiếu hiểu biết, hoặc họ có trải qua kinh nghiệm đáng giá, chưa quên được.

Và từ đó, tôi tập đọc sách vở Việt Nam. Ban đầu thì khó hiểu như thời tôi mới đến Mỹ đọc sách Mỹ. Dần dà quen đi. Tôi yêu dân Việt Nam tôi nhiều hơn. ●

Đông 1991.
Chép theo lời kể của một
cháu trẻ.

SDN

Lá Thư Mauritanie

Anh Huân thân,

Tôi gửi đến anh bản sao của một bài đăng trong tạp chí hàng tuần Fairplay International, với đề tài chuyển vận bằng đường biển trong xứ XHCN Việt Nam.

Nhân dịp này, ông Thứ Trưởng Bùi Văn Thương có cho biết chánh sách vận tải của ông ta là dành ưu tiên một cho kiều lộ, ưu tiên hai cho các hải cảng lớn, ưu tiên ba cho ngành hàng không.

Vậy thì ý của các anh về việc tái thiết kiều lộ trong ưu tiên một đồng hợp với chủ trương của chính quyền hiện tại.

Tôi có gởi qua anh Lê Mộng Hùng một số ý kiến của tôi sau khi các anh và anh TT Ngọ có đăng trong Lá Thư Công Chánh khung bài sẽ trình đăng trong một số sắp tới của Lá Thư.

Ý tôi là nếu các anh có tài liệu đầy đủ có thể giúp để ra một master plan kiều lộ thì hay lắm, ngoài việc tái thiết những gì đã có. Master plan này nên căn cứ trên nhu cầu kinh tế và chính trị.

Về mặt chính trị, ta nên nối các vùng cao nguyên có dân tộc thiểu số với các vùng đồng bằng để thu hút mạnh các sắc dân ấy vào xã

hội ta (nếu không họ sẽ bị hút về Tàu).

Sau này, các giới chuyên chở hàng hóa bên Mỹ và Âu Châu có phát minh những rờ-mooc vừa kéo trên xa lộ vừa nhập được một đoàn xe lửa như các goong hỏa xa. Bên ta, nếu xử dụng loại rờ-mooc đó để tách ra từ xe lửa, tải hàng về các cao nguyên bằng những quốc lộ chiều ngang, xét thấy sẽ rất tiện (road trailer).

Trong bài Fairplay, thấy ông Thứ Trưởng chính phủ Hà Nội nêu ra nhiều con số rất ngỡ vực, như là bên Việt Nam có 100.000 km đường lộ xe ô tô chạy được với 250 ngàn ô tô v.v...

Tôi trông đợi bài của hai anh mà tôi tin trước là sẽ rất hay. ●

Nguyễn Văn Chiêu

BBT: Mười năm về trước tôi có làm việc tại Nouakchott, thủ đô của Mauritanie. Mỗi năm bão cát vài trăm ngày, khí hậu không được hiền hòa như hải cảng Nouadhibou anh đang ở. Không biết ngày nay kinh tế nước này có khá hơn không? Hay cũng vẫn nghèo đói và nợ như chúa chổm như ngày xưa (Lê Mộng Hùng).

Đầu Năm Nói Chuyện “PHỊA”

TÔN THẤT NGỌ



Phịa tức là nói không đúng sự thật. Có những cái phịa xấu gọi là nói láo hay nói dối để “bịp” người khác, phá làng phá xóm. Phịa ít thì gọi là “xạo”, xạo hết chỗ nói “mười voi chưa được bát nước xáo” theo kiểu XHCN để đánh lừa người dân, hại dân hại nước thì gọi là nói “phét” hay nó “dóc”. Nhưng cũng có nhiều cái phịa có chủ đích tốt đáng noi theo như những bài kể chuyện trong sách Luận-lý Giáo Khoa Thư hay những bài

thơ ngụ ngôn giáo huấn con em trở nên những người hiền đức. Cũng như cái phịa của chàng si-tình phịa chuyện chiêm bao mơ thấy nàng và chàng dắt nhau vào vườn hoa hái hoa đem về cắm chung một lọ để tỏ tình, cái phịa ấy không hại ai, có thể thông qua. Có những cái phịa với mục đích kích động tính hiếu kỳ của con người như các chuyện phong thần của người Trung Hoa đưa đến phát minh thăng thiên rồi phát minh ra các hỏa tiễn tối tân trong chương trình thám hiểm không gian hay cái phịa trong các phim truyện khoa học giả tưởng, như Star Trek hay E.T. v.v., để thúc đẩy con người khám phá ra những nền văn minh khác trong vũ trụ. Những cái phịa ấy nên đáng khích lệ.

Bây giờ tôi xin kể AH nghe những chuyện phịa trong ngành Công Chánh của chúng mình.

PHỊA LỘ TRÌNH THƯ

Hồi mới ra trường được phái đi công tác dài hạn tại tỉnh cùng với một anh trắc lượng viên. Anh này xúi tôi cứ mỗi hai tuần về trung ương đổi sự vụ lệnh/lộ trình thư mới phịa ra là mình đi công tác ngắn hạn để được phụ cấp đi công tác dài dài. Tôi không đồng ý vì tính thật thà của một sinh viên mới ra trường làm anh TLV đó bất bình với tôi và xin đổi qua nhóm công tác khác. Sau một thời gian lâu trở lại Thủy nông làm việc, cũng anh Trắc Lượng Viên đó đưa tôi Ký Sự vụ lệnh và Lộ trình thư công tác. Tôi đã hiểu vì sao

anh TLV đó phịa. Cái phịa năm xưa ấy, đến 7 năm sau tôi mới chấp nhận. Hai người nhìn nhau mỉm cười như thông cảm cho một việc làm trái với thủ tục mà mọi người đều cho là hủ lậu.

PHỊA TỜ CHẤM CÔNG

Tức là làm “phơi ma”, lập tờ chấm công để trả tiền công cho người làm công tác nhưng thật sự không trả cho ai cả mà lấy tiền để chi tiêu cho những việc khác. Cái phịa này có tầm quan trọng hơn phịa lộ trình thư. Một vài trăm bạc lộ trình thư mình còn có thể bù lại được chứ vài trăm ngàn thì lấy đâu ra mà bù. Cũng vẫn cái tính ngay thẳng của con nhà toán học không nói “on-đơ” gì cả. Tôi không chấp nhận. Trong một buổi họp báo cáo hàng năm vào cuối năm 62 để xin ngân sách cho năm tới, tôi đã thấy không có nơi nào làm xong một công tác nào cả. Vài lý do được nêu ra: ngân sách chấp thuận quá trễ, không làm kịp, ngân sách đề nghị bị cắt giảm một cách vô lý không đủ để có thể hoàn tất, tình hình an ninh không cho phép thực hiện công tác như đã dự định v.v.

Một cộng sự viên của tôi có lần tả oán với tôi: “Khổ quá anh ơi, chúng tôi ở địa phương đã phải bị làm đầu hai ba mẹ chồng, phải biết ăn ở làm sao cho “phải đạo đầu con” nếu không thì các “mẹ chồng” hà hiếp không có chỗ mà đứng, lại còn bị các cô “em chồng nhon mồm” dèm pha không tránh được nên tôi phải “phịa” cho nó yên thân mười hai bến nước trong nhờ đục

chịu. Phía, nhưng làm nên việc, người dân mình còn hưởng được công tác mình làm ra". Tôi đã để một năm trời suy gẫm lời anh cộng sự viên nọ than phiền, nhất là sau chuyến đi xem vị trí xây cất đập Daktia/Pleiku bị VC rượt chạy có cớ vì AH NHB không biết "phịa". Tôi nhận định kỹ thuật đã bị chính trị chi phối rất nhiều: Tất cả những dự án công tác đã không theo một kế hoạch rõ ràng mà đều dựa theo các đề nghị tùy hứng của các dân biểu nghị sĩ, đảng phái chính trị hay hành chánh tỉnh; thậm chí việc cất cử các chuyên viên đến phục vụ tại địa phương đều phải chiều theo ý kiến của tỉnh.

Tôi đã "đồng lõa" với các cộng sự viên, chấp thuận một việc làm trái với thủ tục, dù tỉnh có ngay mà lý gian thì cũng có thể bị tù như thường nếu cấp trên không thông cảm.

Sau này ai đó có trở về xây dựng lại quê hương thì cũng không nên theo thủ tục hành chánh kế toán lỗi thời cũ. Kỹ thuật chuyên môn phải được độc lập với chính trị mỗi khi kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia đã được người dân biểu quyết chấp thuận. Nếu ai có quen thói "phịa" như những cái phịa cũ thì bắt bỏ tù ngay, không tha.

PHIẾ LẬP DỰ ÁN CÔNG TÁC

Tôi còn nhớ sau thời kỳ mất nước, làm việc với cộng sản tại Phân Cục Cầu Đường, chỉ thị của Hà Nội phải gấp rút nghiên cứu sửa chữa ngay cầu đường hư hại trên QL 1 từ Gò

Dầu Hạ đi Nam Vang để đưa quân xâm chiếm Kampuchea. Thủ trưởng Ba Liệu phái tôi với AH Tụng cùng Trưởng phòng Thiết kế Lân đi nghiên cứu. Trên đường đi ở mỗi cây cầu cán bộ Lân bắt phải ngừng xe xuống quan sát, leo lên leo xuống chân cầu xem bộ như đang tìm giải pháp sửa chữa cho nên mãi đến 5 giờ chiều rồi mà đoàn công tác chỉ mới đi chưa được nửa đường. Lúc bấy giờ tàn dư quân Pol Pot còn lảng vảng đâu đây, có thể ra đón đường "cấp-duong" không chừng. Tôi đã lo trong bụng và đề nghị cán bộ Lân khỏi cần quan sát nữa lên xe đi ngay Nam Vang; anh này lưỡng lự, cho đến khi nghe vài tiếng "chát-bùm" không biết của ai mới bắt đầu sợ, bảo tài xế lái xe không ngừng trực chỉ Nam Vang. Đến Nam Vang cán bộ Lân có vẻ lo lắng hỏi tôi:

— Anh có cách nào báo cáo với anh Ba về nửa đoạn đường cuối?

Trong bụng tôi đã chuẩn bị cho cái "phịa" lập dự án này rồi. Mục đích của mình là thừa dịp này thăm dò đường đi nước bước để tính chuyện vượt biên bằng đường bộ qua ngã Thái Lan vì hồi đó tôi đã thất bại nhiều trong các vụ vượt biên bằng đường biển. Tôi trả lời vắn tắt:

— Anh khỏi lo.

Về Saigon, hai ngày sau tôi làm xong tờ trình đưa cho cán bộ Lân trình cho anh Ba với đầy đủ chi tiết "phịa" kèm theo bản đồ vị trí dự án và ước tính kinh phí sửa chữa ... Cán bộ Lân có ngờ đâu lúc đi tôi đã

ghi nhận tất cả hiện trạng cùng vị trí của dự án so với đồng hồ cây số xe. Có nhiều cây cầu tôi đâu có biết tên gì nên cứ xem trên bản đồ của Nha Địa Dư cũ của mình mà "phịa", lấy những tên Quận mà đặt cho tên cầu.

Tờ trình làm xong tôi không nộp ngay mà đã "câu giờ", lấy cớ là cần phải thu thập đủ tài liệu mới làm được. Tôi đã chí công vô tư, dùng thì giờ lập dự án yểm trợ cho cuộc xâm lăng Kampuchea nói trên mà suy nghĩ nghiên cứu cho cuộc vượt trùng dương của tôi, tôi đã vượt biên thành công vào mùa hè 79, không biết dự án "phịa" của tôi hồi đó cộng sản có dùng hay không hay là họ đã cho tôi xạo hơn họ.

PHIẾ "RESUMÉ"

Đến Mỹ năm 79 nhưng mãi đến cuối năm 80 tôi mới xin được việc làm.

Ngựa đi kiếm ăn, cứ chạy không ngừng ngoài đường, đã mỗi gối chồn chân mà vẫn không có hãng nào nhận cả. Hàng trăm cái "resumé" gửi đi đều bị hồi âm cảm ơn vì hãng không cần người "âu vợ qua ly phai". Có anh bạn gửi thư mách nước:

— Sao anh không "phịa lý lịch" may ra anh xin được việc đó. Hãng cần tuyển ngành gì thì mình cứ phịa là mình đã biết về ngành đó.

Từ nhỏ đến lớn tôi chưa bao giờ biết nói láo, nói ra không đúng sự thật tôi vẫn thấy áy ngại. Nhân tản bộ lang thang trên đường phố của một tỉnh nhỏ vùng Illinois tình cờ thấy bản quảng cáo ở tiệm sửa xe

hơi cần thợ sơn. Tôi bèn vào thử lời anh bạn nói có đúng không. Ông chủ tiệm không cần mời tôi vào phòng mà đã phỏng vấn ngay:

— Anh có kinh nghiệm gì về sơn?

Tôi liên tưởng ngay các anh thợ sơn vẽ bản số xe Honda ở cuối đường Nguyễn Thông mỗi lần qua khu Công Chánh Saigon nên đã phịa:

— Tôi là thợ sơn chuyên nghiệp có kinh nghiệm hơn 10 năm tại tiệm sơn xe hơi Kánh Chông số 13 đường Nguyễn Thông, Saigon trước khi vượt biển qua đây. Mỗi ngày tôi phải sơn đến hai ba chiếc xe hơi đây. Ngoài giờ làm ở tiệm, ai muốn tôi sơn nhà sơn cửa tôi đều lãnh sơn tuốt. Sau khi cộng sản tấn chiếm miền Nam tôi cũng vẫn là thợ sơn không đổi nghề. Công việc sơn lại càng nhiều làm không kịp thở.

Tôi lại nhớ đến câu châm biếm của một anh bạn đồng nghiệp khi còn chung nhau làm việc với cộng sản ở Phân Cục Cầu Đường “làm ngày chưa đủ, tranh thủ làm đêm, làm thêm giờ nghỉ, làm thí mạng cùi, làm đui con mắt, làm oác cần câu, làm đầu hồng đấy”, nên đã nhanh miệng ba hoa phịa tiếp:

— Nhiều khi xe nhiều quá, tôi phải ở lại làm việc đến 11, 12 giờ đêm mới về nhà. Tôi nói một hơi, không để cho chủ tiệm hỏi vì nếu ngập ngừng ông ta sẽ nghi là mình phịa.

Ông chủ tiệm nhìn tôi về mặt tươi lên, không hỏi thêm gì nữa rồi nói:

— Tiệm tôi đang cần người, tôi trả anh 6 đồng một giờ,

mai anh lại đây bắt đầu làm việc.

Tôi không ngờ cái phịa của anh bạn tôi mớm cho tôi lại hiệu nghiệm đến thế. Tôi bắt đầu lo vì đây là một cuộc thử nghiệm thôi chứ tôi đâu có muốn làm thợ sơn “mút mùa” ở cái xứ lạnh lẽo “khí ho cò gáy” này. Thợ sơn Hitler còn có mộng làm bá chủ hoàn cầu, còn tôi chỉ là một thợ sơn giả hiệu, nên tôi đã lập kế hoãn binh:

— Ông cho tôi vài hôm nữa để sắp đặt việc gia đình và hỏi ý kiến vợ tôi đã rồi tuần sau tôi sẽ đến làm với ông.

Lại phịa nữa! Hồi đó vợ con tôi còn kẹt lại Việt Nam đâu đã ở với tôi. Ông chủ tiệm nghe thế “hậu phỏng vấn” tôi một câu ngoại lệ:

— Thế ở nhà ai làm chủ, anh hay vợ anh? Công việc làm ăn của anh sao mà anh cũng phải hỏi ý kiến vợ anh?

Nhớ đến nhân vật Hoạn Thư trong truyện Kiều nên tôi trả lời:

— Ở xã hội Việt Nam hồi thời còn ông cụ thân sinh ra tôi, trừ một số ít đàn ông làm chủ, còn phần đông rất sợ vợ. Tiền lương hàng tháng của mấy ông lãnh về đều đưa cả cho mấy bà. Thời của tôi bây giờ thì văn minh hơn về vấn đề này, vợ chồng đều ngang nhau, vắng vợ thì chồng thay mặt vợ dạy con, vắng chồng thì vợ thay mặt chồng nuôi con. Việc gì nhỏ lớn trong nhà đều bàn bạc cùng nhau tìm cách giải quyết êm thấm. Chúng tôi thường nói, thuận vợ thuận chồng tát Biển Đông cũng cạn.

Chủ tiệm mặt rầu rầu tâm sự với tôi:

— Anh ơi, tôi vừa mới ly dị vợ tôi vì nó theo trai bỏ bê gia đình. Anh là người tốt số đấy. Thôi, tuần sau đến làm việc tôi sẽ kể anh nghe nhiều hơn.

Qua mấy ngày sau tôi điện thoại “phịa” với ông ta là bà xã vì không chịu được cái lạnh của Illinois nên bắt tôi phải về Cali kiếm việc.

Về Cali, suốt mùa hè 80, tôi nghiên cứu “phịa resumé” đi xin việc. Công Chánh, Kiều Lộ thì hằm bà lằng đủ thứ, mình theo giáo dục đa năng kiểu Pháp, mình đã biết sử dụng quy trình quy phạm Mỹ, mình cũng đã từng cải Kỹ thuật chuyên môn với các chuyên viên Mỹ, Thủy nông có, Kiều lộ có. Mình “phịa” cũng không sao, phịa có lợi cho mình mà không làm hại người khác, phịa mà khi vào làm việc mình ngon lành không bê bối thì thôi, dân mình cần cù hiếu học, vào làm rồi nghề dạy nghề lấy kinh nghiệm mấy hồi.

Cuối năm ấy, có anh bạn ở Washington thông báo một Hãng thầu Công tác Ống nước ở công trường xây cất Nhà Máy Điện Nguyên Tử tại Richland đang cần một Kỹ sư về “Pai-pin”. Ở Việt Nam mình đâu có ai dạy về môn “pai-pin” mà biết. Các ống nước ở tư gia, ở các buôn-đình đều do các chú Trung Hoa Chợ Lớn làm cả mà các chú thì đâu có biết gì về tính toán ống nước. Thật tình mà nói, tôi không bao giờ có kinh nghiệm gì về môn này cả nên gồng mình “phịa resumé” nộp cho Hãng.

Nói có sách sách có chứng cho đúng với sách lược của con nhà Kỹ thuật, tôi bèn moi trong trí nhớ xem hồi trước mình đã cộng tác với các Hãng Kỹ sư Tư Vụ hay các Hãng Thầu xây cất xem có công trường nào có đặt ống nước để có cơ mà phịa.

Tôi liên tưởng đến AH Cao Tấn Tài, người bạn hiền nhờ tôi tính hệ thống ống dẫn dầu, bơm dầu vào các bồn chứa của Hãng ESSO Nhà Bè. Nhớ đến AH Trần Ngọc Trình với hệ thống ống nước của Xưởng Sản Xuất Vật liệu tiền chế Nhatico. Nhớ đến AH Vũ Tông với dự án xây cất Hãng Kem Hynos ở Thanh Đa, và cũng nhớ đến AH Trần Đình Quyền với Bệnh viện Vì Dân ... Người thì đã ra đi vĩnh viễn, người thì còn kẹt lại Việt Nam. Tôi bèn phịa:

Bỏ hẳn tất cả kinh nghiệm thật sự về Thủy Nông Kiều Lộ mà chỉ ghi vào những kinh nghiệm giả tạo về “pai-pin”. Đã phịa có làm việc cho hãng Dầu ESSO Nhà Bè với hệ thống ống lọc dầu, là chuyên viên kỹ thuật xây cất hệ thống ống nước ở Xưởng sản xuất Vật liệu tiền chế Nhatico, và Hãng sản xuất kem đánh răng Hynos; rồi phịa thêm là toàn bộ hệ thống ống nước nóng và lạnh của bệnh viện Vì Dân tôi cũng lo tính cả. Đơn xin việc của tôi được xét và tôi được vào phỏng vấn. Có một câu hỏi của phỏng vấn viên làm tôi nhớ mãi:

— Anh có biết gì về “xài xơ mít” không, anh nói nghe.

Àm thanh hay hay làm tôi nhớ đến xứ Huế của tôi với

thiên tai tang-tóc dồn dập, với trận bão năm Thìn do cụ thân sinh tôi kể lại, nhớ đến trận lụt 53, nhớ đến cái nghèo đói của dân Huế, liên tưởng ngay đến bà cụ thân sinh thường xài xơ mít để kho cá cho cả nhà ăn. Tôi bèn ba hoa:

— Tôi không có kinh nghiệm về “xài xơ mít” vì nước tôi không có thứ đó nhưng có rất nhiều bão lụt. Động đất của các ông chỉ rung có vài giây mà nhà cửa các ông bị sập nhiều còn bão lụt của chúng tôi xảy ra hàng giờ hàng ngày thì sự thiệt hại gấp đôi. Cầu Tràng Tiền của chúng tôi đã bị bão thổi bay đi, cho nên chúng tôi đã phải nghiên cứu tính toán rất kỹ.

Thế rồi tôi được hãng này nhận vào làm việc. Cái “job” chuyên môn đầu tiên của tôi tại Mỹ.

Năm 84 tôi lại phải nhông nhông đi kiếm việc khác vì công trường xây cất Nhà máy hoàn tất, Hãng cho nghỉ việc.

Việc chuyên môn thứ hai tôi kiếm được là một “job” về “rai óp uây” ở Khu Giao Thông Vận Tải của tiểu bang Washington (WSDOT). Khi soạn lại “resumé” tôi lại phải xào nấu lại: bỏ hẳn kinh nghiệm về Thủy Nông và về Kỹ sư Tư vụ bên nhà và đã phịa nhiều về “rai óp uây”. Thật ra thì tôi cũng không biết gì về cái món “rai óp uây” này khi đi xin việc. “Rai óp uây” của Sở Lộ Giới Nha Đờ Ấn Kiều Lộ bên nhà đâu có tính toán nhiều như bên này. Nhờ thế tôi lại được nhận vào làm.

Năm 87 tôi được vào làm việc cho Caltrans và lần này

tôi thật sự không phịa tí nào cả, chỉ lấy kinh nghiệm sẵn có của mình ở Kiều Lộ Việt Nam và của WSDOT/Seattle mà thôi. Nếu quen thói phịa nữa thì sẽ bị lòi đuôi chuột ngay, hệ thống lưu trữ điện toán sẽ tìm ra cái phịa của mình.

PHIÊN BẢN ĐỀ NGHỊ TTKL VIỆT NAM

Vì quen thói “phịa” từ ngày qua Mỹ nên tôi đã phịa khi lập bản đề nghị Tái Thiết Kiều Lộ Việt Nam trước đây.

Soạn bài Tái Thiết Kiều Lộ Việt Nam mà trong tay không có một tài liệu gì chính xác. Các số liệu thống kê in tại Mỹ cung cấp do các báo cáo láo từ bên nhà không đủ hợp lý để nghiên cứu. Nếu theo đó mà phịa nữa thì chúng mình sẽ bị mang tiếng là “xạo” hơn cộng sản. Cho nên tôi đã phịa theo kiểu của tôi:

Tôi đã dựa theo bản đồ 1,000,000\$ và 500,000\$, đã dựa theo vài tài liệu quý báu của các đàn anh và dựa theo kinh nghiệm bản thân để lập bản TTKL Việt Nam. Ở bên Tây mà nói chuyện bên Đông thì không thể nào đúng, không đúng với thực trạng tức là “phịa” rồi. Nếu lập dự án mà không phù hợp với hoàn cảnh địa phương khiến “râu ông này chấp cằm mẹ kia” lại căng, không hợp với nguyện vọng của người dân thì đều là “phịa” cả. Trong tương lai tôi cố gắng không để cho người dân phải ăn những cái bánh vẽ do mình tạo ra.

Vì không được xác thực nên bản TTKL Việt Nam của tôi soạn trước đây cũng chỉ là một

Thư Tạm Biệt

Thưa quý Ái Hữu

Nhân dịp đầu xuân, Ban Phụ Trách Lá Thư Ái Hữu Công Chánh năm 1991 xin hân hạnh chuyển đến quý Ái Hữu Lá Thư số 54 và cũng là số chót do một số Ái Hữu liên khóa 1957, 1958 Bắc Cali phụ trách:

Tuy đã cố gắng rất nhiều để cho Lá Thư thêm phong phú và hoàn mỹ, nhưng kiểm điểm lại ba Lá Thư 52, 53 và 54, Ban Phụ Trách nhận thấy còn rất nhiều thiếu sót và sơ xuất.

Với lá thư tạm biệt này, Ban Phụ Trách:

- Xin thành thực tạ lỗi cùng quý Ái Hữu về việc chưa hoàn mỹ hóa được Lá Thư.
- Xin thành thực cảm ơn tất cả các Ái Hữu đã đóng góp bài vở và tiền bạc cho Lá Thư.
- Để chuyển tất cả bài vở chưa kịp đăng trong Lá Thư 54 và tài chánh còn lại cho Ban Phụ Trách năm 1992 để đăng và xử dụng cho những Lá Thư tới.

Kính chúc quý Ái Hữu năm châu cùng bửu quyền một năm mới an lành và thịnh vượng.

Ban Phụ Trách
Lá Thư Ái Hữu Công Chánh năm 1991

Tin Mừng Giờ Chót

Từ 3 tháng qua, Ban Biên Tập đã cố gắng kiếm nơi nương tựa cho Lá Thư số 55 nhưng không kết quả những tường Lá Thư số 54 là số chót rồi. May thay khi báo sắp lên khuôn, AH Lê Khắc Thi có điện thoại cho biết đã cố gắng thuyết phục một nhóm AH Nam Cali đứng ra đảm nhận Lá Thư niên khóa 1992.

Thư từ, bài vở và chi phiếu ủng hộ Lá Thư, kể từ nay, xin gửi về:

Lê Khắc Thi
25572 Nottingham Cl.
Laguna Hills, CA 92563
Tel: (714) 582-3075

tài liệu phía để kích động tình thương quê hương dân tộc, nhớ đến xứ sở của mình đang rách nát. Chừng nào chúng mình trở về trực tiếp thực hiện được những dự án đúng với mơ ước của người dân, chừng đó chúng mình mới không bị mang tiếng là phía.

Tôi đã quan niệm, đúng hay sai không thành vấn đề, hướng đi đúng đắn để tiến tới mục đích tốt mới là quan trọng. Tôi tự thấy không hổ thẹn tí nào với việc mình đã làm.

Cũng hy vọng các bạn trẻ sẽ làm được những gì tốt đẹp cho

đất nước trong tương lai để mang lại những MÙA XUÂN TƯƠI SÁNG, AN BÌNH, THỊNH VƯỢNG và HẠNH PHÚC trên quê hương chúng ta. ●

Xuân Nhâm Thân

ĐƯỜNG ĐI KHÔNG PHẢI KHÓ ...

HAY LÀ

VIỆC HỢP THỨC HOÁ AHCC

Chúng tôi đã gửi đến trên 600 AH khắp năm châu thư và Phiếu Trưng cầu ý kiến về việc hợp thức hóa Ái Hữu Công Chánh. Thư gửi đi ngày 26/11/1991, đến hôm nay (6/1/92) chúng tôi đã nhận được thư hồi âm và thư trả lại vì thay đổi địa chỉ của 258 AH. Đến ngày 15/01/1992 (hạn cuối gửi Phiếu Ý Kiến) có thể ban vận động sẽ nhận thêm một số thư phúc đáp của quý AH, chúng tôi sẽ báo cáo tổng kết đến quý bạn.

Để kịp đăng vào Lá thư Xuân này, chúng tôi tạm ghi kết quả sơ khởi để thông báo đến quý bạn.

Kết quả Trưng cầu ý kiến đã nhận được như sau:

Đồng ý hợp thức hoá AHCC:	212 AH
Không đồng ý hợp thức hoá AHCC:	19 AH
Đồng ý tham gia ban vận động:	27 AH
Góp ý kiến về việc lập hội:	33 AH
Thư trả lại vì thay đổi địa chỉ:	27 AH

Ngoài ra có một số AH không có ý kiến vì chưa đủ yếu tố quyết định.

Sau đây là ý kiến của một số AH đồng ý hoặc không đồng ý:

+ Nguyễn Thiệp CA, USA: Nếu lập thành hội mà lôi kéo được các em, các cháu trẻ tham gia hoạt động hăng hái để nối tiếp thì là một điều rất hay. Trái lại, nếu không khéo thì hội dễ rã đám hoặc chỉ còn vài ba ngoe mà thôi. Biết bao nhiêu hội đoàn VN, xôm tụ lắm, nhưng xem bộ sinh hoạt và đoàn kết còn thua xa cái "lũng lơ con cá vàng công chánh" này. Hội đoàn VN nay có hàng ngàn, nên nghe nói đến "hội" ai cũng hơi ớn. Ý kiến của AH Thiệp là: "Sao cũng được. Hai ý đều hay, mỗi cái đều có cái hay riêng mà cũng có cái dở riêng".

+ Lê thanh Trang LA, USA: Tôi tán thành việc thành lập hội AHCC chánh thức là một hội đoàn bất vụ lợi với mục đích trước tiên là tương thân tương trợ các hội viên (ái hữu). Lẽ dĩ nhiên sẽ có một số anh em không đồng ý (dân chủ mà). Tuy nhiên tôi nghĩ là phần đông anh em sẽ tán thành ý kiến chính thức lập hội. Tôi cũng hiểu một số anh em không muốn lập Hội là vì sinh hoạt trong khuôn khổ của Hội đoàn, sẽ có một số anh em bất đồng ý kiến với nhau, sợ gây ra bất hòa giữa anh em. Nhưng theo tôi nghĩ, bất đồng ý kiến với nhau là yếu tố cho tiến bộ. Nếu cái gì cũng 100% đồng ý với nhau thì không tiến bộ được và chỉ có độc tài mới được như vậy.

Tôi nghĩ sống trong xã hội, nhứt là trong xã hội này, mình phải sinh hoạt trong một tổ chức, trong hội đoàn. Cho dù mục đích của hội đoàn này là ái hữu, tương trợ, xã hội, kỹ thuật, chính trị, v. v... AH Trang có đề nghị một số công việc phải làm để lập hội và tình nguyện sung vào ban vận động.

+ Phùng duy Miến CA, USA: Một nhóm chỉ 3 người thôi cũng cần có một người đại diện để nói lên tiếng nói của nhóm... Nhóm AHCC nhân số hàng trăm người tất nhiên cũng cần có một số người đại diện cho anh em để nói lên tiếng nói của tập thể mình, lập trường của tập thể

mình. Ai có thể đứng ra legally để làm những chuyện ấy nếu không có sự ủy quyền của tập thể. Vì vậy việc hợp thức hóa AHCC là cần ...

+ Nguyễn văn Cừ CA, USA: Xin hoan nghênh việc lập hội, nhưng đây không phải là việc hợp thức hóa vì hội chưa có một tổ chức nào để hợp thức hóa. Việc lập hội, tôi đã nhiều lần nhắc nhở, viết trong lá thư công chánh nhưng vì các bạn phản đối hăng quá, nên tôi phải lập ra Hội Khoa học Kỹ thuật để hoạt động. Nhưng dù sao, là Công chánh, tôi cũng không quên được nguồn gốc, nên lúc nào cũng sẵn sàng gia nhập tổ chức Công chánh của các bạn.

+ Nguyễn ngọc Ân CA, USA: ... Về tình cảm, hội duy trì được mục đích Ái hữu trong việc thông tin, liên lạc, tương thân tương trợ, như "Hội AHCC" đã chủ trương và duy trì được đến ngày nay qua "Lá thư Công chánh" được hiểu ngầm là "Hội AHCC"...

+ Vũ bá Đỉnh CA, USA: Đồng ý hợp thức hóa nhưng vẫn như cái Hội AH lơ lửng con cá vàng, có tính cách đại gia đình dễ thông cảm nhau... (lão AH Đỉnh đã có 55 tuổi nghề và 81 tuổi đời vẫn còn thiết tha với hội.)

+ Vũ kim Chu, TX USA: Nếu tôi không làm thì trước đây chính các anh đề nghị không nên lập hội Công chánh và không chính thức hóa Hội Công chánh bởi vì một lý do giản dị là lập hội thì phải bầu Hội trưởng, Hội phó, Tổng thư ký, phó tổng thư ký, Thủ quỹ, Trưởng ban này nọ, v.v... Chúng ta ở rải rác khắp năm châu... rồi thì ai chịu nhận những chức vụ ấy, có nhận rồi thì có đi họp không... Ngay tại Việt nam Cộng hòa trước đây cũng đã có hội chuyên viên công chánh do ông này ông kia làm hội trưởng, cũng chẳng thu hút được ai và cũng chẳng làm nên được việc gì...

+ Nguyễn hữu Tuấn MA, USA: Bên Cali AHCC đông anh em có thể họp bàn để nghiên cứu danh xưng của hội, các văn kiện cần thiết về nội quy v.v... nhưng với kinh nghiệm cũ là ban phụ trách Lá thư AHCC cũng đã phải chạy quanh từ vùng nọ tới vùng kia, thì cần biết có những AH sốt sắng lập hội và chịu khó sung vào ban quản trị "lâu lâu" để lo cho hội thì ta mới nên lập hội. Có nhiều hội lập ra, hăng hái lúc đầu rồi iu dần, có lẽ là tại số hội viên ít. Ở Cali đông anh em, nhiều hy vọng là có thể thành công.

+ Ngô Năm MD, USA: Tập thể Ái hữu Công chánh từ 16 năm qua là hoá thân của "Hội Ái hữu sinh viên và cựu sinh viên công chánh" sau khi hội này viên tịch vào tháng 4/1975. Tuy chưa khai hộ tịch, nhưng hội ngày một trưởng thành và đã đạt mục đích cổ hữu là phát huy tình đoàn kết và tương trợ. Nay để hòa nhập với sinh hoạt cộng đồng Việt nam ở hải ngoại, thì ngoài tình đồng môn, đồng nghiệp, ta còn tình yêu quê hương và hoài bão tái thiết Việt nam Tự do, nên việc hợp thức hóa thành một hội đoàn có đăng ký đã đến lúc...

+ Trần lê Quang France: Hội viên của hội hiện nay rải rác trên năm châu. Vậy nên lưu ý về cách nào tổ chức việc bầu cử những người phụ trách việc điều hành của hội về sau cho được chu đáo và tránh bị chỉ trích là thiếu dân chủ...

+ Hồ đắc Tinh Canada, khóa 13: Đồng ý hợp thức hóa, chú trọng đẩy mạnh trẻ trung hóa,

lời cuốn các chuyên viên trẻ...

+ Phạm hữu Vĩnh Canada: Về tên hội, xin đề nghị dùng tên làm sao để các anh em công chánh, không phải là kỹ thuật gia, cũng có thể làm hội viên được.

+ Phan đình Tăng LA, USA: ... Trở lại vấn đề lập hội AHCC, tôi thiết tưởng anh em muốn lập hội thì cứ đứng ra cổ động dùng hỏi ý kiến gì hết. Lúc có hội, có nhiều người gia nhập thì thành hội, nếu không thì thôi. Chứ bây giờ cứ đem ra bàn hỏi ý kiến này nọ thì e cứ bàn mãi mà sẽ không bao giờ có thống nhất tư tưởng... AH Phan đình Tăng đã phát biểu ý kiến trong một thư dài, xin sẽ có dịp trích đăng vào LT sau.

+ Nguyễn tranh Điệp VA, USA: Đề nghị tên "Hội Công chánh VN hải ngoại", hội viên gồm có:

Hội viên của AHCC hiện nay.

Sau đó muốn gia nhập, theo thủ tục: đơn, 2 người giới thiệu, ủy ban chấp nhận...

+ Lê quang Tiềm CA, USA: Hội AHCC là rường cột của nước nhà trong hiện tại và trong tương lai để kiến thiết lại nước Việt nam... Đề nghị lấy tên "Public Works Mutual Friendship Association". Đã là hội, có đóng góp tài chánh là phải có Article of Incorporation, phải có By Law, State và Federation tax exemption mới hợp theo luật pháp Hoa kỳ. AH Lê quang Tiềm tuy đã lớn tuổi nhưng xung phong vào Ban vận động và tình nguyện phụ giúp việc lập thủ tục thành lập hội nhờ đã có kinh nghiệm thành lập hội cho một số hội đoàn ở Cali.

+ Hồ khắc Kính France: Tôi xin cầu chúc hội AHCC sớm được thành tựu với nhiều bạn trẻ của thế hệ mới tham gia góp phần vào kế hoạch tái thiết nước Việt nam Tự do, hùng mạnh gần đây...

+ Trương thành Khán France: Hầu có thể kêu gọi được nhiều thành phần khác ngoài công chánh tham gia vào công việc chung là Xây Dựng lại Đất Nước, xin đề nghị:

- - Dùng danh xưng rộng rãi là Hội Chuyên Gia Việt Nam, trong đó sẽ chia ra từng ngành: kinh tế, kỹ nghệ, canh nông, kiến trúc, hàng hải, hàng không, điện lực, nguyên tử lực cuộc, kiều lộ, hỏa xa, vận tải, bưu điện, thủy nông, v.v...
- - Về việc tổ chức, cần có Ban Điều hành tổng quát, bên dưới có Ban Điều hành riêng mỗi ngành đặt dưới sự điều động và phối hợp của Ban Tổng quát.
- - Một tổ chức chặt chẽ mới mong có hiệu lực.

+ Lê văn Ký Norway: Theo thiện ý của tôi thì các anh cố gắng được việc hợp thức hóa, các AH công chánh tạo được nhiều điểm tốt của ngành mình. Rất mong các anh đoàn kết xúc tiến để "Tre tàn măng mọc"

+ Nguyễn công Thuần NY, USA: Trong tình trạng lưu vong hiện tại, sinh hoạt của "Ái hữu Công chánh" hoàn toàn là sinh hoạt tinh thần, tình cảm, tình nghĩa, kỷ niệm. Bao giờ trở về được quê hương rồi hãy tính chuyện làm các công việc khác. Ở ngoài này mà cứ nói chuyện xây

dụng đất nước Việt nam thì chỉ là tự lừa dối mình và dối người mà thôi. Cái cần nhất bây giờ, ở ngoài này, là giữ cho được các tình nghĩa và tinh thần đoàn kết. Điều này không đòi hỏi danh xưng, chức tước,... gì hết.

+ Nguyễn đức Sứy CA, USA: Ái hữu Công chánh trong hình thức hiện thời là một sợi dây nối liền tất cả các ái hữu, không phân biệt bằng cấp, trường học, đẳng cấp, khuynh hướng chính trị. Nhờ vậy AHCC mới tồn tại trong hơn 16 năm qua. Hợp thức hóa AHCC sẽ biến sợi dây nối liền thành sợi dây ràng buộc và AHCC sẽ tan biến trong một thời gian ngắn. Những ái hữu nào muốn lập hội, xin cứ đứng ra lập hội riêng, muốn lấy danh nghĩa hay danh xưng gì tùy ý. Ái hữu nào muốn gia nhập thì gia nhập, ái hữu nào không muốn thì đứng ngoài. Còn AHCC, xin đừng hợp thức hóa.

+ Trần ngọc Thạch MA, USA: Tôi đồng ý hợp thức hóa hội; nhưng về danh xưng, đề nghị quý AH nên tham khảo sao cho phù hợp vì hiện tại theo tôi biết thì tổng số AH ghi trong danh sách tôi thấy hầu hết đều tốt nghiệp trường ĐCCC, nhưng làm việc ở các Bộ khác nhau chứ không phải chỉ có Tổng Nha Kiêu lộ và các sở thuộc Bộ Công chánh. Như tôi biết có các AH ở Tổng nha Thủy nông, Nha Địa dư, Tổng nha Điền địa, Trung tâm Khuếch trương Kỹ nghệ, v.v... Nếu không thế thì e rằng có sự hiểu lầm không tốt sau này.

+ Đoàn văn Thiệp CA, USA: Danh xưng rất quan trọng. Cần góp ý kiến và bàn thảo. Tôi đề nghị Hiệp Hội Công Chánh với hậu ý không những bao gồm toàn cựu nhân viên công chánh mà có thể có những bạn mới tốt nghiệp và hành nghề.

+ Phó thái Gia MA, USA: Đề nghị danh xưng của Hội là:
Hội Ái Hữu Công chánh Việt nam Hải ngoại.

+ Khúc Đan France: Mừng AH vui vẻ, luôn luôn làm tròn nghĩa vụ AHCC, hợp thức hóa mau lẹ Hội AHCC để anh em ăn nói được hợp pháp.

+ Bach văn Hà WI, USA: đề nghị danh xưng: Hội Ái Hữu Công Chánh Việt Nam ban vận động nên lập một bản dự thảo Điều lệ, Nội quy, v. v... của hội AHCCVN rồi phổ biến cho các AHCC góp ý kiến và do Đại hội Công chánh VN duyệt y để làm căn bản pháp lý Tổ chức, Điều hành và Hoạt động của Hội.

+ Lưu đức Độ CA, USA: xin đề nghị hội viên đóng nguyệt liễm đều để có thể sinh hoạt hội.

+ Tôn thất Ngo CA, USA: Tôi đã góp ý trước đây về vấn đề này trong buổi họp mặt AHCC Bắc Cali (xem LTAHCC số 46) nay tôi vẫn giữ lập trường đó vì theo ý riêng tôi: LTAHCC như con cá vàng lơ lửng nó mới sống lâu ngoài đại dương còn nếu bắt nó vào chậu thì nó sẽ chết sớm.

+ Bùi hữu Tuấn, France: Đồng ý việc hợp thức hóa AHCC Việt Nam

+ Trương vô Tấn CA, USA: ... Vì vậy nên LT AHCC cần được duy trì theo hình thức hiện tại để làm nền tảng chung. Hình dáng con cá vàng lơ lửng tuy có vẻ lỏng lẻo, nhưng nó đã chứng minh được tính cách thích nghi riêng của nó. Nếu đổi lại một hình thức khác, lỡ nó không mạnh hơn mà lại yếu đi, hay mai một thì thật là uổng. Nếu một số AH có bầu nhiệt huyết muốn hoạt động mạnh mẽ hơn, điều ấy rất đáng hoan nghênh và thiết tưởng không gì ngăn cản chúng

ta thành lập thành lập thêm một hay nhiều cái như: Viện nghiên cứu Phát triển, Hội Chuyên gia Công chánh, AH Kiểu lợp, AH Kiến trúc, v. v... trên cái "nền chung" của Lá Thư AHCC hiện giờ.

+ Trần sĩ Huân CA, USA: xin đề nghị:

1. Trước khi lập hội, xin nghiên cứu:

Thứ nhất: Policies (chính sách, đường lối) của Hội sẽ thành lập đi theo đường hướng nào?

Thứ nhì: Objectives (mục đích) của Hội là làm gì?

giới hạn hoạt động gồm có chỉ?

ở ngoại quốc mà thôi hay cả ở Việt nam? (tương trợ)

2. Nếu chính sách và mục đích của Hội giống như (toàn phần hoặc bán phần) hội khác thì chúng ta nên kết hợp với hội đó để hoạt động chung cho có đoàn kết và hiệu quả. Nói một cách khác, hiện ở Cali có hai Hội: một hội Kỹ thuật Khoa học của nhóm anh Hiếu và anh Thọ, và một hội Chuyên gia của lớp thế hệ trẻ, đều cùng một mục đích chuẩn bị tái thiết xây dựng Việt nam sau này. Còn nếu chính sách của Hội chúng ta khác với họ thì chúng ta lập thành hội riêng với mục đích rõ ràng và kế hoạch sinh hoạt đàng hoàng, chứ lập Hội thì dễ, nuôi dưỡng Hội mới khó.

+ Bửu Hiệp CA, USA: Tiếp theo điện thoại với anh Thí trong dịp lễ Tạ Ôn, và sau khi dò hỏi ý kiến số đông AHCC trên này, vì vấn đề lập Hội có nhiều điểm khá phức tạp nên có một số Anh em cho ý kiến nên đem ra Phiên họp Tất niên của AHCC Bắc Cali để thảo luận.

+ Huỳnh minh Trung, Canada: Tôi nhận lời sung vào ban vận động và đề nghị tên : Hội Kỹ sư và Kỹ thuật gia Việt nam với mục đích là để con em mình tốt nghiệp kỹ sư bất luận là Civil Engineer hay Mechanical Engineer hay Electrical Engineer đều vào được, vậy mới đông và bớt chia rẽ ngành nghề một cách quá đáng.

+ Hà văn Trung, LA, USA: Không! Nếu ở trong hình thái hiện hữu mà hội AHCC làm được bấy nhiêu công chuyện thì đã quá giỏi (thật đúng ý nghĩa của một hội ái hữu). Và chữ "Không" trên đây có nghĩa là không cần. Nếu phải hợp thức hóa hội AHCC thì mới làm được những công tác ái hữu như từ trước tới nay thì việc đó mới cần. Ước vọng làm cho hội AHCC hiện hữu được tồn tại vĩnh viễn và lớn mạnh thêm lên là một ước vọng lãng mạn.... Tôi rất yêu và rất quý hội này. Tôi muốn hội thà giữ lấy hình ảnh của một cụ già khả kính sẵn sàng chờ đợi được trở về lòng đất, hơn là tìm cách ép ông cụ uống bậy, uống bạ một thứ thuốc hồi xuân hay hồi sanh gì đó mà trở thành một hình ảnh rất chướng mắt sát phong cảnh. (Thư ý kiến AH Trung dài hơn 2 trang giấy nên chỉ được trích đăng một phần, mong AH thông cảm!)

+ Nguyễn văn Chiêu Mauritania: Đề nghị giữ tên cũ.

Hầu hết các AH cao niên đều đồng ý. Một số khá đông AH thường xuyên liên lạc với LT AHCC chưa thấy trả lời.

Trên đây là kết quả (tạm thời) trưng cầu ý kiến AH. Một số AH đã phát biểu ý kiến: Đồng ý, Không Đồng ý hoặc không có ý kiến về việc nên hay không nên hợp thức hóa AHCC.

Các AH "không đồng ý" ngại rằng khi thành Hội, chính thức bầu ra ban trị sự, có chủ tịch, tổng thư ký,... rồi anh em mặc phó cho các AH trong ban chấp hành. Khi hết nhiệm kỳ việc bầu lại một ban khác sẽ khó khăn, không có nhiều anh em tham gia, rồi Hội sẽ tàn.

Các AH "đồng ý" cũng vì chung niềm ưu tư ấy, nhưng nghĩ rằng AHCC có thể duy trì lâu dài khi được chính thức hoá thành một hội để có nền tảng cho lớp trẻ tham gia, để có danh chính ngôn thuận một hội đoàn bất vụ lợi, khả dĩ yểm trợ cho những tổ chức nghiên cứu trong lãnh vực chuyên môn, góp phần vào việc xây dựng Việt nam Tự do sau này.

Tất cả đều cùng một ưu tư: đồng ý hay không đồng ý hợp thức hoá AHCC, chỉ là một mong muốn duy trì AHCC được lâu dài bằng cách này hay bằng cách khác..

Một số AH thấy nhiều hội đoàn được tổ chức, thành lập đông đảo, nhưng sau một thời gian ngắn, gặp khó khăn, bế tắc rồi tan rã và e ngại rằng AHCC cũng có thể dễ tan rã khi thành hội chính thức. Lý do thất bại của một số hội, phần nhiều vì hội viên lơ là, xa đàn hội, không có một chất liệu gì gắn bó, nuôi dưỡng. Riêng AHCC chúng ta có được ưu điểm là đã quen thân nhau nhiều năm từ trước năm 1975 và sau này đã gần gũi nhau qua LT AHCC, kính nể, quý mến nhau trong truyền thống công chánh. Nay dù có chính thức hay không chính thức, AHCC vẫn là một mái nhà rộng lớn, vững bền để Anh chị em công chánh đi lại với nhau. Lá thư AHCC vẫn là sợi dây liên lạc của AH.

Hiện nay trong danh sách có trên 600 AH. Những năm gần đây có khoảng 400 AH liên lạc, ủng hộ LT. Còn khoảng 200 AH mất liên lạc vì đổi địa chỉ mà không thông báo, hoặc không mấy quan tâm. Chúng tôi cố gắng tìm cách liên lạc với số 200 AH này. Trong số 400 AH có liên lạc, trên 250 AH trả lời phiếu ý kiến. Đó là một điều đáng khích lệ, từ trước đến nay chưa khi nào việc AH được đông đảo quan tâm đến như vậy.

Khi được anh em đồng ý, việc xúc tiến thủ tục cũng mất nhiều thì giờ và cần bàn đến nhiều chi tiết về nội quy, đường lối và nhất là phải ghi nhận các ý kiến, đề nghị của nhiều AH đã phát biểu:

- Tổ chức và danh xưng phải phù hợp với thành phần và hoàn cảnh AH hiện có, thuận tiện cho sinh hoạt của các địa phương.
- Tôn trọng tinh thần dân chủ trong việc điều hành, bầu cử, vì hội viên ở rải rác khắp nhiều quốc gia.
- Duy trì và phát triển LT để làm phương tiện thông tin liên lạc và phổ biến mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của hội cũng như tài liệu kỹ thuật, kinh nghiệm nghề nghiệp cần trao đổi với nhau.

- Yểm trợ các tổ chức trong AHCC nghiên cứu các dự án xây dựng hạ tầng cơ sở liên quan đến việc tái thiết đất nước sau khi có tự do, dân chủ.
- Tương thân tương trợ hội viên...

Trên phiếu hồi âm, một số AH ở nhiều địa phương đã tự nguyện tham gia vào ban vận động, gồm: AH Ngô Năm - Lê Quang Tiềm - Đỗ Đình Phục - Võ Hiếu Trung - Nguyễn Đức Hồng - Trương Thành Khán - Nguyễn Thành Thiết - Bạch Văn Hà - Phạm An Chính - Khúc Đản - Cao Minh Lý - Dương Minh - Trương Đức Nguyên - Lê Sáu - Lê Thanh Trang - Huỳnh Minh Trung

Gồm thêm một số AH Nam Cali đã ghi trong thư trước đây, ban vận động sẽ có thể có trên 30 AH tham gia, khả dĩ xúc tiến công việc có kết quả.

Chúng tôi hy vọng tổ chức được một Đại Hội trong năm 1992 để thực hiện việc hợp thức hoá AHCC. Công việc có thành hay không là tùy ở sự ủng hộ của AH khắp nơi và tùy ở sự sốt sắng của ban vận động.

Ngày xưa học giả Nguyễn Bá Học có nói:

"Đường đi khó, không phải khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông."

Nay lòng AH đã không còn e ngại núi sông, đường đi đã rộng mở, hy vọng AH sẽ thượng lộ được bình an.

Thay Mặt "Nhóm AH Vận động"

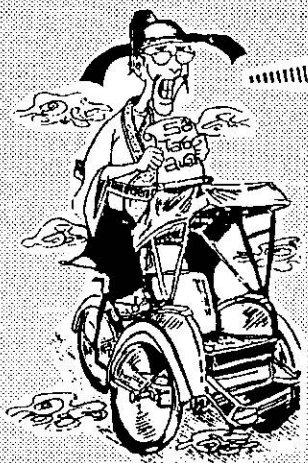
Lê Khắc Thí



Thêm một nụ cười

Chuyện Câu Cá Phóng Sinh Và Ông Táo

Đào Trọng Cường
K.T.S.



thêm đậm nét chữ PHÚC cho đời sau.

Đứng trên thuyền máy, văng mỗi câu đi xa được lắng xuống tới mức vừa phải là có cá đớp rồi. Thích thú kéo lên, thì sức với cá, múc cá lên, móc lưới câu ra, ngắm nghía rồi lại từ từ thả xuống nước phóng sinh cho chú cá dài nửa thước. Và cứ như thế từ sáng đến chiều, khách câu phải mỏi tay, cả gia đình cá gấp lại nhau om xòm thích thú đã không bị vào chảo mỡ.

Gặp một luồng nước ác ôn nào mà cá phía này tới sông nước quê nhà, cá nhà hẳn là phải ghen tị với số phận của bạn nơi xa qua cuộc nói chuyện cùng một ngôn ngữ chung của loài cá. Tự so sánh mình chỉ được phóng sinh may ra có một lần vào dịp tặng ngựa cho Ông Táo lên châu Thượng Đế vào mỗi cuối năm, trong khi bạn mình được phóng sinh dài dài trong suốt mỗi mùa câu, không biết gia đình bị tan nát là gì, thì làm sao không than thân trách phận?

Phải chăng sự phóng sinh này đã mang hạnh phúc cho dân Gia Nã Đại để được Thượng đế nghe lời trình của Ông Táo hàng năm mà ban cho nền an ninh dài dài? Nghĩ cho kỹ, thì quả là đúng!

Nếu cho được rằng cá nào cũng có thể là ngựa của Ông Táo cả, thì thấy giống cá rất ảnh hưởng cho mỗi quốc gia. Ngựa đó ở Việt Nam là cá chép (carpe). Cũng có nơi ngoài Bắc gọi là cá gáy. Đó là loại cá thịt rất ngon, nhất là vào mùa nước lũ, tháng 8 ta

Nói cho đúng, đi câu thì khoái thật!

Đó là món nếm để giải trí, còn để kiếm sống trên đất Đại Cồ Việt chúng ta thì là quá khổ. Con bống con tép cũng mang về, làm sao số cá tăng trưởng kịp?

Xưa kia, nhà nho về già giải trí trên chiếc thuyền câu, quên chuyện đời, quên cả cái phao lẩn vào đám bèo ong cùng lá vàng, triết lý tam giáo phảng phất đâu đây, đó là nhờ ở cái phao mà hàng giờ không

nhấp nháp.

Gặp hồ sấn cá mà Cự luôn luôn phải giật cân, Cự cho là số vất cả, muốn tránh cái lợi, mà cái lợi nó vẫn theo hoài, tránh đi không dặng.

Tại đây, Gia Nã Đại, thú đi câu của ta đâu có phải như các cụ để thả hồn về với thiên nhiên, để suy nghĩ về nòi giống tiên rồng với hơn bốn ngàn năm văn hiến. Đó là cái thú hồ hấp không khí trong lành, tìm thêm nét vất vả cho cuộc đời đã vất vả rồi, và... tồ

mỗi năm (lý ngư bát nguyệt). Sông Lý Giang tỉnh Quảng Tây bên Trung Hoa cũng có loại cá này, lấy tên sông (Lý) làm tên cá, là một món ăn đặc biệt trong bữa ăn trưa trên con tàu du lịch trên sông.

Không rõ từ xưa kia ta đã dạy Ông Tàu về khoa ẩm thực thế nào, mà loài cá này cũng đã trở nên được toàn dân chiều chuộng quá sức. Có lẽ vì thế mà có Ông Táo đã phải đi “ngựa ô” lên châu, Thượng Đế thương ông Táo mà phạt dân lành bị tai họa triền miên, và đến nay nạn cộng sản hai nơi vẫn chưa thoát ra được. Còn ở Gia Nã Đại, khi ngựa của ông Táo được phóng sinh đều thì có nghĩa là được ông Táo thương, mặc dầu chưa biết Ông Táo là ai cả! Ông tha thứ cho cái óc u tối của con người có văn minh vật chất mà thiếu cái hiểu biết về thế giới bên kia.

Khi nào người Gia biết được có Ông Táo trong mỗi nhà, thì Thượng Đế khai quang trí tuệ họ thêm ra, để có thể theo kịp được Nhật Bản trên vấn đề kỹ thuật điện tử.

Thật vậy, từ ngàn xưa, dân Nhật vẫn biết có Ông Táo trong mỗi nhà. Tội một nỗi là biết Ông mà không biết kính trọng ngựa của Ông, vì món cá đã đứng đầu trên thực đơn hàng ngày của họ. Thượng Đế đã ra lệnh cho đoàn cá voi tự tử tập đoàn trên bãi biển NISHI để cảnh cáo, nhưng nghe như cá này đã bị xả ra đóng hộp xuất cảng làm món ăn cho chó mèo. Vì vậy Ngài chỉ phạt sơ sơ ăn có hai trái bom hạng nhẹ năm 1945. Sau đó mấy năm, cố gắng tìm hỏi

Thượng Đế qua khói hương trầm, qua mấy màn cầu cơ của Thiên Hoàng, dân Nhật đã biết ăn năn, bớt xơi ngựa của Ông Táo, cho nên từ đó ăn nên làm ra rất khá.

Cá nó có cái “ngôn ngữ” của nó. Đó là sự im lặng, không nói ra bằng lời. Vì là một loài vật được Ngọc Hoàng che chở, cho nên được Ngài ban cho nhiều phép lạ: có thiên lý nhãn, có thiên lý thính, nó phát ra được tia laser, bơi đông nhưng nhúc một cách loạn xạ mà có va vào nhau bao giờ đâu, và lạ được cái nết rất quý là biết hòa hợp, không bao giờ xảy ra đổ kỵ lẫn nhau đến nỗi phải cần đến chiến tranh. Lấy đó làm gương, ta mới có câu: “lời là bạc, im lặng là vàng”... Mà người Hoa đã khuyên người ta cần phải rất thận trọng trong lời nói vì nếu lỡ ra có lời nào không nên nói, mà đã nói ra mất rồi, thì “ngựa của nước Tứ (ngựa chạy nhanh nhất của nước Tàu xưa kia) đuổi để lấy lại cũng không kịp” (nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy).

Lại nói tới cái mồi. Nghề bắt trùng đầu có để phục vụ người đi câu tại đây! Mồi là bằng chất nhựa rất mềm có nhiều màu sắc, lưỡi câu để hở trong khi bện ta thì phải nắp kín trong cái mồi, thế mà cá vẫn dớp xoành xoạch, coi mấy mũi nhọn ác liệt tủa ra gần đây như pha (1). Ta cho là cá Gia Nã Đại ngờ nghệch, đâu có khôn bằng cá Việt Nam!

Thì đúng quá rồi, còn gì nữa, thưa các Cụ! Thử hỏi đời cá ở đây có bao nhiêu năm kinh nghiệm đời kể từ khi bị con người làm cho cuộc sống

bị xao xuyên, nhiều lắm là một ngàn năm, trong khi đời cá ở Việt Nam có kinh nghiệm cả bốn chục ngàn năm là ít. Nếu Việt là sư tổ Hoa theo nhận xét về Việt Nho của một triết gia có danh, thì giống cá Việt cũng phải là sư tổ giống cá Hoa nữa...

Rượu vào thì lời ra, cái lý thêm hăng, câu chuyện của các bạn tếu tiến thêm tới vấn đề triết lý gay go, biết thế nào là đúng? E sợ chẳng phải đâu, cũng phải tai, tôi đành rút lui, mặc cho các bạn nhậu tiếp tục thi đua nói dóc, và ghi lại ít đoạn thì thấy cũng... lạ tai, giả chân lẫn lộn, mong quý hữu với câu chuyện “tạp-pí-lù” này, có thêm một chút nụ cười khi nhâm nhi chén trà sen đầu năm trong buổi sớm. ●

Ottawa 03-01-1992

(1) pha là nói theo nghĩa bóng chơi xì-phé, là “coi chẳng ra gì cả”. Trái với nghĩa đúng là “sợ” (không dám “đi tiền”)



Chúc Mừng Ngày Xuân

Allegretto H. D. L.

Mừng Xuân hoa lá nở, mừng xuân ong bướm, mừng xuân em bắt sâu, mừng xuân anh năm mới, mừng xuân nhau tay bắt chước, mừng xuân cây chẳng còn thiếu, mừng xuân sâu mừng người bắt, mừng xuân nhàn nhàn hạnh phúc dài lâu, mừng xuân mừng người người vui xuân, mừng xuân non nước non, mừng xuân mới, mừng xuân Long người còn tình, mừng xuân hương.

Lá Thư Hoa Thịnh Đốn

Thân gửi quý Ái Hữu,

Về việc hợp thức hóa hội AHCC, tôi có vài ý kiến như sau, xin thành khẩn nêu lên trong một tinh thần xây dựng.

1. Hợp thức hóa Hội là một việc quan trọng, chúng ta cần trao đổi ý kiến sâu rộng và đầy đủ, cần nêu lên tất cả lợi và nhất là bất lợi, để xem nếu có bất lợi, thì có cách gì để đón trước mà hòa giải không?

2. Một khi đã hợp thức hóa, không chóng thì chầy, Hội sẽ bị chính trị hóa và lần lần giảm bớt tính chất kỹ thuật. Các bạn hẳn còn nhớ Hội Kỹ Thuật Gia Việt Nam, thành lập với mục tiêu hoàn toàn kỹ thuật. Hội hoạt động được ít lâu thì năm 1965, có hai nhóm cùng có ý kiến dùng Ban Chủ Tịch Hội làm bàn đạp chính trị, đưa đến một cuộc tranh phiếu làm xôn xao giới chuyên viên. Từ đó, một số chuyên viên đã tránh tới lui, và Hội lần lần mai một. Các bạn đừng hiểu lầm, tôi không nói rằng chính trị hóa AHCC là dở; tôi chỉ ngại rằng việc này có thể là mầm mống chia rẽ trầm trọng trong tương lai.

1-9-1992

BỬU ĐÓN

Tái Bút:

a) Tôi nhận được một bức thư, mà một số AH cũng đã nhận được, thông báo dự định thành lập một Engineer Team để về VN tái thiết đường xá khi có viện trợ quốc tế. Hãng sẽ cung cấp nhà cửa, xe cộ tại Việt Nam, bảo hiểm sức khỏe. AH nào muốn tham dự vào Team này, xin gửi resume để tôi chuyển đi. Cũng xin những AH đã từng đi làm ngoại quốc, với các dự án World Bank, USAID..., cho biết nên đặt câu hỏi gì với Hãng Engineering, để bảo vệ quyền lợi người đi làm xa, nhất là với Việt Nam.

b) Một số bạn còn kẹt ở Việt Nam đang xin chúng ta tài liệu kỹ thuật để học hỏi. Tôi rất tiếc là đã bỏ nghề CC từ 1983, bao nhiêu sách CC đã trao tặng cho một số đồng nghiệp, nhưng nếu có ai mà dư sách vở kỹ thuật, tôi sẵn sàng đóng góp vào cước phí để gửi cho các bạn ở Việt Nam

Tình hình tài chánh trước khi thực hiện Lá Thư Số 54 (LMH) tính đến ngày 31-12-1991

- **Tổng cộng thu trước khi thực hiện LT số 53** \$3,677.64
- **Tổng cộng chi cho LT số 53** \$2,790.00
- **Còn lại** \$887.64
- **Thu từ 1-9-91 đến 31-12-91:**
 - AH Lê Khắc Thí chuyển \$823.00
(xem danh sách đính kèm)
 - AH Đồng Sỹ Tụng \$495.00
 - AH Khúc Đản chuyển \$205.00
 - AH Lê Cảnh Túc chuyển \$374.30
 - AH Nguyễn Quốc Đồng chuyển \$110.00
 - AH Bùi Hữu Tuấn \$50.00
 - AH Trần Lê Quang \$50.00
 - AH Lê Văn Cuối \$30.00
 - AH Lê Văn Trương \$20.00
 - AH Bùi Duy Tu \$10.00
 - AH Bùi Văn Căn \$20.00
 - AH Bùi Đức Hợp \$20.00
 - AH Phạm Văn Thơm \$50.00

- AH Mai Hiệp Thành \$20.00
- AH Nguyễn Ngọc Lâm \$20.00
- AH Lê Văn Ký \$20.00
- AH Hoàng Ngọc Ẩn \$20.00
- AH Lê Đình Hồng \$20.00
- AH Nguyễn Thái Hai \$20.00
- AH Lê Thành Trinh \$10.00
- AH Lê Thanh Tòng \$30.00
- AH Lâm Đức Thượng \$20.00
- AH Phan Ngọc Cơ \$50.00
- AH Huỳnh Văn Ẩn \$50.00
- AH Nguyễn Văn Tám \$20.00
- AH Nguyễn Sỹ Tín \$30.00
- **Tổng cộng thu trước khi thực hiện số 54** \$3,474.64

PS: Thiếu sót hoặc sơ xuất có thể xảy ra trong khi ghi lại đóng góp của quý AH. Nếu AH nào có đóng góp nhưng không thấy tên xin cho chúng tôi biết để điều chỉnh.



AH Nam Bắc Cali Ủng Hộ Lá Thư (July 4th - 91)

1. Phan Đình Tăng	20.00	30. Trần Kim Ngân	20.00
2. Lê Thành Trinh	5.00	31. Nguyễn văn Định	20.00
3. Trịnh Ngọc Răng	30.00	32. Lê Minh Trí	20.00
4. Trần Sĩ Huân	10.00	33. Nguyễn Quang Chuyên	20.00
5. Nguyễn Tấn Thọ	20.00	34. Lê Trọng Bửu	20.00
6. Lê Khắc Thí	20.00	35. Nguyễn Quang Cách	20.00
7. Lâm Viên	10.00	36. Phạm Ngọc Lân	20.00
8. Nguyễn Cửu Đạt	50.00	37. Lưu Thành Trung	10.00
9. Lê Tiềm (đã gửi BPT)	30.00	38. Đỗ Thế Thường	20.00
10. Đoàn văn Thiệp	20.00	39. Võ Hiếu Trung	10.00
11. Nghiêm Phú Cần	20.00	40. Nguyễn Hữu Phùng	20.00
12. Trần Nhị Khánh	20.00	41. Lý Dải	20.00
13. Trần Khiêm Đồng	10.00	42. Nguyễn Tang Chương	10.00
14. Vũ Thành Nam	15.00	43. Nguyễn Kỳ Nam	10.00
16. Lương Ngọc Mai	15.00	44. Châu Minh Ba	40.00
17. Đặng Đào Lộc	10.00	45. Lê Minh Chánh	20.00
18. Đỗ Đình Phục	20.00	46. Bùi Chiên	20.00
19. Tôn Thất Toại	10.00	47. Bùi Duy Tu	10.00
20. Đoàn Trịnh Giác	30.00	48. Lưu văn Quế	20.00
21. Hoàng Đình Khang	20.00	49. Nguyễn văn Phác	30.00
22. Phan Thanh Nguyên	30.00	50. Tôn Thất Tùng	20.00
23. Võ Văn Ngôn	20.00	51. Ái Văn	20.00
24. Phạm Hữu Dực	20.00	52. Nguyễn Minh Trí	20.00
25. Tạ Huyền	20.00	53. Trương Võ Tấn	30.00
26. Nguyễn Xuân Hiếu	20.00	54. Dương Hồng Quý	20.00
27. Mai Trọng Lý	30.00	Cộng	\$1025
28. Phạm Lương An	20.00	Chi phí buổi tiệc:	202.00
29. Tôn Thất Thiều	20.00	Còn lại cho LT:	823.00



AH Pháp ủng hộ Lá Thư (08-09-1991)

AH Nguyễn Phan Anh	\$25.00	Lê Ngọc Sơn *	\$10.00
Chị Hoàng Hương An *	\$5.00	Cao Tấn Thọ *	\$10.00
AH Trương Như Bích	\$25.00	Cộng	\$205.00
Trương Thành Khán	\$15.00		
Lê Văn Lắm	\$25.00		
Phan Văn Lâm	\$25.00		
Cao Tấn Lộc *	\$10.00		
Hoàng Đình Long *	\$5.00		
Hà Minh Lý	\$25.00		
Lê Ngọc Thạch	\$25.00		

Số tiền \$205.00 đã gửi ngày 12/09/1991 bằng bưu phiếu đến AH Lê Mộng Hùng BPT 1991.

*Ghi chú: AH có dấu * thuộc thể hệ thứ hai và thứ ba*

Yểm Trợ Ái Hữu Nguyễn Văn Trương

Kính thứ Quý Ái Hữu

Bà Trương đại diện Ô. Trương (mất kém, tay run) có gửi một lá thư ngắn cảm tạ tất cả Ái Hữu CC đã gửi tiền yểm trợ cho Ô.B. Trương trong lúc tuổi già thật là cảm động và quý giá vô cùng. Vì không tiện đăng tải lá thư B. Trương trên lá thư AHCC nên tôi đã làm bản sao đến AH Bửu Hiệp tương lâm, mong Quý Ái hữu đại xá.

Để kết thúc việc yểm trợ AH Nguyễn Văn Trương tôi xin được một lần nữa kết toán như sau:

- Trích quỹ yểm trợ AHCC (AH Thí) \$150.00
- AH Lê Sáu chuyển tiền yểm trợ của AH Canada 68.33
- AH Trần Sĩ Huân 30.00
- AH Lê Văn Phương 20.00
- AH Lê Thành Trang 20.00
- AH Bùi Đức Hợp 30.00
- AH Trần Kim Ngân 20.00

- AH Bửu Hiệp 30.00
- AH Huỳnh Thanh Quân 50.00
- AH Lê Minh Trí 50.00
- **Tổng kết: \$468.33**

● **Đợt I đã gửi và nhận được: \$330.00 (\$30 cước).**

● **Đợt II sẽ gửi ngay: \$138.33**

Bản tin này tôi cũng xin gửi về Ô.B. Trương để biết, địa chỉ mới Ô.B. Trương

331/2C Lê văn Sỹ

Phường 13, Quận 13

T/P Hồ Chí Minh

Sau cùng chúng tôi xin được cảm tạ Quý Ái Hữu đã tiếp tay trong việc yểm trợ này.

Ái Hữu Vũ Thành Nam (9-24-91)

